



THÔNG TIN CHUYÊN ĐỀ

TRUNG TÂM THÔNG TIN KHOA HỌC - HỌC VIỆN BÁO CHÍ VÀ TUYÊN TRUYỀN

**HỆ THỐNG CHÍNH TRỊ VIỆT NAM
CƠ SỞ LÝ LUẬN VÀ THỰC TIỄN ĐỔI MỚI**

HỌC VIỆN BÁO CHÍ VÀ TUYÊN TRUYỀN

ACADEMY OF JOURNALISM & COMMUNICATION

Địa chỉ: 36 Xuân Thủy, Dịch Vọng Hậu, Cầu Giấy, Hà Nội



THÔNG TIN CHUYÊN ĐỀ

TRUNG TÂM THÔNG TIN KHOA HỌC - HỌC VIỆN BÁO CHÍ VÀ TUYÊN TRUYỀN



BAN CHỈ ĐẠO

PGS, TS Phạm Minh Sơn
PGS, TS Lưu Văn Quảng
TS Nguyễn Đức Toàn

BAN BIÊN TẬP

TS Vũ Thanh Vân
ThS Vũ Thị Hồng Luyến
ThS Nguyễn Việt Hà
Phạm Thị Hằng
Nguyễn Thị Kiều Trinh

Địa chỉ: 36 Xuân Thủy - Cầu Giấy - Hà Nội

PHẦN I - CƠ SỞ LÝ LUẬN VÀ MÔ HÌNH HỆ THỐNG CHÍNH TRỊ

- **VŨ HỒNG SƠN**
Cấu trúc, đặc điểm, chức năng của hệ thống chính trị cơ sở ở Việt Nam **3**
- **TRỊNH THỊ XUYẾN**
Hệ thống chính trị đa đảng cạnh tranh và những vấn đề cần chú ý trong hệ thống chính trị Việt Nam **19**
- **DƯƠNG THỊ THỰC ANH**
Hệ thống chính trị Việt Nam truyền thống và hiện đại từ góc nhìn đổi mới **35**
- **NGUYỄN VĂN TUÂN**
Hoàn thiện mô hình tổ chức tổng thể của hệ thống chính trị ở Việt Nam trong tình hình hiện nay **46**
- **HÀ TRỌNG THÀ**
Vị trí, vai trò và đặc điểm của hệ thống chính trị cấp cơ sở ở Việt Nam hiện nay **63**
- **TRẦN VĂN PHÒNG**
Thực tiễn đổi mới và nâng cao chất lượng tổng thể hệ thống chính trị cơ sở và bài học kinh nghiệm **77**

• **NGUYỄN TRỌNG BÌNH - NGUYỄN T. NGỌC ANH**

Nhân dân là trung tâm - Một nguyên tắc trong hoạt động của hệ thống chính trị Việt Nam **91**

• **PHẠM ĐỨC KIÊN - PHẠM VĂN GIANG**

Hồ Chí Minh vận dụng và phát triển sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lênin trong xây dựng Đảng và hệ thống chính trị **105**

• **TRẦN NHẬT DUẬT**

Vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh về xây dựng và đổi mới hệ thống chính trị ở nước ta hiện nay **121**

• **LÊ THỊ ANH ĐÀO**

Những điểm mới về xây dựng, chỉnh đốn hệ thống chính trị trong Văn kiện Đại hội lần thứ XIII của Đảng **131**

PHẦN II - THỰC TIỄN ĐỔI MỚI CÔNG TÁC CÁN BỘ VÀ PHƯƠNG THỨC LÃNH ĐẠO

• **PHẠM NGỌC TRÂM**

Nâng cao chất lượng hệ thống chính trị cơ sở ở Việt Nam - Một số kinh nghiệm **144**

• **NGUYỄN QUANG DƯƠNG**

Đẩy mạnh xây dựng, chỉnh đốn Đảng và hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ thời kỳ mới **168**

• **MẠCH QUANG THẮNG**

Công tác cán bộ - một nhiệm vụ tiếp tục đổi mới phương thức lãnh đạo, cầm quyền của Đảng đối với hệ thống chính trị trong giai đoạn mới **179**

• **TRẦN ĐÌNH HUỖNH**

Đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng đối với hệ thống chính trị **189**

• **LÊ VĂN CƯỜNG**

Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với hệ thống chính trị trong tình hình mới **198**

• **TRẦN NGỌC ĐƯỜNG**

Tiếp tục xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa - nhiệm vụ trọng tâm của đổi mới hệ thống chính trị theo tinh thần Nghị quyết Đại hội XIII của Đảng **207**

• **LÊ HỮU NGHĨA**

Đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng đối với hệ thống chính trị - Thành tựu, hạn chế và giải pháp **219**

• **TRẦN THỊ HUỖYỀN**

Học tập, làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh nhằm xây dựng Đảng và hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh **229**

• **BÙI QUANG HUY**

Nâng cao vai trò lãnh đạo của Đảng trong toàn hệ thống chính trị ở Việt Nam **242**

• **TRẦN ĐÌNH THẮNG**

Tiếp tục đổi mới công tác cán bộ trong hệ thống chính trị ở Việt Nam **252**

LỜI GIỚI THIỆU

Trong tiến trình phát triển cách mạng Việt Nam, hệ thống chính trị luôn giữ vị trí trung tâm trong việc tổ chức, lãnh đạo và điều hành toàn bộ đời sống xã hội. Dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam, hệ thống chính trị đã từng bước hình thành, củng cố và không ngừng hoàn thiện, trở thành công cụ quan trọng để thực hiện quyền lực của nhân dân, bảo đảm ổn định chính trị, thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội, giữ vững độc lập, chủ quyền và định hướng xã hội chủ nghĩa của đất nước.

Từ khi công cuộc đổi mới được khởi xướng tại Đại hội VI của Đảng năm 1986, Việt Nam đã đạt được những thành tựu to lớn, có ý nghĩa lịch sử. Cùng với đổi mới về kinh tế, văn hóa và xã hội, đổi mới hệ thống chính trị được xem là yêu cầu tất yếu, bảo đảm cho quá trình đổi mới toàn diện diễn ra đồng bộ, hiệu quả và bền vững. Việc nghiên cứu, đánh giá, và hoàn thiện cơ sở lý luận cũng như thực tiễn vận hành của hệ thống chính trị Việt Nam trong giai đoạn hiện nay có ý nghĩa đặc biệt quan trọng - không chỉ nhằm nâng cao năng lực lãnh đạo, quản lý của Đảng và Nhà nước, mà còn nhằm phát huy quyền làm chủ của nhân dân, củng cố khối đại đoàn kết toàn dân tộc và đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước trong bối cảnh hội nhập quốc tế sâu rộng.

Để giúp bạn đọc có tài liệu nghiên cứu sâu hơn, nhận thức rõ hơn vai trò hệ thống chính trị trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ Quốc, chúng tôi sưu tầm, tuyển chọn một số bài viết của các học giả, nhà nghiên cứu uy tín trên các tạp chí khoa học chuyên ngành, biên

soạn ấn phẩm Thông tin chuyên đề số 4/2025 với chủ đề ***“Hệ thống chính trị Việt Nam: Cơ sở lý luận và thực tiễn đổi mới”***. Kết cấu thông tin chuyên đề gồm hai phần:

Phần I: *Cơ sở lý luận và mô hình hệ thống chính trị*

Phần II: *Thực tiễn đổi mới công tác cán bộ và phương thức lãnh đạo*

Trong quá trình biên soạn ấn phẩm, chúng tôi có sử dụng một số tài liệu từ các tạp chí và internet mà chưa có điều kiện xin phép trực tiếp tác giả. Ấn phẩm chỉ sử dụng với mục đích làm tài liệu tham khảo nội bộ, không vì mục đích kinh doanh. Chúng tôi xin gửi lời cảm ơn chân thành đến các tác giả. Mặc dù Ban Biên tập đã hết sức cố gắng, song trong quá trình biên tập, không tránh khỏi khiếm khuyết. Rất mong nhận được ý kiến đóng góp của bạn đọc.

Trân trọng cảm ơn!

BAN BIÊN TẬP

PHẦN I

CƠ SỞ LÝ LUẬN VÀ MÔ HÌNH HỆ THỐNG CHÍNH TRỊ

CẤU TRÚC, ĐẶC ĐIỂM, CHỨC NĂNG CỦA HỆ THỐNG CHÍNH TRỊ CƠ SỞ Ở VIỆT NAM (*)

PGS, TS. VŨ HỒNG SƠN
Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh
Email: sonvientriet@gmail.com

Nhận ngày 10 tháng 11 năm 2022. Chấp nhận đăng ngày 15 tháng 12 năm 2022.

Tóm tắt: Đường lối của Đảng, chính sách của Nhà nước là những vấn đề chung. Để những vấn đề chung đó đi vào cuộc sống, trước hết cần cụ thể hóa đường lối, chính sách của cấp trên cho phù hợp với điều kiện cụ thể ở cấp cơ sở, và phải được thực hiện thông qua đội ngũ cán bộ của hệ thống chính trị ở cơ sở⁽¹⁾. Bởi lẽ, chỉ có đội ngũ cán bộ cấp cơ sở mới nắm chắc điều kiện đất đai, thổ nhưỡng, hiểu biết về con người, phong tục tập quán, truyền thống văn hóa, lối sống,... của địa phương, từ đó mới có thể cụ thể hóa, và có phương thức thích hợp để đưa đường lối, chính sách của cấp trên vào địa phương mình. Trong bài viết này, tác giả tập trung luận giải cấu trúc, đặc điểm, chức năng của hệ thống chính trị cơ sở ở Việt Nam.

Từ khóa: Hệ thống chính trị cơ sở, đặc điểm, chức năng.

Hệ thống chính trị và nền dân chủ xã hội chủ nghĩa là một trong những nội dung cơ bản của chủ nghĩa xã hội. Nền dân chủ nào cũng mang tính giai cấp, đồng thời được hiện thực hóa thông qua một thiết chế tổ chức và một cơ chế vận hành nhất định. Đó là hệ thống chính trị. Vì vậy, xây dựng hệ thống chính trị có vai trò hết sức quan trọng đối với việc thực thi nền dân chủ xã hội chủ nghĩa, bởi lẽ mục đích của chúng ta là xây dựng xã hội *dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh*. Nghiên cứu một cách khoa học phạm trù hệ thống chính trị, xây dựng và phát triển lý luận về hệ thống chính trị là một trong những thành tựu của lý luận mácxít và là tiền đề để nghiên cứu một cách sâu sắc những hiện tượng chính trị khác, như thể chế chính trị, các tổ chức chính trị, mối quan hệ qua lại giữa những tổ chức chính trị, hoạt động chính trị của xã hội này hay xã hội khác, .v.v..

Để hiểu phạm trù hệ thống chính trị cơ sở (ở đây là hệ thống chính trị ở xã, phường, thị trấn), trước hết chúng ta cần tìm hiểu phạm trù hệ thống chính trị.

Hệ thống chính trị là phạm trù dùng để chỉ một chỉnh thể các đảng phái, các đoàn thể, các tổ chức chính trị - xã hội tồn tại trong khuôn khổ của pháp luật với một nhà nước thuộc giai cấp cầm quyền để tác động vào các quá trình kinh tế - xã hội nhằm duy trì và phát triển chế độ xã hội đó.

Hệ thống chính trị gồm hai mặt: vật chất và tinh thần. *Mặt vật chất* của hệ thống chính trị, trước hết phải nói đến cơ quan nhà nước.

Đó là công cụ quyền lực tập trung nhất của giai cấp thống trị để bảo đảm dân chủ tối đa cho giai cấp thống trị. Bên cạnh đó, phải kể đến các tổ chức chính trị - xã hội, các đảng phái chính trị hợp pháp, trong đó quan trọng nhất là đảng chính trị của giai cấp cầm quyền, chi phối đường lối đối nội, đối ngoại của nhà nước. *Mặt tinh thần của hệ thống chính trị* gồm: các quan điểm lý luận chính trị, các chuẩn mực chính trị và pháp quyền, các động lực tinh thần kích thích hoạt động chính trị... Trong đó, quan điểm chính trị của giai cấp cầm quyền giữ vị trí chi phối đời sống tinh thần của hệ thống chính trị. Bộ phận cốt lõi của hệ thống trị trong bất kỳ thời kỳ lịch sử nào cũng là hệ thống chính trị của giai cấp cầm quyền. Hệ thống chính trị đó được tạo thành từ các cơ quan nhà nước, các tổ chức chính trị - xã hội, các đảng phái chính trị do giai cấp cầm quyền lập ra nhằm hướng sự phát triển của xã hội theo nhu cầu, mục đích và lợi ích của giai cấp cầm quyền, bảo đảm sự thống trị về kinh tế và chính trị của giai cấp cầm quyền đối với toàn xã hội, đây cũng là chức năng bao trùm của mọi hệ thống chính trị. Nhưng mức độ hiện thực hóa chức năng đó còn bị quy định bởi mức độ phù hợp giữa lợi ích của giai cấp cầm quyền với lợi ích của xã hội, quy định bởi sự phù hợp của sự lãnh đạo của giai cấp cầm quyền với các quy luật vận động khách quan của nền kinh tế - xã hội, đồng thời phụ thuộc vào năng lực lãnh đạo của giai cấp cầm quyền. Do đó, ngoài chức năng công cụ của giai cấp cầm quyền, *nhà nước nào cũng phải hoàn thành chức năng xã hội của mình.*

Ý chí của giai cấp cầm quyền được thể hiện thành những quy chế mang tính chất nhà nước và pháp quyền, Nhờ vậy, ý chí ấy trở

thành nghĩa vụ phổ biến và có tính chất cưỡng chế đối với toàn xã hội. Việc chuyển hóa ý chí ấy thành ý chí chung của toàn xã hội và việc hiện thực hóa nó trong cuộc sống được thực hiện bằng sức mạnh của nhà nước, của các tổ chức chính trị - xã hội. Như vậy, hệ thống chính trị và sự tác động qua lại giữa những yếu tố cấu thành hệ thống chính trị tạo thành cơ chế thực hiện quyền lực chính trị trong mọi xã hội có giai cấp. Hệ thống chính trị đó sẽ tồn tại và phát huy hiệu quả nếu nó được thiết kế phù hợp với xu thế vận động khách quan của nền kinh tế - xã hội và tương quan cụ thể giữa các tầng lớp, giai cấp trong xã hội. Trong trường hợp ngược lại, hệ thống chính trị đó sẽ trở thành trở lực kìm hãm sự phát triển của xã hội và sớm muộn nó cũng sẽ bị thay thế bằng một hệ thống chính trị khác tiến bộ hơn.

Hệ thống chính trị gắn liền với sự xuất hiện của giai cấp và nhà nước. Đặc trưng của hệ thống chính trị được quy định bởi quan hệ sản xuất thống trị trong xã hội đó. Hệ thống chính trị thực hiện đường lối chính trị của giai cấp cầm quyền, do đó nó mang bản chất của giai cấp cầm quyền. Trong các chế độ chiếm hữu nô lệ, chế độ phong kiến, chế độ tư bản chủ nghĩa, hệ thống chính trị tuy của các giai cấp khác nhau, nhưng đều có chung bản chất là dựa trên chế độ chiếm hữu tư nhân về tư liệu sản xuất và sự áp bức, bóc lột của thiểu số đối với đa số nhân dân lao động. Các hệ thống chính trị đó đều vận hành dựa trên mâu thuẫn giai cấp và đối kháng giai cấp, tất yếu sẽ bị thay thế bởi hệ thống chính trị tiến bộ, đó là hệ thống chính trị của giai cấp công nhân.

Trong chủ nghĩa xã hội và thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội, giai cấp công nhân xây dựng hệ thống chính trị của mình, đối lập với

hệ thống chính trị của giai cấp tư sản, cũng như hệ thống chính trị của các xã hội đã có trong lịch sử. Hệ thống chính trị mới được xây dựng trên cơ sở hệ thống quan hệ sản xuất mới, trong đó quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa giữ vị trí chủ đạo. Trong xã hội mới, giai cấp công nhân và nhân dân lao động là chủ thể thật sự, trực tiếp của quyền lực, tự mình quyết định cuộc sống của mình, quyết định việc tổ chức và quản lý xã hội, quyết định nội dung, tính chất hoạt động của hệ thống chính trị.

Hệ thống chính trị xã hội chủ nghĩa là tổng hợp các tổ chức nhà nước vô sản và các tổ chức chính trị - xã hội của nhân dân mà thông qua đó, dưới sự lãnh đạo của đảng Mác - Lênin, nhân dân thực hiện quyền lực của mình trong việc quản lý sự phát triển kinh tế - xã hội nhằm xây dựng thành công chủ nghĩa xã hội.

Ở nước ta, khái niệm “Hệ thống chính trị” bắt đầu được sử dụng từ Hội nghị Trung ương 6 khóa VI (tháng 3-1989), để thay cho khái niệm “Hệ thống chuyên chính vô sản”. Đây là một bước nhận thức mới của Đảng ta về vai trò, vị trí, tính chất của hệ thống quyền lực trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam.

Hệ thống chính trị ở nước ta gồm: Đảng Cộng sản Việt Nam, Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội khác của nhân dân, hoạt động trên cơ sở lấy liên minh giữa giai cấp công nhân với giai cấp nông dân và tầng lớp trí thức, dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam để thực hiện quyền làm chủ của nhân dân và xây dựng chủ nghĩa xã hội.

Hệ thống chính trị ở nước ta được tổ chức theo một hệ thống từ Trung ương đến cơ sở. Cơ sở phân cấp theo quản lý hành chính gồm có xã, phường, thị trấn.

Hệ thống chính trị ở cơ sở bao gồm: tổ chức cơ sở Đảng, hội đồng nhân dân xã, phường, thị trấn; uỷ ban nhân dân xã, phường, thị trấn; mặt trận Tổ quốc xã, phường, thị trấn và các tổ chức chính trị - xã hội khác, như Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh, Hội Phụ nữ, Hội Nông dân, Hội Cựu chiến binh xã, phường, thị trấn... Tất cả các tổ chức trên đều có vị trí, vai trò và nhiệm vụ được quy định trong Luật Tổ chức của hệ thống chính trị ở nước ta.

Hệ thống chính trị ở cơ sở có vai trò rất quan trọng trong việc tổ chức và vận động nhân dân thực hiện đường lối, chủ trương của Đảng và chính sách, pháp luật của Nhà nước, tăng cường đại đoàn kết toàn dân tộc, phát huy quyền làm chủ của nhân dân, huy động mọi khả năng phát triển kinh tế - xã hội, tổ chức cuộc sống của cộng đồng dân cư.

Xét về cấu trúc, hệ thống chính trị cơ sở bao gồm:

Một là, Đảng bộ xã, phường, thị trấn.

Đảng bộ xã, phường, thị trấn giữ vai trò là hạt nhân lãnh đạo của hệ thống chính trị cơ sở. Chức năng lãnh đạo của Đảng bộ cấp cơ sở thể hiện trên những nội dung chủ yếu sau: cụ thể hóa đường lối, chủ trương phát triển kinh tế, xã hội của Đảng bộ cấp trên trực tiếp; đồng thời, Đảng bộ cấp cơ sở là người lãnh đạo và tổ chức thực hiện đường lối, chủ trương của cấp uỷ cấp trên trực tiếp. Đảng bộ cấp cơ sở còn tổ chức, thực hiện tuyên truyền, thuyết phục, vận động các tổ chức và xã

hội ủng hộ, thực hiện đường lối, chủ trương của Đảng. Đảng bộ cấp cơ sở thống nhất lãnh đạo công tác cán bộ và quản lý đội ngũ cán bộ, giới thiệu những đảng viên ưu tú có đủ năng lực và phẩm chất vào hoạt động trong các cơ quan lãnh đạo của hệ thống chính trị. Đảng bộ cấp cơ sở lãnh đạo thông qua chi bộ đảng cấp dưới và đảng viên hoạt động trong các tổ chức của hệ thống chính trị; đồng thời, lãnh đạo thông qua việc thực hiện, kiểm tra, giám sát và bằng hành động gương mẫu của đảng viên.

Hai là, Hội đồng nhân dân xã, phường, thị trấn.

Hội đồng nhân dân là cơ quan quyền lực nhà nước ở địa phương, đại diện cho ý chí, nguyện vọng và quyền làm chủ của nhân dân, do nhân dân địa phương bầu ra, chịu trách nhiệm trước nhân dân địa phương và cơ quan nhà nước cấp trên. Hội đồng nhân dân có hai chức năng cơ bản là: *thứ nhất*, quyết định các vấn đề của địa phương theo luật định; *thứ hai*, giám sát việc tuân theo Hiến pháp, pháp luật ở địa phương và việc thực hiện nghị quyết của Hội đồng nhân dân.

Ba là, Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn.

Ủy ban nhân dân ở cấp xã, phường, thị trấn do Hội đồng nhân dân cùng cấp bầu, là cơ quan chấp hành của Hội đồng nhân dân, cơ quan hành chính nhà nước cấp xã, phường, thị trấn, chịu trách nhiệm trước Hội đồng nhân dân và cơ quan hành chính nhà nước cấp trên. Ủy ban nhân dân có 3 chức năng chính: *một là*, tổ chức việc thi hành Hiến pháp, pháp luật ở cấp xã, phường, thị trấn; *hai là*, tổ chức thực hiện nghị quyết của Hội đồng nhân dân cấp xã, phường, thị trấn; *ba là*, thực hiện các nhiệm vụ do cơ quan nhà nước cấp trên giao.

Bốn là, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội ở xã, phường, thị trấn.

Mặt trận Tổ quốc ở xã, phường, thị trấn là tổ chức liên minh chính trị, liên hiệp tự nguyện của tổ chức chính trị, các tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội và các cá nhân tiêu biểu trong các giai cấp, tầng lớp xã hội, dân tộc, tôn giáo. Mặt trận Tổ quốc ở xã, phường, thị trấn đại diện cho lợi ích, tiếng nói rộng rãi của các nhóm xã hội, các giai cấp, các tầng lớp nhân dân trên địa bàn xã, phường, thị trấn, tạo sự đoàn kết, đồng thuận xã hội, huy động nguồn lực, sức mạnh của toàn thể nhân dân địa phương vào xây dựng đảng, chính quyền cơ sở, xây dựng xã, phường, thị trấn theo định hướng chung của địa phương. Mặt trận Tổ quốc là một bộ phận của hệ thống chính trị cơ sở, là cơ sở chính trị của chính quyền nhân dân. Mặt trận hoạt động theo nguyên tắc tự nguyện, hiệp thương dân chủ, phối hợp và thống nhất hành động giữa các thành viên. Mặt trận Tổ quốc có vai trò tập hợp, thu hút các tầng lớp nhân dân, các tổ chức chính trị - xã hội; tuyên truyền động viên nhân dân phát huy quyền làm chủ, thực hiện đường lối, chủ trương của Đảng, nghiêm chỉnh thi hành Hiến pháp, pháp luật; phản biện xã hội đối với dự thảo chủ trương của Đảng bộ cơ sở, chính sách, chủ trương của Ủy ban nhân dân cấp phường, xã, thị trấn, giám sát hoạt động của cơ quan nhà nước địa phương, tập hợp ý kiến, kiến nghị của nhân dân để phản ánh, kiến nghị với Đảng bộ và chính quyền địa phương; tham gia xây dựng và củng cố chính quyền nhân dân; cùng Ủy ban nhân dân cấp xã, phường, thị trấn chăm lo, bảo vệ quyền lợi chính đáng của nhân dân.

Các tổ chức chính trị - xã hội cấp xã, phường, thị trấn bao gồm: Hội Nông dân, Hội Liên hiệp Phụ nữ, Đoàn Thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh, Hội Cựu chiến binh được thành lập trên cơ sở tự nguyện, đại diện và bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp, chính đáng của các thành viên, hội viên, tổ chức của mình; cùng các tổ chức thành viên khác của Mặt trận phối hợp và thống nhất hành động trong Mặt trận Tổ quốc cấp xã, phường, thị trấn.

Mặt trận và các tổ chức chính trị - xã hội là một bộ phận của hệ thống chính trị cơ sở, là cơ sở chính trị của chính quyền nhân dân, đại diện cho quyền, lợi ích hợp pháp, chính đáng của nhân dân, nơi thể hiện ý chí, nguyện vọng, tập hợp khối đại đoàn kết toàn dân, phát huy quyền làm chủ của nhân dân, nơi hiệp thương, phối hợp và thống nhất hành động của các thành viên. Trong đó, Đảng bộ xã, phường, thị trấn vừa là thành viên, vừa là tổ chức lãnh đạo Mặt trận.

Các yếu tố trong hệ thống chính trị cơ sở có mối quan hệ mật thiết với nhau. Hệ thống chính trị cơ sở đặt dưới sự lãnh đạo của Đảng bộ xã, phường, thị trấn. Sự lãnh đạo của Đảng bộ là hạt nhân của hệ thống chính trị cơ sở. Thông qua Ủy ban nhân dân, Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể chính trị - xã hội của nhân dân, Đảng bộ xã, phường, thị trấn thực hiện vai trò, chức năng lãnh đạo đối với địa phương, nhằm phát huy và thực hiện quyền làm chủ của nhân dân.

Quyền lực của Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn là quyền lực của nhân dân giao cho để phục vụ nhân dân. Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn có nhiệm vụ thể chế hóa đường lối, mục tiêu, chủ trương lãnh đạo của Đảng bộ xã, phường, thị trấn thành chủ trương, chính sách ở địa phương và tổ chức thực hiện.

Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội cấp xã, phường, thị trấn đại diện cho lợi ích rộng rãi của các giai cấp, tầng lớp xã hội, của toàn thể nhân dân lao động, là cơ sở chính trị của chính quyền nhân dân. Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội cấp xã, phường, thị trấn hoạt động dưới sự lãnh đạo của Đảng bộ, trực tiếp là Ban Chấp hành đảng bộ cấp xã, phường, thị trấn, tuân theo khuôn khổ Hiến pháp, pháp luật. Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội cấp xã, phường, thị trấn căn cứ vào tính chất, mục đích và tôn chỉ đã được xác định, tổ chức vận động, giáo dục hội viên, đoàn viên chấp hành luật pháp, chủ trương, chính sách; đồng thời chăm lo, bảo vệ các quyền và lợi ích hợp pháp, chính đáng của hội viên, đoàn viên; giúp hội viên, đoàn viên nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ, đạo đức, lối sống và xây dựng cuộc sống mới; tham gia quản lý nhà nước, quản lý xã hội. Ban Chấp hành đảng bộ, Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn tôn trọng tính độc lập, tự chủ, tự nguyện và tạo mọi điều kiện để Mặt trận và các tổ chức chính trị - xã hội cấp cơ sở hoạt động tích cực, chủ động, năng động, sáng tạo đóng góp ý kiến cho Ban Chấp hành đảng bộ, Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn, nhằm mang lại lợi ích cho nhân dân. Đảng bộ, chính quyền cấp cơ sở lắng nghe ý kiến đóng góp của Mặt trận và các tổ chức chính trị - xã hội cơ sở. Đảng bộ, Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn phải có cơ chế tạo điều kiện để Mặt trận và các tổ chức chính trị - xã hội cơ sở hoạt động có hiệu quả, hiệu lực, thực hiện vai trò phản biện và giám sát xã hội.

Hệ thống chính trị cơ sở ở nước ta có *những đặc điểm cơ bản sau đây*:

Thứ nhất, hệ thống chính trị cơ sở ở nước ta lấy *chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh làm nền tảng*. Chủ nghĩa Mác - Lênin là học thuyết khái quát những quy luật chung của sự vận động, phát triển của kinh tế - xã hội và rộng hơn nữa là quy luật vận động, phát triển của cả ba lĩnh vực tự nhiên, xã hội, tư duy. Tư tưởng Hồ Chí Minh là sự vận dụng, phát triển sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lênin vào điều kiện cụ thể của nước ta. Sự kết hợp giữa chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh tạo thành kim chỉ nam, giữ vai trò định hướng đối với toàn bộ hệ thống chính trị cơ sở.

Thứ hai, nhất nguyên chính trị, đặt dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam là đặc trưng cơ bản của hệ thống chính trị cơ sở nước ta. Trước đây, đã có thời kỳ lịch sử ở nước ta ngoài Đảng Cộng sản Việt Nam, còn tồn tại Đảng Dân chủ và Đảng Xã hội, song về thực chất hai đảng này đều chịu sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam và tuân theo sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam. Cho nên, về nguyên tắc, từ khi nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam ra đời đến nay, Đảng ta vẫn luôn quán triệt, thực hiện nhất quán tư tưởng nhất nguyên chính trị. Chúng ta chưa bao giờ và không bao giờ chia sẻ quyền lực với bất kỳ giai cấp, tầng lớp xã hội nào khác.

Thứ ba, hệ thống chính trị cơ sở nước ta hiện nay *được tổ chức và hoạt động theo nguyên tắc tập trung dân chủ*. Chủ tịch Hồ Chí Minh lý giải bản chất của tập trung dân chủ: “Nhân dân là *ông chủ* nắm chính quyền. Nhân dân bầu ra đại biểu thay mặt mình thi hành chính quyền ấy. Thế là *dân chủ*. Các cơ quan chính quyền là thống nhất, *tập trung*. Từ hội đồng nhân dân và ủy ban kháng chiến hành

chính xã đến Quốc hội và Chính phủ Trung ương, số ít phải phục tùng số nhiều, cấp dưới phải phục tùng cấp trên, địa phương phải phục tùng Trung ương. Thế là vừa dân chủ vừa tập trung”⁽²⁾. Tập trung và dân chủ là hai mặt quan hệ biện chứng, không thể tách rời. Tập trung là cơ sở bảo đảm cho dân chủ được thực hiện trong khuôn khổ, có sự kiểm tra, kiểm soát; dân chủ là điều kiện giúp cho tập trung được thực hiện linh hoạt, đạt hiệu quả cao trong hoạt động lãnh đạo, quản lý. Do vậy, cần phải có sự phối kết hợp một cách chặt chẽ, đồng bộ giữa hai yếu tố này trong hoạt động lãnh đạo của hệ thống chính trị cơ sở. Dân chủ phải được bảo đảm bởi tập trung và tập trung phải được thực hiện dựa trên cơ sở dân chủ. Nếu chỉ có sự lãnh đạo tập trung mà không mở rộng dân chủ thì sẽ tạo môi trường cho bệnh quan liêu, chuyên quyền, độc đoán, cửa quyền, tham nhũng. Ngược lại, không có sự chỉ đạo tập trung, thống nhất sẽ dẫn đến tình trạng tùy tiện, vô tổ chức, vô chính phủ, dễ sinh ra bè phái, chủ nghĩa cá nhân.

Thứ tư, hệ thống chính trị cơ sở ở nước ta *bảo đảm sự thống nhất giữa bản chất giai cấp công nhân với tính nhân dân*. Bản chất giai cấp công nhân của hệ thống chính trị cơ sở thể hiện ở chỗ, hệ thống chính trị cơ sở đặt dưới sự lãnh đạo của Đảng, đội tiên phong chiến đấu của giai cấp công nhân. Mọi chủ trương, chính sách của Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn đều dựa trên sự cụ thể hóa đường lối, nghị quyết của Ban Chấp hành đảng bộ xã, phường, thị trấn. Mọi chủ trương, đường lối đều đứng trên lập trường của giai cấp công nhân, thể hiện lợi ích của giai cấp công nhân. Tính nhân dân của hệ thống chính trị cơ sở thể hiện ở chỗ, chính quyền cấp cơ sở do nhân

dân lập ra. Hệ thống chính trị cơ sở là cơ quan bảo đảm quyền lực thuộc về nhân dân, sức mạnh của hệ thống chính trị cơ sở bắt nguồn từ sức mạnh của khối đại đoàn kết toàn dân. Mọi chủ trương, chính sách mà hệ thống chính trị cơ sở đưa ra đều xuất phát, phản ánh ý chí và nguyện vọng của nhân dân.

Từ cấu trúc, đặc điểm của hệ thống chính trị cơ sở chúng ta thấy hệ thống chính trị cơ sở có *những chức năng chính* sau đây:

Một là, hệ thống chính trị cơ sở là nơi cụ thể hóa đường lối, chủ trương của Đảng, Nhà nước và cấp trên trực tiếp cho phù hợp với điều kiện cụ thể của cấp cơ sở xã, phường, thị trấn.

Đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước, của cấp trên đều là những vấn đề chung, để những vấn đề chung đó đi vào cuộc sống, trước hết cần cụ thể hóa đường lối, chủ trương, chính sách của cấp trên cho phù hợp với điều kiện cụ thể của cấp cơ sở. Nước ta có vị trí địa lý trải hơn 2000 km từ phía Bắc xuống phía Nam, với điều kiện địa lý, tự nhiên vô cùng đa dạng, phong phú. Bản thân mỗi tỉnh, thành phố cũng có những điều kiện địa lý hết sức phức tạp, có những tỉnh vừa có biển, vừa có đồng bằng, vừa có núi non địa hình hiểm trở. Đường lối, chủ trương, chính sách của cấp trên muốn đi vào cuộc sống không có cách nào khác phải được thực hiện thông qua đội ngũ cán bộ của hệ thống chính trị cơ sở. Bởi lẽ, chỉ có đội ngũ cán bộ cấp cơ sở mới nắm chắc điều kiện đất đai, thổ nhưỡng, hiểu biết con người, phong tục tập quán, truyền thống văn hóa, lối sống của địa phương, từ đó mới có thể cụ thể hóa và có phương thức thích hợp để đưa đường lối, chủ trương của cấp trên vào địa phương

mình. Đường lối, chủ trương của cấp trên dù có hay đến đâu cũng không thể đi vào cuộc sống nếu không có đội ngũ cán bộ trong hệ thống chính trị cơ sở.

Thứ hai, hệ thống chính trị cơ sở là nơi đội ngũ cán bộ cấp cơ sở trực tiếp tuyên truyền đưa đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước, của lãnh đạo cấp trên đến với nhân dân và vận động nhân dân thực hiện chúng.

Việc hoạch định đường lối, chủ trương, chính sách giữ vai trò rất quan trọng, nhưng nhiệm vụ quan trọng hơn còn là công tác tuyên truyền đưa đường lối, chủ trương đó đến với nhân dân. Bởi lẽ, chỉ khi người dân am hiểu về đường lối, chủ trương, chính sách thì họ mới có niềm tin vào nó và mới chuyển hóa nó thành hành động trong thực tiễn. Đội ngũ cán bộ của hệ thống chính trị cấp cơ sở là những người gần dân nhất, am hiểu dân nhất, cho nên họ sẽ là những người trực tiếp tìm ra phương pháp tuyên truyền hiệu quả nhất đường lối, chủ trương, chính sách của cấp trên xuống đến người dân. Và, cũng chính họ, chứ không phải ai khác, do gần với cơ sở mà sẽ tìm ra nội dung, phương thức thích hợp nhất để vận động nhân dân thực hiện đường lối, chủ trương, chính sách của cấp trên.

Thứ ba, hệ thống chính trị cơ sở có chức năng tạo điều kiện cơ bản để ngày càng mở rộng dân chủ trong nhân dân.

Với phương châm “dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra, dân giám sát, dân thụ hưởng” trong Nghị quyết Đại hội đại biểu lần thứ XIII, hệ thống chính trị cơ sở phải là địa bàn chính tạo điều kiện để thực hiện dân chủ ở cơ sở. Hệ thống chính trị cơ sở chính là bộ mặt, là

đại diện, là tiếng nói của Đảng, Nhà nước ở cơ sở xã, phường, thị trấn. Nhân dân đánh giá, nhìn nhận về Đảng, về Nhà nước chính là thông qua hệ thống chính trị cơ sở. Để tạo sự đồng thuận, phát huy quyền làm chủ của nhân dân, cần tiếp tục quán triệt, nâng cao nhận thức, trách nhiệm của các cấp ủy, tổ chức đảng trong hệ thống chính trị cơ sở, nhất là người đứng đầu cấp ủy, chính quyền cơ sở, cũng như cán bộ, đảng viên về thực hiện Quy chế dân chủ ở cơ sở. Lấy đây mạnh phát huy dân chủ trong cơ sở Đảng làm trung tâm, từ đó mở rộng dân chủ trên các lĩnh vực của đời sống xã hội; nêu cao vai trò gương mẫu của người đứng đầu, cán bộ lãnh đạo, quản lý, đảng viên trong thực hành dân chủ ở cơ sở. Phát huy vai trò nòng cốt của Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội ở xã, phường, thị trấn trong thực hiện quyền làm chủ của nhân dân; đẩy mạnh hoạt động giám sát, phản biện xã hội, nhất là những vấn đề liên quan trực tiếp đến quyền, lợi ích hợp pháp của người dân...

Thứ tư, hệ thống chính trị cơ sở là nơi góp phần tổng kết thực tiễn để hoàn thiện đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước.

Đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước được thực hiện chủ yếu và trước hết là ở cấp cơ sở xã, phường, thị trấn. Thông qua thực tiễn ở xã, phường, thị trấn mới có thể kiểm định tính đúng đắn hay sai lầm của đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước. Đội ngũ cán bộ trong hệ thống chính trị cơ sở là những người trải nghiệm đầu tiên về việc vận dụng đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước vào thực tiễn. Hoạt động thực tiễn của họ và nhân dân ở cơ sở xã, phường, thị trấn cung cấp tư liệu cho

Đảng, Nhà nước tiến hành tổng kết thực tiễn, bổ sung lý luận, tạo cơ sở cho việc hoàn thiện đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước.

Tóm lại, hệ thống chính trị cơ sở giữ vị trí, chức năng quan trọng trong hoạt động của Đảng, Nhà nước ta. Thông qua hoạt động của hệ thống chính trị cơ sở, nhân dân thực hiện được quyền và nghĩa vụ của mình một cách trực tiếp, được bày tỏ tâm tư, nguyện vọng của mình một cách nhanh nhất. Hệ thống chính trị cơ sở là nơi giữ vai trò quan trọng trong việc vận dụng, bổ sung, hoàn thiện đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước trong thực tiễn, là cầu nối quan trọng giữa Đảng với nhân dân. Vì vậy, nâng cao vai trò, vị trí của hệ thống chính trị cơ sở trong giai đoạn hiện nay, cũng như trong tương lai là một yêu cầu thường xuyên và cấp bách□

(*) Bài viết lấy từ Kỷ yếu Hội thảo khoa học quốc gia: “*Nâng cao chất lượng hệ thống chính trị cơ sở ở Việt Nam hiện nay: Bài học kinh nghiệm và một số kiến nghị chính sách*” do Viện Triết học - Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam phối hợp với Viện Triết học và Học viện Chính trị khu vực IV, Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh tổ chức, ngày 27-07-2022, tại Cần Thơ.

(1) Hệ thống chính trị cơ sở ở đây được hiểu với nghĩa là hệ thống chính trị ở xã, phường, thị trấn.

(2) Hồ Chí Minh (2011), *Sđd.*, t.8, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, tr.263-264.

Nguồn: Tạp chí Triết học.- 2023.- Số 1 (380).- Tr.32-40.

HỆ THỐNG CHÍNH TRỊ ĐA ĐẢNG CẠNH TRANH VÀ NHỮNG VẤN ĐỀ CẦN CHÚ Ý TRONG HỆ THỐNG CHÍNH TRỊ VIỆT NAM

PGS, TS. TRỊNH THỊ XUYỀN

Viện Chính trị học, Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh

Ngày nhận bài: 12-3-2023; Ngày bình duyệt: 02-04-2023 Ngày duyệt đăng: 20-4-2023.

Tóm tắt: Hệ thống chính trị đa đảng cạnh tranh ra đời cùng với sự hình thành và phát triển của xã hội tư bản. Sự phân quyền, cơ chế kiểm chế, đối trọng giữa các đảng đã tạo động lực, sự năng động trong hoạt động chính trị, nhưng cũng bộc lộ rõ những hạn chế và giới hạn không thể vượt qua do chính từ sự phân tán, chia rẽ, lãng phí nguồn lực và vấn đề chuyên chế của đa số. Từ góc độ tham chiếu với hệ thống chính trị một đảng cộng sản cầm quyền, hệ thống chính trị Việt Nam hiện nay cần tập trung hoàn thiện: tính tiên phong, gương mẫu, tính đại diện lợi ích, tính khoa học, hợp lý trong thực thi và kiểm soát quyền lực, mở rộng dân chủ của Đảng Cộng sản Việt Nam.

Từ khóa: quyền lực nhà nước; hệ thống chính trị đa đảng; hệ thống chính trị một đảng cộng sản cầm quyền

1. Cơ sở khách quan của quyền lực nhà nước và hệ thống chính trị

Con người sống với nhau thành xã hội dẫn tới hình thành và phát sinh các tranh chấp và xung đột giữa các cá nhân, các nhóm và lực lượng nhất định. Để có thể giải quyết được các tranh chấp và xung đột nhằm duy trì ổn định cuộc sống của cá nhân và môi trường xã hội, quyền lực chung (quyền lực công) được thiết lập và tổ chức thực hiện, dần hình thành nên nhà nước.

Khi nhìn nhận quá trình này, Ph.Ăngghen cho rằng, sự hình thành nhà nước không phải là một hành vi thỏa thuận mà thực chất là quá trình chiếm đoạt và tổ chức quyền lực công của bộ phận giàu có trong xã hội. Quyền lực công được hình thành để một cộng đồng có thể phối hợp hoạt động với nhau, duy trì trật tự chung, điều hành hoạt động chung và bảo vệ cộng đồng khỏi sự xâm hại từ bên ngoài.

Trong thời kỳ thị tộc, quyền lực công được thiết lập dựa trên trách nhiệm, bốn phận phải giúp đỡ, bảo vệ lẫn nhau của các thành viên thị tộc: “Để đảm bảo an toàn cho bản thân mình, mỗi cá nhân đều dựa vào sự bảo hộ của thị tộc và đã có thể dựa như thế; ai xúc phạm đến một cá nhân trong thị tộc là xúc phạm đến toàn thể thị tộc”⁽¹⁾.

Khi xã hội phát triển dẫn tới phân công lao động và phân chia giai cấp, giai cấp những người giàu có nhất của xã hội có ưu thế trong việc nắm giữ và thực thi quyền lực công. Do đó, họ có thể sử dụng quyền lực công để thực hiện mục đích, quyền lợi của mình và của giai cấp mình. Nhà nước được thiết lập để điều hòa, giải quyết mâu thuẫn giữa các giai cấp và đấu tranh giai cấp có tính chất đối kháng trong xã hội, nhằm tránh các giai cấp tiêu diệt lẫn nhau và đổ vỡ xã hội. Sự chuyển đổi từ quyền lực công thành quyền lực nhà nước chính là sự

tha hóa của quyền lực công. Quyền lực công từ chỗ là quyền lực chung của cộng đồng xã hội, phục vụ cho lợi ích chung của xã hội đã trở thành quyền lực nhà nước, quyền lực chính trị, thực thi lợi ích cho giai cấp, lực lượng cầm quyền và thực hiện ở mức độ nhất định những lợi ích chung của cộng đồng, xã hội. Từ đó, nhà nước được cho là trọng tài phân xử tranh chấp, xung đột giữa các cá nhân, lực lượng trong xã hội; bảo đảm công bằng, công lý; duy trì hòa bình, ổn định và phát triển xã hội.

Như vậy, quyền lực nhà nước từ chỗ thuộc về nhân dân đã được giai cấp, lực lượng cầm quyền sử dụng để quản lý nhân dân, thống trị xã hội. Nói cách khác, nhà nước “nảy sinh ra từ xã hội, nhưng lại đứng trên xã hội và ngày càng tách rời khỏi xã hội”⁽²⁾. Trong xã hội có giai cấp, quyền lực nhà nước mang bản chất giai cấp. Với bản chất này, các giai cấp, lực lượng cầm quyền luôn tạo dựng các giá trị, hệ tư tưởng nhằm bảo vệ tính chính đáng của nhà nước, bảo vệ sự cầm quyền của mình.

Dân chủ hóa là xu thế tất yếu. Do vậy, các xã hội hiện đại ngày nay đều khẳng định nguồn gốc của quyền lực nhà nước là từ nhân dân. Nhà nước là cơ quan đại diện thực thi quyền lực của nhân dân, do nhân dân ủy quyền và vì lợi ích của nhân dân. Việc tổ chức và thực thi quyền lực nhà nước dựa trên nền tảng của hiến pháp và pháp luật, với sự đồng thuận của nhân dân. Theo đó, các cá nhân trong xã hội đều có quyền tự do, bình đẳng trước pháp luật, quyền tự do bầu cử, ứng cử tham gia vào bộ máy nhà nước, quyền giám sát và ràng buộc một nhà nước có trách nhiệm.

Để sự tham gia chính trị và sự tương tác của các cá nhân, tổ chức, lực lượng trong xã hội với nhau và với nhà nước ổn định, trật tự, duy trì các tương tác, quan hệ có lợi và ngăn chặn, loại bỏ những tương tác có hại, các thiết chế, cơ chế và mối quan hệ giữa các chủ thể quyền lực chính trị được thiết lập một cách hệ thống.

Trên thực tế, đã có nhiều kiểu hệ thống chính trị (HTCT) được tổ chức và hoạt động tùy thuộc vào điều kiện lịch sử cụ thể và mục tiêu chính trị của mỗi quốc gia, trong đó HTCT đa đảng cạnh tranh được tổ chức ở hầu hết các nước tư bản phát triển. Tổ chức và hoạt động của hệ thống này dựa trên nguyên tắc tự do cạnh tranh cầm quyền giữa các đảng chính trị.

2. Những ưu điểm và hạn chế, giới hạn của hệ thống chính trị đa đảng cạnh tranh

Những ưu điểm

Đánh giá cấu trúc tổ chức và hoạt động của nhà nước tư sản, C.Mác khẳng định, nó tiến bộ trên nhiều mặt so với các nhà nước trước đó: “ở đây sự tự do cạnh tranh ngự trị không giới hạn trên mọi lĩnh vực cuộc sống và nói chung chỉ còn lại một quyền lực chính phủ tối thiểu, cần thiết cho toàn bộ giai cấp tư sản nhằm bảo đảm cho những lợi ích chung của nó trong chính sách đối nội cũng như đối ngoại và điều khiển được các công việc chung của nó; nhưng cái quyền lực chính phủ tối thiểu đó phải được tổ chức một cách hợp lý và tiết kiệm nhất”⁽³⁾.

HTCT đa đảng cạnh tranh thể hiện những giá trị cốt lõi mà giai

cấp tư sản định hình cho xã hội. Việc bảo đảm tự do cá nhân, tự do thành lập hiệp hội, tổ chức chính trị để tham gia cạnh tranh trong bầu cử vào các vị trí quyền lực và cầm quyền theo quy định của hiến pháp, pháp luật - ở một mức độ nhất định - đã tạo nên sự bình đẳng, quyền tự do của các cá nhân trong hoạt động chính trị, từ đó tạo dựng tính chính đáng quyền lực cho giai cấp cầm quyền từ sự ủy quyền của dân thông qua các cuộc bầu cử cạnh tranh tự do, HTCT đa đảng cạnh tranh cũng tạo được động lực, sự năng động, tích cực của các đảng chính trị trong việc tìm tòi, đổi mới cương lĩnh, chính sách cũng như cách thức tổ chức, hoạt động và chất lượng đội ngũ lãnh đạo của đảng, với mục tiêu quan trọng nhất là hướng tới cử tri, thu hút phiếu bầu của họ để thắng cử và thực thi quyền lực nhà nước. Sự cạnh tranh giữa các đảng chính trị trong bầu cử khi được quản trị tốt còn tạo diễn đàn cho sự cọ xát, tranh luận về các mục tiêu, định hướng chính sách giữa các đảng, mang lại góc nhìn đa chiều, nhiều khía cạnh về các vấn đề của quốc gia trong nhận thức của giới lãnh đạo chính trị và của cả cử tri. Sự cạnh tranh giữa các đảng chính trị cũng đem lại cho cử tri có các lựa chọn riêng từ các đảng cạnh tranh và các định hướng chính sách.

Cùng với sự phát triển của phân công lao động xã hội theo hướng chuyên môn sâu để tăng năng suất và hiệu quả hoạt động, việc phân quyền trong tổ chức bộ máy nhà nước trong HTCT đa đảng cạnh tranh cũng thể hiện sự hợp lý, khách quan theo tính chất hoạt động của các loại quyền lập pháp, hành pháp và tư pháp. Sự độc lập tương đối giữa các nhánh quyền lực, một mặt giúp phân định rõ thẩm quyền, phạm vi tác động và trách nhiệm của các chủ thể quyền lực, mặt khác nhằm “kiềm chế - đối trọng”, hạn chế sự lấn sân, lạm dụng quyền lực

giữa các nhánh quyền lực với nhau.

Những hạn chế và giới hạn

Mặc dù có nhiều điểm tiến bộ và hợp lý, song HTCT đa đảng cạnh tranh có những vấn đề và giới hạn không thể vượt qua. HTCT đa đảng cạnh tranh được hình thành dựa trên nền tảng tư tưởng của giới tinh hoa tư sản, ưu tiên tự do cá nhân và trật tự đẳng cấp xã hội. Trên nền tảng này, cấu trúc thể chế, phân bổ quyền lực và luật lệ của HTCT đa đảng cạnh tranh được thiết kế và hoạt động để duy trì và bảo vệ lợi ích của giai cấp tư sản, những người giàu có trong xã hội. Mọi công dân đều bình đẳng trước pháp luật, nhưng đó là pháp luật của chủ nghĩa tư bản vốn đã chuyển tải trật tự, công bằng và lợi ích theo trật tự giai cấp. Sự bình đẳng hình thức trước pháp luật này đã được Gian Giắc Rút-xô phê phán là không bảo đảm được tự do của con người, một khi nghèo quá phải bán mình để sinh tồn và những kẻ giàu có thể mua đứt tự do của người khác⁽⁴⁾.

Trong hệ thống này, có tự do cạnh tranh giữa các đảng chính trị vào các cơ quan nhà nước, công dân đều có quyền tự do ứng cử và bầu cử, nhưng các quy định về điều kiện thực tế dẫn tới sự cạnh tranh chỉ là giữa các đảng chính trị lớn, những đảng đại diện cho các lực lượng có nguồn lực, ưu thế trong xã hội. Kết quả là quyền lực nhà nước luôn nằm trong tay đảng chính trị đại diện cho tầng lớp, giai cấp có thế lực lớn trong xã hội. Hơn nữa, điều căn bản là đảng chính trị nào thắng cử thì việc cầm quyền, hoạt động của nhà nước và xã hội đều dựa trên nền tảng thể chế, cơ chế luật lệ của giai cấp tư sản, bảo vệ trật tự, quyền lực và lợi ích của giai cấp tư sản.

HTCT đa đảng cạnh tranh luôn được gán nhãn cùng với nguyên tắc phân quyền, phân lập quyền lực giữa các nhánh lập pháp, hành pháp và tư pháp, với cơ chế “kiềm chế - đối trọng” để kiểm soát quyền lực. Tuy nhiên, đi sâu vào bản chất lợi ích thì sự phân quyền này cũng chỉ là hình thức; trong đó, “mỗi bộ phận đều đem quyền thống trị chung của giai cấp tư sản, cái hình thức mà trong đó tất cả mọi tham vọng riêng biệt của họ đều được trung hòa và duy trì lẫn nhau... để đối lập với những tham vọng chiếm đoạt và nổi loạn của các đối thủ của họ”⁽⁵⁾.

Tính hình thức bắt nguồn từ một điểm căn cốt là giữa chúng có chung mục đích và lợi ích, nhất là lợi ích của cùng một giai cấp. Một khi đã cùng chung mục đích và lợi ích thì việc kiềm chế, kiểm soát quyền lực cũng chỉ là hình thức. Thay vì kiềm chế, kiểm soát lẫn nhau, các đảng chính trị, các cơ quan nhà nước khi cần thiết sẽ đi tới thỏa hiệp, cấu kết và thông đồng với nhau để cùng có lợi, điều người ta thường gọi là sự mặc cả, thỏa hiệp, mua bán trên lưng, mồ hôi, nước mắt và kể cả máu của người dân. Do vậy, cơ chế “kiềm chế - đối trọng” nhằm mục đích kiểm soát quyền lực nhà nước bảo đảm tự do của công dân, bảo đảm quyền lực nhà nước là của nhân dân vẫn chỉ là sự ngụy biện, ảo tưởng.

Trước thực tế này, các nhà tư tưởng chính trị hiện nay đang tiếp tục tìm kiếm phương thức kiểm soát hữu hiệu đối với quyền lực nhà nước. Chẳng hạn, các nhà tư tưởng chính trị Mỹ đã và đang tìm kiếm giải pháp nhằm kiểm soát sự “chuyên chế của đa số”. Trong các quá trình dân chủ hoặc ra quyết định theo nguyên tắc đa số, sự hình thành

đa số chuyên chế dẫn tới khả năng nhà nước bị thao túng và trở thành chuyên chế, thiểu số đúng bị áp chế bởi đa số sai⁽⁶⁾. Như vậy, việc kiểm soát quyền lực nhà nước trong xã hội hiện đại nếu chỉ dựa vào hiến pháp, pháp luật hay “kiềm chế - đối trọng” trong bộ máy nhà nước là chưa đủ. Nhà nước trong hệ thống đa đảng cạnh tranh bầu cử vẫn có thể là nhà nước chuyên chế, đi ngược lại quyền tự do, lợi ích hợp pháp, chính đáng của người dân.

Mặt khác, sự phân quyền và hiện diện của nhiều đảng chính trị trong bộ máy nhà nước cũng đồng nghĩa với việc thực thi quyền lực nhà nước bị phân tán và chia rẽ giữa các đảng, có thể dẫn tới bế tắc trong quá trình ra chính sách. Hệ quả của tình trạng này cũng khó quy trách nhiệm. Trên thực tế, sự bế tắc về chính sách thời kỳ Tổng thống Obama của Mỹ do Đảng Cộng hòa chiếm đa số ghé ở hạ viện không thông qua đã dẫn tới tình trạng chính phủ liên bang phải đóng cửa một thời gian và gây tổn thất nhất định cho đất nước. Điều đáng nói là, nước Mỹ không xác định được trách nhiệm thuộc về ai khi quả bóng trách nhiệm được đá đi đá lại giữa Đảng Dân chủ cầm quyền và Đảng Cộng hòa nắm đa số ghé ở hạ viện. Có thể nói, việc phân quyền luôn đi cùng với tính chịu trách nhiệm không cao của các chủ thể trong thực thi quyền lực.

Do sự cạnh tranh, mục tiêu chính trị của đảng cầm quyền được thực hiện với sự thiếu vắng nguồn lực từ sự ủng hộ, hợp tác của các đảng đối lập và sự tham gia, ủng hộ của những bộ phận nhất định trong xã hội. Thay vì cạnh tranh có tính xây dựng trên tinh thần hợp tác, các đảng chính trị và lực lượng ủng hộ vì lợi ích riêng của tổ chức

mình thường hành xử theo hướng ngược lại. Sự cạnh tranh, đối lập giữa các đảng chính trị, các tổ chức và lực lượng trong xã hội đôi khi quá mức, dẫn tới sự trì trệ, bế tắc trong hoạt động của bộ máy nhà nước, hoặc gây xung đột, bất ổn và có thể dẫn tới khủng hoảng trong hoạt động của HTCT và xã hội, Thực tiễn cạnh tranh bầu cử và hoạt động của nhà nước Mỹ, Pháp, Thái Lan... trong thời gian qua đã bộc lộ rõ tình trạng này.

Sự cạnh tranh và thay nhau cầm quyền giữa các đảng chính trị theo nhiệm kỳ còn dẫn tới tình trạng “tư duy nhiệm kỳ” của các đảng cầm quyền và sự lãng phí nguồn lực lớn, khi một số chính sách của đảng cầm quyền trước không được đảng thắng cử tiếp tục duy trì. Do bầu cử theo nhiệm kỳ và để tìm kiếm phiếu bầu của cử tri, các đảng cầm quyền thường lựa chọn, thực thi các chính sách ngắn hạn đáp ứng yêu cầu của dân chúng thay cho việc theo đuổi và thực hiện các chính sách dài hạn vì lợi ích của quốc gia. Việc giành phiếu bầu và duy trì vị trí cầm quyền luôn được ưu tiên trong hoạt động của đảng cầm quyền. Các chính sách của đảng cầm quyền đã và đang triển khai ở nhiệm kỳ trước cũng có thể không được tiếp tục thực hiện do đảng thắng cử không có cùng cách tiếp cận chính sách và lợi ích. Điều này gây lãng phí và tổn thất lớn đối với quốc gia và người dân ở cả khía cạnh chi phí cơ hội và nguồn lực. Ở một khía cạnh khác, chính việc chạy theo và thỏa mãn lợi ích ngắn hạn của cử tri trong một số trường hợp cũng góp phần tạo nên xu hướng dân túy của một số nhà lãnh đạo chính trị cũng như chính sách của một số đảng chính trị.

Hơn nữa, sự phát triển của xã hội hiện đại ngày nay đang đặt ra

nhieu giới hạn và thách thức cho HTCT đa đảng cạnh tranh. Sự phát triển đa dạng và chuyên môn hóa sâu trong nhiều lĩnh vực của đời sống xã hội đã hình thành nhiều tầng lớp, lực lượng khác nhau, với các mối quan hệ nhiều chiều và lợi ích đan xen phức tạp. Thực tế này dẫn tới sự hình thành quá nhiều đảng chính trị trong một quốc gia. Sự phân tán lợi ích và chia rẽ giữa các tầng lớp trong xã hội khiến cho các đảng chính trị khó hình thành cương lĩnh chính trị, khó tạo lập được cơ sở chính trị đủ lớn để thu hút được phiếu bầu của cử tri. Sự không tương thích giữa cơ sở chính trị trong xã hội và quyền lực mà các đảng nắm giữ trong bộ máy nhà nước phần nào làm suy giảm tính chính đáng chính trị của các đảng, nhất là đảng cầm quyền.

3. Tính tất yếu về vai trò của đảng cộng sản và hệ thống chính trị một đảng cộng sản cầm quyền

Tính tất yếu về vai trò của đảng cộng sản trong HTCT

Khi khái quát quy luật phát triển của đời sống chính trị xã hội trong dài hạn, C.Mác đã dự báo: ở chế độ xã hội không còn phân chia giai cấp, nhà nước sẽ tự “tiêu vong”, tức là tiêu vong tính chính trị, thống trị giai cấp của quyền lực nhà nước. Lúc này, quyền lực nhà nước sẽ trở về đúng bản chất ban đầu của nó là quyền lực công, thực hiện chức năng công quản. Tuy nhiên, để đến được xã hội không còn giai cấp là cả một quá trình đấu tranh, phát triển lâu dài của loài người. Để thực hiện được mục tiêu trên phải có sự lãnh đạo của một đảng cách mạng chân chính - đảng cộng sản, một đảng cách mạng tiên phong khác về chất với các đảng chính trị khác.

Đảng chính trị trong xã hội tư bản chỉ đại diện cho lợi ích của một giai cấp tư sản, trong khi trong xã hội có nhiều giai cấp, lực lượng và đương nhiên sẽ hình thành nhiều đảng chính trị để cạnh tranh.

Đảng cộng sản là đảng ngoài đại diện cho lợi ích của giai cấp công nhân (lực lượng sản xuất tiên tiến nhất của xã hội) còn đại diện cho lợi ích của các tầng lớp nhân dân lao động, đại diện cho lợi ích chung của toàn xã hội. Những người cộng sản, đảng cộng sản - vì vậy - không theo đuổi lợi ích riêng của cá nhân, của đảng mình, không vì lợi ích của giai cấp mình bằng việc tước đoạt lợi ích của các giai cấp, tầng lớp khác.

Nói cách khác, đảng cộng sản không chỉ thấu hiểu sự nô dịch con người vì lợi ích của giai cấp, mà còn tự giác, chủ động trên thực tế để vượt qua, đứng lên trên sự chi phối, tác động của lợi ích này, nỗ lực trong hành động để thực hiện mục tiêu chính trị xóa bỏ sự thống trị của giai cấp, giải phóng con người và xã hội. Tính đại diện lợi ích này cùng với tính tiên phong, gương mẫu, tiêu biểu về trí tuệ đã tạo nên “chất cộng sản” của một đảng cộng sản.

Với “chất cộng sản” của mình, đảng cộng sản có sứ mệnh lãnh đạo, cầm quyền mà không cần phải cạnh tranh hay chia sẻ quyền lực với bất kỳ đảng chính trị nào khác. Trên cơ sở này, HTCT của các nước đi theo con đường XHCN, trên nền tảng của chủ nghĩa Mác - Lênin là HTCT nhất nguyên, một đảng cộng sản cầm quyền.

Một số ưu điểm và nguy cơ của HTCT một đảng cộng sản cầm quyền trong sự so sánh với hệ thống đa đảng cạnh tranh.

Về ưu điểm:

Trong hệ thống nhất nguyên về chính trị, do không có sự cạnh tranh của các đảng chính trị khác, nên đảng cộng sản có sự tập trung quyền lực mạnh, cầm quyền liên tục và tạo được sự thống nhất trong tổ chức thực hiện, có thể tập trung nguồn lực cho thực hiện các mục tiêu ưu tiên, cho các chính sách dài hạn với quy mô lớn, từ đó có thể tạo nên những thay đổi căn bản, sâu rộng trên các lĩnh vực của quốc gia, tạo sự lan tỏa, hiệu ứng của các kết quả đạt được trong đời sống và nhân dân.

Mặt khác, nếu được thiết kế và tổ chức tốt, hoạt động của HTCT sẽ thông suốt và không bị gây ách tắc hay cản trở bởi lực lượng đối lập nào, hạn chế được sự lãng phí và tổn thất về chi phí cơ hội, thời gian, nguồn lực vốn thường xảy ra trong các HTCT đa đảng cạnh tranh. Hơn nữa, tính nhất nguyên và thống nhất của HTCT giúp đảng cộng sản cầm quyền có thể dễ dàng huy động được sự đồng thuận, nguồn lực và sức mạnh của cả HTCT và xã hội để thực hiện mục tiêu chính sách, mang lại lợi ích cho nhân dân và đất nước.

Việc ra quyết định nhanh, kịp thời, quyết đoán trong hoạt động của HTCT một đảng cầm quyền là một thế mạnh vô cùng lớn so với HTCT đa đảng cạnh tranh quyền lực. Đi cùng với quyền lực lớn thì tính chịu trách nhiệm của đảng cầm quyền cũng cao hơn. Trong thể chế một đảng cầm quyền, thành công hay thất bại của các chính sách, và từ đó là sự ổn định, phát triển hay trì trệ, khủng hoảng của quốc gia đều là trách nhiệm của chỉ một đảng cầm quyền, không có đảng chính trị hay một chủ thể chính trị nào khác để đổ lỗi và trốn tránh trách nhiệm.

Về nguy cơ:

Việc tập trung quyền lực mạnh vào một đảng cầm quyền có thể dẫn tới độc tài, chuyên chế khi các đảng viên và tổ chức đảng không còn duy trì được “chất cộng sản”, khi kỷ luật, kỷ cương, các nguyên tắc tổ chức và hoạt động của đảng không được giữ vững và thực hiện nghiêm túc trên thực tế.

HTCT nhất nguyên, tập trung quyền lực giúp đảng có thể đưa ra quyết định nhanh, quyết đoán, nhưng cũng dễ dẫn tới đảng duy ý chí, sai lầm, không phản ánh đúng thực tế khách quan. Điều này dễ xảy ra nếu trong tổ chức và hoạt động của hệ thống thiếu sự phản hồi, giám sát trong đảng, không thực hiện đúng nguyên tắc tập trung dân chủ.

Với tư cách là một đảng cộng sản cầm quyền, đảng phải làm sao bảo đảm đầy đủ tính đại diện lợi ích, trong sạch, vững mạnh, duy trì được “chất cộng sản”, thực thi quyền lực vì lợi ích chung, lợi ích của nhân dân. Một đảng cộng sản cầm quyền cần thiết kế mô hình tổ chức và cơ chế hoạt động bảo đảm tính hợp lý, khoa học trong thực thi quyền lực nhà nước; quá trình ra quyết định vừa bảo đảm tính hợp lý, khoa học, vừa bảo đảm tính dân chủ - đại diện đúng lợi ích của các tầng lớp nhân dân; cơ chế giám sát, phản biện, kiểm soát quyền lực để phát hiện và ngăn chặn có hiệu quả các quyết định sai lầm, lạm dụng quyền lực, đi ngược lại mục tiêu chung của hệ thống.

4. Những vấn đề cần chú ý trong hệ thống chính trị Việt Nam

Hệ thống chính trị Việt Nam được xây dựng trên nền tảng lý luận của chủ nghĩa Mác - Lênin, do Đảng Cộng sản Việt Nam lãnh

đạo, cầm quyền, thực hiện nhất nguyên chính trị. Những thành công của Việt Nam trong phát triển đất nước đã khẳng định và minh chứng cho sự đúng đắn của mô hình HTCT đó. Quá trình đổi mới đất nước và HTCT thời gian qua cho thấy, Đảng Cộng sản Việt Nam đã phát huy được những ưu thế của HTCT một đảng cộng sản cầm quyền, đồng thời đã nhận diện, xác định trúng những nguy cơ; đưa ra, chỉ đạo thực hiện quyết liệt các giải pháp có tính trọng tâm, then chốt và đã đạt được những kết quả đáng ghi nhận. Từ lý luận và thực tiễn hoạt động của HTCT Việt Nam, so sánh với những ưu điểm và hạn chế của hệ thống chính trị đa đảng cạnh tranh quyền lực, có thể gợi mở một số vấn đề cần tiếp tục đổi mới trong HTCT Việt Nam như sau:

Thực hiện xây dựng Đảng và HTCT thật sự trong sạch, vững mạnh bằng thể chế và quy định. Trước tình trạng tham nhũng, suy thoái về đạo đức, lối sống của một bộ phận không nhỏ cán bộ, đảng viên làm giảm sút niềm tin của nhân dân đối với Đảng. Đảng đã đẩy mạnh xây dựng, chỉnh đốn Đảng.

Xây dựng Đảng được xác định là nhiệm vụ “then chốt” và ngày càng được tăng cường, đi sâu vào các vấn đề cốt lõi như phẩm chất đạo đức, tính tiên phong, gương mẫu của đội ngũ cán bộ, đảng viên, trách nhiệm nêu gương, “trách nhiệm càng cao, càng phải gương mẫu”⁽⁷⁾; kiên quyết đấu tranh phòng, chống tham nhũng, tiêu cực, không có vùng cấm, không có ngoại lệ, thực hiện kiểm soát quyền lực trong công tác cán bộ...

Đồng thời, thực hiện xây dựng, chỉnh đốn cả HTCT, đẩy mạnh việc thể chế hóa, pháp luật hóa để thiết lập một cơ chế kiểm soát

quyền lực ổn định, có hiệu quả trong cả HTCT. Đối với kiểm soát quyền lực trong Đảng, cần thiết lập cơ chế báo cáo, chất vấn và giải trình trách nhiệm của lãnh đạo đảng; các cơ quan, tổ chức đảng; các quy định, quy trình, thủ tục bãi miễn các vị trí lãnh đạo đảng khi cần thiết. Ngoài ra, cần cụ thể hóa và thực hiện chủ trương “dựa vào nhân dân để xây dựng Đảng”, vừa có sự bổ sung, hỗ trợ cho sự kiểm tra, giám sát của Đảng, vừa tăng cường sự gắn bó mật thiết giữa Đảng với nhân dân.

Tăng cường tính khoa học, khách quan trong lãnh đạo, cầm quyền của Đảng. Cấu trúc tổ chức bộ máy của HTCT đã có sự phân định rõ hơn chức năng của Đảng và Nhà nước. Tuy nhiên, cần tiếp tục làm rõ mối quan hệ giữa Đảng và Nhà nước từ góc độ các cấp độ quyền lực của hệ thống. Khi đó, các nội dung về lãnh đạo và cầm quyền trong hoạt động của Đảng, mối quan hệ giữa Đảng và Nhà nước cũng như phương thức lãnh đạo, cầm quyền của Đảng sẽ dễ dàng được phân định theo các cấp độ này.

Trong thời gian qua, quan hệ giữa Đảng với Nhà nước, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội đã được xác định rõ ràng và hợp lý hơn, phát huy tính chủ động, thực chất hơn trong hoạt động của Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội. Tuy nhiên, để Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội thực hiện có hiệu quả vai trò là kênh phản hồi hệ thống, chức năng giám sát và phản biện xã hội, cần nghiên cứu xác định cơ chế bảo đảm tính độc lập tương đối về mặt tổ chức và nguồn lực cho hoạt động của các tổ chức này.

Về mở rộng và phát huy dân chủ: cần tiếp tục phát huy dân chủ

trong nội bộ Đảng, trong các tổ chức của HTCT và trong xã hội. Mở rộng dân chủ trong Đảng để phát huy trí tuệ tập thể, hạn chế sự chủ quan, duy ý chí trong quá trình ra quyết định. Để mở rộng dân chủ trong Đảng, cần hình thành các quy định về công khai, minh bạch thông tin, hoạt động của Đảng và đảng viên nắm giữ các vị trí quan trọng: cụ thể hóa quyền bảo lưu ý kiến của thiểu số trên thực tế. Mở rộng dân chủ trong xã hội phải thiết thực và phù hợp với điều kiện thực tế cụ thể, tránh dân chủ hình thức, dễ dẫn tới khả năng bị “nhóm lợi ích” thao túng, lợi dụng để hợp thức hóa lợi ích riêng, đồng thời làm giảm uy tín của Đảng, Nhà nước. Việc mở rộng dân chủ hướng tới mục tiêu tăng cường, huy động sự tham gia của các tầng lớp nhân dân vào các quá trình chính trị, phản ánh các góc nhìn, nhu cầu, lợi ích khác nhau trong xã hội, từ đó góp phần nâng cao chất lượng của các quyết định, chính sách của Đảng, Nhà nước□

(1), (2) C. Mác và Ph.Ăngghen: *Toàn tập*, t.21, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 1995, tr.134, 253.

(3) C.Mác và Ph.Ăngghen: *Toàn tập*, t.8, Sđd, tr.462.

(4) Jean - Jacques Rousseau: *Bàn về khế ước xã hội*, Nxb Lý luận chính trị, Hà Nội, 2006, tr.19.

(5) C.Mác và Ph.Ăngghen: *Toàn tập*, t.7, Sđd, tr.627.

(6) Lưu Văn Sùng: *Các loại hình thể chế chính trị đương đại*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2016, tr.54.

(7) ĐCSVN: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII*, t.I, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2021. tr.183.

Nguồn: Tạp chí Lý luận chính trị.- 2023.- Số 542 (T4).- Tr.128-135.

HỆ THỐNG CHÍNH TRỊ VIỆT NAM TRUYỀN THỐNG VÀ HIỆN ĐẠI TỪ GÓC NHÌN ĐỔI MỚI

TS. DƯƠNG THỊ THỰC ANH
Học viện Báo chí và Tuyên truyền

Thứ tư, 13-11-2024

Nhìn toàn bộ tiến trình lịch sử chính trị của dân tộc, “Hệ thống chính trị” nước ta dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam là một thiết chế chính trị mạnh, mô hình này phù hợp với hoàn cảnh Việt Nam và đúng với quy luật vận động của lịch sử. Và, cũng từ thực tế lịch sử, có thể thấy sức mạnh thực sự của Hệ thống chính trị mà chúng ta đang có chủ yếu không phải do tính chất nhất nguyên mà là do uy tín của Đảng, Nhà nước và lãnh tụ Hồ Chí Minh. Sức sống của hệ thống chính trị là sự phù hợp, thống nhất giữa mục đích của Đảng với nguyện vọng của nhân dân, với nhu cầu phát triển của đất nước. Hệ thống chính trị Việt Nam đương đại, trên cơ sở kết tinh các giá trị thiết chế truyền thống gắn với hiện đại không ngừng đổi mới phát triển khẳng định sức mạnh của Hệ thống tổ chức quyền lực Chính trị Việt Nam có vai trò quyết định thành công xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam XHCN.

1. Nét đặc trưng của hệ thống chính trị trong lịch sử

Khi xem xét hệ thống chính trị trong diễn biến lịch sử không đứt đoạn, cần phải đưa ra một khái niệm bao trùm, chứa đựng được tất cả các giai đoạn phát triển của nó. Trong bài viết, khái niệm hệ thống

chính trị được hiểu là một chỉnh hợp bao gồm một thiết chế quyền lực với một bộ đồ tư tưởng xác định và những chế định đảm bảo cho sự tồn tại và vận hành của nó. Đồng thời, còn bao gồm cả những ứng xử chính trị (những mối quan hệ giữa các yếu tố cấu thành quyền lực và giữa chúng với những người tiếp nhận sự thống trị). Trong hệ thống chính trị, chính quyền nhà nước là yếu tố có vị trí đặc biệt quan trọng. Tất cả các yếu tố khác của thiết chế quyền lực và công chúng, mối quan hệ trong hệ thống chính trị đều hoạt động xoay quanh nó.

Trong hệ thống chính trị, nhà nước là công cụ thực hiện mục đích và bảo vệ quyền lợi của giai cấp (hay tập đoàn) nắm quyền thống trị xã hội nên bao giờ cũng mang một bản chất giai cấp nhất định. Nhà nước luôn gắn liền với xã hội có giai cấp, một khi nhà nước còn tồn tại thì bản chất giai cấp luôn là một thuộc tính của nó. Việt Nam không nằm ngoài những quy luật phổ biến của tiến trình lịch sử nhân loại, nhưng do đặc điểm của điều kiện tự nhiên và hoàn cảnh lịch sử, vấn đề dân tộc luôn là yếu tố chi phối đặc trưng của các thiết chế chính trị. Đặc trưng này hình thành ngay từ thời lập quốc, Văn Lang - Âu lạc là nhà nước kiểu “đại diện công xã” như vậy tồn tại chưa bao lâu thì đất nước mất độc lập. Thực chất của chính quyền đô hộ phương Bắc là nô dịch dân tộc, tồn tại và vận hành vì quyền lợi của người Hán.

Trong suốt hơn một thiên niên kỷ Bắc thuộc, chính quyền được xem là vấn đề chủ quyền quốc gia. Khi ở trong tay ngoại bang nó là công cụ nô dịch, áp bức dân tộc. Trong bối cảnh ấy, người Việt hình thành một cách nhìn nhận về chính quyền theo kiểu rất riêng: hoặc đó là của ta, hoặc đó là của địch (chính quyền nằm trong tay ngoại bang). Họ ít có điều kiện để ý thức rằng chính quyền chỉ là của một giai cấp.

Đó là thực tế lịch sử. Ý thức dân tộc của người Việt được hình thành sớm và được biểu hiện rất mạnh mẽ một phần cũng chính do hoàn cảnh lịch sử trên đây tạo ra truyền thống chính trị ấy đã nhập thân vào các nhà nước phong kiến độc lập trong các giai đoạn lịch sử tiếp theo. Là một quốc gia nhỏ tồn tại bên cạnh đế chế Trung Hoa to lớn với những triều đại phong kiến đầy tham vọng bành trướng, nước Việt Nam không thể tồn tại nếu không có sự cố kết nội bộ chặt chẽ. Muốn vậy, những người cầm quyền phải vì lợi ích dân tộc, phải đề cao dân tộc lên trên hết. Và trên thực tế, trừ một số trường hợp cá biệt, các chính quyền phong kiến Việt Nam thời kỳ đang lên đã từng là người đại diện xứng đáng cho dân tộc.

Thiết chế trung ương tập quyền có điều tiết là hình thức tổ chức nhà nước phù hợp với hoàn cảnh Việt Nam. Do phải thường xuyên đối phó với thiên tai và địch họa, người Việt phải sáng tạo ra một kiểu tổ chức nhà nước đủ sức huy động sức mạnh toàn dân. Dưới thời phong kiến đó là hình thức nhà nước trung ương tập quyền. Những nét đặc sắc của thể chế tập quyền ở Việt Nam là nhà nước trung ương duy trì quyền lực chủ yếu không phải bằng các biện pháp chuyên chế cực đoan, mà trái lại, bằng các chính sách cai trị “khoan thư sức dân” và luôn tìm cách điều tiết, hạn chế quyền lực của mình. Thực tế lịch sử chỉ ra rằng, những người cầm quyền không quan tâm đúng mức đến việc xây dựng chính quyền trung ương vững mạnh hoặc chỉ biết chăm lo củng cố và sử dụng tối đa quyền lực của mình đều đi tới kết cục bại vong.

Thể chế chính trị, với truyền thống dân chủ làng xã, mọi người dân đều có nhu cầu được biết công việc của cộng đồng và sẵn sàng gánh vác việc chung. Đây chính là cái “van hãm” hạn chế những biểu

hiện vi phạm dân chủ. Tính năng động của thiết chế xã hội truyền thống biểu hiện ở năng lực tự quản của mọi cấp cộng đồng. Có rất nhiều mối quan hệ xã hội phức tạp có thể giải quyết theo tập quán, trên nền tảng những đạo lý truyền thống. Nhưng mặt khác, ảnh hưởng của thiết chế xã hội truyền thống cũng đặt ra không ít những vấn đề phải giải quyết. Thói quen trọng tục lệ hơn pháp luật (phép vua thua lệ làng) là một rào cản lớn cho quá trình xây dựng nhà nước pháp quyền. Tính cộng đồng cao luôn đồng hành với khuynh hướng cục bộ, địa phương và gia đình chủ nghĩa. Tập quán dân chủ làng xã dựa trên nguyên tắc hòa đồng thường đi đôi với chủ nghĩa bình quân, cào bằng và nếu không được điều tiết cũng tiềm ẩn nguy cơ tự do, vô chính phủ.

Thiết chế, thể chế chính trị không chỉ có cấu trúc và chức năng của các cơ quan quyền lực mà còn bao gồm cả những triết lý chính trị làm bộ đỡ tư tưởng cho toàn bộ hệ thống đó. Bộ đỡ tư tưởng của các thiết chế chính trị trong lịch sử Việt Nam luôn có sự kết hợp giữa yếu tố ngoại nhập và sức mạnh nội sinh. Các yếu tố ngoại sinh thường được dùng như công cụ thích hợp để thống nhất tư tưởng, phục vụ yêu cầu xây dựng một chính thể trung ương tập quyền mạnh. Chính vì vậy, việc vận dụng các học thuyết ngoại lai đòi hỏi sự sáng tạo phi thường. Trong lĩnh vực này, lịch sử cũng để lại cho chúng ta bài học xương máu của các vua cuối triều Nguyễn. Vì quyền lợi ích kỷ của tập đoàn thống trị, đã sùng bái, rập khuôn Nho giáo một cách giáo điều, đưa đất nước lâm vào tình trạng khủng hoảng tư tưởng trầm trọng vào nửa sau thế kỷ XIX dẫn tới kết cục là dân tộc không còn đủ sức đề kháng trước sự bành trướng của chủ nghĩa thực dân phương Tây.

Cuối thế kỷ XIX nước ta rơi vào ách thống trị của thực dân

Pháp. Chính quyền đô hộ là thực thể đối lập với lợi ích toàn thể dân tộc Việt Nam, là thiết chế chính trị phản dân tộc. Vấn đề dân tộc trở thành tiêu chí xét đoán thái độ của mọi tầng lớp đối với chính quyền thực dân. Trên con đường đi tìm đường giải phóng dân tộc, Nguyễn Ái Quốc đã tiếp thu và vận dụng sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lênin vào hoàn cảnh cụ thể của nước ta, nhờ đó mà cách mạng Việt Nam có được thắng lợi như ngày nay.

2. Phát triển “Hệ thống chính trị” ở nước ta thời kỳ đổi mới

Ở Việt Nam, khái niệm hệ thống chính trị được chính thức sử dụng trong các văn kiện Đảng từ Hội nghị lần thứ sáu Ban Chấp hành Trung ương khóa VI (3-1989) để thay thế cho khái niệm hệ thống chuyên chính vô sản vẫn được dùng trước đây.

Hệ thống chính trị ở nước ta bao gồm Đảng, Nhà nước, Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể chính trị - xã hội, trong đó Đảng giữ vai trò lãnh đạo, Nhà nước đóng vai trò quản lý, Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể chính trị - xã hội có vai trò quan trọng trong việc phát huy quyền làm chủ của nhân dân, xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân.

Mô hình tổng thể hệ thống chính trị của xã hội ta bao gồm: Đảng Cộng sản Việt Nam, Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, Công đoàn Việt Nam, Hội Nông dân Việt Nam, Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh, Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam và Hội Cựu chiến binh Việt Nam. Trong đó Đảng Cộng sản Việt Nam vừa là tổ chức thành viên, vừa là lực lượng lãnh đạo Mặt trận Tổ quốc Việt Nam; 5 đoàn thể nhân dân vừa tồn tại độc lập, vừa là các tổ chức thành viên của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam. Và “mô

hình tổ chức này được thành lập giống nhau ở 4 cấp tương ứng với các cấp hành chính địa phương.

Hệ thống chính trị nước ta hiện nay là hệ thống chính trị quá độ lên chủ nghĩa xã hội chứ không phải là hệ thống chuyên chính vô sản trước đây, cũng chưa phải là hệ thống chính trị xã hội chủ nghĩa dựa trên cơ sở hạ tầng của nó. Hệ thống chính trị quá độ này là bộ phận cơ bản của kiến trúc thượng tầng nước ta có mục đích xây dựng một chế độ xã hội chủ nghĩa với các mục tiêu cơ bản là “dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh”. Hệ thống đó được xây dựng trên nền tảng tư tưởng và kim chỉ nam của chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh về chính trị, pháp lý. Tương ứng với nền tảng tư tưởng về chính trị và pháp lý ấy là các thiết chế Đảng, Nhà nước và các tổ chức chính trị - xã hội hợp pháp của nhân dân. Các thiết chế này liên kết chặt chẽ với nhau thành một hệ thống tạo nên sức mạnh của sự thống nhất.

Trong sự nghiệp đổi mới đất nước, trước hết khẳng định nền tảng tư tưởng của Hệ thống chính trị ở nước ta chính là học thuyết Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh. Mặc dù đã trải qua nhiều biến đổi sâu sắc, đặc trưng về nền tảng tư tưởng vẫn không nằm ngoài chi phối quy luật của lịch sử chính trị Việt Nam. Thực tiễn đã chứng minh, những thành tựu to lớn mà Đảng lãnh đạo hệ thống chính trị và dân tộc ta đã giành được hơn 94 năm qua đều gắn chặt với nhiệm vụ dân tộc. Từ đặc điểm lịch sử có tính quy luật nêu trên, bên cạnh tính chất là đội tiên phong của giai cấp công nhân và nhân dân lao động, Đảng khẳng định, Đảng đại diện cho lợi ích dân tộc cần được coi là một nội dung quan trọng của sự nghiệp đổi mới Hệ thống chính trị.

Cùng với đó, khi đất nước bước vào thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập kinh tế thế giới, phải coi việc sáng tạo và phát triển lý luận về nhà nước không phải là yêu cầu thông thường mà có ý nghĩa sống còn ở bất kỳ thời kỳ nào. Việc xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền XHCN của dân, do dân và vì dân là trung tâm của đổi mới Hệ thống chính trị ở nước ta. Vấn đề phân công phối hợp trong thực hiện quyền lực, giám sát quyền lực đảm bảo mọi quyền lực thuộc về nhân dân dưới sự lãnh đạo của Đảng là điều kiện tiên quyết, mang tính nguyên tắc của nhà nước XHCN.

Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, thiết chế chính trị tập hợp đông đảo các cơ cấu chính trị, dưới sự lãnh đạo của Đảng trong Hệ thống chính trị góp phần khẳng định trong việc tăng cường sức mạnh của khối đại đoàn kết toàn dân tộc, phát huy sức mạnh dân tộc trong xây dựng và bảo vệ vững chắc Tổ quốc Việt Nam XHCN.

Công tác tổ chức cán bộ, trong đó có việc sử dụng nhân tài luôn có ý nghĩa quyết định. Chính vì vậy, đổi mới công tác tổ chức cán bộ và xây dựng chiến lược nhân tài phải là một khâu then chốt trong quá trình tiếp tục đổi mới hệ thống chính trị ở nước ta. Nhìn lại, thời kỳ trước đổi mới, việc lựa chọn cán bộ chủ yếu dựa vào nguồn gốc xuất thân và lòng trung thành với sự nghiệp cách mạng mà chưa thực sự chú ý đến năng lực làm việc. Đối tượng tuyển chọn thường dựa vào những người nổi lên từ phong trào, chưa có một quy hoạch cán bộ tổng thể và chiến lược nhân tài hoàn chỉnh.

Để đáp ứng nhu cầu cán bộ trong bối cảnh hội nhập quốc tế, bên cạnh việc khắc phục những hạn chế và bất cập nêu trên, cần phải có

những giải pháp đổi mới mạnh mẽ, trong đó đặc biệt là xây dựng chiến lược nhân tài. Sự thành công của sự nghiệp cách mạng trong thời kỳ mới phụ thuộc rất nhiều vào năng lực cạnh tranh của đất nước trên trường quốc tế. Đã đến lúc chúng ta cần nhân tài với số lượng lớn và chất lượng cao. Muốn vậy, không thể thụ động chờ đợi sự xuất hiện tự phát mà phải chủ động phát hiện, bồi dưỡng, đào tạo và mạnh dạn sử dụng để khuyến khích sự xuất lộ tài năng. Chiến lược này nên bắt đầu từ việc xây dựng một quy trình khoa học đạt chuẩn quốc tế. Tuy nhiên, cũng cần thấy hết những khó khăn trong công việc này. Đó là lực cản từ tâm lý bình quân cáo bằng vốn rất phổ biến trong xã hội chịu ảnh hưởng nặng nề của các quan hệ làng xã và thói quen rất khó thay đổi trong công tác tổ chức cán bộ của các thời kỳ trước đây.

Xuất phát từ yêu cầu tăng cường sự lãnh đạo của Đảng với toàn bộ hệ thống chính trị nên trong giai đoạn trước đổi mới, chúng ta đã thiết kế một hệ thống lãnh đạo của Đảng từ trung ương xuống địa phương mô phỏng tổ chức nhà nước. Nghĩa là có các Ban tương ứng với chức năng hoạt động của các cơ quan nhà nước. Hệ thống này đã phát huy tác dụng mạnh mẽ trong các giai đoạn lịch sử trước đây, đặc biệt là trong thời chiến, nhưng bắt đầu từ khi tiến hành đổi mới, hệ thống đó bộc lộ những hạn chế và bất cập. Do mối quan hệ lãnh đạo và quản lý giữa Đảng và Nhà nước mới chỉ có những nguyên tắc chung, chưa có những cơ chế hoạt động cụ thể rõ ràng nên dễ dẫn tới tình trạng bao biện làm thay hoặc trông chờ ỷ lại. Kết cục là sự kém hiệu quả trong quản lý và điều hành.

Theo ý kiến của các nhà nghiên cứu thì đổi mới trong vấn đề này

trước hết phải bắt đầu từ nhận thức đúng về vai trò lãnh đạo và vị trí chiến lược của Đảng trong hệ thống chính trị. Theo đó cần sớm khắc phục tình trạng “nhà nước hóa” các cơ quan đảng. Ngoài những lĩnh vực Đảng dứt khoát phải nắm như tư tưởng, tổ chức, kiểm tra, bảo vệ nội bộ, cần phải có những cơ quan chuyên trách (các Ban) làm nhiệm vụ chỉ đạo thường xuyên, việc lãnh đạo các lĩnh vực khác nên thông qua các đồng chí cấp uỷ và tổ chức đảng ở các cơ quan nhà nước.

Thay vì cần phải có nhiều Ban phân theo lĩnh vực, thường là nắm không sâu các vấn đề như các cơ quan nhà nước, Đảng cần tập trung xây dựng một cơ quan nghiên cứu chiến lược. Đó có thể là một Viện nghiên cứu trực thuộc Ban Chấp hành Trung ương, được tạo những điều kiện tốt nhất để tập trung nghiên cứu các vấn đề có tính chiến lược đồng thời nghiên cứu các vấn đề phục vụ trực tiếp cho sự lãnh đạo của Ban Chấp hành Trung ương. Cho đến nay, vẫn còn hậu quả của cơ chế tập trung, quan liêu - bao cấp và phương thức điều hành theo mệnh lệnh. Vì vậy tiếp tục đổi mới hệ thống chính trị không phải chỉ là tìm tòi để đưa ra những thiết kế mới mà còn là sự nhận diện đầy đủ, khoa học để khắc phục những hạn chế vốn có.

Trước tiên đó là sự phình to của biên chế trong các cơ quan nhà nước, thủ tục giấy tờ phiền hà và thiếu nhất quán trong hệ thống. Việc cải cách hành chính không thể tách rời đổi mới toàn diện hệ thống chính trị. Trong khi đó chúng ta đang còn thiếu một thiết kế tổng thể cho hệ thống chính trị trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội với đầy đủ cơ cấu hợp lý và chức năng hoàn chỉnh cho từng bộ phận. Do đó, trong quá trình vận hành khó tránh khỏi tình trạng chồng chéo và

hoạt động kém hiệu quả của mỗi cơ quan.

Lãnh đạo tập thể là vấn đề có tính nguyên tắc nhưng do chưa chú ý đúng mức đến trách nhiệm cá nhân nên nhiều quyết định còn mang tính hình thức và không truy cứu được trách nhiệm cá nhân. Trong quá trình tiếp tục đổi mới hệ thống chính trị cần tăng cường những cơ chế và quy định rõ về quyền hạn và trách nhiệm của thủ trưởng. Chúng ta cũng chưa có một chương trình đào tạo và cơ chế tuyển chọn cán bộ hợp lý cho hệ thống chính trị, do đó việc tuyển dụng nhiều khi còn tùy tiện. Đào tạo cán bộ còn nặng về chính trị, tư tưởng, chưa chú ý đúng mức đến những tri thức và kỹ thuật quản lý cụ thể. Cần sớm xây dựng một quy trình tuyển chọn cán bộ khoa học và thiết kế một chương trình đào tạo cán bộ theo hướng tăng cường kỹ năng quản lý.

Điều hành đất nước trong cơ chế vận hành của nền kinh tế thị trường và ngày càng hội nhập vào đời sống quốc tế, hệ thống luật pháp hoàn chỉnh là công cụ tối cần thiết. Sự lỏng lẻo, thiếu hụt về luật pháp là kẽ hở cho những biểu hiện tiêu cực và nạn tham nhũng phát sinh và phát triển. Trong quá trình hoàn chỉnh hệ thống pháp luật, cần đặc biệt chú ý tới việc giáo dục và xây dựng lối sống theo pháp luật của một xã hội công dân.

Trong công cuộc đổi mới hệ thống chính trị, bên cạnh những biện pháp nâng cao năng lực, tăng cường sức mạnh của hệ thống, cần có những giải pháp mở rộng hơn nữa sự tham gia của nhân dân vào quá trình chính trị, có những chế tài đảm bảo tính thực chất của phản biện xã hội, giảm thiểu đến mức thấp nhất sự chi phối của khuynh hướng cực quyền.

Việt Nam đang đứng trước một vận hội mới, nhưng sự phát triển của đất nước phụ thuộc rất nhiều vào sức mạnh của hệ thống chính trị. Trong thời đại ngày nay, không thể nào trông chờ vào một mô hình sẵn có để học theo mà phải biết bình tĩnh và sáng suốt để xem xét tất cả những cái ta có, nghiên cứu những kinh nghiệm hay của các nước khác, từ đó mới có thể xây dựng được một mô hình hệ thống chính trị tối ưu. Mô hình đó phải phù hợp với đặc điểm dân tộc, đủ khả năng phát huy được sức mạnh tiềm tàng của dân tộc và có thể tranh thủ được các thời cơ quốc tế, đưa đất nước đi lên. Chắc chắn chúng ta phải xây dựng được một hệ thống chính trị như thế□

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Hồ Văn Thông (1999), *Suy ngẫm về những giá trị trong lịch sử tư tưởng chính trị Việt Nam*, Tạp chí Thông tin Chính trị học, số 1 (4-6), tr. 18.
2. Lê Văn Quán (2006), *Lịch sử tư tưởng chính trị - xã hội Việt Nam từ tiền sử đến thời kỳ dựng nước*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội.
3. Lê Minh Quân (Chủ biên) (2009), *Nhà nước trong hệ thống chính trị ở Việt Nam hiện nay*, Nxb. Chính trị quốc gia, H.,
4. *Văn kiện Đại hội Đại biểu Toàn quốc lần thứ XI, XII, XIII*, Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2011.
5. *Nghị quyết Hội nghị lần thứ Tám, chín, mười BCHTƯ Đảng khóa XIII*, Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2023
6. Nguyễn Duy Quý và Nguyễn Tất Viễn (đồng chủ biên) (2010), *Nhà nước pháp quyền XHCN của dân, do dân, vì dân. Lý luận và thực tiễn*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội.

Nguồn: <https://lyluanchinhtrivatruyenthong.vn/he-thong-chinh-tri-viet-nam-truyen-thong-va-hien-dai-tu-goc-nhin-doi-moi-p28792.html>

HOÀN THIỆN MÔ HÌNH TỔ CHỨC TỔNG THỂ CỦA HỆ THỐNG CHÍNH TRỊ Ở VIỆT NAM TRONG TÌNH HÌNH HIỆN NAY*

TS. NGUYỄN VĂN TUÂN

Viện Khoa học tổ chức, cán bộ, Ban Tổ chức Trung ương

Xây dựng mô hình tổ chức tổng thể của hệ thống chính trị Việt Nam là một quá trình phức tạp, lâu dài, phản ánh sự phù hợp với điều kiện lịch sử, văn hóa và chính trị của đất nước. Trong điều kiện mới, với việc Việt Nam hội nhập quốc tế ngày càng sâu rộng, đòi hỏi mô hình tổng thể của hệ thống chính trị tiếp tục được hoàn thiện để đáp ứng yêu cầu của tình hình, thực tiễn trong nước và quốc tế.

Mô hình tổ chức tổng thể hệ thống chính trị ở Việt Nam hiện nay - Thực trạng và một số vấn đề đặt ra

Tổ chức bộ máy hệ thống chính trị (HTCT) có vai trò, vị trí rất quan trọng, là cơ sở hàng đầu bảo đảm cho những thành tựu to lớn của đất nước. Thời gian qua, xây dựng tổ chức bộ máy của Đảng và HTCT có nhiều đổi mới, được triển khai thực hiện quyết liệt với quyết tâm chính trị cao, nỗ lực lớn, có trọng tâm, trọng điểm, bước đầu đạt được những kết quả đáng ghi nhận; cụ thể như sau:

Thứ nhất, mô hình tổng thể HTCT Việt Nam bao gồm các bộ phận cấu thành là Đảng, Nhà nước, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội.

** Mô hình tổ chức tổng thể của Đảng.*

Điều 10, Điều lệ Đảng Cộng sản Việt Nam quy định: “1. Hệ thống tổ chức của Đảng được thành lập tương ứng với hệ thống tổ chức hành chính của Nhà nước. 2. Tổ chức cơ sở đảng được lập tại đơn vị cơ sở hành chính, sự nghiệp, kinh tế hoặc công tác, đặt dưới sự lãnh đạo của cấp ủy huyện, quận, thị xã, thành phố trực thuộc tỉnh. Tổ chức đảng trong Quân đội nhân dân Việt Nam và Công an nhân dân Việt Nam theo quy định tại Chương VI. Việc lập tổ chức đảng ở những nơi có đặc điểm riêng theo quy định của Ban Chấp hành Trung ương”⁽¹⁾. Hệ thống tổ chức đảng được thành lập theo cấp hành chính lãnh thổ là hệ thống cơ bản, bảo đảm sự lãnh đạo trực tiếp, toàn diện của Đảng ở mỗi cấp và của toàn Đảng. Theo quy định của Điều lệ Đảng, tổ chức của Đảng Cộng sản Việt Nam hiện nay bao gồm: Hệ thống tổ chức đảng bộ, chi bộ (từ cấp trung ương, cấp tỉnh, cấp huyện, cấp cơ sở, chi bộ trực thuộc đảng ủy cơ sở, đảng bộ bộ phận, chi bộ cơ sở); cơ quan lãnh đạo của Đảng các cấp (đại hội, cấp ủy); cơ quan tham mưu giúp việc cấp ủy (các ban đảng - các cơ quan tham mưu giúp việc của cấp ủy, đơn vị sự nghiệp của Đảng); tổ chức đảng được lập trong các cơ quan nhà nước và tổ chức chính trị - xã hội (ban cán sự đảng, đảng đoàn).

** Mô hình tổ chức tổng thể của Nhà nước.*

Bộ máy nhà nước là tổng thể cơ quan nhà nước từ Trung ương tới địa phương, được tổ chức, hoạt động theo những nguyên tắc thống nhất, tạo thành cơ chế đồng bộ nhằm thực hiện nhiệm vụ, chức năng của Nhà nước. Theo Hiến pháp, Nhà nước Việt Nam bao gồm: Quốc

hội (là cơ quan đại biểu cao nhất của nhân dân, cơ quan quyền lực nhà nước cao nhất của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam; thực hiện quyền lập hiến, quyền lập pháp, quyết định các vấn đề quan trọng của đất nước và giám sát tối cao đối với hoạt động của Nhà nước); Chủ tịch nước (là người đứng đầu Nhà nước, thay mặt nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam về đối nội và đối ngoại, giữ chức Chủ tịch Hội đồng Quốc phòng và An ninh và thực thi nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định của Hiến pháp); Chính phủ (là cơ quan hành chính nhà nước cao nhất của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, thực hiện quyền hành pháp, là cơ quan chấp hành của Quốc hội), tòa án nhân dân, viện kiểm sát nhân dân; chính quyền địa phương (được tổ chức ở các đơn vị hành chính của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam; cấp chính quyền địa phương gồm có Hội đồng nhân dân (HĐND) và Ủy ban nhân dân (UBND) được tổ chức phù hợp với đặc điểm nông thôn, đô thị, hải đảo, đơn vị hành chính - kinh tế đặc biệt do luật định).

** Mô hình tổ chức tổng thể của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội.*

Theo Hiến pháp năm 2013, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam là tổ chức liên minh chính trị, liên hiệp tự nguyện của tổ chức chính trị, các tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội và các cá nhân tiêu biểu trong các giai cấp, tầng lớp xã hội, dân tộc, tôn giáo, người Việt Nam định cư ở nước ngoài. Mặt trận Tổ quốc Việt Nam là cơ sở chính trị của chính quyền nhân dân; đại diện, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp, chính đáng của nhân dân; tập hợp, phát huy sức mạnh đại đoàn kết

toàn dân tộc, thực hiện dân chủ, tăng cường đồng thuận xã hội; giám sát, phản biện xã hội; tham gia xây dựng Đảng, Nhà nước, hoạt động đối ngoại nhân dân góp phần xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam, Hội Nông dân Việt Nam, Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh, Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam, Hội Cựu chiến binh Việt Nam là các tổ chức chính trị - xã hội được thành lập trên cơ sở tự nguyện, đại diện và bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp, chính đáng của thành viên, hội viên tổ chức mình; cùng các tổ chức thành viên khác của Mặt trận phối hợp và thống nhất hành động trong Mặt trận Tổ quốc Việt Nam.

Thứ hai, về số lượng đối với tổ chức bộ máy của ban, bộ, ngành, đoàn thể, cơ quan trung ương⁽²⁾.

Đối với các cơ quan, đơn vị trực thuộc Trung ương (không bao gồm quân đội, công an), tính đến ngày 18-11-2022, có 1.585 cơ quan, đơn vị, giảm 204 tổ chức so với thời điểm 30-6-2017; trong đó, 26 tổng cục thuộc ban, bộ, ngành và tương đương (giảm 18 tổ chức); 280 cục thuộc ban, bộ, ngành và tương đương (tăng 23 tổ chức); 636 vụ thuộc ban, bộ, ngành và tương đương (giảm 102 tổ chức); 643 cục, vụ thuộc tổng cục (giảm 107 tổ chức).

Đối với các đơn vị sự nghiệp, ở thời điểm 30-6-2023 có 1.203 tổ chức, giảm 384 đơn vị so với thời điểm 30-6-2017; trong đó, 833 đơn vị trực thuộc ban, bộ, ngành trung ương, giảm 22 tổ chức; 132 đơn vị trực thuộc tổng cục, giảm 96 đơn vị; 225 đơn vị trực thuộc cục thuộc ban, bộ, ngành trung ương, giảm 267 đơn vị; có 13 đơn vị trực thuộc cục thuộc tổng cục, tăng 1 đơn vị.

Thứ ba, về sắp xếp tổ chức bộ máy của các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

Đối với tổ chức hành chính⁽³⁾, ở thời điểm 30-6-2023 có 14.056 tổ chức, giảm 6.376 tổ chức so với thời điểm 30-6-2019; trong đó, có 2.179 cơ quan, đơn vị, tổ chức cấp tỉnh, giảm 74 tổ chức; 11.877 phòng và tương đương trực thuộc cơ quan, đơn vị, tổ chức cấp tỉnh, phòng, ban cấp huyện, giảm 6.302 tổ chức. Đối với đơn vị sự nghiệp, ở thời điểm 30-6-2023, có 49.063 đơn vị, giảm 6.504 đơn vị so với thời điểm 30-6-2017.

Thứ tư, về thực hiện một số mô hình mới về tổ chức bộ máy.

Thực hiện Nghị quyết số 18-NQ/TW, ngày 25-10-2017, của Hội nghị Trung ương 6 khóa XII, “Một số vấn đề về tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả” và Kết luận số 34-KL/TW, ngày 7-8-2018, của Bộ Chính trị, “Về thực hiện một số mô hình thí điểm theo Nghị quyết số 18-NQ/TW, ngày 25-10-2017, của Ban Chấp hành Trung ương khóa XII, “Một số vấn đề về tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả”, nhiều cấp ủy đã chủ động triển khai thí điểm thực hiện các mô hình mới về tổ chức bộ máy và đạt được một số kết quả nổi bật như sau: 28 tỉnh hợp nhất đảng bộ khối doanh nghiệp với đảng bộ khối các cơ quan cấp tỉnh⁽⁴⁾; 1 tỉnh hợp nhất sở giao thông vận tải với sở xây dựng⁽⁵⁾; 57/707 đơn vị cấp huyện thuộc 13 tỉnh, thành phố thí điểm hợp nhất ban tổ chức cấp ủy với phòng nội vụ cấp huyện⁽⁶⁾; 1 tỉnh, thành phố thí điểm hợp nhất ban tổ chức cấp ủy với sở nội vụ cấp tỉnh⁽⁷⁾; 52/707 đơn vị

cấp huyện thuộc 11 tỉnh, thành phố thí điểm hợp nhất cơ quan ủy ban kiểm tra cấp ủy với thanh tra cấp huyện⁽⁸⁾; 1/63 tỉnh, thành phố thí điểm hợp nhất cơ quan ủy ban kiểm tra cấp ủy với thanh tra cấp tỉnh⁽⁹⁾; 70/707 đơn vị cấp huyện thuộc 24 tỉnh, thành phố thực hiện hợp nhất văn phòng cấp ủy với văn phòng HĐND và UBND cấp huyện ở những nơi có điều kiện⁽¹⁰⁾; 1/63 tỉnh, thành phố thực hiện tổ chức cơ quan tham mưu giúp việc chung khối Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội cấp tỉnh; 58/707 đơn vị hành chính cấp huyện thuộc 15 tỉnh, thành phố thực hiện tổ chức cơ quan tham mưu giúp việc chung khối Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội cấp huyện... 466/707 đơn vị thuộc 14 tỉnh, thành phố thực hiện mô hình trung tâm phục vụ hành chính công, cơ chế một cửa, một cửa liên thông cấp huyện⁽¹¹⁾.

Tuy nhiên, bên cạnh kết quả, ưu điểm đạt được nói trên, thực tiễn cũng cho thấy, tổ chức bộ máy của HTCT Việt Nam còn những bất cập, hạn chế như sau:

Một là, chức năng, nhiệm vụ, thẩm quyền và phương thức tổ chức, hoạt động giữa Đảng, Nhà nước với các tổ chức - đoàn thể nhân dân chưa thật rõ, còn chồng chéo, trùng lặp.

Nghị quyết số 18-NQ/TW, ngày 25-10-2017, của Hội nghị Trung ương 6 khóa XII, “Một số vấn đề về tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả”, đánh giá: “Chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, tổ chức bộ máy, mối quan hệ của một số cơ quan, tổ chức chưa thật rõ, còn chồng chéo, trùng lặp... Việc phân công, phân cấp, phân quyền giữa các

ngành, các cấp và trong từng cơ quan, tổ chức chưa hợp lý, mạnh mẽ và đồng bộ; còn tình trạng bao biện, làm thay hoặc bỏ sót nhiệm vụ. Kiện toàn tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị gắn với tinh giản biên chế, cơ cấu lại đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức đạt kết quả thấp”; “Chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, trách nhiệm, mối quan hệ công tác của cấp ủy cấp tỉnh, cấp ủy cấp huyện chưa cụ thể hóa đầy đủ; thiếu quy định khung quy chế làm việc của cấp ủy các cấp”⁽¹²⁾.

Các mối quan hệ giữa các tổ chức trong HTCT, nhất là giữa thường vụ cấp ủy và thường trực UBND, giữa một số ban và tổ chức đảng với nhau và với một số cơ quan nhà nước cùng cấp, giữa một số cơ quan nhà nước với nhau và với doanh nghiệp; giữa tập thể cơ quan lãnh đạo và thủ trưởng,... chưa được phân định rõ ràng, rành mạch. Thẩm quyền, trách nhiệm của từng tổ chức, từng cấp, từng ngành chưa được chế định đồng bộ, chặt chẽ, làm cho tổ chức, bộ máy vận hành kém hiệu lực, hiệu quả, kỷ cương, kỷ luật không nghiêm, thưởng phạt không rõ ràng. Văn kiện Đại hội XIII của Đảng thẳng thắn thừa nhận: “Việc hoàn thiện mô hình tổ chức tổng thể của hệ thống chính trị cho phù hợp với tình hình thực tiễn còn chậm, chưa đáp ứng yêu cầu. Việc đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy ở một số nơi thiếu kiên quyết, đồng bộ và chưa đạt mục tiêu đề ra; cá biệt có nơi còn nóng vội, chưa có bước đi vững chắc. Tinh giản biên chế mới tập trung giảm số lượng, chưa thật sự gắn với nâng cao chất lượng và cơ cấu lại đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức, từng bước nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động. Xây dựng vị trí việc làm còn lúng túng, tiến độ triển khai còn chậm so với mục tiêu đề ra”⁽¹³⁾.

Hai là, tổ chức bộ máy của các thiết chế trong hệ thống chính trị còn công kênh, nhiều tầng nấc, đầu mối.

Tổ chức bộ máy của Đảng hiện nay chưa thật sự tinh gọn; một số nhiệm vụ, đối tượng, lĩnh vực công tác còn trùng lặp, chưa phù hợp với yêu cầu, nhiệm vụ trong thời kỳ phát triển mới của đất nước. Bộ máy tổ chức đảng song trùng với bộ máy chính quyền dẫn đến tình trạng trùng lặp về chức năng, nhiệm vụ, không phát huy tốt vai trò của bộ máy nhà nước trong nhiệm vụ tham mưu cho cấp ủy; đồng thời, làm cho bộ máy trở nên công kênh, lãng phí, kém hiệu quả.

Kết quả trong hoạt động lập pháp, giám sát và quyết định vấn đề quan trọng của đất nước chưa đáp ứng sự kỳ vọng của nhân dân. Hoạt động của Quốc hội chưa thực sự chuyên nghiệp, tỷ lệ đại biểu Quốc hội hoạt động chuyên trách tuy đã tăng lên theo từng nhiệm kỳ, nhưng vẫn chưa đáp ứng được yêu cầu, nhiệm vụ; điều kiện bảo đảm hoạt động của đại biểu Quốc hội còn nhiều hạn chế nên chưa đáp ứng khối lượng công việc ngày càng nhiều, yêu cầu ngày càng cao về chất lượng.

Với tư cách là người đứng đầu Nhà nước, thay mặt nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam về đối nội và đối ngoại, Chủ tịch nước là thiết chế có vai trò quan trọng trong các lĩnh vực lập pháp, hành pháp và tư pháp. Tuy nhiên, một số quy định của Hiến pháp về chức năng, nhiệm vụ và mối quan hệ giữa Chủ tịch nước và các cơ quan khác chưa được cụ thể hóa...

Chức năng, nhiệm vụ của Chính phủ và của các cơ quan trong bộ máy hành chính nhà nước trên một số lĩnh vực chưa rõ; phân định chức năng, thẩm quyền quản lý, điều hành giữa Chính phủ (tập thể

Chính phủ) và Thủ tướng Chính phủ chưa thật rõ ràng, rành mạch.

Việc tổ chức hệ thống tòa án nhân dân, viện kiểm sát nhân dân đã được đổi mới một bước theo Hiến pháp năm 2013, nhưng vẫn còn nhiều bất cập về cấu trúc bên trong. Tòa án cấp huyện dàn đều ở tất cả các huyện, kể cả những huyện có quy mô nhỏ hoặc mới được chia tách; đội ngũ thẩm phán bị dàn mỏng, phân tán, trong khi số lượng còn rất thiếu, có nơi xét xử không hết án, nhưng có nơi lại rất ít án...

Tổ chức chính quyền địa phương còn nặng về bảo đảm tính thống nhất trong chỉ đạo, điều hành của Trung ương, chưa phát huy tính chủ động, sáng tạo của từng địa phương. Mô hình tổ chức HĐND và UBND được thiết kế một cách tương đối đồng loạt, chưa thể hiện đặc điểm và yêu cầu quản lý nhà nước trên các địa bàn, lãnh thổ khác nhau và gần như không có sự thay đổi từ khi tiến hành công cuộc đổi mới đến nay. Tổ chức bộ máy của chính quyền tỉnh, thành phố, tuy có sự phân biệt giữa các địa phương có quy mô, tính chất khác nhau, trong quản lý hành chính ở đô thị và ở nông thôn, miền núi, hải đảo, đơn vị hành chính - kinh tế đặc biệt, nhưng sự khác biệt này vẫn chưa thực sự rõ nét cả về tổ chức và thẩm quyền.

Tổ chức bộ máy của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội còn chồng chéo; một số nhiệm vụ của các tổ chức còn trùng lặp, chồng chéo; có biểu hiện nhà nước hóa về tổ chức (được tổ chức 4 cấp tương ứng các cấp hành chính nhà nước; trong đó, có hai cấp trung gian là cấp tỉnh, cấp huyện), nhiều đầu mối bên trong. Cán bộ làm công tác chuyên trách của Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội đang bị công chức hóa (ít dành thời gian gắn với

phong trào hoạt động ở cơ sở và đoàn viên, hội viên). Việc sử dụng biên chế chưa tiết kiệm.

Ba là, tổ chức bộ máy hệ thống chính trị chưa đáp ứng được yêu cầu của công cuộc đổi mới, chưa theo kịp những biến đổi của phát triển kinh tế - xã hội.

Tính kém hiệu quả của HTCT biểu hiện ở nhiều mặt, nổi bật là tổ chức bộ máy vẫn còn chồng chéo, nhiều tầng nấc, nhiều đầu mối; hiệu lực, hiệu quả hoạt động chưa đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ. Cơ chế kiểm soát quyền lực trong Đảng, Nhà nước chưa thật đầy đủ, đồng bộ; hiệu lực, hiệu quả chưa cao. Mỗi quan hệ kiểm tra, giám sát lẫn nhau giữa các cơ quan nhà nước trong thực hiện quyền lập pháp, quyền hành pháp và quyền tư pháp chưa được xác lập rõ ràng. Khả năng tự kiểm soát, tự kiểm tra trong từng tổ chức, cơ quan còn yếu. Sự kiểm tra của Đảng, thanh tra của Nhà nước mới chủ yếu tập trung vào chống vi phạm, mà chưa thật sự chú trọng đến phòng ngừa vi phạm. Nghị quyết số 18-NQ/TW của Hội nghị Trung ương 6 khóa XII đã chỉ ra một trong những nguyên nhân của những hạn chế, bất cập trong tổ chức bộ máy của HTCT là mô hình tổng thể về tổ chức bộ máy của HTCT chưa được hoàn thiện; một số bộ phận, lĩnh vực chưa phù hợp với yêu cầu, nhiệm vụ của thời kỳ mới. Trên cơ sở đó, Ban Chấp hành Trung ương đã đặt ra mục tiêu: “Từ năm 2021 đến năm 2030: Hoàn thành việc nghiên cứu và tổ chức thực hiện mô hình tổ chức tổng thể của hệ thống chính trị phù hợp với yêu cầu, điều kiện cụ thể của nước ta trong giai đoạn mới”; đồng thời, chỉ ra nhiệm vụ, giải pháp: “Khẩn trương nghiên cứu, hoàn thiện và tổ chức thực hiện mô hình tổ chức

tổng thể của hệ thống chính trị phù hợp với yêu cầu xây dựng, hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa, phát triển kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và chủ động, tích cực hội nhập quốc tế”⁽¹⁴⁾.

Giải pháp hoàn thiện mô hình tổ chức tổng thể hệ thống chính trị ở Việt Nam trong thời gian tới

Để hoàn thiện mô hình tổ chức tổng thể HTCT ở Việt Nam, trong thời gian tới, cần chú trọng một số giải pháp sau:

Thứ nhất, thống nhất về nhận thức.

Yêu cầu cấp thiết đặt ra là cần thống nhất quan điểm và có quyết tâm chính trị lớn ở cấp cao của Đảng là Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư, định hướng rõ ràng cũng như lộ trình thực hiện khoa học, hợp lý về một mô hình tổ chức bộ máy mới của HTCT. Cần ban hành các nghị quyết của Trung ương với các hướng dẫn cụ thể tới các cấp, bộ, ban, ngành, địa phương về vấn đề này. Tăng cường tuyên truyền, nâng cao nhận thức của cấp ủy, cán bộ, đảng viên trong hệ thống của Đảng, chính quyền, các tổ chức chính trị - xã hội và nhân dân về mô hình tổ chức bộ máy mới. Tổ chức thực hiện việc xây dựng mô hình tổ chức bộ máy mới trong thực tiễn, trên tinh thần nghiên cứu, thảo luận, trao đổi, học hỏi kinh nghiệm và triển khai từng bước, làm các nội dung dễ và đã sáng tỏ trước, tiến hành thí điểm các vấn đề phức tạp, khó khăn và tổng kết, đánh giá kỹ càng trước khi thực hiện đồng loạt. Tăng cường lãnh đạo, chỉ đạo nâng cao chất lượng hoạt động của các cơ quan truyền thông đại chúng trong tuyên truyền về

xây dựng mô hình tổ chức bộ máy mới.

Thứ hai, hoàn thiện bộ máy của các khối và các cơ quan, tổ chức trong hệ thống chính trị.

Trong thời điểm hiện nay, cần tập trung sắp xếp tinh gọn, hoàn thiện các khối và các cơ quan, tổ chức trong từng khối nhằm tăng cường vai trò lãnh đạo, cầm quyền của Đảng; nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý của Nhà nước; phát huy vai trò tập hợp, xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân tộc, giám sát, phản biện xã hội, phát huy quyền làm chủ của nhân dân. Việc sắp xếp, hoàn thiện theo hướng: 1- Bảo đảm sự đồng bộ giữa các khối và giữa các cơ quan, tổ chức trong khối; 2- Phù hợp với thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và việc xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa; 3- Tiếp tục tinh gọn đầu mối, tinh giản biên chế, giảm khâu trung gian; 4- Tăng cường hiệu quả cơ chế phân cấp, phân quyền, phân công, phối hợp và kiểm soát giữa các cơ quan nhà nước trong việc thực hiện các quyền lập pháp, hành pháp và tư pháp; 5- Tiếp tục phân cấp, phân quyền đi đôi với xác định rõ trách nhiệm của tổ chức và cá nhân, nhất là người đứng đầu trong bộ máy nhà nước.

Thứ ba, hoàn thiện thể chế, cơ chế, quy định, chính sách phù hợp.

Rà soát toàn bộ hệ thống quy định của Đảng, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các tổ chức chính trị - xã hội, các luật và các văn bản của Nhà nước liên quan để sửa đổi, bổ sung phù hợp với mô hình tổ chức bộ máy mới, song phải trên cơ sở Điều lệ Đảng, Hiến pháp, Điều lệ của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và của từng tổ chức chính trị - xã hội

hiện hành. Tăng cường và nâng cao chất lượng nghiên cứu khoa học về tổ chức bộ máy của HTCT và chuẩn bị tốt cho việc sửa đổi Điều lệ Đảng, Điều lệ Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, điều lệ của các tổ chức chính trị - xã hội và việc sửa đổi Hiến pháp vào thời điểm thích hợp. Theo dõi, bám sát thực tiễn hoạt động của các tổ chức trong HTCT các cấp được xây dựng theo mô hình tổ chức bộ máy mới, coi trọng đánh giá hiệu quả hoạt động, có chủ trương, giải pháp đúng đắn, điều chỉnh kịp thời nhằm phát huy ưu điểm, khắc phục hạn chế, bất cập, để các tổ chức đó tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả hơn.

Cần đặc biệt coi trọng và thực hiện tốt việc xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức tốt (đủ phẩm chất, năng lực, trình độ) thích ứng với mô hình tổ chức bộ máy mới. Đổi mới chính sách cán bộ phù hợp với yêu cầu đổi mới, kiện toàn mô hình tổ chức bộ máy mới. Đẩy mạnh xây dựng, ban hành và tổ chức thực hiện chủ trương, chính sách của Đảng về đào tạo, bồi dưỡng, sử dụng và quản lý cán bộ theo chức danh cán bộ, bảo đảm lợi ích vật chất và động viên tinh thần cán bộ theo chức danh cán bộ và vị trí việc làm; tiến hành rà soát, xử lý các văn bản hiện hành, xây dựng và ban hành các văn bản mới của Đảng về chính sách cán bộ theo chức danh cán bộ và vị trí việc làm. Lãnh đạo, chỉ đạo chặt chẽ việc triển khai thực hiện thí điểm các văn bản của Đảng về chính sách cán bộ, nhất là các văn bản mới ban hành, đúc rút kinh nghiệm đối với những quyết định cụ thể của từng loại văn bản; triển khai mạnh mẽ việc trả tiền lương, tiền thưởng cho cán bộ, công chức theo chức danh cán bộ và vị trí việc làm. Phát huy mạnh mẽ, hiệu quả vai trò của nhân dân tham gia đổi mới chính sách cán bộ phù hợp

với yêu cầu đổi mới, kiện toàn HTCT theo mô hình tổ chức mới.

Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát việc thực hiện và xử lý kịp thời các vấn đề phát sinh. Tăng cường lãnh đạo ủy ban kiểm tra và các cơ quan chuyên trách tham mưu, giúp việc của mình tiến hành hiệu quả công tác kiểm tra, giám sát theo quy định, coi trọng hơn việc làm tốt công tác giám sát. Xây dựng chương trình, kế hoạch, xác định nội dung công tác kiểm tra, giám sát hằng quý, hằng năm, nhiệm kỳ; lựa chọn hình thức kiểm tra, giám sát phù hợp và triển khai thực hiện. Thực hiện tốt việc lãnh đạo kiểm tra, giám sát và tổ chức thực hiện nhiệm vụ kiểm tra giám sát theo đúng quy định của Điều lệ Đảng; coi trọng và tạo điều kiện thuận lợi cho Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các tổ chức chính trị - xã hội và nhân dân tham gia công tác giám sát, kiểm tra việc xây dựng mô hình tổ chức bộ máy mới.

Đẩy mạnh tổng kết thực tiễn, nghiên cứu lý luận về khoa học tổ chức gắn với điều kiện thực tiễn Việt Nam trong thời kỳ đổi mới hiện nay, có tính đến đặc điểm của tình hình thế giới và khu vực.

Thứ tư, đổi mới mối quan hệ giữa Đảng, Nhà nước và Mặt trận Tổ quốc Việt Nam với các tổ chức chính trị - xã hội.

Cần nhận thức rõ vị trí, vai trò và trách nhiệm của Đảng Cộng sản Việt Nam trong HTCT, Đảng lãnh đạo, dẫn dắt sự nghiệp cách mạng, xây dựng và phát triển đất nước theo định hướng xã hội chủ nghĩa, hướng tới xây dựng một nước Việt Nam “dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh”. Tiếp tục đổi mới, hoàn thiện HTCT gắn với đổi mới phương thức lãnh đạo, cầm quyền của Đảng.

Tiếp tục đổi mới tổ chức và hoạt động của bộ máy nhà nước; xây

dựng bộ máy nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa tinh gọn, hiệu lực và hiệu quả; đẩy mạnh phân cấp, phân quyền bảo đảm quản lý thống nhất, phát huy tính chủ động, sáng tạo và trách nhiệm của các cấp, các ngành. Xây dựng nhà nước kiến tạo, chính phủ liêm chính, hành động, phục vụ; nền hành chính hiện đại, chuyên nghiệp, kỷ cương, công khai, minh bạch. Tiếp tục xây dựng nền tư pháp Việt Nam chuyên nghiệp, hiện đại, công bằng, nghiêm minh, liêm chính, phụng sự Tổ quốc, phục vụ nhân dân.

Xây dựng cơ chế, quy chế phối hợp trên cơ sở phân định rõ ràng, rành mạch chức năng giữa Đảng, Nhà nước, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội; tiếp tục đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng đối với Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội, bảo đảm sự lãnh đạo tập trung, thống nhất của Đảng; đồng thời, tôn trọng nguyên tắc hiệp thương dân chủ trong tổ chức và hoạt động của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, phát huy mạnh mẽ vai trò, tính tự chủ, năng động, sáng tạo của Mặt trận và các tổ chức chính trị - xã hội. Tăng cường sự phối hợp giám sát của Đảng với giám sát của Nhà nước và của Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội để phát huy sức mạnh tổng hợp và nâng cao hiệu lực giám sát, tránh chồng chéo, trùng lặp, lãng phí nguồn lực, tạo sự vận hành đồng bộ, thông suốt của HTCT, mở rộng và phát huy dân chủ trong xã hội, nâng cao chất lượng của cả HTCT.

Phát huy vai trò của nhân dân tham gia xây dựng Đảng và HTCT, tăng cường mối quan hệ gắn bó mật thiết giữa Đảng và Nhà nước với nhân dân. Đổi mới nội dung, phương thức tuyên truyền, vận động nhân dân theo hướng thiết thực, lấy nhu cầu, lợi ích chính đáng

của các tầng lớp nhân dân làm động lực quan trọng cho công tác vận động, tập hợp nhân dân; hướng mạnh về cơ sở, chú ý những nhân tố mới, những cách làm sáng tạo, có ảnh hưởng lan tỏa sâu rộng□

* Bài viết là kết quả nghiên cứu của Đề tài khoa học cấp quốc gia: “*Mô hình tổ chức tổng thể của hệ thống chính trị phù hợp với yêu cầu, điều kiện cụ thể của nước ta trong tình hình mới*” (Mã số KX.04.39/21-25) thuộc Chương trình khoa học xã hội trọng điểm quốc gia giai đoạn 2021 - 2025.

(1) *Điều lệ Đảng Cộng sản Việt Nam*, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2011, tr. 19 - 20

(2) Số liệu trong bài viết được nhóm nghiên cứu tổng hợp dựa trên báo cáo của các cơ quan, ban, bộ, ngành.

(3) Tổ chức bộ máy của các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương:

- Tổ chức hành chính khối Đảng cấp tỉnh bao gồm các cơ quan tham mưu, giúp việc cấp ủy, các đảng ủy khối và đảng ủy trực thuộc cấp tỉnh.
- Tổ chức hành chính khối Đảng cấp huyện bao gồm các cơ quan tham mưu, giúp việc cấp ủy, các đảng ủy trực thuộc cấp ủy cấp huyện có biên chế chuyên trách.
- Tổ chức chính quyền địa phương cấp tỉnh bao gồm các cơ quan chuyên môn thuộc UBND cấp tỉnh và cơ quan hành chính khác ở cấp tỉnh.
- Tổ chức chính quyền địa phương cấp huyện bao gồm các cơ quan chuyên môn thuộc UBND cấp huyện và cơ quan hành chính khác ở cấp huyện.
- Tổ chức hành chính khối Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội cấp tỉnh bao gồm các cơ quan tham mưu, giúp việc Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội cấp tỉnh.
- Tổ chức hành chính khối Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội cấp huyện bao gồm các cơ quan tham mưu, giúp việc Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội cấp huyện.

(4) Sơn La, Lào Cai, Hà Giang, Cao Bằng, Bắc Ninh, Hưng Yên, Ninh Bình, Hà Tĩnh, Quảng Trị, Thừa Thiên Huế, Phú Yên, Kon Tum, Gia Lai, Đắk Nông, Ninh Thuận, Bình Thuận, Bình Phước, Bình Dương, Tây Ninh,

Bà Rịa - Vũng Tàu, Long An, Bến Tre, Đồng Tháp, Vĩnh Long, Trà Vinh, Sóc Trăng, An Giang, Cà Mau.

(5) Lào Cai.

(6) Hải Phòng, Điện Biên, Yên Bái, Hà Giang, Tuyên Quang, Quảng Ninh, Nam Định, Nghệ An, Hà Tĩnh, Quảng Ngãi, Kon Tum, Bình Thuận, Trà Vinh.

(7) Hà Giang.

(8) Hải Phòng, Điện Biên, Yên Bái, Hà Giang, Tuyên Quang, Quảng Ninh, Hà Tĩnh, Quảng Ngãi, Kon Tum, Bình Thuận, Trà Vinh.

(9) Hà Giang.

(10) Hải Phòng, Điện Biên, Yên Bái, Hà Giang, Tuyên Quang, Quảng Ninh, Bắc Ninh, Hải Dương, Hà Nam, Nam Định, Ninh Bình, Hà Tĩnh, Quảng Trị, Quảng Ngãi, Phú Yên, Kon Tum, Ninh Thuận, Bình Thuận, Bình Phước, Bà Rịa - Vũng Tàu, Vĩnh Long, Trà Vinh, Cần Thơ, An Giang.

(11) Hà Nội, Hải Phòng, Điện Biên, Lào Cai, Bắc Kạn, Bắc Giang, Quảng Trị, Bình Định, Phú Yên, Đắk Lắk, Bình Phước, Cần Thơ, Hậu Giang, Kiên Giang.

(12) Nghị quyết số 18-NQ/TW, ngày 25-10-2017, của Hội nghị Trung ương 6 khóa XII, “Một số vấn đề về tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả”, <https://tulieuvankien.dangcongsan.vn/van-kien-tu-lieu-ve-dang/hoi-nghi-bch-trung-uong/khoa-xii/nghi-quyet-so-18-nqtw-ngay-25102017-hoi-nghi-lan-thu-sau-ban-chap-hanh-trung-uong-dang-khoa-xii-mot-so-van-de-ve-tiep-568>

(13) *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII*, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2021, t. II, tr. 184

(14) Nghị quyết số 18-NQ/TW, ngày 25-10-2017, của Hội nghị Trung ương 6 khóa XII, “Một số vấn đề về tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả”, <https://tulieuvankien.dangcongsan.vn/van-kien-tu-lieu-ve-dang/hoi-nghi-bch-trung-uong/khoa-xii/nghi-quyet-so-18-nqtw-ngay-25102017-hoi-nghi-lan-thu-sau-ban-chap-hanh-trung-uong-dang-khoa-xii-mot-so-van-de-ve-tiep-568>

Nguồn: Tạp chí Cộng sản.- 2024.- Số 1030 (T1).- Tr.45-52.

VỊ TRÍ, VAI TRÒ VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA HỆ THỐNG CHÍNH TRỊ CẤP CƠ SỞ Ở VIỆT NAM HIỆN NAY(*)

PGS, TS. HÀ TRỌNG THÀ
Trường Đại học An ninh nhân dân

Nhận ngày 06 tháng 10 năm 2022. Chấp nhận đăng ngày 20 tháng 11 năm 2022.

Tóm tắt: Hệ thống chính trị cấp cơ sở (xã, phường, thị trấn) là nền tảng của hệ thống chính trị ở Việt Nam, có vai trò quan trọng trong xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Vì thế, việc xây dựng hệ thống chính trị cấp cơ sở trong sạch, vững mạnh, đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ trong tình hình mới của đất nước hiện nay và trong thời gian tới là nhiệm vụ hết sức quan trọng. Bài viết này trình bày vị trí, vai trò và đặc điểm của hệ thống chính trị cấp cơ sở ở Việt Nam hiện nay, góp phần khẳng định thêm cơ sở lý luận và thực tiễn để phát huy tối ưu vai trò của hệ thống chính trị cấp cơ sở trong xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.

Từ khóa: *Hệ thống chính trị cấp cơ sở, vị trí, vai trò, đặc điểm, Việt Nam.*

1. Vị trí, vai trò của hệ thống chính trị cơ sở ở Việt Nam hiện nay

Nhà nước Việt Nam đang được xây dựng là Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của nhân dân, do nhân dân và vì nhân dân, do Đảng Cộng sản Việt Nam lãnh đạo. Trong hệ thống chính trị bốn cấp, hệ thống chính trị cấp cơ sở có vị trí, vai trò rất quan trọng bởi vì nó gần bó trực tiếp với nhân dân. Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ

nghĩa Việt Nam quy định: “Chính quyền địa phương được tổ chức ở các đơn vị hành chính của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam. Cấp chính quyền địa phương gồm có Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân được tổ chức phù hợp với đặc điểm nông thôn, đô thị, hải đảo, đơn vị hành chính - kinh tế đặc biệt do luật định”⁽¹⁾. “Chính quyền địa phương tổ chức và bảo đảm việc thi hành Hiến pháp và pháp luật tại địa phương; quyết định các vấn đề của địa phương do luật định; chịu sự kiểm tra, giám sát của cơ quan nhà nước cấp trên”⁽²⁾. Hiến pháp năm 2013 cũng xác định: “Hội đồng nhân dân là cơ quan quyền lực nhà nước ở địa phương, đại diện cho ý chí, nguyện vọng và quyền làm chủ của Nhân dân, do nhân dân địa phương bầu ra, chịu trách nhiệm trước Nhân dân địa phương và cơ quan nhà nước cấp trên. Hội đồng nhân dân quyết định các vấn đề của địa phương do luật định; giám sát việc tuân theo Hiến pháp và pháp luật ở địa phương và việc thực hiện nghị quyết của Hội đồng nhân dân”⁽³⁾; “Ủy ban nhân dân ở cấp chính quyền địa phương do Hội đồng nhân dân cùng cấp bầu là cơ quan chấp hành của Hội đồng nhân dân, cơ quan hành chính nhà nước ở địa phương, chịu trách nhiệm trước Hội đồng nhân dân và cơ quan hành chính nhà nước cấp trên. Ủy ban nhân dân tổ chức việc thi hành Hiến pháp và pháp luật ở địa phương; tổ chức thực hiện nghị quyết của Hội đồng nhân dân và thực hiện các nhiệm vụ do cơ quan nhà nước cấp trên giao”⁽⁴⁾. Vị trí, vai trò của hệ thống chính trị cấp cơ sở thể hiện qua những điểm cơ bản sau đây:

Một là, hệ thống chính trị cấp cơ sở là hệ thống chính trị cuối cùng gần dân nhất trong hệ thống hành chính nhà nước bốn cấp ở nước ta, là nền tảng của hệ thống chính trị. Chủ tịch Hồ Chí Minh đã khẳng

định: “cấp xã là gần gũi nhân dân nhất, là nền tảng của hành chính, cấp xã làm được việc thì mọi công việc đều xong xuôi”⁽⁵⁾. Thực tế đã chứng minh, hệ thống chính trị cấp trên thông qua vai trò của hệ thống chính trị cơ sở để phát huy vai trò lãnh đạo, quản lý xã hội; nếu hệ thống chính trị cấp cơ sở không vững mạnh thì hệ thống chính trị cấp trên khó có thể phát huy tác dụng. Tất cả hệ thống chính trị cấp trên muốn thực hiện có hiệu lực, hiệu quả vai trò của mình, thì nhất thiết phải dựa vào và thông qua vai trò của hệ thống chính trị cấp cơ sở.

Hai là, vị trí, vai trò rất quan trọng của hệ thống chính trị cấp cơ sở được quy định trước hết và tập trung ở tính chất rộng khắp, gần dân và chức năng, nhiệm vụ của nó. Hệ thống chính trị cấp cơ sở trải khắp trên mọi miền, mọi vùng của cả nước; nhân dân quan hệ, tiếp xúc với hệ thống chính trị trước hết và trực tiếp là với hệ thống chính trị cấp cơ sở. Do đó, bản chất ưu việt, hình ảnh của một hệ thống chính trị của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân hay sự vi phạm, những mâu thuẫn phát sinh trong quan hệ giữa chính quyền với dân, đều được bộc lộ trực tiếp ở cơ sở. Với tư cách “nền tảng của hệ thống chính trị”, hệ thống chính trị cấp cơ sở có vững mạnh thì hệ thống chính trị quốc gia mới thực sự vững mạnh và hoạt động có hiệu lực, hiệu quả.

Ba là, hệ thống chính trị cấp cơ sở là cấp lãnh đạo, quản lý nhà nước toàn diện các mặt chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội, an ninh, quốc phòng trên địa bàn cơ sở, những công việc thường ngày liên quan trực tiếp đến đời sống cư dân, cộng đồng ở cơ sở. Hệ thống chính trị cơ sở là nơi trực tiếp lãnh đạo, tổ chức và thực hiện đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước đến tận

người dân; trực tiếp kiểm nghiệm sự đúng đắn, chính xác của đường lối, chủ trương, chính sách, pháp luật của Đảng, Nhà nước. Hiệu quả hoạt động của hệ thống chính trị cấp cơ sở là nền tảng quan trọng để tạo lập hiệu lực, hiệu quả hoạt động của cả hệ thống chính trị quốc gia.

Bốn là, hệ thống chính trị cấp cơ sở là nơi trực tiếp thực hiện và đưa các quyền dân chủ, quyền con người, quyền công dân đi vào cuộc sống; trực tiếp công nhận, tôn trọng, bảo vệ, bảo đảm các quyền con người, quyền công dân về chính trị, dân sự, kinh tế, văn hóa, xã hội theo Hiến pháp, pháp luật; chăm lo nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân. Cùng với đó, hệ thống chính trị cấp cơ sở là cấp hướng dẫn, giám sát các hoạt động tự quản của nhân dân, tạo điều kiện trực tiếp để nhân dân phát huy mọi khả năng phát triển kinh tế - xã hội. Đây là nét đặc thù của hệ thống chính trị cấp cơ sở so với các cấp chính quyền khác.

Năm là, hệ thống chính trị cấp cơ sở là nơi lưu giữ các giá trị văn hóa truyền thống, phong tục, tập quán của cộng đồng dân cư. Hệ thống chính trị cấp cơ sở có vai trò rất quan trọng trong việc gắn kết giữa các thành viên trong gia đình, cộng đồng dân cư, gìn giữ, phát huy bản sắc văn hóa dân tộc, phát triển các giá trị con người - giá trị văn hóa - giá trị xã hội, đáp ứng yêu cầu của giai đoạn phát triển mới, góp phần xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân, xây dựng gia đình, đời sống văn hóa khu dân cư.

2. Đặc điểm của hệ thống chính trị cấp cơ sở ở Việt Nam hiện nay

Với vị trí là một bộ phận quan trọng của kiến trúc thượng tầng, hệ thống chính trị cấp cơ sở không chỉ mang tính chất của kiến trúc

thượng tầng xã hội chủ nghĩa của Việt Nam, mà còn được xây dựng trên cơ sở hạ tầng mang đặc trưng của tồn tại xã hội ở cấp cơ sở. Hiện nay, hệ thống chính trị cấp cơ sở ở nước ta có các đặc điểm sau:

Một là, hệ thống chính trị cấp cơ sở được tổ chức và hoạt động theo nguyên tắc tập trung dân chủ

Điều 8, Hiến pháp năm 2013 xác định: “Nhà nước được tổ chức và hoạt động theo Hiến pháp và pháp luật, quản lý xã hội bằng Hiến pháp và pháp luật, thực hiện nguyên tắc tập trung dân chủ”⁽⁶⁾. Tập trung dân chủ là nguyên tắc cơ bản và hàng đầu trong tổ chức và hoạt động của bộ máy Nhà nước Việt Nam, trong đó có hệ thống chính trị cấp cơ sở. Điều 112, Hiến pháp năm 2013 quy định: “Chính quyền địa phương tổ chức và bảo đảm việc thi hành Hiến pháp và pháp luật tại địa phương; quyết định các vấn đề của địa phương do luật định; chịu sự kiểm tra, giám sát của cơ quan nhà nước cấp trên”⁽⁷⁾. Theo chế định đó, tập trung là chủ đạo, tập trung trên cơ sở dân chủ, phân tự quản cho chính quyền địa phương có một số ít nội dung, nhưng căn bản là tập trung dân chủ. Trong quan hệ giữa Trung ương và địa phương, hệ thống chính trị cấp cơ sở ở Việt Nam là sự kết hợp cả hai nhân tố tập quyền và phân quyền, trong đó tập quyền là chủ đạo, nhưng có phân cấp cho chính quyền địa phương. Đối với hệ thống chính trị cấp cơ sở, nguyên tắc tổ chức và hoạt động này có những mặt mạnh, nhưng cũng bộc lộ những bất cập, nhất là trước đòi hỏi phải phát huy cao tính chủ động, năng động, sáng tạo, trách nhiệm của hệ thống chính trị cấp cơ sở đối với sự phát triển toàn diện trên địa bàn, đòi hỏi phải nâng cao tính tự chủ - tự quản của hệ thống chính trị cấp cơ sở trong hệ thống thống nhất của hệ thống chính trị ở nước ta.

Hai là, các tổ chức trong hệ thống chính trị cấp cơ sở đặt dưới sự lãnh đạo của đảng bộ cơ sở nhằm thực hiện quyền làm chủ của nhân dân địa phương.

Các tổ chức trong hệ thống chính trị cấp cơ sở là những tổ chức chính trị, chính trị - xã hội có uy tín, có mối quan hệ chặt chẽ với nhau trong một chỉnh thể thống nhất. Mối quan hệ giữa các bộ phận cấu thành hệ thống chính trị cấp cơ sở tạo ra tính thống nhất ở cơ sở dưới sự lãnh đạo của tổ chức cơ sở đảng về những nội dung cơ bản, như đường lối, chủ trương, phương hướng phát triển kinh tế - xã hội và công tác tổ chức, cán bộ. Các tổ chức trong hệ thống chính trị cấp cơ sở thống nhất tiến hành các mặt hoạt động trong khuôn khổ pháp luật của Nhà nước và sự quản lý, điều hành của chính quyền địa phương theo các nguyên tắc Đảng lãnh đạo, tập trung dân chủ, tất cả quyền lực thuộc về nhân dân. Tuy có chức năng, nhiệm vụ, tổ chức bộ máy và phương thức hoạt động khác nhau, song các tổ chức của hệ thống chính trị cấp cơ sở thống nhất cùng hướng tới các mục tiêu chung là phát triển kinh tế - xã hội, chăm lo đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân địa phương, vì mục tiêu chung là “dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh”. Trong sự thống nhất của hệ thống chính trị cấp cơ sở, Đảng là bộ phận hạt nhân, giữ vai trò lãnh đạo của hệ thống; chính quyền là lực lượng chủ đạo, giữ vai trò quản lý, điều hành và các đoàn thể nhân dân là tổ chức đại diện quyền làm chủ của các tầng lớp nhân dân.

Ba là, hệ thống chính trị cấp cơ sở là cầu nối giữa hệ thống chính trị cấp trên với các tổ chức, cá nhân cấp cơ sở; trực tiếp thực thi quyền lực nhà nước, triển khai, tổ chức thực hiện chủ trương, đường

lối của Đảng và chính sách, pháp luật của Nhà nước trên địa bàn.

Hệ thống chính trị cấp cơ sở là “cầu nối” trực tiếp giữa Đảng, Nhà nước với nhân dân. Dân gắn với Đảng và Nhà nước trước hết và trực tiếp thông qua hệ thống chính trị cấp cơ sở. Hệ thống chính trị cấp cơ sở trực tiếp tuyên truyền, phổ biến, giáo dục đường lối và chính sách, pháp luật của Đảng, Nhà nước cho nhân dân hiểu và thực hiện; cũng là nơi trực tiếp nắm bắt tâm tư, nguyện vọng, ý chí của nhân dân; trực tiếp tạo lập lòng tin của dân với Đảng và Nhà nước. Trên thực tế, hệ thống chính trị cấp cơ sở đóng vai trò chủ chốt trong việc đáp ứng các nhu cầu giải quyết công việc cho người dân. Việc bảo đảm dân chủ ở cơ sở và nâng cao chất lượng phục vụ, quản lý của chính quyền cấp cơ sở là tiền đề cho sự ổn định và phát triển. Hầu hết các vụ việc khiếu kiện, mất ổn định đều có nguyên nhân là do hệ thống chính trị, bộ máy chính quyền cơ sở hoạt động chưa hiệu quả, chưa dân chủ hoặc chưa đúng các nguyên tắc. Do vậy, hệ thống chính trị cấp cơ sở phải *gắn bó mật thiết với nhân dân, trực tiếp chịu sự kiểm tra, giám sát của nhân dân.*

Bốn là, hệ thống chính trị cấp cơ sở có tính tự quản và tính vùng miền, nhất là hệ thống chính trị ở xã.

Đặc điểm này của hệ thống chính trị cấp cơ sở thường thấy ở xã. Hệ thống chính trị ở nông thôn là những cộng đồng dân cư tồn tại đã lâu đời, có sự gắn bó chặt chẽ với nhau về nhiều phương diện, như kinh tế, văn hóa, xã hội, huyết thống, phong tục, tập quán, tôn giáo, ngành nghề và những sinh hoạt chung khác. Phạm vi mỗi xã thường bao gồm các cộng đồng dân cư nhỏ hơn, như làng, thôn, ấp, bản với

các mối quan hệ trong cộng đồng dân cư thường được điều chỉnh không chỉ bằng pháp luật, mà còn bằng nhiều quy định và thiết chế phi chính thức, những quy định và thiết chế do chính những thành viên trong cộng đồng lập ra. Các thiết chế này, một mặt có tác động tích cực đối với sự phát triển kinh tế - xã hội, nhưng mặt khác cũng có không ít tác động tiêu cực đối với sự phát triển. Do vậy, cần phải nhận thức đúng và có cơ chế quản lý phù hợp, hiệu quả để hạn chế các tác động tiêu cực. Đặc điểm này ảnh hưởng rất lớn đến nội dung, phương thức và cơ chế hoạt động của hệ thống chính trị cấp cơ sở không chỉ dựa trên luật pháp, mà còn phải kết hợp hợp lý, phù hợp và hiệu quả với các thiết chế và quy định phi chính thức của cộng đồng dân cư.

Năm là, đội ngũ cán bộ, công chức của hệ thống chính trị cơ sở, nhất là ở xã hầu hết là người ở tại địa phương, có quan hệ huyết thống, họ mạc, làng xóm, quan hệ hoạt động kinh tế, xã hội rất rộng rãi và sâu sắc với dân cư trên địa bàn.

Đặc điểm này có tác động hai mặt trong triển khai thực hiện chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, một mặt, tạo ra sự thuận lợi trong công tác tuyên truyền, vận động, thuyết phục nhân dân; mặt khác, dễ bị các quan hệ dòng tộc, quan hệ xóm làng “tắt lửa tối đèn có nhau” chi phối làm suy yếu, “biến dạng” các quy định pháp luật, chính sách đúng đắn trên địa bàn. Điều này đòi hỏi việc quản lý, phát triển xã hội trên địa bàn cơ sở phải có sự kết hợp rất hiệu quả giữa thể chế pháp lý và các thể chế phi chính thức trên địa bàn (thường có thể có sự khác nhau giữa các vùng, các dân tộc).

Sáu là, hệ thống chính trị cấp cơ sở, nhất là ở nông thôn, là cấp

rộng lớn nhất của đất nước.

Xét về không gian địa lý, quy mô dân số, cũng như môi trường hoạt động kinh tế, xã hội của dân cư, hệ thống chính trị cấp cơ sở là cấp rộng lớn nhất của đất nước. Với đặc điểm này, nếu hệ thống chính trị cấp cơ sở hoạt động có hiệu quả thì chủ trương, đường lối của Đảng và chính sách, pháp luật của Nhà nước dễ dàng đi vào cuộc sống, trở thành động lực mạnh mẽ cho sự phát triển, tạo niềm tin và sự phấn khởi của nhân dân vào Đảng và Nhà nước và ngược lại. Hiện nay, trong điều kiện phát triển kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế, địa bàn cơ sở đang chịu tác động lớn không chỉ đối với phát triển kinh tế, mà còn đối với các lĩnh vực xã hội. Những tác động đó mang nhiều yếu tố tích cực, đồng thời cũng chứa đựng cả những tác động tiêu cực, nhất là đối với các lĩnh vực xã hội trong quá trình đô thị hóa. Đây cũng là một đặc điểm đặt ra đối với hệ thống chính trị cấp cơ sở trong việc thực hiện vai trò, chức năng, nhiệm vụ ở cấp cơ sở.

3. Một số gợi ý nhằm phát huy vị trí, vai trò và đặc điểm của hệ thống chính trị cấp cơ sở trong thời gian tới

Đại hội XIII của Đảng đã ghi nhận thành tựu: “tổ chức bộ máy của chính quyền địa phương được sắp xếp lại theo hướng tinh gọn; quan tâm xây dựng chính quyền đô thị, chính quyền nông thôn, khẩn trương triển khai xây dựng chính quyền điện tử”⁽⁸⁾, tuy nhiên, Đại hội cũng chỉ ra những hạn chế còn tồn tại: “tổ chức và hoạt động của chính quyền địa phương một số nơi chưa đổi mới mạnh mẽ; chức năng, nhiệm vụ, phân cấp, phân quyền chưa thật rõ ràng, hiệu lực,

hiệu quả hoạt động còn hạn chế. Số lượng cán bộ cấp xã và đội ngũ viên chức trong các đơn vị sự nghiệp công vẫn còn quá lớn; phẩm chất, năng lực, uy tín còn hạn chế, thiếu tính chuyên nghiệp, chưa đáp ứng được yêu cầu, nhiệm vụ trong tình hình mới”⁽⁹⁾. Trước tình hình đó, Đảng ta xác định “tiếp tục hoàn thiện tổ chức chính quyền địa phương phù hợp với địa bàn nông thôn, đô thị, hải đảo, đơn vị hành chính, kinh tế đặc biệt theo luật định”⁽¹⁰⁾. Quán triệt quan điểm này trong thời gian tới, để phát huy vị trí, vai trò và đặc điểm của hệ thống chính trị cấp cơ sở cần thực hiện tốt những vấn đề cơ bản sau:

Một là, cần nhận thức đúng vị trí, vai trò, đặc điểm của hệ thống chính trị cấp cơ sở hiện nay

Muốn phát huy vai trò của hệ thống chính trị cấp cơ sở, vấn đề quan trọng đầu tiên là phải nhận thức đúng vị trí, vai trò và đặc điểm của hệ thống chính trị cấp cơ sở. Vì thế, trước hết, cần phải làm cho cán bộ, công chức của hệ thống chính trị các cấp, trước hết là cấp cơ sở, nhận thức rõ hệ thống chính trị cấp cơ sở có vị trí, vai trò, chức năng, nhiệm vụ ở cơ sở mà không tổ chức nào có thể thay thế được. Dù cấp trung ương và cấp tỉnh, cấp huyện có cơ chế, chính sách và lãnh đạo, chỉ đạo đúng, nhưng nếu hệ thống chính trị cấp cơ sở không nắm rõ, không thực hiện tốt chức năng, nhiệm vụ trên địa bàn, thì không thể đạt được kết quả thực tế. Việc nâng cao nhận thức đối với hệ thống chính trị cấp cơ sở cần thấu suốt hơn đến từng cán bộ, công chức, đảng viên và người dân, không thể để xảy ra tình trạng người dân “đứng ngoài chính trị” do thiếu hiểu biết.

Hai là, hệ thống chính trị cấp cơ sở cần thực hiện tốt vai trò của

mình, tạo niềm tin đối với nhân dân cấp cơ sở.

Hệ thống chính trị cấp cơ sở là cấp trực tiếp tổ chức thực hiện chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, đồng thời thực hiện các nhiệm vụ được phân quyền, phân cấp của hệ thống chính trị cấp trên; giải quyết những yêu cầu, thắc mắc, bức xúc của người dân; trực tiếp thu nhận, lắng nghe, tiếp thu các ý kiến, kiến nghị của nhân dân, phản ánh những nguyện vọng, nhu cầu của người dân đến các cơ quan cấp trên; chủ động giải quyết vướng mắc, đáp ứng yêu cầu chính đáng của người dân trên địa bàn. Vì thế, hệ thống chính trị cấp cơ sở phải thực hiện tốt vai trò này, tạo ra sự phấn khởi, tin tưởng của nhân dân vào Đảng và Nhà nước; đồng thời tăng cường sự hiểu biết lẫn nhau giữa Đảng, Nhà nước và nhân dân, tăng cường mối quan hệ mật thiết giữa Đảng với nhân dân góp phần to lớn vào sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

Ba là, phát huy vai trò của các tổ chức thuộc hệ thống chính trị cấp cơ sở và các tổ chức cộng đồng dân cư.

Các tổ chức chính trị, chính trị - xã hội có vai trò quan trọng trong thực hiện nhiệm vụ xây dựng và bảo vệ Tổ quốc cấp cơ sở. Vì thế, cần phát huy mạnh mẽ vai trò của các tổ chức này, nhất là các tổ chức thuộc hệ thống chính trị cấp cơ sở. Cần nhận thức rõ mối quan hệ giữa các tổ chức trong thực hiện nhiệm vụ phát triển xã hội và quản lý phát triển xã hội, cũng như trách nhiệm của chính quyền xã trong việc phát huy vai trò của các tổ chức này. Giải quyết mối quan hệ này đòi hỏi hệ thống chính trị cấp cơ sở phải thực hiện đúng các quy định tại Điều 116, Hiến pháp năm 2013. Theo đó, chính quyền địa phương

phải thực hiện thường xuyên chế độ thông báo tình hình của địa phương cho Mặt trận Tổ quốc cấp xã và các đoàn thể nhân dân, lắng nghe ý kiến, kiến nghị của các tổ chức này về các vấn đề liên quan đến cộng đồng dân cư ở địa phương; phối hợp với Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể nhân dân động viên nhân dân thực hiện tốt các nhiệm vụ xây dựng và bảo vệ Tổ quốc trên địa bàn.

Bốn là, xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức của hệ thống chính trị cấp cơ sở có đủ phẩm chất, năng lực, uy tín ngang tầm nhiệm vụ.

Với vị trí, vai trò và đặc điểm của hệ thống chính trị cấp cơ sở, đòi hỏi và đặt ra yêu cầu phải xây dựng được đội ngũ cán bộ, công chức trong hệ thống chính trị cấp cơ sở có đủ phẩm chất, năng lực, uy tín ngang tầm nhiệm vụ cấp cơ sở. Đội ngũ cán bộ, công chức của hệ thống chính trị cấp cơ sở là những người trực tiếp lãnh đạo, chỉ đạo, quán triệt, triển khai và thực thi chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước trên địa bàn, cần phải nhận thức sâu sắc và cụ thể về vai trò, trách nhiệm của hệ thống chính trị cấp cơ sở trong xây dựng và bảo vệ Tổ quốc cấp cơ sở, để từ đó tạo nên sự đồng thuận xã hội, huy động các nguồn lực thực hiện có hiệu quả sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc cấp cơ sở.

Năm là, hệ thống chính trị cấp cơ sở phải giải quyết công việc thật sự linh hoạt, mềm dẻo.

Do đặc điểm của hệ thống chính trị cấp cơ sở là gần nhân dân nhất và đặc điểm dân cư cấp cơ sở, nên hệ thống chính trị cấp cơ sở khi thực hiện chức năng, nhiệm vụ phải rất mềm dẻo, linh hoạt khi tiếp xúc, làm việc với người dân, đáp ứng các yêu cầu, đòi hỏi đa dạng

của người dân vừa đúng pháp luật, vừa phù hợp với điều kiện và phong tục, tập quán của người dân, cộng đồng ở cơ sở. Giải quyết đúng đắn mối quan hệ giữa “lý” và “tình” là yêu cầu cao và khó đối với cán bộ, công chức của hệ thống chính trị cấp cơ sở. Hệ thống chính trị cấp cơ sở cần chủ động khắc phục tình trạng hình thức, kém hiệu lực, hiệu quả, ngăn ngừa các hiện tượng lạm quyền, tùy tiện, cát cứ. Là những người sâu sát với dân, cùng chung sống hằng ngày với dân, hiểu dân và những phong tục, tập quán, truyền thống của địa phương, nên cán bộ, công chức cấp xã phải giải quyết các công việc đa dạng của người dân, sao cho không trái pháp luật, nhưng lại có hiệu quả cao nhất. Trong công việc, đòi hỏi cán bộ, công chức cấp xã phải thực sự vì nhân dân, không thể thuần túy vì cái “lý” cứng nhắc, lạnh lùng mà không tính đến hoàn cảnh, điều kiện của người dân, cộng đồng, nhưng cũng không vì thế mà làm trái pháp luật, trái đường lối của Đảng và chính sách, pháp luật của Nhà nước.

Tóm lại, vị trí, vai trò và đặc điểm của hệ thống chính trị cấp cơ sở hiện nay ở Việt Nam cho thấy, hệ thống chính trị cấp cơ sở quyết định trực tiếp về mọi phương diện ở cấp cơ sở. Khi hệ thống chính trị cấp cơ sở trong sạch, vững mạnh, làm tốt vai trò, chức năng, nhiệm vụ, thì niềm tin của nhân dân đối với Đảng, Nhà nước, chế độ xã hội chủ nghĩa sẽ được củng cố. Chính vì thế, việc nhận thức rõ vị trí, vai trò và đặc điểm của hệ thống chính trị cấp cơ sở không chỉ là điều cần thiết đối với cán bộ, công chức, đảng viên cấp cơ sở, mà còn đối với cán bộ, công chức, đảng viên trong toàn bộ hệ thống chính trị. Đây là tiền đề quan trọng để phát huy vai trò của hệ thống chính trị cấp cơ sở

trong công cuộc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa□

(*) Bài viết lấy từ Kỷ yếu Hội thảo khoa học quốc gia: “*Nâng cao chất lượng hệ thống chính trị cơ sở ở Việt Nam hiện nay: Bài học kinh nghiệm và một số kiến nghị chính sách*” do Viện Triết học, Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam phối hợp với Viện Triết học và Học viện Chính trị khu vực IV, Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh tổ chức, ngày 27 - 07 - 2022, tại Cần Thơ.

(1) Quốc hội, *Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam*, Hà Nội, ngày 28/11/2013, điều 111.

(2) Quốc hội, *Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam*, Sđd., điều 112.

(3) Quốc hội: *Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam*, Sđd., điều 113.

(4) Quốc hội: *Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam*, Sđd., điều 114.

(5) Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, t.5, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, tr.460.

(6) Quốc hội, *Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam*, Sđd., điều 8.

(7) Quốc hội, *Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam*, Sđd., điều 112.

(8) Đảng Cộng sản Việt Nam (2021), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII*, t.I, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, tr.73.

(9) Đảng Cộng sản Việt Nam (2021), *Sđd.*, t.I, tr.90.

(10) Đảng Cộng sản Việt Nam (2021), *Sđd.*, t.I, tr.178.

Nguồn: Tạp chí Triết học.- 2022.- Số 12 (379).- Tr.25-32

THỰC TIỄN ĐỔI MỚI VÀ NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG TỔNG THỂ HỆ THỐNG CHÍNH TRỊ CƠ SỞ VÀ BÀI HỌC KINH NGHIỆM

GS, TS. TRẦN VĂN PHÒNG

Viện Triết học, Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh

Ngày nhận: 15-8-2022 Ngày thẩm định, đánh giá: 24-8-2022 Ngày duyệt đăng: 30-9-2022

Tóm tắt: Từ nghiên cứu thực tiễn đổi mới và nâng cao chất lượng tổng thể hệ thống chính trị cơ sở, bài viết phân tích, chỉ ra 4 thành tựu, 4 hạn chế, đặc biệt là rút ra bốn bài học kinh nghiệm cho việc tiếp tục đổi mới và nâng cao chất lượng tổng thể hệ thống chính trị cơ sở. Đó là, đổi mới và nâng cao chất lượng tổng thể hệ thống chính trị cơ sở phải do Đảng lãnh đạo và vì mục tiêu dân giàu nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh; phải phù hợp với đổi mới kinh tế; phân định rõ chức năng, nhiệm vụ và giải quyết mối quan hệ giữa Đảng, Nhà nước, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức thành viên; dựa vào nhân dân.

Từ khóa: *Đổi mới, nâng cao chất lượng; hệ thống chính trị cơ sở; bài học kinh nghiệm*

1. Đặt vấn đề

Hệ thống chính trị (HTCT) ở Việt Nam gồm bốn cấp: Trung ương; tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; quận, huyện (cấp huyện) và xã, phường, thị trấn gọi chung là cấp cơ sở. HTCT cấp cơ

sở gồm Đảng bộ cơ sở; chính quyền cấp cơ sở; Mặt trận Tổ quốc (MTTQ) và các tổ chức chính trị - xã hội thành viên hoạt động trong một cơ chế nhất định nhằm thực hiện chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước và phát huy quyền làm chủ của nhân dân ở cấp cơ sở. HTCT cấp cơ sở chiếm đa số trong HTCT của cả nước. Do vậy, đổi mới và nâng cao chất HTCT cấp cơ sở đóng vai trò quyết định chất lượng, hiệu quả việc đổi mới và nâng cao chất lượng HTCT ở Việt Nam. Cũng chính vì vậy mà khảo sát thực tiễn đổi mới và nâng cao chất lượng HTCT cấp cơ sở, đồng thời đúc rút những bài học kinh nghiệm sẽ có ý nghĩa lý luận và thực tiễn to lớn đối với việc xây dựng, hoàn thiện HTCT ở Việt Nam hiện nay.

Đổi mới và nâng cao chất lượng tổng thể HTCT cơ sở là quá trình chủ động, tích cực đổi mới, nâng cao chất lượng hoạt động của tổ chức Đảng, bộ máy chính quyền cấp cơ sở cũng như MTTQ với các tổ chức chính trị - xã hội cấp cơ sở nhằm thực hiện có hiệu quả chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước cũng như phát huy quyền làm chủ của nhân dân ở cơ sở. Đổi mới và nâng cao chất lượng tổng thể HTCT cơ sở gồm 4 nội dung:

- Đổi mới phương thức lãnh đạo, cầm quyền của Đảng, bảo đảm vững mạnh về tổ chức, chính trị, tư tưởng, đạo đức, cán bộ, nâng cao trình độ trí tuệ, năng lực lãnh đạo của Đảng ngang tầm nhiệm vụ mới, xây dựng Đảng trong sạch, vững mạnh.

- Tiếp tục cải cách và hoàn thiện bộ máy nhà nước ở cơ sở; đổi mới hoạt động của HĐND, cải cách nền hành chính; cải cách tư pháp; xây dựng Nhà nước pháp quyền XHCN của nhân dân, do nhân dân, vì

nhân dân.

- Đổi mới phương thức hoạt động của MTTQ và các tổ chức chính trị - xã hội thành viên, góp phần thực hiện dân chủ, phát huy quyền làm chủ của nhân dân tham gia xây dựng Đảng, Nhà nước; khắc phục tình trạng hành chính hóa về tổ chức và hoạt động của các tổ chức chính trị - xã hội.

- Triển khai pháp lệnh quy chế dân chủ ở xã, phường, thị trấn và quy chế dân chủ ở cơ sở trong các cơ quan nhà nước.

Cần nghiên cứu, làm sáng rõ sau 35 năm đổi mới, việc đổi mới và nâng cao chất lượng tổng thể HTCT cơ sở đã đạt những thành tựu cơ bản gì, còn những hạn chế, bất cập gì, để từ đó, đúc kết những kinh nghiệm có giá trị vận dụng trong thực tiễn cho hiện tại và thời gian tiếp sau.

2. Thực tiễn đổi mới và nâng cao chất lượng tổng thể hệ thống chính trị cơ sở

Những thành tựu đạt được:

Một là, HTCT cơ sở từng bước được đổi mới phù hợp với nền kinh tế thị trường định hướng XHCN và hội nhập quốc tế sâu, rộng.

Hệ thống chính trị nói chung, HTCT cơ sở nói riêng được đổi mới theo hướng dân chủ, pháp quyền, thực tiễn, tinh gọn, hiệu lực, hiệu quả, vì nhân dân phục vụ. Chẳng hạn, đã tích cực sắp xếp lại đơn vị hành chính cấp xã (giảm 557/11.160 đơn vị hành chính cấp xã; 38.369/98.455 thôn, bản, tổ dân phố, tương ứng giảm 39%). Qua sắp xếp giảm gần 148.000 cán bộ, công chức cấp xã và người hoạt động

không chuyên trách ở thôn, bản, tổ dân phố; hợp đồng lao động giảm gần 7.000 người, bước đầu đảm bảo tổ chức bộ máy hành chính nhà nước đã thực hiện được “6 giảm”: giảm đầu mối; giảm cấp trung gian; giảm số lượng lãnh đạo; giảm biên chế; giảm thủ tục hành chính; giảm chi cho bộ máy HTCT, trên cơ sở đó tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả hơn⁽¹⁾.

Hai là, bộ máy tổ chức và mối quan hệ của Đảng bộ cơ sở với các thiết chế trong HTCT cơ sở đã có sự đổi mới hợp lý hơn, đáp ứng yêu cầu lãnh đạo, cầm quyền của Đảng trong tình hình mới.

Điều này thể hiện ở chỗ đã phân định rõ hơn vai trò, phương thức lãnh đạo của Đảng và vai trò quản lý nhà nước ở cơ sở. Do vậy, đã hạn chế được tình hình lẫn lộn, chồng chéo chức năng, nhiệm vụ giữa lãnh đạo và quản lý. Sự lãnh đạo của Đảng tập trung theo hướng: Lãnh đạo các cơ quan nhà nước cơ sở cụ thể hóa bằng chính sách phát triển địa phương và lãnh đạo việc tổ chức thực hiện các chính sách này; Lãnh đạo xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức đáp ứng yêu cầu xây dựng Nhà nước pháp quyền XHCN Việt Nam tại địa phương; Lãnh đạo việc kiểm tra, thanh tra, giám sát hoạt động của các cơ quan nhà nước ở cơ sở; lãnh đạo MTTQ cơ sở cùng các tổ chức chính trị-xã hội thành viên phát huy vai trò dân chủ ở cơ sở. Phương châm Đảng lãnh đạo, Nhà nước quản lý, nhân dân làm chủ được đổi mới theo hướng dân chủ, công khai, hiệu quả, trên tinh thần nhân dân là chủ thể và giữ vị trí trung tâm trong quan hệ này. Chính vì vậy, dân chủ ở cơ sở được phát huy hơn so với trước đây.

Ba là, tổ chức và hoạt động của chính quyền địa phương cơ sở

theo nguyên tắc pháp quyền XHCN từng bước được xây dựng và hoàn thiện.

Thực tế cho thấy hầu hết các xã, phường, thị trấn đều xây dựng và thực hiện tốt quy chế làm việc của HĐND và UBND, quy chế phối hợp giữa UBND với Thường trực HĐND, Ủy ban MTTQ Việt Nam các đoàn thể cùng cấp; thực hiện nghiêm kỷ luật, kỷ cương hành chính. Do đó, năng lực, hiệu lực, hiệu quả hoạt động của HĐND, UBND cấp xã được nâng lên, bảo đảm dân chủ, công khai, thiết thực và hiệu quả. Nhiều giải pháp đổi mới trong công tác xây dựng đội ngũ cán bộ cấp cơ sở được triển khai, đặc biệt là trong công tác tuyển dụng, các quy định việc bố trí, tuyển chọn đối với người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã và ở thôn, tổ dân phố đã được triển khai tổ chức thực hiện nghiêm túc. Chất lượng hoạt động của tổ chức bộ máy nhà nước cũng như đội ngũ cán bộ cấp cơ sở được nâng cao hơn so với trước.

Bốn là, hệ thống tổ chức của MTTQ Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội thành viên có những bước đổi mới, sắp xếp lại, phát huy tốt hơn chức năng, nhiệm vụ của mình.

Tính chủ động, sáng tạo của MTTQ Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội thành viên được nâng lên, hoạt động cũng được đa dạng hơn, các hình thức tập hợp, vận động quần chúng cũng được đổi mới, hiệu quả hơn. Hoạt động kiểm tra, giám sát, phản biện xã hội được quan tâm và dần đi vào thực chất. Việc phát huy sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc cũng đạt kết quả hơn. Tính đồng thuận xã hội, tinh thần dân chủ ở cơ sở được nâng lên rõ rệt. Trong 35 năm đổi mới,

việc thực hành dân chủ trong xã hội đã có những bước tiến căn bản trong các lĩnh vực, từ kinh tế, chính trị đến văn hóa và xã hội. Quyền công dân, quyền con người được khẳng định rõ ràng trong Hiến pháp năm 2013 và được thực hành trên thực tế. Có thể khẳng định, một trong thành tựu quan trọng của đổi mới là nền dân chủ đang được hình thành, đang đóng vai trò là động lực của sự phát triển xã hội. Đại hội XIII (2021) của Đảng đánh giá “Tiếp tục phát huy dân chủ xã hội chủ nghĩa, thực hiện ngày càng tốt hơn quyền làm chủ của nhân dân trong việc quyết định những vấn đề lớn và hệ trọng của đất nước. Tôn trọng, bảo đảm, bảo vệ quyền con người, quyền và nghĩa vụ công dân theo Hiến pháp năm 2013; gắn quyền công dân với nghĩa vụ và trách nhiệm công dân đối với xã hội”⁽²⁾.

Những hạn chế, bất cập:

Một là, đổi mới và nâng cao chất lượng tổng thể HTCT nói chung, HTCT cơ sở nói riêng còn có biểu hiện lúng túng, chậm so với đổi mới kinh tế.

Điều này thể hiện ở chỗ giữa các cơ quan Đảng, chính quyền, MTTQ vẫn còn có sự chống chéo, trùng lặp nhất định về nhiệm vụ, chức năng nhưng phối hợp chưa thật tốt. Chẳng hạn giữa kiểm tra, giám sát kỷ luật Đảng với thanh tra chính quyền và kiểm tra, giám sát, phản biện xã hội của MTTQ chưa có cơ chế phối hợp nhịp nhàng nên còn chồng chéo .v.v.. Vẫn còn một bộ phận cán bộ, đảng viên quan liêu, xa dân, những nhiều dân, vi phạm đạo đức của người cán bộ, đảng viên. Đại hội XIII của Đảng đã thẳng thắn đánh giá: “Một số tổ chức cơ sở đảng, một bộ phận cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức

chưa gương mẫu, chưa thực sự tôn trọng ý kiến, kiến nghị của nhân dân và giải quyết kịp thời các quyền, lợi ích hợp pháp, chính đáng của người dân. Quyền làm chủ của nhân dân có lúc, có nơi còn bị vi phạm; vẫn còn biểu hiện dân chủ hình thức, tách rời dân chủ với kỷ cương, pháp luật”⁽³⁾.

Hai là, tính chủ động, tự chủ, tự quản, tự chịu trách nhiệm của chính quyền cơ sở chưa cao, còn có biểu hiện trông chờ, thụ động, ỷ lại cấp trên.

Số cán bộ, công chức, viên chức xã, phường, thị trấn hưởng lương từ ngân sách nhà nước vẫn cao. Hiệu lực, hiệu quả hoạt động của bộ máy chính quyền cơ sở tại một số nơi chưa cao, chưa đáp ứng được yêu cầu phục vụ nhân dân, được thể hiện ở một số vấn đề như: Giải quyết thủ tục hành chính chậm, số lượng đơn thư, khiếu nại, tố cáo của công dân còn nhiều; việc lãnh đạo, chỉ đạo tổ chức thực hiện, kiểm tra, giám sát, sơ kết, tổng kết việc thực hiện các nghị quyết, chương trình, kế hoạch chưa thật sự sâu sát. Hay như chúng ta đều rõ về vị trí, tính chất của chính quyền xã: HĐND xã được xác định là cơ quan quyền lực nhà nước ở địa phương, đại diện cho ý chí, nguyện vọng và quyền làm chủ của nhân dân, chịu trách nhiệm trước nhân dân địa phương và cơ quan nhà nước cấp trên. Với vị trí, vai trò quan trọng như vậy, nhưng hiện nay vẫn thiếu các điều kiện đảm bảo cho HĐND xã thực quyền khi thực hiện chức năng đại diện, chức năng giám sát và chức năng quyết định các vấn đề quan trọng tại cơ sở. Nghị quyết của HĐND xã hầu như là sự cụ thể hóa các quy định của cấp trên và đề hợp thức hóa các dự thảo đề xuất của UBND xã. Quyền

lực chỉ có “thực quyền” khi có khả năng áp đặt và điều kiện để thực hiện sự áp đặt. Cả hai điều này thì HĐND xã hiện nay đều chưa đủ mạnh, trong khi quyền lực của UBND xã trong thực thi quyền hành chính ngày càng có xu hướng tăng⁽⁴⁾. Đây là bất cập rất rõ nét chưa được khắc phục. Chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của chính quyền địa phương cơ sở hiện nay chưa thực sự rõ ràng nên chính quyền xã chưa phát huy hết vai trò, vị trí trong triển khai thực thi nhiệm vụ, quyền hạn. Trong thiết kế, vận hành quyền lực nhà nước vẫn còn tư duy tập trung quyền lực, tư duy xin - cho giữa chính quyền cấp dưới với chính quyền cấp trên, dễ dẫn đến tình trạng gặp việc khó, việc nhạy cảm thì đùn đẩy, không quy được trách nhiệm khi hậu quả xảy ra, không phát huy được tính tự chủ, tự chịu trách nhiệm của chính quyền xã⁽⁵⁾. Đại hội XIII của Đảng đã thẳng thắn đánh giá “Tổ chức và hoạt động của chính quyền địa phương một số nơi chưa đổi mới mạnh mẽ; chức năng, nhiệm vụ, phân cấp, phân quyền chưa thật rõ ràng, hiệu lực, hiệu quả hoạt động còn hạn chế. Số lượng đội ngũ cán bộ cấp xã và đội ngũ viên chức trong các đơn vị sự nghiệp công vẫn còn quá lớn; phẩm chất, năng lực, uy tín còn hạn chế, thiếu tính chuyên nghiệp, chưa đáp ứng được yêu cầu, nhiệm vụ trong tình hình mới”⁽⁶⁾.

Ba là, mô hình tổ chức, phương thức hoạt động của MTTQ cùng các tổ chức chính trị - xã hội thành viên chậm được đổi mới.

Tình trạng nhà nước hóa, hành chính hóa chưa được khắc phục triệt để. “Chậm thể chế hóa và thực hiện một cách thực chất cơ chế giám sát, phản biện xã hội của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ

chức chính trị - xã hội thành viên hiệu quả chưa cao”⁽⁷⁾. Sự gắn bó giữa MTTQ Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội thành viên với nhân dân có lúc, có nơi, có mặt bị xói mòn, chưa chặt chẽ. Một số cán bộ MTTQ Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội thành viên còn biểu hiện quan liêu, xa dân. Không phải ngẫu nhiên mà Đại hội XIII của Đảng đã nhận định “Việc đổi mới nội dung và phương thức hoạt động của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội có mặt chưa theo kịp yêu cầu của tình hình mới, chưa thật sâu sát các tầng lớp nhân dân và ở cơ sở; chất lượng, hiệu quả hoạt động giám sát, phản biện xã hội chưa đều”⁽⁸⁾.

Bốn là, hệ thống kiểm soát quyền lực trong HTCT nói chung, trong HTCT cơ sở nói riêng chưa được chế định cụ thể, còn nhiều hạn chế

Điều này thể hiện ở chỗ, việc ngăn chặn tha hóa quyền lực như lạm quyền, lạm quyền, buông lỏng quyền lực chưa thật sự hiệu quả. Đúng như Đại hội XIII của Đảng đã đánh giá “Cơ chế kiểm soát quyền lực trong Đảng và Nhà nước chưa đầy đủ, đồng bộ; hiệu lực, hiệu quả chưa cao”⁽⁹⁾. Chính vì vậy “Chưa phát huy được sức mạnh toàn dân trong xây dựng thể chế dân chủ, đấu tranh đẩy lùi quan liêu, tham nhũng, xây dựng Đảng và Nhà nước trong sạch, vững mạnh”⁽¹⁰⁾. Cũng chính vì vậy mà “Quyền làm chủ của nhân dân có lúc, có nơi còn bị vi phạm; vẫn còn biểu hiện dân chủ hình thức, tách rời dân chủ với kỷ cương, pháp luật”⁽¹¹⁾.

3. Những bài học kinh nghiệm

Từ thực tế đổi mới và nâng cao chất lượng tổng thể HTCT cơ sở,

có thể đúc rút một số bài học kinh nghiệm sau:

Một là, đổi mới và nâng cao chất lượng tổng thể HTCT cơ sở phải do Đảng lãnh đạo và vì mục tiêu dân giàu nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh.

Đổi mới HTCT nói chung, đổi mới và nâng cao chất lượng tổng thể HTCT cơ sở nói riêng phải đặt dưới sự lãnh đạo tuyệt đối của Đảng và phải lấy mục tiêu “Dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh” làm cơ sở cho việc nhận thức, giải quyết và tổ chức thực hiện việc đổi mới và nâng cao chất lượng. Để thực hiện được mục tiêu đổi mới HTCT nói chung, đổi mới và nâng cao chất lượng tổng thể HTCT cơ sở nói riêng cần phải giữ vững ổn định chính trị, có nghĩa là tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với đổi mới và nâng cao chất lượng tổng thể HTCT cơ sở chứ không phải là sự thỏa hiệp, cải lương dẫn đến từ bỏ sự lãnh đạo tuyệt đối của Đảng đối với chính quyền cơ sở cũng như MTTQ ở cơ sở. Đổi mới và nâng cao chất lượng tổng thể HTCT cơ sở là thực hiện tốt hơn nữa nhất nguyên chính trị, không chấp nhận chế độ đa nguyên chính trị, đa đảng đối lập. Đa nguyên kinh tế không đồng nhất với đa đảng chính trị. Muốn giữ vững được sự lãnh đạo của Đảng trong đổi mới và nâng cao chất lượng tổng thể HTCT cơ sở cần tuyệt đối tuân thủ các nguyên tắc xây dựng Đảng, nhất là nguyên tắc tập trung dân chủ, tức là nguyên tắc có ý nghĩa sống còn này phải được thực thi nghiêm túc ở mọi cấp, mọi ngành. Đồng thời, kinh tế nhà nước phải đóng được vai trò chủ đạo, giữ vị trí dẫn đường và chi phối toàn bộ nền kinh tế quốc dân, phát huy được vai trò của các thành phần kinh tế khác.

Hai là, đổi mới và nâng cao chất lượng tổng thể HTCT cơ sở phải phù hợp với đổi mới kinh tế.

Trong mối quan hệ giữa kinh tế và chính trị thì kinh tế xét đến cùng quyết định chính trị, nhưng chính trị cũng có tính chủ động, tích cực tác động trở lại kinh tế. Do vậy, việc đổi mới và nâng cao chất lượng tổng thể HTCT cơ sở phải phù hợp với đổi mới kinh tế, có sự hậu thuẫn của kinh tế. Cho nên không thể trì trệ trong đổi mới và nâng cao chất lượng tổng thể HTCT cơ sở khi kinh tế có những bước phát triển nhanh và hội nhập sâu rộng. Đồng thời, HTCT đổi mới và nâng cao chất lượng tổng thể cơ sở cũng không thể nóng vội, vượt trước sự hậu thuẫn của kinh tế. Từ thực tiễn thực hiện Nghị quyết Đại hội XII (2016) của Đảng về đổi mới, nâng cao chất lượng HTCT, Đại hội XIII (2021) của Đảng khẳng định “Vấn đề đổi mới đồng bộ, phù hợp giữa kinh tế với chính trị, văn hóa, xã hội, giữa đổi mới kinh tế với đổi mới tổ chức và hoạt động của bộ máy nhà nước có một số mặt lúng túng”⁽¹²⁾. Do vậy, không tuyệt đối hóa kinh tế trong việc đổi mới và nâng cao chất lượng tổng thể HTCT cơ sở, cũng như không được tuyệt đối hóa đổi mới và nâng cao chất lượng tổng thể HTCT cơ sở trong quan hệ với đổi mới kinh tế. Việc nhấn mạnh đổi mới và nâng cao chất lượng tổng thể HTCT cơ sở hay đổi mới thể chế kinh tế là do yêu cầu, điều kiện thực tiễn đất nước và quốc tế cụ thể quy định, không thể tiến hành tùy tiện.

Ba là, trong đổi mới và nâng cao chất lượng tổng thể HTCT cơ sở cần phân định rõ chức năng, nhiệm vụ và giải quyết mối quan hệ giữa Đảng, Nhà nước, MTTQ và các tổ chức thành viên

Một nghĩa nào đó, đổi mới và nâng cao chất lượng tổng thể HTCT cơ sở chính là việc phân định và thực hiện tốt chức năng của tổ chức đảng, chính quyền cơ sở và MTTQ ở cơ sở. Mỗi tổ chức trong HTCT cơ sở có vai trò, vị trí, chức năng riêng, nhưng lại thống nhất với nhau, đều nhằm phục vụ nhân dân và thực hiện mục tiêu “Dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh”. Do vậy, tổ chức đảng phải làm tốt chức năng lãnh đạo, cầm quyền đối với chính quyền cơ sở cũng như MTTQ Việt Nam ở cơ sở. Tổ chức đảng lãnh đạo chính quyền cơ sở, MTTQ Việt Nam ở cơ sở dựa trên cơ sở: Đảng lãnh đạo Nhà nước “bằng Cương lĩnh, chiến lược, các chủ trương, chính sách lớn, bằng công tác tổ chức, cán bộ, bằng kiểm tra, giám sát; lãnh đạo thể chế hóa các quan điểm, đường lối, chủ trương của Đảng thành chính sách, pháp luật; lãnh đạo xây dựng tổ chức bộ máy, đội ngũ cán bộ, công chức đủ phẩm chất, năng lực và uy tín, ngang tầm nhiệm vụ; lãnh đạo tổ chức thực hiện có hiệu quả các chủ trương, chính sách, Hiến pháp và pháp luật,..”⁽¹³⁾. Đối với MTTQ Việt Nam ở cơ sở, tổ chức đảng “bảo đảm sự lãnh đạo tập trung, thống nhất của Đảng, đồng thời tôn trọng nguyên tắc hiệp thương dân chủ trong tổ chức và hoạt động của MTTQ Việt Nam, phát huy mạnh mẽ vai trò, tính tự chủ, năng động, sáng tạo của Mặt trận và các tổ chức chính trị - xã hội”⁽¹⁴⁾. Đối với chính quyền cơ sở, tiếp tục hoàn thiện tổ chức chính quyền địa phương phù hợp với địa bàn nông thôn, đô thị, hải đảo, đơn vị hành chính, kinh tế đặc biệt. Tổng kết việc thí điểm chính quyền đô thị nhằm xây dựng và vận hành các mô hình chính quyền đô thị theo hướng tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả⁽¹⁵⁾. Trên cơ sở đó phân định rõ chức năng của chính quyền cơ sở. Với MTTQ cần

“Thiết lập đồng bộ, gắn kết cơ chế giám sát, phản biện xã hội của Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội và nhân dân”⁽¹⁶⁾.

Bốn là, dựa vào nhân dân để đổi mới và nâng cao chất lượng tổng thể HTCT cơ sở

Đại hội XIII của Đảng đã đúc rút bài học kinh nghiệm quý báu “trong mọi công việc của Đảng và Nhà nước, phải luôn quán triệt sâu sắc quan điểm “dân là gốc”, thật sự tin tưởng, tôn trọng và phát huy quyền làm chủ của nhân dân, kiên trì thực hiện phương châm “dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra, dân giám sát, dân thụ hưởng”. Nhân dân là trung tâm, là chủ thể của công cuộc đổi mới, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, mọi chủ trương, chính sách phải thực sự xuất phát từ cuộc sống, nguyện vọng, quyền và lợi ích chính đáng của nhân dân, lấy hạnh phúc, ấm no của nhân dân làm mục tiêu phấn đấu. Thắt chặt mối quan hệ mật thiết giữa Đảng với nhân dân, dựa vào nhân dân để xây dựng Đảng; củng cố và tăng cường niềm tin của nhân dân đối với Đảng, Nhà nước, chế độ xã hội chủ nghĩa”⁽¹⁷⁾. Bài học này giữ nguyên ý nghĩa, giá trị thực tiễn trong việc đổi mới và nâng cao chất lượng tổng thể HTCT cơ sở. Nghĩa là nếu nhân dân tham gia, ủng hộ, nhân dân tổ chức thực hiện thì việc đổi mới và nâng cao chất lượng tổng thể HTCT cơ sở sẽ hiệu quả. Ngược lại nếu nhân dân không được tham gia thì nhất định công việc này sẽ khó thành công. Việc đổi mới tổ chức và hoạt động của HĐND, UBND, nền hành chính nhà nước... ở cơ sở đều phải lấy phục vụ nhân dân làm trọng, phải dựa vào nhân dân. Với công tác xây dựng, chỉnh đốn Đảng ở cơ sở, Đại hội XIII nhấn mạnh phải thắt chặt hơn nữa mối quan hệ mật thiết giữa Đảng

với nhân dân, dựa vào nhân dân để xây dựng Đảng. Đặc biệt, Đại hội XIII yêu cầu “Tổ chức có hiệu quả, thực chất việc nhân dân tham gia giám sát, đánh giá hiệu quả hoạt động của các tổ chức trong hệ thống chính trị; phẩm chất, năng lực của đội ngũ cán bộ, đảng viên. Lấy kết quả công việc, sự hài lòng và tín nhiệm của nhân dân làm tiêu chí quan trọng để đánh giá chất lượng tổ chức bộ máy và chất lượng cán bộ, đảng viên”⁽¹⁸⁾.

Sau hơn 35 năm đổi mới, công tác đổi mới và nâng cao chất lượng tổng thể HTCT cơ sở đạt được nhiều kết quả, tuy nhiên, vẫn còn những hạn chế nhất định. Thực hiện được những nội dung trên và vận dụng tốt 4 kinh nghiệm đúc kết từ thực tiễn thì việc đổi mới và nâng cao chất lượng tổng thể HTCT cơ sở sẽ thành công□

(1) “*Tiếp tục xây dựng bộ máy hành chính nhà nước tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả theo tinh thần Nghị quyết Đại hội XIII của Đảng*”, dẫn theo <https://moha.gov.vn/tin-noi-bat/tiep-tuc-xay-dung-bo-may-hanh-chinh-nha-nuoc-tinh-gon-hoat-dong-hieu-luc-hieu-qua-theo-tinh-than-nghi-quyet-dai-hoi-xiii-cua-dang-46091.html>, ngày 24-4-2021

(2), (3), (6), (8), (9), (11), (12), (13), (14), (15), (16), (17), (18) Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII*, Nxb CTQGST, H, 2021, T.1, tr.71, 88-89, 90, 88, 93, 89, 196-197, 197, 178, 176, 27-28, 192

(4), (5) <https://tcnn.vn/news/detail/42283/Nhung-han-che-bat-cap-trong-to-chucchinh-quyen-xa-va-phuong-huong-hoan-thien.html>, ngày 14-2-2019

(7), (10) Trần Quốc Toàn: *Đổi mới tư duy phát triển - Một số vấn đề lý luận và thực tiễn*, Nxb CTQGST, H, 2021, tr.223, 224

Nguồn: Tạp chí Lịch sử Đảng.- 2022.- Số 10.- Tr.42-48.

**NHÂN DÂN LÀ TRUNG TÂM -
MỘT NGUYÊN TẮC TRONG HOẠT ĐỘNG
CỦA HỆ THỐNG CHÍNH TRỊ VIỆT NAM**

TS. NGUYỄN TRỌNG BÌNH – ThS. NGUYỄN THỊ NGỌC ANH
Học viện Chính trị khu vực IV

Ngày nhận: 15-10-2022 Ngày bình duyệt: 23-11-2022 Ngày duyệt đăng: 25-11-2022

Tóm tắt: Nhân dân là trung tâm là một trong những quan điểm cốt lõi, nhất quán trong cuốn sách “Một số vấn đề lý luận và thực tiễn về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam” của Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng và trong Văn kiện Đại hội XIII của Đảng. Bài viết phân tích nội hàm, cơ sở lý luận của quan điểm “Nhân dân là trung tâm”; đồng thời đề cập đến một số điều kiện cơ bản để thực hiện tốt nguyên tắc này trong hoạt động của hệ thống chính trị ở Việt Nam.

Từ khóa: nhân dân là trung tâm; nguyên tắc; hệ thống chính trị

Tư tưởng về nhân dân là trung tâm đã xuất hiện từ lâu trong lịch sử tư tưởng nhân loại. Tuy nhiên, ngoại diên của khái niệm “nhân dân” có sự khác nhau trong các thời kỳ lịch sử và chế độ chính trị. Trong cuốn sách *Một số vấn đề lý luận và thực tiễn về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam*, Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng đã chỉ rõ: “Trong chế độ chính

trị xã hội chủ nghĩa, mối quan hệ giữa Đảng, Nhà nước và nhân dân là mối quan hệ giữa các chủ thể thống nhất về mục tiêu và lợi ích; mọi đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật và hoạt động của *Nhà nước đều vì lợi ích của nhân dân, lấy hạnh phúc của nhân dân làm mục tiêu phấn đấu*”(1). Nói một cách khái quát, đây chính là thể hiện tập trung của nguyên tắc “nhân dân là trung tâm”. Vậy “nhân dân là trung tâm” có nghĩa là gì và để thực hiện tốt điều này cần những điều kiện cơ bản nào? Bài viết góp phần làm sáng tỏ hai vấn đề cơ bản nói trên.

1. Khái lược cơ sở lý luận của quan điểm “nhân dân là trung tâm”

Nhìn lại lịch sử tư tưởng chính trị, có thể thấy, tư tưởng lấy nhân dân là trung tâm đã xuất hiện từ lâu. Tư tưởng này tiếp tục được khẳng định trong thời kỳ cận và hiện đại. Tuy nhiên, do nội hàm của khái niệm “nhân dân” có sự khác nhau giữa các thời kỳ lịch sử và chế độ chính trị, nên mức độ bảo đảm nguyên tắc này có sự khác nhau. Chẳng hạn:

Trong thời kỳ cổ đại, tư tưởng chủ quyền nhân dân cũng đã được một số nhà tư tưởng nói đến. Tuy nhiên, vào lúc bấy giờ, “nhân dân” chỉ là số ít mà không phải là số đông trong xã hội. “Nhân dân” trong kiểu nhà nước chiếm hữu nô lệ chỉ có thể là “giai cấp chủ nô”.

Để chuẩn bị điều kiện về chính trị, tư tưởng nhằm lật đổ chế độ phong kiến, trong thời kỳ Khai sáng, tư tưởng “chủ quyền nhân dân” được thể hiện rất rõ nét. Sau khi chế độ tư bản được xác lập, tuy về mặt tư tưởng và pháp lý đều khẳng định rõ nguyên tắc “nhân dân là trung tâm”, nhưng do giới hạn lịch sử của nó nên “nhân dân” trong chế độ tư bản chủ nghĩa thực chất vẫn là giai cấp tư sản. Đúng như

V.I.Lênin đánh giá về dân chủ tư sản, đó là “Chế độ dân chủ ấy bao giờ cũng bị bó trong khuôn khổ chật hẹp của sự bóc lột tư bản chủ nghĩa và do đó, thực ra, nó luôn luôn là một chế độ dân chủ đối với một thiểu số”⁽²⁾.

Chủ nghĩa Mác - Lênin đã luận chứng một cách khoa học tính tất yếu của việc ra đời một chế độ xã hội thật sự lấy “nhân dân làm trung tâm” - chế độ xã hội XHCN; đồng thời, chỉ rõ mục đích tối hậu của Đảng Cộng sản cũng chính là lấy nhân dân làm trung tâm.

Trong *Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản*, C.Mác và Ph.Ăngghen đã chỉ rõ: “Tất cả những phong trào lịch sử, từ trước tới nay, đều là do thiểu số thực hiện, hoặc đều mưu cầu lợi ích cho thiểu số. Phong trào vô sản là phong trào độc lập của khối đại đa số, mưu cầu lợi ích cho khối đại đa số”⁽³⁾. Hơn nữa, “trong các cuộc đấu tranh của những người vô sản thuộc các dân tộc khác nhau, họ đặt lên hàng đầu và bảo vệ những lợi ích không phụ thuộc vào dân tộc và chung cho toàn thể giai cấp vô sản”; và “trong các giai đoạn khác nhau của cuộc đấu tranh giữa vô sản và tư sản, họ luôn luôn đại biểu cho lợi ích của toàn bộ phong trào”⁽⁴⁾.

Điều này cho thấy, ngoài lợi ích của nhân dân lao động, Đảng Cộng sản và những người cộng sản không có lợi ích nào khác. Trong quan điểm của C.Mác và Ph.Ăngghen, “nhân dân” là đa số người trong xã hội, hơn nữa “mưu cầu lợi ích cho khối đại đa số” là mục đích lãnh đạo, cầm quyền của Đảng Cộng sản cũng như hệ thống chính trị XHCN.

Chủ nghĩa Mác - Lênin không chỉ cho rằng, nhân dân là mục

đích lãnh đạo, cầm quyền của Đảng Cộng sản và mục đích hoạt động của hệ thống chính trị XHCN, mà còn chỉ rõ nhân dân là động lực của phong trào cách mạng dưới sự lãnh đạo của giai cấp công nhân. Cách mạng là sự nghiệp của quần chúng; nhân dân chính là người sáng tạo ra lịch sử.

Với nhận thức rằng “Chủ quyền của nhân dân không phải là cái phát sinh từ chủ quyền của nhà vua, mà ngược lại, chủ quyền của nhà vua dựa trên chủ quyền của nhân dân”⁽⁵⁾ và “không phải chế độ nhà nước tạo ra nhân dân mà nhân dân tạo ra chế độ nhà nước”⁽⁶⁾, C.Mác đã nhấn mạnh tính tất yếu, tầm quan trọng của việc phát huy dân chủ nhằm phát huy sức mạnh của nhân dân trong chế độ XHCN.

Kế thừa và phát triển quan điểm của C. Mác về vai trò của nhân dân trong chế độ XHCN, V.I.Lênin chỉ rõ: “Chủ nghĩa xã hội không phải là kết quả của những sắc lệnh từ trên ban xuống...; chủ nghĩa xã hội sinh động, sáng tạo là sự nghiệp của bản thân quần chúng nhân dân”⁽⁷⁾. V.I.Lênin cho rằng: “Đội tiên phong chỉ làm tròn được sứ mệnh của nó khi nó biết gắn bó với quần chúng mà nó lãnh đạo và thực sự dắt dẫn toàn thể quần chúng tiến lên. Nếu không liên minh với những người không phải là đảng viên cộng sản trong các lĩnh vực hoạt động hết sức khác nhau, thì không thể nói tới một thành công nào trong công cuộc xây dựng chủ nghĩa cộng sản cả”⁽⁸⁾.

Trên cơ sở chủ nghĩa Mác-Lênin và xuất phát từ thực tiễn Việt Nam, Chủ tịch Hồ Chí Minh luôn nhấn mạnh quan điểm “cách mạng là sự nghiệp của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân”. Tuy chưa sử dụng cụm từ “Nhân dân là trung tâm”, nhưng nội hàm của khái niệm

“nhân dân là trung tâm” đã thể hiện rất rõ và sâu sắc trong tư tưởng Hồ Chí Minh. Người chỉ rõ “Cách mạng là sự nghiệp của quần chúng, chứ không phải là sự nghiệp của cá nhân anh hùng nào. Thành công của Đảng ta là ở nơi Đảng ta đã tổ chức và phát huy lực lượng cách mạng vô tận của nhân dân”⁽⁹⁾. Muốn phát huy sức mạnh của quần chúng nhân dân, cần nhiều điều kiện, trong đó điều kiện quan trọng là phát huy dân chủ, dựa vào dân để xây dựng Đảng và hệ thống chính trị. Chủ tịch Hồ Chí Minh cho rằng: “Nhân dân giúp xây dựng Đảng bằng cách: hiểu rõ Đảng, ủng hộ Đảng, hưởng ứng những lời kêu gọi của Đảng, ra sức cho Đảng rõ tình hình trong nhân dân, đối với công tác của Đảng thì thật thà phê bình và nêu ý kiến của mình”⁽¹⁰⁾.

Theo Hồ Chí Minh, “nhân dân là trung tâm” còn thể hiện ở nội dung cốt lõi, đó là Đảng, Chính phủ cần thực hiện tốt vai trò “đầy tớ” đối với nhân dân. Người chỉ rõ, phải giữ gìn Đảng ta thật trong sạch, phải xứng đáng là người lãnh đạo, người đầy tớ trung thành của nhân dân. Đảng phải coi việc “làm đầy tớ” của nhân dân, phục vụ nhân dân, chăm lo cuộc sống vật chất, tinh thần của nhân dân là trách nhiệm, là vinh dự và niềm hạnh phúc. “Chính sách của Đảng và Chính phủ là *phải hết sức chăm nom đến đời sống của nhân dân*. Nếu dân đói, Đảng và Chính phủ có lỗi; nếu dân rét là Đảng và Chính phủ có lỗi; nếu dân dốt là Đảng và Chính phủ có lỗi; nếu dân ốm là Đảng và Chính phủ có lỗi”⁽¹¹⁾.

Trên cơ sở chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh và thực tiễn của cách mạng Việt Nam, trong quá trình lãnh đạo và cầm quyền, Đảng ta luôn nhấn mạnh quan điểm “dân là gốc”, vì lợi ích của

nhân dân, dựa vào nhân dân.

Đại hội XI của Đảng chỉ rõ: “Sự nghiệp cách mạng là của nhân dân, do nhân dân và vì nhân dân. Chính nhân dân là người làm nên những thắng lợi lịch sử. Toàn bộ hoạt động của Đảng phải xuất phát từ lợi ích và nguyện vọng chính đáng của nhân dân. Sức mạnh của Đảng là ở sự gắn bó mật thiết với nhân dân”⁽¹²⁾.

Tại Đại hội XII, khi nhìn lại 30 đổi mới đất nước, Đảng ta cho rằng: “Đổi mới phải luôn luôn quán triệt quan điểm “dân là gốc”, vì lợi ích của nhân dân, dựa vào nhân dân, phát huy vai trò làm chủ, tinh thần trách nhiệm, sức sáng tạo và mọi nguồn lực của nhân dân; phát huy sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc”⁽¹³⁾. Tuy trong cách diễn đạt nói trên đã thể hiện nội hàm “nhân dân là trung tâm”, nhưng Đảng chưa chính thức sử dụng thuật ngữ “nhân dân là trung tâm” trong các văn kiện trước đây⁽¹⁴⁾.

Đến Đại hội XIII, Đảng ta lần đầu tiên sử dụng thuật ngữ này khi chỉ rõ: “Nhân dân là trung tâm, là chủ thể của công cuộc đổi mới, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc; mọi chủ trương, chính sách phải thực sự xuất phát từ cuộc sống, nguyện vọng, quyền và lợi ích chính đáng của nhân dân, lấy hạnh phúc, ấm no của nhân dân làm mục tiêu phấn đấu”⁽¹⁵⁾; đồng thời nhấn mạnh: “Đề cao vai trò chủ thể, vị trí trung tâm của nhân dân trong chiến lược phát triển đất nước, trong toàn bộ quá trình xây dựng và bảo vệ Tổ quốc”⁽¹⁶⁾. Xuất phát từ nhận thức về vị trí, vai trò trung tâm của nhân dân, Đại hội XIII bổ sung, nhấn mạnh hơn “quyền giám sát” và “quyền thụ hưởng” của nhân dân khi chỉ rõ: “*Kiên trì thực hiện phương châm “dân biết, dân bàn, dân làm, dân*

kiểm tra, dân giám sát, dân thụ hưởng”⁽¹⁷⁾.

Sự phân tích trên cho thấy, quan điểm “nhân dân là trung tâm” được đề cập trong Văn kiện Đại hội XIII là sự kế thừa, phát triển chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh về vai trò trung tâm của nhân dân trong cách mạng XHCN. Đây cũng là một sự tổng kết thực tiễn sâu sắc của Đảng ta về vai trò của nhân dân trong quá trình Đảng lãnh đạo, cầm quyền.

2. Nội hàm và điều kiện cơ bản để thực hiện tốt “nhân dân là trung tâm”

Ở Việt Nam, nhân dân là trung tâm có nội hàm phong phú, song về cơ bản có thể khái lược thành hai phương diện cơ bản: (i) Nhân dân là trung tâm có nghĩa là cần phải kiên trì, kiên định con đường XHCN để xây dựng một xã hội mà chúng ta cần (xã hội XHCN), “mà trong đó sự phát triển là thực sự vì con người, chứ không phải vì lợi nhuận mà bóc lột và chà đạp lên phẩm giá con người”⁽¹⁸⁾; (ii) “Nhân dân là trung tâm” với tư cách là nguyên tắc quy định, định hướng đối với tổ chức và hoạt động của hệ thống chính trị, nhất là hoạt động lãnh đạo, cầm quyền của Đảng và quản trị của Nhà nước. Nhân dân là trung tâm với tư cách một nguyên tắc trong tổ chức và hoạt động của hệ thống chính trị Việt Nam có nội hàm cơ bản gồm:

Thứ nhất, “nhân dân là trung tâm” có nghĩa, lợi ích của nhân dân là mục tiêu, mục đích hoạt động của hệ thống chính trị, nhất là mục tiêu, mục đích hoạt động của Đảng và Nhà nước. Điều này có nghĩa là, sự tồn tại của Đảng và Nhà nước cũng là vì lợi ích của nhân dân,

muu cầu cho lợi ích của nhân dân. Đảng và Nhà nước là người đầy tớ của nhân dân, ngoài lợi ích của nhân dân, Đảng và Nhà nước không có lợi ích nào khác. Đảng, Nhà nước và đội ngũ cán bộ, công chức “hết lòng, hết sức phụng sự Tổ quốc, phục vụ nhân dân, lấy ấm no, hạnh phúc và sự hài lòng của nhân dân làm mục tiêu phấn đấu”⁽¹⁹⁾.

Thứ hai, “nhân dân là trung tâm” nghĩa là mọi đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật và hoạt động của Nhà nước đều vì lợi ích của nhân dân; tất cả lý luận và thực tiễn đều đến từ nhân dân, vì nhân dân; việc hoạch định và thực thi mọi phương châm, chính sách và tất cả công việc đều phải đến từ nhân dân, đều cần vì lợi ích của nhân dân. Nói cách khác, lợi ích của nhân dân là điểm xuất phát cũng là điểm cuối cùng của mọi chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước. Mọi chủ trương, đường lối của Đảng, mọi hoạt động của hệ thống chính trị đều phải đặt lợi ích của nhân dân là trên hết, trước hết.

Thứ ba, “nhân dân là trung tâm” còn có nghĩa là hệ thống chính trị cần phải thực hiện tốt, duy trì tốt, phát triển tốt lợi ích căn bản của nhân dân. Đứng ở góc độ quyền con người, quyền công dân, các quyền của nhân dân phải được bảo đảm tốt, đó chính là các quyền dân sự, chính trị, kinh tế, xã hội và văn hóa. Vì vậy, hệ thống chính trị cần phải bảo vệ, bảo đảm và thúc đẩy việc thực hiện các quyền này thông qua việc phát triển, đổi mới toàn diện các lĩnh vực kinh tế, chính trị, văn hóa và xã hội.

Thứ tư, “nhân dân là trung tâm” có nghĩa là khơi dậy và phát huy mọi nguồn lực, sức mạnh của nhân dân để xây dựng cuộc sống ấm no, hạnh phúc cho nhân dân. Theo tư tưởng Hồ Chí Minh, điều này chính

là: “Đem tài dân, sức dân mà làm lợi cho dân”, vì “không có lực lượng nhân dân, thì việc nhỏ mấy, dễ mấy, làm cũng không xong, có lực lượng nhân dân, thì việc khó mấy, to mấy, làm cũng được”⁽²⁰⁾.

Thứ năm, “nhân dân là trung tâm” còn có nghĩa là dựa vào nhân dân để xây dựng Đảng và hệ thống chính trị; phát huy vai trò của nhân dân trong việc tham gia xây dựng chủ trương, chính sách, bảo đảm để nhân dân tham gia ở tất cả các khâu của quá trình ra các quyết định liên quan đến quyền và lợi ích thiết thân của nhân dân, từ việc nêu sáng kiến đến tham gia góp ý, thảo luận, tranh luận, phản biện đến việc giám sát quá trình thực hiện.

Đặc biệt, “nhân dân là trung tâm” còn nhấn mạnh Đảng và Nhà nước phải quan tâm, giải quyết kịp thời những vấn đề mà người dân bức xúc: “các cấp ủy đảng và chính quyền phải thường xuyên đối thoại, lắng nghe, học hỏi, tiếp thu ý kiến, giải quyết các khó khăn, vướng mắc và yêu cầu chính đáng của nhân dân; tin dân, tôn trọng, lắng nghe những ý kiến khác; có hình thức, cơ chế, biện pháp cụ thể để nhân dân bày tỏ ý kiến, nguyện vọng và thực hiện quyền làm chủ của mình thông qua Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể nhân dân; trân trọng, tôn vinh những đóng góp, cống hiến của nhân dân”⁽²¹⁾.

Thứ sáu, “nhân dân là trung tâm” còn có nghĩa là lấy mức độ hài lòng của nhân dân làm tiêu chí cơ bản để đánh giá tất cả các công việc của Đảng và Nhà nước. Nhân dân là trung tâm còn là lấy việc nhân dân ủng hộ hay không ủng hộ, tán thành hay không tán thành, vui hay không vui, đồng ý hay không đồng ý, hài lòng hay không hài lòng làm tiêu chuẩn cơ bản để đánh giá tất cả các công việc. Cần phải thiết lập

thể chế để hệ thống chính trị nắm bắt được ý kiến, phản ánh của nhân dân cũng như mức độ hài lòng của nhân dân đối với các công việc và chính sách của Đảng và Nhà nước. Theo tinh thần Đại hội XIII của Đảng, đó là: “Lấy kết quả công việc, sự hài lòng và tín nhiệm của nhân dân làm tiêu chí quan trọng để đánh giá chất lượng tổ chức bộ máy và chất lượng cán bộ, đảng viên”⁽²²⁾.

Để thực hiện tốt “nhân dân là trung tâm” hay “lấy nhân dân làm trung tâm” trong hoạt động của hệ thống chính trị, cần những nguyên tắc nhất định nhằm bảo đảm quyền lực và lợi ích của nhân dân trên tất cả các lĩnh vực từ chính trị, kinh tế, văn hóa và xã hội.

Cụ thể gồm: *Một là*, nguyên tắc về thể chế hiến pháp. Có nghĩa là phải thông qua Hiến pháp và pháp quyền để bảo đảm dân chủ pháp quyền, cũng như các quyền cơ bản của nhân dân, nhất là các quyền dân chủ của nhân dân. *Hai là*, nguyên tắc về thể chế chính trị. Có nghĩa là tiếp tục đổi mới hệ thống chính trị nhằm bảo đảm quyền lực chính trị của nhân dân cũng như bảo đảm để quyền lực chính trị được sử dụng vì lợi ích của nhân dân. *Ba là*, nguyên tắc về thể chế kinh tế. Có nghĩa là hoàn thiện thể chế kinh tế nhằm bảo quyền lực kinh tế của nhân dân, ngăn ngừa lũng đoạn về kinh tế, thông qua và dựa trên pháp luật để bảo đảm quyền lực kinh tế của nhân dân, bảo đảm để nhân dân đều tham gia vào tiến trình phát triển và đều được thụ hưởng thành quả của phát triển. *Bốn là*, nguyên tắc về thể chế xã hội. Có nghĩa là cần phải thiết lập thể chế về mặt xã hội để bảo đảm và cải thiện an sinh xã hội, quan tâm giải quyết có hiệu quả các vấn đề liên quan đến giáo dục, y tế, môi trường, an ninh xã hội... Cần kiểm soát để việc chi

tiêu công ưu tiên giải quyết những vấn đề liên quan trực tiếp và rộng rãi đến lợi ích và cuộc sống của các tầng lớp nhân dân.

Những điều kiện cơ bản để bảo đảm “nhân dân là trung tâm” bao gồm:

Thứ nhất, “nâng cao năng lực lãnh đạo, năng lực cầm quyền và sức chiến đấu của Đảng; xây dựng Đảng và hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh toàn diện”⁽²³⁾. Sự lãnh đạo đúng đắn của Đảng Cộng sản Việt Nam là yếu tố quyết định việc “lấy nhân dân là trung tâm” ở Việt Nam. Vì vậy, điều kiện tiên quyết là tăng cường xây dựng, chỉnh đốn Đảng nhằm bảo đảm sự lãnh đạo của Đảng cũng như nâng cao năng lực lãnh đạo, năng lực cầm quyền của Đảng. Bên cạnh đó, cần phải xây dựng được một Nhà nước pháp quyền XHCN của nhân dân, do nhân dân và vì nhân dân.

Thứ hai, phát huy dân chủ, bảo đảm sự tham gia có hiệu quả của nhân dân trong quản trị quốc gia. Chỉ khi phát huy dân chủ, bảo đảm sự tham gia có hiệu quả của nhân dân mới có thể thực hiện “nhân dân là trung tâm”. Vì vậy, hệ thống chính trị, nhất là Nhà nước cần bảo đảm công khai, minh bạch thông tin, quyền được thông tin và cơ hội tiếp cận thông tin của mọi tầng lớp nhân dân; thực hiện tốt phương châm “Dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra, dân giám sát, dân thụ hưởng; phát huy vai trò của người dân, doanh nghiệp, các tổ chức chính trị - xã hội, nghề nghiệp và cộng đồng trong tham gia xây dựng, phản biện và giám sát thực hiện pháp luật, cơ chế, chính sách của Nhà nước; mở rộng tự quản xã hội.

Để phát huy sự tham gia của nhân dân cần “tiếp tục cụ thể hóa,

hoàn thiện thể chế thực hành dân chủ theo tinh thần *Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội* (bổ sung, phát triển năm 2011) và Hiến pháp năm 2013, bảo đảm tất cả quyền lực nhà nước thuộc về nhân dân; “Phát huy vai trò, sự tham gia của nhân dân trong xây dựng, ban hành, tổ chức thực hiện các chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước”; “Tổ chức có hiệu quả, thực hiện tốt việc nhân dân tham gia giám sát, đánh giá hiệu quả hoạt động của các tổ chức trong hệ thống chính trị; phẩm chất, năng lực của đội ngũ cán bộ, đảng viên. Lấy kết quả công việc, sự hài lòng và tín nhiệm của nhân dân làm tiêu chí quan trọng để đánh giá chất lượng tổ chức bộ máy và chất lượng cán bộ, đảng viên”⁽²⁴⁾.

Thứ ba, bảo đảm lợi ích vật chất của nhân dân, thực hiện tốt phát triển kinh tế gắn liền với thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội, bảo đảm để các tầng lớp nhân dân đều tham gia vào tiến trình phát triển kinh tế và thụ hưởng công bằng, đầy đủ các thành quả của phát triển kinh tế.

Thứ tư, đạo đức công vụ của đội ngũ cán bộ, công chức. Để bảo đảm “lấy nhân dân là trung tâm” cần phải xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức thật sự là “đầy tớ” của nhân dân. Điều này có nghĩa là, để đáp ứng yêu cầu “lấy công dân là trung tâm” trong hoạt động của hệ thống chính trị, đòi hỏi đội ngũ cán bộ, công chức phải thực hành các chuẩn mực cơ bản của đạo đức công vụ, như phục vụ nhân dân; đặt lợi ích của nhân dân lên trên hết, trước hết; có trách nhiệm công; công bằng trong thực thi công vụ; sử dụng hợp lý, tiết kiệm và hiệu quả nguồn lực công và phát huy dân chủ trong lãnh đạo, quản trị⁽²⁵⁾.

Như vậy, nhân dân là trung tâm có nội hàm phong phú, trong đó cốt lõi là nhân dân là chủ thể, là mục đích hoạt động của hệ thống chính trị cũng là động lực của đổi mới và phát triển. Để thực hiện tốt yêu cầu này cần phải bảo đảm các nguyên tắc về thể chế hiến pháp, thể chế chính trị, thể chế kinh tế và thể chế xã hội. Điều kiện cơ bản để thực hiện tốt điều này chính là năng lực lãnh đạo, cầm quyền của Đảng; nguyên tắc pháp quyền và phát huy dân chủ cũng như hiệu quả tham gia của nhân dân trong quản trị quốc gia. Việc nhấn mạnh nguyên tắc “lấy nhân dân là trung tâm” trong tổ chức và hoạt động của hệ thống chính trị có ý nghĩa quan trọng cả về phương diện lý luận và thực tiễn. Về phương diện lý luận, điều này làm phong phú và sâu sắc hơn lý luận phát triển của Việt Nam cũng như định hướng nhiều nội dung trong nghiên cứu lý luận chính trị; về mặt thực tiễn, nguyên tắc này định hướng việc xây dựng, hoàn thiện thể chế cũng như đổi mới và nâng cao năng lực hoạt động của thiết chế trong hệ thống chính trị ở nước ta□

(1), (18) Nguyễn Phú Trọng: *Một số vấn đề lý luận và thực tiễn về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam*, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2022, tr.28, 21.

(2) V.I.Lênin: *Toàn tập*, t.33, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2005, tr.106-107.

(3), (4) C.Mác và Ph.Ăngghen: *Tuyển tập*, t.1, Nxb Sự thật, Hà Nội, 1980, tr.557, 558.

(5), (6) C.Mác và Ph.Ăngghen: *Toàn tập*, t.I, Nxb Chính trị quốc gia Sự

thật, Hà Nội, 2002, tr.347, 350.

(7) V.I.Lênin: *Toàn tập*, t.35, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2006, tr.64.

(8) V.I.Lênin: *Toàn tập*, t.45, Sđd, tr.28-29.

(9) Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, t.12, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2011, tr.672.

(10) Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, t.8, Sđd, tr.280-281.

(11) Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, t.9, Sđd, tr.518.

(12) ĐCSVN: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI*, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2011, tr.65-66.

(13), (21) ĐCSVN: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII*, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2016, tr.69, 210.

(14) Nguyễn Thị Ngọc Anh, Nguyễn Trọng Bình: *Vận dụng những điểm mới về phát huy dân chủ xã hội chủ nghĩa trong Văn kiện Đại hội XIII vào nghiên cứu, giảng dạy lý luận chính trị*, Tạp chí Lý luận chính trị, số 7-2021, tr.95-99.

(15), (16), (17), (22), (23), (24) ĐCSVN: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII*, t.I, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2021, tr.27-28, 173, 27, 192, 111, 191-192.

(19) ĐCSVN: Quy định số 08-Qđi/TW về trách nhiệm nêu gương của cán bộ, đảng viên, Hà Nội, 2018.

(20) Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, t.7, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2011, tr.176.

(25) Nguyễn Trọng Bình: *Tăng cường xây dựng đạo đức công vụ ở nước ta hiện nay*, Tạp chí Lý luận chính trị, số 5-2019, tr.101-108.

Nguồn: Tạp chí Lý luận chính trị.- 2022.- Số 537.- Tr.37-43

HỒ CHÍ MINH VẬN DỤNG VÀ PHÁT TRIỂN SÁNG TẠO CHỦ NGHĨA MÁC - LÊNIN TRONG XÂY DỰNG ĐẢNG VÀ HỆ THỐNG CHÍNH TRỊ

PGS, TS. PHẠM ĐỨC KIÊN - TS. PHẠM VĂN GIANG
Học viện Chính trị khu vực III,
Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh

Ngày nhận bài: 19/4/2024 Ngày thẩm định: 25/4/2024 Ngày duyệt đăng: 20/5/2024

Tóm tắt: Hồ Chí Minh là người sáng lập và rèn luyện Đảng Cộng sản Việt Nam. Trong quá trình lãnh đạo cách mạng, Người luôn kiên định, vận dụng và phát triển sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lênin trong xây dựng Đảng và hệ thống chính trị phù hợp với điều kiện cụ thể Việt Nam. Hiện nay, việc nghiên cứu, vận dụng sáng tạo, phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh trong lĩnh vực này có ý nghĩa cả về lý luận và thực tiễn đối với cách mạng Việt Nam, cần tiếp tục được nghiên cứu và thực hiện trong toàn Đảng và hệ thống chính trị.

Từ khóa: *hệ thống chính trị; Hồ Chí Minh; xây dựng Đảng*

1 Đặt vấn đề

Các nhà kinh điển của chủ nghĩa Mác - Lênin chưa bao giờ coi học thuyết của mình như là một tín điều cứng nhắc, siêu hình, bất khả xâm phạm, mà các ông đã nhiều lần nhắc nhở những người cộng sản trong quá trình vận dụng phải phù hợp với điều kiện cụ thể. Ngay trong tác phẩm *Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản*, C.Mác

và Ph.Ăngghen đã nhấn mạnh: “Chính ngay “Tuyên ngôn” cũng đã giải thích rõ rằng bất cứ ở đâu và bất cứ lúc nào, việc áp dụng những nguyên lý đó cũng phải tùy theo hoàn cảnh lịch sử đương thời, và do vậy, không nên quá câu nệ vào những biện pháp cách mạng nêu ra ở cuối chương II”⁽¹⁾. Trong khi đó, V.I.Lênin yêu cầu: “Chúng ta không hề coi lý luận của Mác như là một cái gì đã xong xuôi hẳn và bất khả xâm phạm; trái lại, chúng ta tin rằng lý luận đó chỉ đặt nền móng cho môn khoa học mà những người xã hội chủ nghĩa cần phải phát triển hơn nữa về mọi mặt, nếu họ không muốn trở thành lạc hậu đối với cuộc sống”⁽²⁾. Vì vậy, vận dụng và phát triển sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lênin về xây dựng đảng và hệ thống chính trị là vấn đề có tính nguyên tắc đối với phong trào cộng sản và công nhân quốc tế, trong đó có cách mạng Việt Nam.

Với Hồ Chí Minh, mặc dù không có một tác phẩm cụ thể nào bàn trực tiếp về hệ thống chính trị, nhưng tư tưởng của Người về các yếu tố cấu thành của hệ thống chính trị được thể hiện sâu sắc ở nhiều bài viết, bài nói chuyện trong nhiều bối cảnh khác nhau. Đó là hệ thống quan điểm toàn diện, sâu sắc, kết quả của sự vận dụng sáng tạo và phát triển chủ nghĩa Mác - Lênin vào điều kiện cụ thể của Việt Nam - một nước phương Đông, có nền nông nghiệp lạc hậu, chịu sự thống trị của chủ nghĩa thực dân, phong kiến. Những đóng góp của Hồ Chí Minh vào kho tàng lý luận của chủ nghĩa Mác - Lênin về xây dựng Đảng và hệ thống chính trị thật là to lớn và vĩ đại.

2. Hồ Chí Minh vận dụng và phát triển chủ nghĩa Mác - Lênin trong xây dựng Đảng

Trong quá trình hoạt động cách mạng, tổng kết thực tiễn đấu tranh của giai cấp công nhân, nghiên cứu lý luận đến những năm cuối thập niên 40 của thế kỷ XIX, C.Mác và Ph.Ăngghen đã chuyển hẳn từ quan điểm duy tâm sang quan điểm duy vật, từ lập trường dân chủ cách mạng sang lập trường cộng sản. Các ông đã xây dựng hoàn chỉnh học thuyết của mình (chủ nghĩa Mác), đã chứng minh một cách khoa học sự diệt vong tất yếu của chủ nghĩa tư bản và sự tất thắng của chủ nghĩa cộng sản, giai đoạn đầu là chủ nghĩa xã hội; phát hiện và chứng minh một cách khoa học sứ mệnh lịch sử toàn thế giới của giai cấp công nhân. C.Mác, Ph.Ăngghen và các cộng sự của mình đã tích cực đưa chủ nghĩa Mác vào phong trào công nhân để kiểm nghiệm, khẳng định, bổ sung và phát triển. Cũng từ đó, tư tưởng của C.Mác và Ph.Ăngghen về đảng cộng sản và xây dựng đảng được hình thành, phát triển. Các ông cũng khẳng định và chứng minh, giai cấp công nhân muốn thực hiện sứ mệnh lịch sử toàn thế giới của mình phải có đảng cộng sản lãnh đạo. Đảng cộng sản là lực lượng lãnh đạo, dẫn đường giai cấp công nhân lật đổ chế độ tư bản, áp bức, bóc lột, lãnh đạo tổ chức xây dựng xã hội mới. Các ông đã mong muốn hiện thực hóa tư tưởng về đảng cộng sản của mình và chú ý đến “Liên đoàn những người chính nghĩa”. C.Mác, Ph.Ăngghen đã trực tiếp tham gia và lãnh đạo Liên đoàn, áp dụng những tư tưởng về đảng cộng sản vào việc cải tổ tổ chức này thành đảng cộng sản đầu tiên trên thế giới của giai cấp công nhân với tên gọi là “Liên đoàn những người cộng sản” (1847 - 1852). Từ đây, chính đảng đầu tiên của giai cấp công nhân quốc tế được thành lập. Lý luận của C.Mác, Ph.Ăngghen về đảng cộng

sản, ngay từ khi ra đời gắn chặt với thực tiễn cách mạng, về sau, lý luận này tiếp tục được V.I.Lênin bảo vệ, vận dụng và phát triển thành đảng kiểu mới ở nước Nga.

Trong các tác phẩm *Làm gì?*, *Một bước tiến, hai bước lùi*, V.I.Lênin đã luận chứng và phát triển sáng tạo chủ nghĩa Mác về đảng cộng sản, đề xuất những nguyên tắc về chính đảng vô sản kiểu mới của giai cấp công nhân Nga. Theo V.I.Lênin, Đảng của giai cấp công nhân lấy chủ nghĩa Mác làm nền tảng tư tưởng, được tổ chức chặt chẽ theo nguyên tắc tập trung dân chủ, đoàn kết thống nhất về chính trị, tư tưởng và tổ chức, lấy tự phê bình và phê bình làm quy luật phát triển, gắn bó chặt chẽ với quần chúng nhân dân, kết hợp chủ nghĩa yêu nước chân chính với chủ nghĩa quốc tế trong sáng của giai cấp công nhân.

Thấm nhuần tinh thần phương pháp luận của chủ nghĩa Mác - Lênin, với kiến thức thực tiễn phong phú, Hồ Chí Minh đã vận dụng và phát triển sáng tạo về sự ra đời của Đảng Cộng sản Việt Nam. Chủ nghĩa Mác - Lênin cho rằng, đảng cộng sản ra đời là sự kết hợp giữa chủ nghĩa xã hội khoa học với phong trào công nhân. Tuy nhiên, ở Việt Nam, Hồ Chí Minh cho rằng, “Chủ nghĩa Mác - Lênin kết hợp với phong trào công nhân và phong trào yêu nước đã dẫn tới việc thành lập Đảng Cộng sản Đông Dương vào đầu năm 1930”⁽³⁾. Lúc bấy giờ cũng còn ý kiến cho rằng, nước ta chủ yếu là nền sản xuất nông nghiệp, giai cấp công nhân còn nhỏ bé, nên không thể lãnh đạo cách mạng vô sản. Trước ý kiến đó, Hồ Chí Minh chỉ rõ: “Lãnh đạo được hay không, là do đặc tính cách mạng, chứ không phải do số người nhiều ít của giai cấp. Giai cấp công nhân có chủ nghĩa Mác - Lênin.

Trên nền tảng đấu tranh, họ xây dựng nên Đảng theo chủ nghĩa Mác - Lênin là Đảng Lao động Việt Nam. Đảng đề ra chủ trương, đường lối, khẩu hiệu cách mạng, lôi cuốn giai cấp nông dân và tiểu tư sản vào đấu tranh, bồi dưỡng họ thành những phần tử tiên tiến”⁽⁴⁾. Để thực hiện vai trò lãnh đạo, giai cấp công nhân phải tự tổ chức lại theo chính đảng, nếu “công nhân không có sự lãnh đạo của Đảng thì không làm cách mạng thành công được, không thắng lợi được”. Thông qua chính đảng của mình, giai cấp công nhân tập hợp lực lượng, tổ chức, lãnh đạo phong trào thực hiện mục tiêu giải phóng dân tộc, xây dựng thành công chủ nghĩa xã hội.

Điểm sáng tạo của Hồ Chí Minh là đặt cách mạng giải phóng dân tộc trong quỹ đạo của cách mạng vô sản thế giới. Người cho rằng, cần phải “Làm cho đội tiên phong của lao động thuộc địa tiếp xúc mật thiết với giai cấp vô sản phương Tây để dọn đường cho một sự hợp tác thực sự sau này; chỉ có hợp tác này mới đảm bảo cho giai cấp công nhân quốc tế giành thắng lợi cuối cùng,... Làm cho các dân tộc thuộc địa, từ trước đến nay vẫn cách biệt nhau, hiểu biết nhau hơn và đoàn kết lại để đặt cơ sở cho một liên minh phương Đông tương lai, khối liên minh này sẽ là một trong những cái cánh của cách mạng vô sản”⁽⁵⁾. Điều đó đòi hỏi Đảng Cộng sản phải xây dựng, tập hợp tất cả các lực lượng cách mạng yêu nước dưới ngọn cờ lãnh đạo của Đảng để đấu tranh chống chủ nghĩa thực dân, đế quốc và bè lũ tay sai. Đặt giải quyết mâu thuẫn lợi ích quốc gia - dân tộc lên trước, cùng với đó là giải quyết mâu thuẫn giai cấp, giành lấy dân chủ cho nhân dân.

Chủ nghĩa Mác - Lênin cho rằng, đảng cộng sản mang bản chất

của giai cấp công nhân, đại biểu cho lợi ích của giai cấp công nhân, người lao động bị áp bức, bóc lột. Xuất phát từ thực tiễn Việt Nam, Hồ Chí Minh đã vận dụng và phát triển sáng tạo quan điểm của chủ nghĩa Mác - Lênin trong diễn đạt về bản chất giai cấp công nhân của Đảng. Theo Người, “Chính vì Đảng Lao động Việt Nam là Đảng của giai cấp công nhân và nhân dân lao động, cho nên nó phải là Đảng của dân tộc Việt Nam”⁽⁶⁾. Cách diễn đạt này, phản ánh được nét đặc thù của cách mạng Việt Nam, không chỉ đấu tranh để giải phóng giai cấp, mà còn đấu tranh để giải phóng dân tộc (lợi ích của giai cấp và dân tộc thống nhất với nhau); đồng thời, vẫn khẳng định được bản chất giai cấp của Đảng, không trượt sang đảng phi giai cấp. Cách diễn đạt đó vừa thể hiện bản chất giai cấp công nhân của Đảng theo chủ nghĩa Mác - Lênin, vừa phù hợp với thực tiễn Việt Nam.

Hồ Chí Minh đặc biệt chú ý nhiệm vụ bảo vệ và xây dựng Đảng. Theo đó, phải luôn kiên định, bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, đó là chủ nghĩa Mác - Lênin. Người chỉ rõ: “*Chủ nghĩa* của Đảng là chủ nghĩa Mác - Lênin, mỗi đảng viên đều phải nghiên cứu”⁽⁷⁾; “phải học chủ nghĩa Mác - Lênin để phân tích và giải quyết các vấn đề cụ thể của cách mạng nước ta, cho hợp với điều kiện đặc biệt của nước ta”⁽⁸⁾. Vì vậy, phải chống cả chủ nghĩa hữu khuynh và tả khuynh, giáo điều trong vận dụng và phát triển chủ nghĩa Mác - Lênin. Hồ Chí Minh cho rằng, cần chỉ rõ các phần tử phá hoại nền tảng tư tưởng của Đảng: “Có đảng viên, người vào Đảng, nhưng tư tưởng thì chưa vào Đảng. Trong đầu óc những đảng viên ấy còn chứa những thứ xấu xa của giai cấp bóc lột; họ chưa thật hiểu tư tưởng vô sản là gì, Đảng là gì. Tệ hơn

nữa, bọn đặc vụ, bọn mật thám cố len lỏi vào Đảng... Nhiều người tiểu tư sản thường dùng mọi phương pháp, cả phương pháp văn học và nghệ thuật, để trung mình họ lên, để tuyên truyền chủ trương của họ, và yêu cầu người ta theo chủ trương tiểu tư sản trí thức đó mà cải tạo Đảng, cải tạo thế giới”⁽⁹⁾.

Đối với những phần tử phá hoại Đảng, Hồ Chí Minh yêu cầu những người cách mạng phải không ngừng đấu tranh, không thỏa hiệp và nhượng bộ. Người khẳng định: “Chủ nghĩa Mác - Lênin kiên quyết chống những sai lầm ấy... Chúng ta chống sai lầm *tả khuynh* và *hữu khuynh*, vì nó trái với điều kiện lịch sử”⁽¹⁰⁾. Bảo vệ và xây dựng Đảng theo Hồ Chí Minh không chỉ trung thành, kiên định, mà còn phải biết phát triển nền tảng tư tưởng của Đảng phù hợp với điều kiện mới. Muốn làm được điều đó, theo Người phải gắn lý luận với thực tiễn, phải cố hiểu biết lý lẽ, tinh thần và phương pháp của chủ nghĩa Mác - Lênin. Khi đã hiểu thì phải áp dụng ngay vào công tác thực tế của mình, áp dụng vào sinh hoạt, ngôn luận, hành động và công tác của mình. Dựa vào đó mà sửa đổi, tẩy rửa những tư tưởng sai lầm, những cái gì của mình trái với nó, tăng cường ý thức cách mạng vô sản của mình.

Về nguyên tắc tổ chức và sinh hoạt Đảng, trên cơ sở quan điểm của chủ nghĩa Mác - Lênin, Hồ Chí Minh đã vận dụng và phát triển vào điều kiện cụ thể. Trong đó, Người chỉ rõ: “Xây dựng Đảng, có ba mặt: tư tưởng, chính trị và tổ chức”⁽¹¹⁾ - “đó là *đường lối* xây dựng Đảng”⁽¹²⁾. Cùng với ba mặt đó, Người rất coi trọng xây dựng Đảng về mặt đạo đức. Hồ Chí Minh đã dành nhiều thời gian, công sức, trí tuệ

bàn về đạo đức cách mạng, dày công rèn luyện đạo đức cách mạng cho đội ngũ cán bộ, đảng viên. Hơn thế, chính Người là tấm gương sáng thực hành đạo đức cách mạng. Theo Hồ Chí Minh, cán bộ, đảng viên phải có cả đức lẫn tài, “vừa hồng”, “vừa chuyên”, giữa đức và tài thì đức là gốc, là nền tảng: “Cũng như sông thì có nguồn mới có nước, không có nguồn thì sông cạn. Cây phải có gốc, không có gốc thì cây héo. Người cách mạng phải có đạo đức, không có đạo đức thì dù tài giỏi mấy cũng không lãnh đạo được nhân dân”⁽¹³⁾. Bởi vì, có đạo đức cách mạng thì mới hy sinh tận tụy với cách mạng, mới lãnh đạo được quần chúng đưa cách mạng tới thắng lợi hoàn toàn; có giáo dục lý luận chính trị tốt mới củng cố được quan điểm, lập trường cách mạng, thì chí khí cách mạng càng cao, tinh thần cách mạng càng triệt để. Nói cách khác, đạo đức cách mạng là để phục vụ sự nghiệp cách mạng đó là giải phóng dân tộc, giải phóng xã hội, giải phóng con người.

3. Hồ Chí Minh vận dụng và phát triển chủ nghĩa Mác - Lênin trong xây dựng Nhà nước

Con đường cách mạng quyết định kiểu nhà nước. Cách mạng Việt Nam đi theo con đường cách mạng vô sản, cũng có nghĩa là nhà nước được thiết lập sau khi cách mạng thành công là nhà nước kiểu mới, thể hiện bản chất giai cấp vô sản của nhà nước.

C.Mác, Ph.Ăngghen và V.I.Lênin đã dày công khảo cứu từ thực tiễn cách mạng để xây dựng nên mô hình nhà nước của giai cấp vô sản. Trong *Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản*, C.Mác và Ph.Ăngghen đã đề cập đến mô hình nhà nước, nhưng chưa chỉ rõ cụ thể của mô hình

nhà nước vô sản, mà chỉ khái quát là: “giai cấp vô sản được tổ chức thành giai cấp thống trị”⁽¹⁴⁾. V.I.Lênin cho rằng, “Mác chờ *kinh nghiệm* của phong trào quần chúng để giải đáp vấn đề xem tổ chức ấy của giai cấp vô sản với tư cách là giai cấp thống trị, sẽ theo những hình thức cụ thể nào, và tổ chức ấy sẽ dung hợp cụ thể như thế nào với việc “giành lấy dân chủ” một cách đầy đủ nhất và triệt để nhất”⁽¹⁵⁾. Sau này, khi nghiên cứu nội chiến ở Pháp năm 1781, C.Mác khẳng định: “Công xã là việc xã hội đoạt lại quyền lực nhà nước, quyền lực này trở thành một sức sống của bản thân xã hội chứ không phải là một lực lượng thống trị và nô dịch xã hội. Đó là việc bản thân quần chúng nhân dân đoạt lại quyền lực của bản thân họ, công xã chính là hình thức chính trị của sự giải phóng xã hội của họ...”⁽¹⁶⁾.

Khi vận dụng vào điều kiện cụ thể của nước Nga, V.I.Lênin cũng đặc biệt quan tâm tìm kiếm một mô hình tổ chức nhà nước cho giai cấp vô sản nước Nga. Cách mạng Nga năm 1905 và năm 1907 đã xây dựng một mô hình nhà nước mà theo V.I.Lênin “đúng theo kiểu mà công xã đã sáng tạo ra”. Nhà nước đó là xô-viết “hình thức chuyên chính vô sản ở Nga”. Các xô-viết bao gồm chủ yếu đại biểu của công nhân và các tầng lớp công nhân lao động, thật sự giữ vai trò lãnh đạo thực hiện các chủ trương của Đảng Bôn-sê-vich. Về thực chất, xô-viết ở Nga là hình thức chính quyền công - nông - binh.

Nhà nước Xô-viết có ảnh hưởng lớn đến Hồ Chí Minh trong quá trình khảo sát mô hình nhà nước cho cách mạng Việt Nam. Người đã nhìn thấy ở nhà nước Xô-viết sau Cách mạng Tháng Mười Nga một sức mạnh có khả năng phúc đáp những lợi ích của quảng đại quần

chúng nhân dân. Đó là một hình thức chính thể nhà nước mà Người mong muốn thiết lập ở Việt Nam.

Chánh cương vắn tắt của Đảng được thông qua tại Hội nghị thành lập Đảng do Hồ Chí Minh soạn thảo, lần đầu tiên đặt ra vấn đề “Dựng ra Chính phủ công nông binh”⁽¹⁷⁾. Một kiểu nhà nước theo mô hình nhà nước Xô-viết ở Nga. Tuy nhiên, điểm khác biệt là ở chỗ, Cách mạng Tháng Mười Nga mang tính chất của một cuộc nội chiến. Trong khi đó, cách mạng Việt Nam mang tính chất của một cuộc cách mạng dân tộc, đánh đổ ách thực dân, giành độc lập, chủ quyền cho đất nước. Chính sự khác nhau này, về sau được Hồ Chí Minh tiếp tục phát triển hơn nữa về mô hình nhà nước kiểu mới ở Việt Nam.

Năm 1941, tình hình trong nước và thế giới có nhiều diễn biến quan trọng. Hội nghị lần thứ tám của Trung ương Đảng được triệu tập (tháng 5/1941). Phân tích đúng đắn, sâu sắc tình hình thế giới và trong nước, Hội nghị đã xác định mâu thuẫn chủ yếu phải giải quyết cấp bách là mâu thuẫn giữa dân tộc Việt Nam với đế quốc Pháp - Nhật và cuộc cách mạng trước mắt của nhân dân Việt Nam là cách mạng giải phóng dân tộc. Với tính chất của cuộc cách mạng như vậy, hình thức chính quyền cũng phải thể hiện tính nhân dân. Trong *Thư gửi đồng bào toàn quốc* (tháng 10/1944), Hồ Chí Minh nhấn mạnh: “Chúng ta trước phải có một cái cơ cấu đại biểu cho sự chân thành đoàn kết và hành động nhất trí của toàn thể quốc dân ta. Mà cơ cấu ấy thì phải do một cuộc Toàn quốc đại biểu Đại hội gồm tất cả các đảng phái cách mệnh và các đoàn thể ái quốc trong nước bầu cử ra. Một cơ cấu như thế mới đủ lực lượng và oai tín, trong thì lãnh đạo công việc cứu quốc,

kiến quốc, ngoài thì giao thiệp với các hữu bang”⁽¹⁸⁾.

Sự chuyển biến từ hình thức chính phủ công - nông - binh sang hình thức chính phủ nhân dân của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa trong tư tưởng Hồ Chí Minh là một bước phát triển sáng tạo, xuất phát từ điều kiện đặc thù của cách mạng Việt Nam. Giá trị cách mạng của sự chuyển biến đó không phải mang tính sách lược nhất thời, mà là mang tính chiến lược lâu dài của cả quá trình phát triển mô hình tổ chức nhà nước Việt Nam về sau. Sự vận dụng và phát triển sáng tạo của Hồ Chí Minh về mô hình tổ chức nhà nước cho thấy, phương pháp tư duy của Người luôn xuất phát từ thực tiễn khách quan, từ những điều kiện đặc thù của xã hội ta mà không rập khuôn máy móc, áp đặt mô hình có sẵn. Đó là tính cách mạng, sáng tạo trong tư duy khoa học của Hồ Chí Minh.

4. Hồ Chí Minh vận dụng và phát triển chủ nghĩa Mác - Lênin trong xây dựng các tổ chức chính trị - xã hội

Học thuyết Mác - Lênin không chỉ bàn về xây dựng đảng và nhà nước mà còn bàn đến các tổ chức chính trị, xã hội khác: (i) về tính đặc thù, chủ nghĩa Mác ra đời trong thời kỳ chủ nghĩa tư bản tự do cạnh tranh, ở đó mâu thuẫn chủ yếu trong xã hội là giữa giai cấp công nhân với giai cấp tư sản. Vì vậy, đối tượng và động lực của cách mạng là giai cấp công nhân liên minh với giai cấp nông dân đấu tranh lật đổ giai cấp tư sản để xây dựng chế độ xã hội mới. Chính vì sự thuần nhất của mâu thuẫn giai cấp, nên cả C.Mác và Ph.Ăngghen chưa bàn nhiều đến xây dựng các tổ chức tập hợp lực lượng cách

mạng, ngoài đảng cộng sản (ii) về xây dựng mô hình hệ thống chính trị, trong tư tưởng của V.I.Lênin, Người đặc biệt quan tâm đến tổ chức công đoàn và đoàn thanh niên, vốn có vai trò rất quan trọng đối với tập hợp lực lượng trong những ngày đầu xây dựng mô hình hệ thống chính trị xô-viết, đòi hỏi Đảng Cộng sản Nga cầm quyền phải có quan điểm lãnh đạo. Vì lẽ đó, V.I.Lênin đã đấu tranh không khoan nhượng với các quan điểm sai lầm của một số ủy viên Bộ Chính trị lúc đó, như Trótxki, Bukharin, đòi nhà nước hóa công đoàn hay đòi công đoàn độc lập hoàn toàn. V.I.Lênin khẳng định, các tổ chức công đoàn hay đoàn thanh niên phải được tổ chức phù hợp với chức năng, nhiệm vụ, hiệu quả, thiết thực. Người chỉ rõ: “Nhưng công đoàn không phải là một tổ chức nhà nước, không phải là tổ chức cưỡng bức, nó là một tổ chức giáo dục, thu hút, huấn luyện, nó là một trường học, trường học quản lý, trường học quản lý kinh tế, trường học chủ nghĩa cộng sản”⁽¹⁹⁾. Trong hệ thống chuyên chính vô sản, “công đoàn có một vị trí ở giữa đảng và chính quyền nhà nước, nếu ta có thể nói như vậy được”⁽²⁰⁾. Còn đối với đoàn thanh niên, V.I.Lênin yêu cầu phải tổ chức thành “một đội xung kích” để thu hút thanh niên vào giải quyết những vấn đề thực tiễn cụ thể, dù là nhỏ nhất để giáo dục thanh niên. Người cảnh báo cách tổ chức hoạt động giáo dục không đúng của đoàn thanh niên: “Giáo dục thanh niên cộng sản không phải là nói cho họ nghe những bài diễn văn êm dịu hay là những phép tắc đạo đức”⁽²¹⁾, mà phải tổ chức sao cho: “hàng ngày, ở mỗi làng mạc, mỗi thành phố, thanh niên giải quyết được một cách thực tiễn vấn đề này hay vấn đề khác của lao động tập thể, dù là vấn đề bé nhỏ nhất và

giản đơn nhất”⁽²²⁾.

Vận dụng vào điều kiện cụ thể của Việt Nam, Hồ Chí Minh đã phát triển sáng tạo trong việc tập hợp lực lượng cách mạng. Người sớm tiếp thu và vận dụng sáng tạo lý luận cách mạng của các nước thuộc địa, không rơi vào giáo điều khuôn mẫu, đặt cách mạng thuộc địa vào quỹ đạo cách mạng vô sản thế giới với một sự am hiểu sâu sắc về tính độc đáo của cách mạng thuộc địa. Hồ Chí Minh sớm xác định cuộc cách mạng của nhân dân các nước thuộc địa là chống lại ách thống trị của chủ nghĩa đế quốc, là việc chung của cả dân chúng, trong đó công - nông là gốc của cách mạng. Còn học trò, nhà buôn nhỏ, điền chủ nhỏ... là bầu bạn của cách mạng; các giới đồng bào sĩ, nông, công, thương đều phải đoàn kết lại do đảng cách mạng lãnh đạo để chống cường quyền đế quốc và tay sai. Với quan điểm đó, Hồ Chí Minh đã phê phán mọi tư tưởng “tả khuynh”, áp dụng máy móc hoặc hiểu biết chưa đầy đủ quan điểm của chủ nghĩa Mác - Lênin về tập hợp và xây dựng lực lượng cách mạng, khi xem cách mạng chỉ là nhiệm vụ của giai cấp công - nông.

Thực tiễn cho thấy, Quốc tế cộng sản ra đời luôn đặt vấn đề dân tộc và thuộc địa trong chương trình nghị sự của mình. Ngay tại Đại hội lần thứ nhất (năm 1919), Quốc tế cộng sản đã phát triển khẩu hiệu tập hợp lực lượng của C.Mác và Ph.Ăngghen trong *Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản*: “Vô sản tất cả các nước đoàn kết lại”, cho phù hợp với điều kiện lịch sử mới của cách mạng: “Vô sản tất cả các nước và các dân tộc bị áp bức đoàn kết lại”. Nhưng kể từ khi V.I.Lênin qua đời (năm 1924), trong Quốc tế cộng sản đã bắt đầu xuất hiện tư tưởng “tả

khuyhnh”, tuyệt đối hóa đấu tranh giai cấp, xem nhẹ, thậm chí coi thường vấn đề dân tộc, thuộc địa. Tại Đại hội lần thứ V (năm 1924), Hồ Chí Minh đã phê phán thái độ thờ ơ, xem thường vấn đề dân tộc và thuộc địa của nhiều đảng cộng sản ở chính quốc, cũng như trong Quốc tế cộng sản. Đồng thời, Người nhắc nhở những đại biểu tham dự Đại hội hãy tỏ rõ mình là học trò của V.I.Lênin, không được quên di huấn của Người: “chúng ta tự coi mình là học trò của Lenin, cho nên chúng ta cần phải tập trung hết tất cả sức lực và nghị lực để thực hiện trên thực tế những lời di huấn quý báu của Lenin đối với chúng ta về vấn đề thuộc địa cũng như các vấn đề khác”⁽²³⁾.

Với quan điểm chiến lược chống đế quốc và tay sai, giành độc lập, tự do, thực hiện đại đoàn kết dân tộc được thể hiện rất rõ trong tư tưởng Hồ Chí Minh, trong Cương lĩnh chính trị đầu tiên của Đảng, đã tạo cơ sở cho Ban Thường vụ Trung ương Đảng ra chỉ thị về thành lập Hội phản đế đồng minh (ngày 18/11/1930). Chỉ thị đã phê phán những nhận thức sai lầm trong Đảng, như tách rời vấn đề dân tộc với vấn đề giai cấp, đã coi nhẹ vai trò của Hội phản đế đồng minh trong cách mạng tư sản dân quyền ở thuộc địa. Hồ Chí Minh đã kịch liệt đấu tranh không khoan nhượng với tư tưởng bè phái, biệt lập, chủ trương xây dựng Mặt trận Dân tộc thống nhất của Đảng. Để phù hợp với từng giai đoạn cách mạng, tên gọi của Mặt trận Dân tộc thống nhất đã nhiều lần thay đổi: Mặt trận Thống nhất Nhân dân phản đế Đông Dương (tháng 10/1936), Mặt trận Dân chủ Đông Dương (tháng 3/1938), Mặt trận Thống nhất Dân tộc Phản đế Đông Dương (tháng 11/1939), Mặt trận Việt Nam độc lập Đồng minh, gọi tắt là Mặt trận

Việt Minh (tháng 5/1941), Mặt trận Liên Việt (tháng 3/1951), Mặt trận Tổ quốc Việt Nam ra đời ở miền Bắc (năm 1954), Mặt trận Dân tộc giải phóng miền Nam Việt Nam (tháng 12/1960),...

Hồ Chí Minh yêu cầu, Mặt trận dân tộc thống nhất phải lôi cuốn, tập hợp được các đoàn thể chính trị, xã hội đại biểu cho các tầng lớp nhân dân tham gia tích cực vào tổ chức mặt trận. Đó là tổ chức công đoàn, Đoàn Thanh niên, Hội Phụ nữ, Hội Nông dân, các tổ chức, lực lượng xã hội khác như dân tộc, tôn giáo, người Việt Nam ở nước ngoài,... cùng đoàn kết dưới các tổ chức mặt trận do Đảng lãnh đạo. Bởi, “*mục đích* phấn đấu của Mặt trận dân tộc thống nhất là xây dựng một nước Việt Nam hòa bình, thống nhất, độc lập, dân chủ và giàu mạnh”⁽²⁴⁾.

Trong mối quan hệ giữa Đảng, Nhà nước và Mặt trận, Đảng lãnh đạo Nhà nước thông qua cương lĩnh, chủ trương, đường lối; Đảng vừa là một thành viên của Mặt trận, vừa là lực lượng lãnh đạo bằng chính sách Mặt trận đúng đắn, phù hợp với từng giai đoạn cách mạng, “Đảng không thể đòi hỏi Mặt trận thừa nhận quyền lãnh đạo của mình, mà phải tỏ ra là một bộ phận trung thành nhất, hoạt động nhất và chân thực nhất. Chỉ trong đấu tranh và công tác hằng ngày, khi quần chúng rộng rãi thừa nhận chính sách đúng đắn và năng lực lãnh đạo của Đảng, thì Đảng mới giành được địa vị lãnh đạo”⁽²⁵⁾. Để lãnh đạo Nhà nước và Mặt trận, Hồ Chí Minh yêu cầu Đảng phải luôn tự chỉnh đốn, đổi mới, phải luôn nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu, phải gương mẫu về mọi mặt để xứng đáng là đại biểu cho trí tuệ, lương tâm, danh dự của giai cấp và dân tộc.

Như vậy, Hồ Chí Minh đã đặt nền móng đầu tiên cho việc xây dựng và hoàn thiện hệ thống chính trị xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam. Ngày nay, những giá trị của tư tưởng Hồ Chí Minh về bảo vệ, xây dựng Đảng và hệ thống chính trị tiếp tục soi đường cho cách mạng Việt Nam trong thời kỳ đổi mới, phát triển đất nước theo con đường xã hội chủ nghĩa□

-
- (1) C.Mác và Ph.Ăngghen, *Toàn tập*, t.18, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1995, tr. 128
- (2) V.I.Lênin, *Toàn tập*, t.4, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2005, tr.232
- (3) Hồ Chí Minh, *Toàn tập*, t.12, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2011, tr.406
- (4), (7), (11) và (12) Hồ Chí Minh, *Toàn tập*, t.8, Sđd, tr.257, 275, 279 và 280
- (5) Hồ Chí Minh, *Toàn tập*, t.2, Sđd, tr.134
- (6) và (10) Hồ Chí Minh, *Toàn tập*, t.7, Sđd, tr.41 và 129
- (8) Hồ Chí Minh, *Toàn tập*, T.11, Sđd, tr.96
- (9) Hồ Chí Minh, *Toàn tập*, t.6, Sđd, tr.299-300
- (13) Hồ Chí Minh, *Toàn tập*, t.5, Sđd, tr.292
- (14) C.Mác và Ph.Ăngghen, *Tuyển tập*, t.1, Nxb Sự thật, Hà Nội, 1980, tr.567
- (15) V.I.Lênin, *Toàn tập*, t.33, Sđd, tr.50
- (16) C.Mác và Ph.Ăngghen, *Tuyển tập*, t.4, Sđd, tr.33
- (17), (18) và (25) Hồ Chí Minh, *Toàn tập*, t.3, Sđd, tr.1, 537 và 168
- (14) và (20) V.I.Lênin, *Toàn tập*, t.42, Sđd, tr.249 và 250
- (21) và (22) V.I.Lênin, *Toàn tập*, t.41, Sđd, tr.371-372 và 378
- (23) Hồ Chí Minh, *Toàn tập*, t.1, Sđd, tr.304
- (24) Hồ Chí Minh, *Toàn tập*, t.13, Sđd, tr.452

Nguồn: Tạp chí Khoa học chính trị.- 2024.- Số 04.- Tr.15-21.

VẬN DỤNG TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ XÂY DỰNG VÀ ĐỔI MỚI HỆ THỐNG CHÍNH TRỊ Ở NƯỚC TA HIỆN NAY

TS. TRẦN NHẬT DUẬT

**Viện Lãnh đạo học và chính sách công,
Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh**

Nhận ngày bài: 09/4/2019 Ngày biên tập: 22/4/2019 Ngày duyệt đăng: 14/5/2019

Tóm tắt: Theo quan điểm của Chủ tịch Hồ Chí Minh, hệ thống chính trị Việt Nam vững mạnh phải là hệ thống chính trị của nhân dân, do nhân dân và vì nhân dân. Bài viết phân tích tư tưởng Hồ Chí Minh về xây dựng hệ thống chính trị và việc Đảng ta vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh vào xây dựng hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả.

Từ khóa: Hệ thống chính trị; tư tưởng Hồ Chí Minh; xây dựng và đổi mới.

Abstract: Under President Ho Chi Minh's perspective, for the political system of Vietnam to be firm and stable, it must be of the people, by the people, and for the people. This paper analyzes Ho Chi Minh Thought on developing the political system and our Party's application of Ho Chi Minh Thought to the development of the political system in a streamlined, effective, and efficient manner.

Keywords: Political system; Ho Chi Minh Thought; develop and innovate.

1. Tư tưởng Hồ Chí Minh về xây dựng hệ thống chính trị

Trong di sản tư tưởng Hồ Chí Minh, mặc dù chưa có tác phẩm nào viết riêng hoặc bàn sâu về xây dựng hệ thống chính trị và các thành tố cấu thành hệ thống chính trị, song qua nghiên cứu các tư liệu, bài viết của Người, chúng ta có thể khái quát được những tư tưởng và khát vọng của Người về xây dựng một hệ thống chính trị mới ở Việt Nam khoa học và hiệu quả nhất. Theo Chủ tịch Hồ Chí Minh, một hệ thống chính trị hiện đại và hiệu quả phải được xây dựng trên nguyên tắc: “Bao nhiêu lợi ích đều vì dân. Bao nhiêu quyền hạn đều của dân... quyền hành và lực lượng đều ở nơi dân”⁽¹⁾. Chính quyền nhà nước phải hoạt động theo nguyên tắc: “Việc gì lợi cho dân, ta phải hết sức làm. Việc gì hại đến dân, ta phải hết sức tránh”⁽²⁾; các cơ quan của Chính phủ đều là đầy tớ của nhân dân; mọi công việc Nhà nước và xã hội đều do nhân dân thực hiện, “nhân dân ta tự làm chủ vận mệnh của mình”. Chính trị và hệ thống chính trị phải là của nhân dân, do nhân dân và vì nhân dân. Bản chất hệ thống chính trị mới là lấy nhân dân làm động lực để xây dựng tổ chức và phương thức hoạt động, coi nhân dân là mục đích “cao nhất” để phục vụ, trong đó vị trí, vai trò của Chính phủ là “phục vụ nhân dân”. Nền chính trị mới phải khác về chất so với nền chính trị cũ trong quá khứ. Các thành tố chính cấu thành nên hệ thống chính trị mới phải dựa trên ba trụ cột, đó là: Đảng, Nhà nước và Mặt trận Tổ quốc Việt Nam. Các thành tố của hệ thống chính trị phải được kết hợp hài hòa, có cơ chế phối hợp hành động, kiểm tra và giám sát lẫn nhau hết sức chặt chẽ.

Đảng Cộng sản Việt Nam lãnh đạo toàn bộ hệ thống chính trị và

xã hội bằng việc đề ra chủ trương, đường lối, chính sách. Điều này đã được Hiến pháp năm 2013 quy định. Đảng lãnh đạo chính quyền, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội trên cơ sở tự nguyện chứ không phải áp đặt, Đảng là đạo đức, là văn minh theo đúng ý nguyện của Chủ tịch Hồ Chí Minh. Trong *Di chúc*, Người căn dặn: “Đảng ta là một Đảng cầm quyền. Mỗi đảng viên và cán bộ phải thật sự thấm nhuần đạo đức cách mạng... Phải giữ gìn Đảng ta thật trong sạch, phải xứng đáng là người lãnh đạo, là người đầy tớ thật trung thành của nhân dân”. Người khẳng định, Đảng không phải là ông chủ mà phải là đầy tớ của nhân dân, không phải đứng trên Nhà nước và pháp luật, mà phải hoạt động trong khuôn khổ Hiến pháp và pháp luật. Ngay sau khi nước Việt Nam Dân chủ cộng hòa ra đời, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã cùng với Đảng bắt tay ngay vào việc xây dựng nhà nước kiểu mới, với một hệ thống chính quyền của nhân dân từ Trung ương đến cơ sở. Đó là Nhà nước dân chủ nhân dân, đại biểu cho mọi giai tầng xã hội, trước hết là công nhân, nông dân, những người lao động chân tay và trí óc là những giai tầng chiếm tuyệt đại đa số.

Chủ tịch Hồ Chí Minh coi chính quyền nhà nước là một thành tố của hệ thống chính trị, trong đó nhân dân là người chủ thực sự của quyền lực nhà nước. Mọi quyền lực của Nhà nước là quyền lực của nhân dân, thuộc về nhân dân. Bộ máy chính quyền từ Trung ương đến địa phương đều do nhân dân lập ra nhằm phục vụ nhân dân. Nhà nước thực hiện việc quản lý xã hội trên cơ sở Hiến pháp và pháp luật. Nhân dân là người nắm giữ mọi quyền lực, còn các cơ quan nhà nước do nhân dân tổ chức ra, cán bộ, công chức nhà nước là người được nhân dân ủy quyền để thực hiện ý chí, nguyện vọng của nhân dân, trở thành

công bộc của nhân dân. Nhà nước dân chủ nhân dân do nhân dân trực tiếp tổ chức, xây dựng thông qua tổng tuyển cử phổ thông đầu phiếu. Chủ tịch Hồ Chí Minh cho rằng tổng tuyển cử là sinh hoạt chính trị mà nhân dân giành được qua đấu tranh cách mạng, là hình thức dân chủ, thể hiện năng lực thực hành dân chủ của nhân dân “Tổng tuyển cử là một dịp cho toàn thể quốc dân tự do lựa chọn những người có tài, có đức để gánh vác công việc nước nhà. Trong cuộc Tổng tuyển cử, hễ là những người muốn lo việc nước thì đều có quyền ra ứng cử; hễ là công dân thì đều có quyền đi bầu cử... Do tổng tuyển cử mà toàn dân bầu ra Quốc hội. Quốc hội sẽ cử ra Chính phủ. Chính phủ đó thật là chính phủ của toàn dân”⁽³⁾. Thông qua việc bầu đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân, nhân dân thực hiện quyền lực của mình bằng hình thức dân chủ trực tiếp và dân chủ đại diện. Quyền lực tối cao của nhân dân không chỉ thể hiện ở việc bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp, mà còn ở quyền bãi miễn, kiểm soát, giám sát hoạt động của các đại biểu dân cử. Cơ chế dân chủ này nhằm làm cho Quốc hội thực sự xứng đáng với trọng trách được nhân dân giao phó và nâng cao phẩm chất, năng lực hiệu quả hoạt động của các cơ quan dân cử. Người nêu rõ; “Nhân dân có quyền bãi miễn đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân nếu những đại biểu ấy tỏ ra không xứng đáng với sự tín nhiệm của nhân dân”⁽⁴⁾. Với vai trò làm chủ nhà nước, thực hiện sự ủy quyền của nhân dân, các đại biểu ý kiến của nhân dân với tinh thần trách nhiệm và giải quyết những vấn đề thiết thực cho quốc kế dân sinh. Theo quan điểm của Chủ tịch Hồ Chí Minh, để thể hiện nhân dân lao động làm chủ nhà nước thì đại biểu do dân bầu ra phải có mối liên hệ thường xuyên với

nhân dân; thoát ly mối liên hệ này, nhà nước rất dễ rơi vào quan liêu, trì trệ, đứng trên lợi ích nhân dân, trái với bản chất dân chủ đích thực vốn có của nhà nước kiểu mới ở Việt Nam. Trong tư tưởng Hồ Chí Minh, nhà nước của nhân dân, do nhân dân làm chủ còn bao hàm một nội dung quan trọng khác, đó là nhân dân có quyền kiểm soát Nhà nước. Người viết: “Chính phủ ta là chính phủ của nhân dân, chỉ có một mục đích là phụng sự lợi ích của nhân dân. Chính phủ rất mong đồng bào giúp đỡ, đôn đốc, kiểm soát và phê bình để làm tròn nhiệm vụ của mình là người đầy tớ trung thành tận tụy của nhân dân”⁽⁵⁾.

Chủ tịch Hồ Chí Minh thường xuyên căn dặn cán bộ phải tôn trọng, lắng nghe và học hỏi dân, gần dân, thấu hiểu tâm tư, nguyện vọng, quan tâm đến những kiến nghị, đề đạt của nhân dân: “Phải chú ý giải quyết hết các vấn đề dẫu khó đến đâu mặc lòng, những vấn đề quan hệ tới đời sống của dân. Phải chấp đơn, phải xử kiện cho dân mỗi khi người ta đem tới. Phải chăm lo việc cứu tế nạn nhân cho chu đáo, phải chú ý trừ nạn mù chữ cho dân. Nói tóm lại, hết thảy những việc có thể nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của dân phải được ta đặc biệt chú ý”⁽⁶⁾. Về quan hệ giữa nhà nước và nhân dân, Chủ tịch Hồ Chí Minh xác định: “Nếu không có nhân dân thì Chính phủ không đủ lực lượng. Nếu không có Chính phủ thì nhân dân không ai dẫn đường. Vậy nên Chính phủ với nhân dân phải đoàn kết thành một khối”⁽⁷⁾. Chức năng đối nội cơ bản của nhà nước là hướng dẫn nhân dân tổ chức tốt đời sống, tăng gia sản xuất, thực hành tiết kiệm, từng bước cải thiện đời sống vật chất, tinh thần nhằm thỏa mãn nhu cầu cần thiết hàng ngày. Theo Chủ tịch Hồ Chí Minh, việc đáp ứng và thỏa mãn nhu cầu, lợi ích của nhân dân là tiêu chí số một để đánh giá hiệu

quả và năng lực hoạt động của nhà nước. Vì vậy, vấn đề đặt ra là phải bằng mọi cách giữ cho được định hướng hoạt động của nhà nước, bảo đảm cho bộ máy thật sự trong sạch.

Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội là các thành tố của hệ thống chính trị. Chủ tịch Hồ Chí Minh coi Mặt trận Tổ quốc là một khối đoàn kết vững chắc không gì lay chuyển nổi. Vì vậy, công tác mặt trận là một trong những yếu tố cấu thành khoa học dân vận của Đảng mà chúng ta phải kế thừa và phát triển, đó là tinh thần “trọng dân”, “yêu dân”, “dựa vào dân” của ông cha ta, vận động, tổ chức nhân dân trong sự nghiệp dựng nước và giữ nước. Trong tổ chức Mặt trận phải biết giải quyết tốt, hài hòa về quyền lợi giữa các giai cấp, tầng lớp, đơn vị khác nhau, tức giải quyết mâu thuẫn trong nội bộ nhân dân. Chủ tịch Hồ Chí Minh yêu cầu mọi người phải: “Vì lợi nước, quên lợi nhà. Vì lợi ích chung, quên lợi riêng”.

Đối với Hội phụ nữ, Người luôn khẳng định: Hội phụ nữ là một bộ phận không thể tách rời của hệ thống chính trị, một trong những nhân tố quan trọng bảo đảm mọi thắng lợi của sự nghiệp đấu tranh vì độc lập, tự do của dân tộc, vì hạnh phúc của nhân dân. Trong nhiều bài nói, bài viết, Chủ tịch Hồ Chí Minh luôn quan tâm, nhắc nhở Đảng và Nhà nước cùng các tổ chức chính trị - xã hội phải tạo điều kiện để phụ nữ tham gia đóng góp sức nhằm xây dựng chủ nghĩa xã hội thành công. Người căn dặn Đảng và Chính phủ cần phải có kế hoạch thiết thực để bồi dưỡng, cất nhắc và giúp đỡ để ngày thêm nhiều phụ nữ phụ trách mọi công việc, kể cả công việc lãnh đạo. Người rất quan tâm đến phụ nữ các dân tộc thiểu số, đồng thời nhắc nhở đảng ủy các cấp ở

miền núi cần phải ra sức phát triển đảng viên và đoàn viên phụ nữ, cần phải đào tạo và giúp đỡ cán bộ phụ nữ các dân tộc.

Với Đoàn thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh, Người cho rằng: “Đoàn là cánh tay đắc lực của Đảng để thực hiện những chủ trương, chính sách cách mạng”⁽⁸⁾. Là một tổ chức chính trị - xã hội, Đoàn thanh niên gồm những thanh niên trẻ tuổi, xung kích trên mọi mặt trận. Đoàn thanh niên hăng hái, nhiệt tình tham gia các phong trào, giúp sức cho cách mạng.

Mặc dù không có tác phẩm nào của Chủ tịch Hồ Chí Minh viết về một hệ thống chính trị với các thành tố cụ thể, nhưng xuyên suốt tư tưởng của Người, các mục tiêu lớn mà hệ thống chính trị phải hướng tới, các sứ mệnh lớn phải thực thi vẫn còn nguyên giá trị. Theo Chủ tịch Hồ Chí Minh, các thành tố của hệ thống chính trị khi đã hình thành và hoạt động phải có sự gắn kết, phải phối hợp hành động chặt chẽ mới phát huy được hiệu quả. Người rất chú ý nâng cao chất lượng và tính tiên phong gương mẫu của đội ngũ cán bộ, đảng viên trong các tổ chức của hệ thống chính trị. Do đó, hệ thống chính trị luôn vững mạnh, phát huy hiệu quả và giành được nhiều thắng lợi trong hai cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ, tạo được niềm tin vững chắc của nhân dân.

2. Vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh vào xây dựng và tiếp tục đổi mới hệ thống chính trị ở nước ta

Vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh vào xây dựng và đổi mới hệ thống chính trị đã được Đảng ta quán triệt sâu sắc trong quá trình lãnh

đạo cách mạng Việt Nam. Một trong những nội dung quan trọng được Văn kiện Đại hội lần thứ XII của Đảng Cộng sản Việt Nam đề cập là chủ trương tiếp tục triển khai sắp xếp lại bộ máy các cơ quan trong hệ thống chính trị theo hướng tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả. Đây là những định hướng quan trọng nhằm giải quyết tình trạng bộ máy của hệ thống chính trị nhà nước còn cồng kềnh và hoạt động kém hiệu quả. Cụ thể: “Tinh giản tổ chức, bộ máy gắn với tiếp tục phân định rõ chức năng, nhiệm vụ, phương thức hoạt động của các tổ chức; thực hiện kiêm nhiệm một số chức danh và tinh giản biên chế trong toàn bộ hệ thống chính trị. Cơ bản thực hiện mô hình bí thư cấp ủy đồng thời là chủ tịch Hội đồng nhân dân các cấp. Tổng kết mô hình bí thư cấp ủy đồng thời là chủ tịch ủy ban nhân dân cấp xã, cấp huyện ở những nơi có đủ điều kiện”⁽⁹⁾. Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII chủ trương sáp nhập một số các cơ quan Đảng, Nhà nước có trùng lặp về chức năng, nhiệm vụ, sáp nhập các cơ quan hành chính theo hướng quản lý đa ngành, đa lĩnh vực, không chia tách đơn vị hành chính ở các cấp chính quyền địa phương; không tăng thêm các cơ quan trong các bộ, cơ quan ngang bộ nhằm sắp xếp, kiện toàn, tinh giản tổ chức bộ máy trên cơ sở rà soát lại chức năng, nhiệm vụ, cơ chế phối hợp, xác định chính xác cơ cấu cán bộ, công chức, chức danh cho từng loại công chức, từ đó xây dựng và triển khai kế hoạch sắp xếp tổ chức bộ máy tinh gọn và sát với tình hình thực tế ở đơn vị, địa phương, đáp ứng yêu cầu, mục tiêu cải cách hành chính nhà nước trong giai đoạn mới.

Mục tiêu cải cách nhằm làm rõ hơn mối quan hệ Đảng lãnh đạo,

Nhà nước quản lý, bảo đảm không có sự chòng chéo giữa hai hệ thống, làm rõ mối quan hệ giữa các cơ quan thực hiện quyền lập pháp, hành pháp và tư pháp, bảo đảm kiểm soát quyền lực lẫn nhau. Hiện nay vẫn còn một số cơ quan, đơn vị chưa làm tốt công tác xếp loại, đánh giá cán bộ, công chức, viên chức; còn một bộ phận công chức, viên chức hoặc không đáp ứng yêu cầu công việc, nhiệm vụ được giao hoặc yếu kém về phẩm chất, đạo đức, văn hoá ứng xử đã tác động tiêu cực đến hiệu quả hoạt động của nền công vụ.

Vận dụng sáng tạo tư tưởng Hồ Chí Minh về xây dựng và đổi mới hệ thống chính trị, Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII của Đảng đã nêu ra phương hướng, nhiệm vụ trọng tâm đổi mới, nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động của hệ thống chính trị: “Tiếp tục xây dựng, hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa do Đảng lãnh đạo là nhiệm vụ trọng tâm của đổi mới hệ thống chính trị”⁽¹⁰⁾. Nghị quyết số 18-NQ/TU ngày 25/10/2017 của Hội nghị lần thứ sáu Ban Chấp hành Trung ương khóa XII “Một số vấn đề về tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả” nhằm tăng cường sự lãnh đạo của Đảng, hiệu lực quản lý của Nhà nước, phát huy vai trò của Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể chính trị - xã hội và quyền làm chủ của nhân dân đã nêu rõ mục tiêu tổng quát: Tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả và phù hợp với thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa nhằm tăng cường vai trò lãnh đạo của Đảng; nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý của Nhà nước và chất lượng hoạt động của Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể chính trị - xã hội; phát huy quyền làm chủ của nhân dân.

Tinh giản biên chế gắn với cơ cấu lại, nâng cao chất lượng, sử dụng hiệu quả đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức. Như vậy, Đại hội Đảng lần thứ XII đã đặt ra và xác định những vấn đề quan trọng về đổi mới hệ thống chính trị. Xác định đúng chức năng, nhiệm vụ của Đảng, Nhà nước và Mặt trận Tổ quốc cùng với các tổ chức chính trị - xã hội. Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với nội dung, phương thức hoạt động của Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội sẽ làm cho Mặt trận và các tổ chức này mạnh lên, tạo sự gắn kết chặt chẽ giữa Đảng với Nhà nước và nhân dân.

Từ thực tiễn đổi mới hệ thống chính trị hiện nay cho thấy, vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh vào xây dựng hệ thống chính trị trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam là một tất yếu khách quan nhằm thực hiện quyền lực chính trị của nhân dân. Để hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả cần tiếp tục tinh giản bộ máy, bảo đảm sự giám sát của người dân đối với các tổ chức đảng và đảng viên, tạo cơ chế phối hợp hành động và kiểm tra, giám sát chặt chẽ lẫn nhau giữa các thành tố của hệ thống chính trị□

(1) *Hồ Chí Minh, toàn tập*, tập 6, Nxb CTQG, H.2011, tr.232.

(2),(3),(6),(7) *Hồ Chí Minh, toàn tập*, tập 4, Nxb CTQG, H.2011, tr.57; tr.153; tr.51-52; tr.57.

(4) *Hồ Chí Minh, toàn tập*, tập 12, Nxb CTQG, H.2011, tr.375.

(5) *Hồ Chí Minh, toàn tập*, tập 9, Nxb CTQG, H.2011, tr.81.

(8) *Hồ Chí Minh, toàn tập*, tập 10, Nxb CTQG, H.2011, tr.237.

(9), (10) Đảng Cộng sản Việt Nam, *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII*, Nxb CTQG, H.2016, tr.204, tr.175.

Nguồn: Tạp chí Tổ chức Nhà nước.- 2019.- Số 5.- Tr.43-46.

NHỮNG ĐIỂM MỚI VỀ XÂY DỰNG, CHỈNH ĐỐN HỆ THỐNG CHÍNH TRỊ TRONG VĂN KIẾN ĐẠI HỘI LẦN THỨ XIII CỦA ĐẢNG

TS. LÊ THỊ ANH ĐÀO

**Học viện Chính trị khu vực II,
Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh**

Tóm tắt: Xây dựng hệ thống chính trị toàn diện, trong sạch, vững mạnh là một trong những định hướng quan trọng trong quan điểm lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam về đổi mới chính trị nói riêng và đổi mới đất nước nói chung. Định hướng này tiếp tục được xác định là nhiệm vụ trọng tâm thứ nhất trong sáu nhiệm vụ trọng tâm của nhiệm kỳ Đại hội Đảng lần thứ XIII. Trong bối cảnh đất nước đang đứng trước nhiều thời cơ và thách thức đan xen, nhiều vấn đề chiến lược mới đặt ra cần phải giải quyết..., quan điểm của Đảng về việc tiếp tục xây dựng hệ thống chính trị toàn diện, trong sạch, vững mạnh được trình bày trong Văn kiện Đại hội lần thứ XIII đã thể hiện nhiều điểm mới cần được nhận thức và quán triệt sâu sắc.

Từ khóa: điểm mới; Đại hội lần thứ XIII của Đảng; hệ thống chính trị

Xây dựng hệ thống chính trị toàn diện, trong sạch, vững mạnh là nội dung quan trọng trong quan điểm định hướng của Đảng Cộng sản Việt Nam về đổi mới chính trị nói

riêng và đổi mới đất nước nói chung. Từ Hội nghị lần thứ sáu Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa VI (tháng 3/1989), khi thuật ngữ hệ thống chính trị được sử dụng lần đầu tiên trong Nghị quyết số 06-NQ/HNTW ngày 29/3/1989, vấn đề đổi mới hệ thống chính trị đã được đặt ra một cách trực tiếp và cụ thể. Nghị quyết đã nêu rõ: “Sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội, sự đổi mới các lĩnh vực của đời sống xã hội đang đòi hỏi phải đổi mới một cách căn bản tổ chức và phương thức hoạt động của hệ thống chính trị nhằm nâng cao chất lượng lãnh đạo của Đảng, tăng cường hiệu lực quản lý của Nhà nước, mở rộng dân chủ, phát huy vai trò tích cực và năng lực sáng tạo của nhân dân, ngăn chặn có hiệu quả chủ nghĩa quan liêu, tạo ra động lực tổng hợp của xã hội. Đây là một nhiệm vụ vừa cơ bản, vừa cấp bách⁽¹⁾.”

Trải qua 35 năm đổi mới đất nước, định hướng xây dựng hệ thống chính trị xã hội chủ nghĩa Việt Nam toàn diện, trong sạch, vững mạnh vẫn luôn là dòng chảy chủ đạo, xuyên suốt trong tư duy chính trị của Đảng, trong hệ thống quyết sách lãnh đạo đất nước, trong thực tiễn tổ chức thực hiện công cuộc đổi mới với nhiều thành tựu chính trị quan trọng được khẳng định. Xây dựng hệ thống chính trị tiếp tục được xác định là nhiệm vụ trọng tâm thứ nhất trong 06 nhiệm vụ trọng tâm của nhiệm kỳ Đại hội lần thứ XIII của Đảng. Đây không phải là lần đầu tiên, quan điểm về xây dựng hệ thống chính trị toàn diện, trong sạch, vững mạnh được đặt ra; cũng không phải là nhiệm kỳ đại hội đầu tiên được Đảng xác định đây là một trong các nhiệm vụ trọng tâm của nhiệm kỳ. Việc tiếp tục nhấn mạnh nội dung này và đặt ở vị trí nhiệm vụ trọng tâm trong Văn kiện Đại hội lần thứ XIII

của Đảng là sự khẳng định tiếp nối định hướng quan trọng, mang tính quyết định trong quan điểm lãnh đạo công cuộc đổi mới đất nước nói chung, đổi mới chính trị nói riêng của Đảng cầm quyền, lãnh đạo hệ thống chính trị ở Việt Nam. Hơn thế, nhiệm vụ xây dựng hệ thống chính trị được đặt trong bối cảnh “đất nước đang đứng trước nhiều thời cơ và thách thức đan xen, nhiều vấn đề chiến lược mới đặt ra cần phải giải quyết... Cán bộ, đảng viên, nhân dân đang mong muốn và đặt nhiều kỳ vọng vào những quyết sách đúng đắn, mạnh mẽ của Đảng để khơi thông mọi nguồn lực... tiếp tục đà phát triển đất nước nhanh và bền vững, vì mục tiêu dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh”⁽²⁾. Đồng thời, quan điểm về việc thực hiện nhiệm vụ trọng tâm của nhiệm kỳ: *tiếp tục xây dựng hệ thống chính trị toàn diện, trong sạch, vững mạnh* đã phản ánh tính chất quan trọng, cấp bách hơn bao giờ hết. Quan điểm của Đảng về vấn đề này trong Văn kiện Đại hội lần thứ XIII thể hiện nhiều điểm mới, tập trung vào các nội dung sau:

Thứ nhất, điểm mới trong quan điểm xây dựng hệ thống chính trị toàn diện, trong sạch, vững mạnh gắn với chủ đề của Đại hội

Chủ đề Đại hội lần thứ XIII của Đảng là sự khái quát những định hướng lớn, tư tưởng chỉ đạo, mục tiêu và nhiệm vụ trọng tâm của toàn Đảng, toàn dân, toàn quân trong nhiệm kỳ tiếp theo, về cơ bản, trong các kỳ Đại hội của Đảng, chủ đề Đại hội được đề cập với các nội dung về Đảng, dân tộc, đổi mới, bảo vệ Tổ quốc và các mục tiêu của nhiệm kỳ. Nội dung các thành tố trong chủ đề của mỗi Đại hội được điều chỉnh phù hợp bối cảnh Đại hội, phù hợp với mục tiêu của từng thời

kỳ và được trình bày khái quát, cô đọng, nhưng phản ánh đầy đủ ý nghĩa các vấn đề. Từ tổng kết 10 năm thực hiện *Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội (bổ sung, phát triển năm 2011)* và thực hiện *Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 2011 - 2020*, 35 năm thực hiện công cuộc đổi mới để thấy những thành tựu quan trọng mà đất nước đạt được trên các lĩnh vực của đời sống xã hội, là cơ sở tạo nên những dấu ấn nổi bật, tạo nên cơ đồ, tiềm lực, vị thế và uy tín của quốc gia trên trường quốc tế.

Tuy nhiên, từ tổng kết, đánh giá cho thấy, đất nước vẫn còn những hạn chế, khó khăn, thách thức đan xen, nhiều vấn đề mới từ thực tiễn vận động, phát triển đặt ra đòi hỏi Đảng, Nhà nước phải giải quyết, lãnh đạo, định hướng để phát triển đất nước nhanh và bền vững. Đặc biệt, bốn nguy cơ Đảng đã chỉ ra vẫn đang tồn tại: tham nhũng, lãng phí, quan liêu, suy thoái tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” trong nội bộ, mâu thuẫn xã hội còn diễn biến phức tạp... Những vấn đề này phát sinh và tồn tại cùng với sự vận hành, hoạt động của cả hệ thống chính trị, của quốc gia... đã ảnh hưởng đến cơ đồ của dân tộc.

Kết quả đánh giá thực trạng đất nước toàn diện, có hệ thống và sâu sắc trong từng lĩnh vực là một trong những cơ sở thực tiễn quan trọng để Đại hội lần thứ XIII của Đảng tiếp tục xác định định hướng phát triển của đất nước. Chủ đề Đại hội lần thứ XIII của Đảng khẳng định: “Tăng cường xây dựng, chỉnh đốn Đảng và hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh; khơi dậy khát vọng phát triển đất nước, phát huy ý chí, sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc kết hợp với sức mạnh

thời đại; tiếp tục đẩy mạnh toàn diện, đồng bộ công cuộc đổi mới; xây dựng và bảo vệ vững chắc Tổ quốc, giữ vững môi trường hòa bình, ổn định; phấn đấu đến giữa thế kỷ XXI, nước ta trở thành nước phát triển, theo định hướng xã hội chủ nghĩa”⁽³⁾.

Chủ đề Đại hội lần thứ XIII của Đảng bổ sung cụm từ “chỉnh đốn” và “hệ thống chính trị” bên cạnh nội dung “tăng cường xây dựng Đảng trong sạch, vững mạnh” để thành “Tăng cường xây dựng, chỉnh đốn Đảng và hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh” so với chủ đề Đại hội lần thứ XII. Sự bổ sung này không đơn giản là vấn đề hình thức diễn đạt, câu chữ mà phản ánh vị trí và vai trò quan trọng của định hướng xây dựng hệ thống chính trị Việt Nam được đặt lên tầm cao mới, khẳng định ý nghĩa quan trọng, sự cần thiết, cấp bách của đổi mới chính trị trong công cuộc đổi mới đất nước; là sự thể hiện tính thống nhất trong mối quan hệ của công tác xây dựng, chỉnh đốn Đảng đã được quan tâm, chú trọng hơn bao giờ hết trong nhiệm kỳ XII của Đảng với công tác xây dựng hệ thống chính trị. Ở vị trí cầm quyền, Đảng xác lập vai trò lãnh đạo toàn diện đối với Nhà nước, Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội, đối với hệ thống chính trị thì sự trong sạch, vững mạnh của Đảng gắn liền và là then chốt trong sự trong sạch, vững mạnh của cả hệ thống chính trị. Vì vậy, bổ sung xây dựng, chỉnh đốn hệ thống chính trị vào chủ đề Đại hội là đúng đắn và cần thiết; có ý nghĩa quan trọng hàng đầu, xuyên suốt, định hướng cho toàn bộ hoạt động của hệ thống chính trị Việt Nam trong nhiệm kỳ tiếp theo.

Thứ hai, điểm mới trong việc xác định xây dựng hệ thống chính

trị toàn diện, trong sạch, vững mạnh là một nội dung trong mục tiêu phát triển của nhiệm kỳ

Quan điểm định hướng phát triển của đất nước trong những năm sắp tới được thể hiện trước hết trong mục tiêu tổng quát của nhiệm kỳ. Báo cáo chính trị của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII trình bày tại Đại hội lần thứ XIII của Đảng nêu rõ mục tiêu tổng quát: “Nâng cao năng lực lãnh đạo, năng lực cầm quyền và sức chiến đấu của Đảng; xây dựng Đảng và hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh toàn diện; củng cố, tăng cường niềm tin của nhân dân đối với Đảng, Nhà nước, chế độ xã hội chủ nghĩa; khơi dậy khát vọng phát triển đất nước phồn vinh, hạnh phúc, phát huy ý chí và sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc kết hợp với sức mạnh thời đại; đẩy mạnh toàn diện, đồng bộ công cuộc đổi mới, công nghiệp hóa, hiện đại hóa; xây dựng và bảo vệ vững chắc Tổ quốc, giữ vững môi trường hòa bình, ổn định; phấn đấu đến giữa thế kỷ XXI, nước ta *trở thành nước phát triển, theo định hướng xã hội chủ nghĩa*”⁽⁴⁾.

So sánh với mục tiêu tổng quát của Đại hội lần thứ XII, Đại hội lần thứ XIII của Đảng bổ sung “năng lực cầm quyền” vào nội dung “nâng cao năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu của Đảng”; bổ sung “hệ thống chính trị”, “toàn diện”, “tăng cường niềm tin của nhân dân đối với Đảng, Nhà nước, chế độ xã hội chủ nghĩa”; xác định “đến giữa thế kỷ XXI, nước ta trở thành nước phát triển, theo định hướng xã hội chủ nghĩa”. Theo đó, vấn đề xây dựng Đảng và hệ thống chính trị toàn diện, trong sạch, vững mạnh là một nội dung trong toàn bộ mục tiêu tổng quát của nhiệm kỳ.

Điểm mới của nội dung này phản ánh tính logic chặt chẽ của việc xác định mục tiêu tổng quát, định hướng, xuyên suốt của nhiệm kỳ trong mối quan hệ với chủ đề Đại hội. Khi chủ đề Đại hội là sự khái quát những định hướng lớn, tư tưởng chỉ đạo toàn bộ hoạt động của hệ thống chính trị, của xã hội trong nhiệm kỳ tiếp theo thì mục tiêu tổng quát của nhiệm kỳ phải phản ánh được đầy đủ các nội dung đã đề cập trong chủ đề. Hơn nữa, khi *xây dựng Đảng và hệ thống chính trị toàn diện, trong sạch, vững mạnh* là một nội dung trong toàn bộ mục tiêu tổng quát của nhiệm kỳ. Đây cũng là cơ sở chính trị quan trọng để cụ thể hóa, hiện thực hóa công tác xây dựng, chỉnh đốn hệ thống chính trị được tăng cường mạnh mẽ; có ý nghĩa định hướng cho việc triển khai các nhiệm vụ cụ thể trong thực tiễn một cách tập trung, trọng tâm và hiệu quả.

Trong tổng thể mối quan hệ đó, Văn kiện Đại hội lần thứ XIII của Đảng đã xác định các định hướng lớn bao quát những vấn đề phát triển quan trọng của đất nước trong giai đoạn 10 năm tới, đồng thời nêu nhiều vấn đề mới, nổi bật, trong đó tiếp tục nhấn mạnh “xây dựng hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh, tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả, tiếp tục đẩy mạnh đấu tranh phòng, chống tham nhũng, lãng phí, quan liêu, tiêu cực”⁽⁵⁾. Điều này cho thấy sự bổ sung này là cần thiết, là cơ sở vững chắc để triển khai hệ thống quan điểm của Đảng chặt chẽ, logic về cả hình thức và nội dung thể hiện trong Văn kiện Đại hội lần thứ XIII của Đảng.

Thứ ba, điểm mới trong quan điểm chỉ đạo của Đảng về việc xác định xây dựng hệ thống chính trị toàn diện, trong sạch, vững mạnh là

nhân tố có ý nghĩa quyết định thành công sự nghiệp xây dựng đất nước, bảo vệ Tổ quốc

Một trong những điểm mới nổi bật của Báo cáo chính trị tại Đại hội lần thứ XIII của Đảng là nêu lên hệ quan điểm chỉ đạo trong phương hướng, nhiệm vụ nhiệm kỳ Đại hội lần thứ XIII và những năm tiếp theo. Đảng yêu cầu toàn Đảng, toàn dân, toàn quân phải quán triệt trong nhận thức và hoạt động thực tiễn 05 quan điểm chỉ đạo cơ bản để tiếp tục thực hiện đường lối đổi mới của Đảng. Trong đó, quan điểm thứ tư nêu những nhân tố có ý nghĩa quyết định thành công sự nghiệp xây dựng đất nước, bảo vệ Tổ quốc: “tăng cường xây dựng, chỉnh đốn Đảng, nâng cao năng lực lãnh đạo, năng lực cầm quyền và sức chiến đấu của Đảng; xây dựng Đảng và hệ thống chính trị thật sự trong sạch, vững mạnh toàn diện, xây dựng Nhà nước tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả; xây dựng đội ngũ cán bộ, đảng viên, nhất là đội ngũ cán bộ cấp chiến lược, người đứng đầu đủ phẩm chất, năng lực và uy tín, ngang tầm nhiệm vụ”⁽⁶⁾. Tiếp cận ở góc độ rộng, có thể thấy những nhân tố này đều thuộc phạm vi nội dung của hệ thống chính trị, bao hàm những nhiệm vụ trọng tâm, cốt lõi cần tiếp tục được cả hệ thống chính trị quan tâm và thúc đẩy thực hiện hiệu quả trong xây dựng, chỉnh đốn Đảng, xây dựng Nhà nước, xây dựng đội ngũ cán bộ các cấp của hệ thống. Điều này nhấn mạnh tầm quan trọng có tính tổng thể, không thể tách rời của công tác xây dựng, chỉnh đốn hệ thống chính trị với việc xây dựng, chỉnh đốn, kiện toàn, nâng cao hiệu quả hoạt động của Đảng, Nhà nước, các tổ chức chính trị - xã hội và công tác xây dựng đội ngũ cán bộ ở các cấp. Khi việc thực hiện quan

điểm này được triển khai bảo đảm tính tổng thể, toàn diện và đồng bộ trên mọi phương diện của cả hệ thống chính trị thì thành tựu quan trọng của công cuộc xây dựng, chỉnh đốn hệ thống mới trở thành nhân tố có ý nghĩa quyết định thành công sự nghiệp xây dựng đất nước, bảo vệ Tổ quốc.

Thứ tư, điểm mới trong việc xác định quan điểm xây dựng hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh là nhiệm vụ trọng tâm thứ nhất trong 06 nhiệm vụ trọng tâm của nhiệm kỳ

Một trong 06 nhiệm vụ trọng tâm của nhiệm kỳ XIII là xây dựng hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh được tiếp tục đặt ra như nhiệm kỳ Đại hội lần thứ XII của Đảng (năm 2016). Tuy nhiên, cũng có điểm mới về hình thức trình bày cũng như nội dung nhiệm vụ. Về hình thức, Báo cáo chính trị tại Đại hội lần thứ XIII của Đảng đã xác định: xây dựng Đảng, Nhà nước, xây dựng hệ thống chính trị toàn diện, trong sạch, vững mạnh là nhiệm vụ đầu tiên trong 06 nhiệm vụ trọng tâm của nhiệm kỳ: “Tiếp tục đẩy mạnh xây dựng, chỉnh đốn Đảng, xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa và hệ thống chính trị toàn diện, trong sạch, vững mạnh...”⁽⁷⁾ (khác với Nghị quyết Đại hội lần thứ XII đã đặt nhiệm vụ thứ nhất là về xây dựng đội ngũ cán bộ các cấp và nhiệm vụ thứ hai là về xây dựng hệ thống chính trị).

Nhiệm vụ trọng tâm thứ nhất này được trình bày trong Văn kiện Đại hội lần thứ XIII của Đảng có tính tổng hợp, bao quát các nội dung của việc xây dựng, chỉnh đốn đối với các thành tố là thành viên của hệ

thống chính trị, bao gồm công tác cán bộ của toàn hệ thống ở các cấp. Về nội dung, khi so sánh với Nghị quyết Đại hội lần thứ XII, mỗi nhiệm vụ trọng tâm của nhiệm kỳ này có những điểm mới được bổ sung. Trong đó, đối với công tác xây dựng Đảng và hệ thống chính trị, các nội dung về đổi mới phương thức lãnh đạo, cầm quyền của Đảng, đẩy mạnh đấu tranh phòng, chống quan liêu, tham nhũng, lãng phí, tiêu cực, “lợi ích nhóm”, những biểu hiện “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” được đề cập cụ thể. Việc xác định nhiệm vụ trọng tâm thứ nhất về xây dựng Đảng, Nhà nước, hệ thống chính trị toàn diện, trong sạch, vững mạnh nhấn mạnh tầm quan trọng hàng đầu trong tổng thể các nhiệm vụ trọng tâm của nhiệm kỳ; là định hướng nhiệm vụ phản ánh, nhấn mạnh trách nhiệm chung của cả hệ thống chính trị trong xây dựng và chỉnh đốn hệ thống.

Thứ năm, điểm mới trong việc xác định nội dung của quan điểm xây dựng hệ thống chính trị toàn diện, trong sạch, vững mạnh

Văn kiện Đại hội lần thứ XIII của Đảng xác định: “... Xây dựng hệ thống chính trị toàn diện, trong sạch, vững mạnh... Xây dựng tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả. Tiếp tục đẩy mạnh đấu tranh phòng, chống quan liêu, tham nhũng, lãng phí, tiêu cực, “lợi ích nhóm”, những biểu hiện “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” trong nội bộ. Xây dựng đội ngũ đảng viên và cán bộ các cấp, nhất là cấp chiến lược đủ phẩm chất, năng lực, uy tín, ngang tầm nhiệm vụ, củng cố niềm tin, sự gắn bó của nhân dân với Đảng, Nhà nước, chế độ xã hội chủ nghĩa”⁽⁸⁾.

Trong mối quan hệ với định hướng tiếp tục xây dựng, chỉnh đốn hệ thống chính trị, quan điểm về xây dựng, chỉnh đốn Đảng trong sạch, vững mạnh, nâng cao năng lực lãnh đạo, cầm quyền của Đảng là nội dung then chốt. Định hướng lãnh đạo của Đảng về vấn đề này trong Nghị quyết Đại hội lần thứ XIII của Đảng được bổ sung nhiều điểm mới quan trọng. Trong nhiệm kỳ này, Đảng phải đặc biệt coi trọng và đẩy mạnh hơn nữa xây dựng, chỉnh đốn Đảng toàn diện về chính trị, tư tưởng, đạo đức, tổ chức và cán bộ... Trong đó, xây dựng Đảng về đạo đức là một điểm mới được nhấn mạnh. Từ yêu cầu xây dựng Đảng về đạo đức, Nghị quyết đặt ra vấn đề: “Nghiên cứu, bổ sung, hoàn thiện các giá trị đạo đức cách mạng theo tinh thần “Đảng ta là đạo đức, là văn minh” cho phù hợp với điều kiện mới và truyền thống văn hóa tốt đẹp của dân tộc”⁽⁹⁾.

Đối với Nhà nước, trong mối quan hệ xây dựng, chỉnh đốn hệ thống chính trị, Văn kiện Đại hội lần thứ XIII của Đảng xác định: Tiếp tục xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam của nhân dân, do nhân dân và vì nhân dân do Đảng lãnh đạo là nhiệm vụ trọng tâm của đổi mới hệ thống chính trị. Trong đó, định hướng nâng cao năng lực, hiệu quả quản lý, điều hành và năng lực kiến tạo phát triển của Nhà nước tập trung vào các nội dung: hoàn thiện pháp luật; xây dựng nền hành chính nhà nước; giải quyết đúng đắn mối quan hệ giữa Nhà nước, thị trường và xã hội; xây dựng nền tư pháp Việt Nam; xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức... bảo đảm yêu cầu phát triển bền vững kinh tế, xã hội và quốc phòng, an ninh trong điều kiện mới.

Đối với Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội, Văn kiện khẳng định, cần tăng cường hơn nữa vai trò của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội trong giám sát, phản biện chính sách, giám sát người đứng đầu và hoạt động của các cơ quan trong bộ máy nhà nước.

Bên cạnh những định hướng quan trọng đối với các thành tố thành viên của hệ thống chính trị nêu trên, trong điều kiện bối cảnh đang đặt ra những thời cơ và thách thức to lớn, nhiều vấn đề mới đòi hỏi Đảng phải không ngừng nâng cao năng lực lãnh đạo và cầm quyền. Trên cơ sở tổng kết 35 năm đổi mới đất nước, Đảng đã thể hiện sự quan tâm sâu sắc và coi trọng việc tiếp tục tăng cường xây dựng, chỉnh đốn hệ thống chính trị một cách toàn diện.

Quan điểm định hướng của Đảng tại Đại hội lần thứ XIII về xây dựng, chỉnh đốn hệ thống chính trị có những điểm phát triển mới, bổ sung quan trọng, bảo đảm tính đồng bộ, toàn diện cùng với xây dựng, chỉnh đốn Đảng, Nhà nước, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội, tập trung vào xây dựng tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả; đẩy mạnh đấu tranh phòng, chống “lợi ích nhóm”, những biểu hiện “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” trong nội bộ; xây dựng, củng cố niềm tin, sự gắn bó của nhân dân với Đảng, Nhà nước, chế độ xã hội chủ nghĩa. Với những nội dung này, định hướng tiếp tục xây dựng, chỉnh đốn hệ thống chính trị trong thời gian tiếp theo được trình bày trong Văn kiện Đại hội lần thứ XIII của Đảng đã xác định cụ thể những vấn đề trọng tâm cần tập trung thực hiện của cả hệ thống. Điều này đồng thời phản ánh tính

toàn diện về nội dung, đảm bảo việc thực hiện mục tiêu trong sạch, vững mạnh trong xây dựng, chỉnh đốn hệ thống chính trị xã hội chủ nghĩa Việt Nam trên các phương diện chính trị, tư tưởng, đạo đức, tổ chức và cán bộ.

Nhận thức và quán triệt sâu sắc quan điểm lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam, bao gồm những nội dung mới, thể hiện bước tiến quan trọng trong thực hiện mục tiêu xây dựng, chỉnh đốn hệ thống chính trị toàn diện, trong sạch, vững mạnh theo Văn kiện Đại hội lần thứ XIII của Đảng là trách nhiệm chính trị của mỗi tổ chức đảng, của cán bộ, đảng viên. Hơn thế nữa, với sự nhận thức đúng, đầy đủ và quán triệt sâu sắc của toàn hệ thống, đây sẽ là cơ sở nền tảng quan trọng để toàn Đảng, toàn quân và toàn dân tộc Việt Nam tiếp tục thực hiện thành công các mục tiêu của nhiệm kỳ, tiếp tục khẳng định và phát huy vị thế, vai trò, uy tín của quốc gia, dân tộc trong định hướng phát triển hiện nay□

(1) <https://tulieuvankien.dangcongsan.vn/van-kien-tu-lieu-ve-dang/hoi-nghi-bch-trung-uong/khoa-vi/ngghi-quyet-so-06-nqhntw-ngay-2931989-hoi-nghi-lan-thu-sau-ban-chap-hanh-trung-uong-dang-khoa-vi-ve-kiem-diem-hai-nam-thuc-1107>, truy cập 15/03/2021

(2), (3), (4), (5), (6), (7), (8) và (9) Đảng Cộng sản Việt Nam, *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII*, t.1, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2021, tr.8-9, 14, 111-112, 38, 34-35, 199-200, 38-200 và 184

Nguồn: Tạp chí Khoa học chính trị.- 2021.- Số 03.- Tr.53-57, 73.

PHẦN II

THỰC TIỄN ĐỔI MỚI CÔNG TÁC CÁN BỘ VÀ PHƯƠNG THỨC LÃNH ĐẠO

NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG HỆ THỐNG CHÍNH TRỊ CƠ SỞ Ở VIỆT NAM - MỘT SỐ KINH NGHIỆM (*)

PGS, TS. PHẠM NGỌC TRÂM
Trường Đại học Thủ Dầu Một

Nhận ngày 12 tháng 10 năm 2022. Chấp nhận đăng ngày 20 tháng 11 năm 2022.

Tóm tắt: Trên cơ sở phân tích quá trình nâng cao chất lượng hệ thống chính trị cơ sở ở Việt Nam, trong đó tập trung vào các nội dung: đổi mới phương thức lãnh đạo của tổ chức đảng, đổi mới và nâng cao hiệu lực quản lý của chính quyền, đổi mới công tác của mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể, xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức ở cơ sở, bài viết sẽ đúc kết một số kinh nghiệm như kiên trì mục tiêu độc lập dân tộc, dân giàu nước mạnh, xã hội công bằng dân chủ văn minh; dựa vào dân, vì lợi ích của nhân dân, phát huy quyền dân chủ của nhân dân ở cơ sở; giải quyết một cách đúng đắn, khoa học mối quan hệ về Đảng lãnh đạo, chính quyền quản lý, nhân dân làm chủ trong bối cảnh tình hình mới; phát huy vai trò hệ thống chính trị cơ sở trong việc chỉ đạo, lãnh đạo phát triển kinh tế -

xã hội ở địa phương; đẩy mạnh cải cách tổ chức và hoạt động của các tổ chức trong hệ thống chính trị ở cơ sở, nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ cấp xã.

Từ khóa: Hệ thống chính trị cơ sở, Đảng Cộng sản Việt Nam, Mặt trận Tổ quốc, Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa.

1. Đặt vấn đề

Nâng cao chất lượng hệ thống chính trị cơ sở ở Việt Nam là nhiệm vụ xuyên suốt của toàn bộ hệ thống chính trị Việt Nam trong công cuộc đổi mới và hội nhập.

Bản chất của hoạt động nâng cao chất lượng hệ thống chính trị cơ sở ở Việt Nam là nâng cao năng lực tổ chức, quản trị, quản lý và điều hành của hệ thống chính trị ở cơ sở nhằm bảo đảm quyền dân chủ của nhân dân, theo con đường dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh. Đây vừa là mục tiêu, vừa là nhiệm vụ xuyên suốt mà hệ thống chính trị cơ sở phải giải quyết trong sự chuyển biến phức tạp của tình hình thế giới và trong nước.

Quá trình đổi mới, nâng cao chất lượng hệ thống chính trị cơ sở ở Việt Nam đã để lại nhiều bài học kinh nghiệm quý báu về tinh thần độc lập, tự cường của dân tộc; phát huy tư tưởng dựa vào dân, vì lợi ích của nhân dân; phát huy sức mạnh dân tộc và sức mạnh của thời đại; đẩy mạnh cải cách tổ chức và hoạt động của các tổ chức trong hệ thống chính trị ở cơ sở.

2. Đôi nét về hệ thống chính trị cơ sở ở Việt Nam

Khái niệm “hệ thống chính trị” được Đảng ta chính thức sử dụng từ Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương Đảng lần thứ 6, khóa VI (3-1989) và sau đó *Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội* (năm 1991) xác định: “Toàn bộ tổ chức và hoạt động của hệ thống chính trị nước ta trong giai đoạn mới là nhằm xây dựng và từng bước hoàn thiện nền dân chủ xã hội chủ nghĩa, bảo đảm quyền lực thuộc về nhân dân”⁽¹⁾.

Hệ thống chính trị ở Việt Nam gồm: Đảng Cộng sản Việt Nam, Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam, Hội Nông dân Việt Nam, Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh, Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam và Hội Cựu chiến binh Việt Nam. Mỗi tổ chức trong hệ thống chính trị được tổ chức thành hệ thống dọc từ Trung ương xuống cơ sở. Do chức năng và tính chất hoạt động của mình, từng tổ chức có mô hình tổ chức riêng. Trong đó, hệ thống tổ chức Đảng và các đoàn thể nhân dân bên cạnh hệ thống dọc theo cấp hành chính từ Trung ương đến cơ sở, còn có các cơ quan chức năng và đơn vị sự nghiệp.

Hệ thống chính trị ở cơ sở bao gồm; tổ chức cơ sở đảng Hội đồng nhân dân xã, phường; Ủy ban nhân dân xã, phường; Mặt trận Tổ quốc xã, phường; các tổ chức chính trị-xã hội khác; Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh, Hội Phụ nữ, Hội Nông dân, Hội Cựu chiến binh ở xã, phường, thị trấn...

Hệ thống chính trị ở cơ sở có vai trò rất quan trọng trong việc tổ chức và vận động nhân dân thực hiện chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, tăng cường đại đoàn kết toàn dân

tộc, phát huy quyền làm chủ của nhân dân, huy động mọi khả năng phát triển kinh tế - xã hội, tổ chức cuộc sống của cộng đồng dân cư.

Là một thực thể chính trị lãnh đạo toàn diện xã hội ở cơ sở, hệ thống chính trị cơ sở ở Việt Nam là chỉnh thể các thiết chế và cơ chế thực thi quyền lực chính trị tại xã, phường, thị trấn. Đây là cấp gần dân nhất trong hệ thống hành chính nhà nước bốn cấp ở nước ta; là cấp chủ yếu có nhiệm vụ tổ chức thực hiện chính sách, pháp luật trên địa bàn cơ sở.

Hệ thống chính trị ở cơ sở đại diện cho các tầng lớp nhân dân ở cơ sở tập hợp quần chúng và huy động sức mạnh tổng hợp từ cơ sở để thực hiện các chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng và Nhà nước; lãnh đạo, quản lý, giữ vững kỷ luật, trật tự kỷ cương xã hội trên địa bàn cơ sở; bảo vệ các quyền cơ bản của con người, quyền công dân tại cộng đồng cơ sở.

Hiện nay trong cả nước có 10.616 xã, phường, thị trấn⁽²⁾ tương ứng với 10.616 đơn vị hệ thống chính trị cơ sở. Với tính chất *cơ sở*, là nền tảng trong hệ thống chính trị 4 cấp, hệ thống chính trị cơ sở ở Việt Nam, một mặt, phản ánh bản chất ưu việt, hình ảnh về một hệ thống chính trị của Nhân dân, do Nhân dân, vì Nhân dân; mặt khác, cũng là nơi đối mặt với hàng loạt mâu thuẫn trong xã hội; cũng như những bất cập trong quan hệ giữa tổ chức đảng, chính quyền với nhân dân... Nhiều nghiên cứu đã chỉ ra rằng, hệ thống chính trị cơ sở không chỉ là “cầu nối” trực tiếp giữa Đảng, Nhà nước với nhân dân mà còn đóng vai trò chủ chốt trong việc đáp ứng các nhu cầu giải quyết công việc cho người dân. Hệ thống chính trị cơ sở có nhiệm vụ tuyên truyền,

phổ biến đường lối của Đảng và pháp luật của Nhà nước để người dân hiểu và thực hiện; qua đó trực tiếp nắm bắt tâm tư, nguyện vọng của nhân dân, đồng thời kiểm nghiệm sự đúng đắn, chính xác hay không trong đường lối của Đảng và pháp luật của Nhà nước.

Trước tình hình trong nước và trên thế giới, qua 36 năm đổi mới và hội nhập (1986 - 2022), mặc dù hệ thống chính trị cơ sở ở Việt Nam đã đạt được nhiều thành tựu trong phát huy quyền làm chủ của nhân dân, đẩy mạnh công nghiệp hóa - hiện đại hóa đất nước, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, bảo đảm độc lập và chủ quyền quốc gia, góp phần quan trọng vào việc hội nhập kinh tế quốc tế, nhưng vẫn còn bộc lộ một số hạn chế, bất cập. Vai trò của một số tổ chức cơ sở Đảng chưa đáp ứng yêu cầu, nhất là lãnh đạo thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, xây dựng nông thôn mới. Công tác quản lý nhà nước trên một số lĩnh vực như về đất đai, tài nguyên, khoáng sản còn hạn chế. Mặt trận và của các đoàn thể chính trị-xã hội ở cơ sở chưa chủ động tổ chức thực hiện các phong trào thi đua, thực hiện giám sát, phản biện xã hội, tham gia xây dựng Đảng, xây dựng chính quyền. Hệ thống chính trị cơ sở tại một số địa phương còn chưa gắn chặt nhiệm vụ xây dựng hệ thống chính trị với nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội. Do đó, để nâng cao chất lượng hoạt động của hệ thống chính trị ở cơ sở cần tiếp tục kiện toàn, đổi mới hệ thống chính trị cấp cơ sở.

3. Đổi mới, nâng cao chất lượng hệ thống chính trị cơ sở ở Việt Nam

Để đổi mới, nâng cao chất lượng hệ thống chính trị cơ sở ở Việt Nam, trước hết cần nhận thức đúng về tầm quan trọng vai trò, vị trí,

chức năng của hệ thống chính trị cấp cơ sở đối với sự phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội và quốc phòng, an ninh, là cầu nối giữa đảng với nhân dân, trực tiếp nắm bắt tình hình, đưa đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước đi vào đời sống xã hội và tổ chức các phong trào thi đua yêu nước. Đổi mới, nâng cao chất lượng hệ thống chính trị cơ sở ở Việt Nam có những nội dung cơ bản sau đây:

** Đổi mới phương thức lãnh đạo của cấp ủy Đảng*

Đổi mới phương thức lãnh đạo của cấp ủy Đảng ở cơ sở là đổi mới tổ chức và hoạt động của Đảng, nâng cao phẩm chất và năng lực lãnh đạo của Đảng, xây dựng, củng cố và bảo vệ Đảng ở cơ sở, làm cho Đảng luôn trong sạch, vững mạnh đáp ứng yêu cầu của nhiệm vụ chính trị trong giai đoạn mới. Vì vậy, đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng ở cơ sở luôn gắn với đổi mới các lĩnh vực kinh tế - xã hội, với việc kiện toàn hệ thống chính trị, với phát huy tinh thần sáng tạo và khơi dậy phong trào hành động cách mạng của nhân dân.

Đổi mới phương thức lãnh đạo của cấp ủy đảng đối với chính quyền, phát huy tính chủ động, sáng tạo và hiệu quả hoạt động của Hội đồng nhân dân và ủy ban nhân dân cấp cơ sở, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội.

Nhìn chung, đổi mới phương thức lãnh đạo của cấp ủy Đảng ở cơ sở là quá trình nâng cao năng lực lãnh đạo, chỉ đạo phát triển kinh tế - xã hội ở cấp xã, thực hiện đại đoàn kết dân tộc, nâng cao vai trò làm chủ của nhân dân, thực hiện “dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra”, nâng cao năng lực đội ngũ cán bộ, đẩy mạnh đấu tranh

chống tham nhũng. Trong hai thập niên gần đây, các cấp ủy Đảng, chính quyền cơ sở đã thực hiện hiệu quả việc phân công, phân cấp quản lý cán bộ; quy hoạch cán bộ; đánh giá cán bộ, bổ nhiệm, miễn nhiệm và luân chuyển cán bộ, nâng ngạch cán bộ, chuyên viên. Công tác vận động, xây dựng, chỉnh đốn Đảng được chỉ đạo quyết liệt, tập trung, nhiều cấp ủy và tổ chức Đảng ở cơ sở đã có chuyển biến về nhận thức, thấy rõ hơn ý nghĩa, tầm quan trọng của quá trình tiến hành đổi mới hệ thống chính trị, chú trọng hơn mọi mặt công tác theo hướng mở rộng dân chủ, công khai, chủ động đổi mới về công tác tư tưởng và tổ chức, cán bộ.

** Xây dựng chính quyền cơ sở*

Xây dựng, kiện toàn bộ máy chính quyền cơ sở vững mạnh, trong sạch, có hiệu lực, hiệu quả, bài trừ quan liêu tham nhũng, giữ vững và phát huy bản chất cách mạng Nhà nước của dân, do dân, vì dân là yêu cầu cấp bách trong việc nâng cao chất lượng hệ thống chính trị cơ sở. Bộ máy tổ chức hành chính của chính quyền cấp xã kiện toàn theo hướng *xây dựng nền hành chính nhà nước dân chủ, trong sạch, vững mạnh, hiện đại*, tăng cường kỷ cương nhà nước và chế độ trách nhiệm cá nhân; công khai hóa các nội dung và cơ chế, phương thức giám sát; hỗ trợ và khuyến khích các tổ chức hoạt động không vì lợi nhuận cung cấp một số dịch vụ công...

Về *cải cách hành chính* chính quyền cấp xã triệt để thực hiện đổi mới, nâng cao chất lượng công chức; cải cách hành chính công; xây dựng một nền hành chính dân chủ, trong sạch, vững mạnh, chuyên nghiệp, hiện đại hóa, hoạt động có hiệu lực, hiệu quả, theo nguyên tắc

Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa dưới sự lãnh đạo của Đảng; xây dựng đội ngũ cán bộ có phẩm chất và năng lực đáp ứng yêu cầu xây dựng và phát triển đất nước phù hợp với yêu cầu quản lý nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa. Từ đầu năm 2004, các đơn vị hành chính cấp huyện, cấp tỉnh, sau đó là cấp xã trong cả nước đã tiến hành tổ chức thực hiện cơ chế “một cửa”. Việc áp dụng cơ chế giải quyết công việc của công dân và tổ chức theo mô hình “một cửa” (hoặc “một cửa, một dấu”) ở cơ sở đã phát huy tính tích cực trong cải cách hành chính, như công khai các thủ tục hành chính, chấn chỉnh kỷ luật, kỷ cương hành chính trong việc giải quyết công việc của người dân và doanh nghiệp; bổ sung, bãi bỏ các thủ tục hành chính cho phù hợp với quy định của pháp luật, đồng thời bảo đảm sự thống nhất, đồng bộ, đơn giản, công khai, minh bạch của các thủ tục hành chính, tạo thuận lợi cho cá nhân, tổ chức và doanh nghiệp trong tiếp cận và thực hiện các thủ tục hành chính, nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước và thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội ở địa phương.

Quá trình *xây dựng chính quyền cơ sở* trong hai thập niên gần đây đã tạo tiền đề hỗ trợ và phát triển các thành phần kinh tế. Chức năng, nhiệm vụ, thẩm quyền và trách nhiệm của chính quyền trong hệ thống chính trị cơ sở đã dần loại bỏ sự chồng chéo, trùng lặp về chức năng, nhiệm vụ; các thủ tục hành chính trên các lĩnh vực xây dựng, hộ tịch, hộ khẩu,... đã được rà soát, loại bỏ những thủ tục phiền hà, phức tạp, từng bước công khai hóa các quy định, thủ tục cần thiết, phù hợp với tình hình mới.

Từ những thành công ấy, mối quan hệ giữa nhà nước với nhân

dân được thể chế hóa và ngày càng được củng cố hoàn thiện hơn. Đối với các chủ trương, chính sách quan trọng, chính quyền cơ sở tổ chức lấy ý kiến nhân dân trước khi quyết định. Sự giám sát của nhân dân đối với hoạt động của các cơ quan nhà nước được tăng cường. Quá trình thực hiện Quy chế Dân chủ ở cơ sở, cơ chế “một cửa”, công khai ngân sách, tài chính, đấu thầu, thanh tra nhân dân... đã tích cực góp phần xây dựng và hoàn thiện bộ máy chính quyền cơ sở, tạo điều kiện để nhân dân tham gia và giám sát các hoạt động của chính quyền và đội ngũ cán bộ công chức.

Những thành quả trong *xây dựng chính quyền cơ sở* đã góp phần quan trọng vào việc phát huy nội lực, khai thác nguồn thu, huy động toàn xã hội chăm lo phát triển kinh tế - văn hóa - xã hội, góp phần tăng trưởng kinh tế, ổn định xã hội, mối quan hệ giữa nhà nước với nhân dân được thể chế hóa, và ngày càng được củng cố và hoàn thiện hơn.

** Nâng cao chất lượng hoạt động của Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể ở cơ sở*

Đổi mới hoạt động của Mặt trận và các đoàn thể nhân dân ở cơ sở đã đem lại những chuyển biến sâu sắc, hệ thống chính trị cơ sở từng bước được đổi mới, góp phần vào việc ổn định chính trị, đẩy nhanh tốc độ phát triển kinh tế, cải thiện đời sống nhân dân, mở rộng dân chủ xã hội, tăng cường khối đại đoàn kết dân tộc. “Quyền làm chủ của nhân dân trên các lĩnh vực kinh tế, xã hội, chính trị, tư tưởng, văn hóa được phát huy. Các tầng lớp nhân dân, đồng bào các dân tộc đoàn kết, gắn bó trong sự nghiệp dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng,

văn minh”⁽³⁾.

Trong quá trình đổi mới, nâng cao chất lượng hoạt động của hệ thống chính trị cơ sở, Mặt trận và các đoàn thể nhân dân ở cơ sở đã tiến hành đổi mới tổ chức và hoạt động, đẩy mạnh cuộc vận động “Toàn dân đoàn kết xây dựng cuộc sống mới ở khu dân cư”, “Phong trào thanh niên lập nghiệp”, phong trào “Đền ơn đáp nghĩa”... Mặt trận các cấp đã tích cực vận động, hiệp thương, bầu cử Quốc hội, Hội đồng nhân dân các cấp... đảm bảo cơ cấu, tiêu chuẩn và số lượng đại biểu.

Trong quá trình triển khai các cuộc vận động, bên cạnh việc khảo sát, kiểm điểm lại tình hình công tác của tổ chức, công tác phối hợp với chính quyền ở từng địa phương, Mặt trận và các đoàn thể chính trị - xã hội còn nghiên cứu, trao đổi làm rõ và nhất trí ý nghĩa mục đích, yêu cầu của từng cuộc vận động, từng phong trào để có tinh thần quyết tâm và tin tưởng tổ chức chỉ đạo đi đến kết quả cụ thể. Đồng thời, tiến hành chỉ đạo điểm ở những vùng, miền khác nhau làm cơ sở rút kinh nghiệm sớm, có những mô hình để nhân ra diện rộng.

Cuộc vận động “Toàn dân đoàn kết xây dựng cuộc sống mới ở khu dân cư” được tiến hành một cách bài bản, chặt chẽ, đồng bộ từ khâu lập kế hoạch vận động đến khi triển khai, ủy ban Mặt trận, các đoàn thể Mặt trận và các đoàn thể nhân dân ở cơ sở đã phát động phong trào, chính quyền và nhân dân hăng hái hưởng ứng. Đây là cuộc vận động chính trị xã hội có quy mô rộng lớn, kế thừa và phát huy kinh nghiệm của các cuộc vận động, phong trào yêu nước trong lịch sử. Mục tiêu cơ bản của cuộc vận động là giữ gìn và phát huy

truyền thống đoàn kết cộng đồng, không ngừng nâng cao chất lượng cuộc sống của nhân dân, mở rộng dân chủ xã hội chủ nghĩa, thực hiện xã hội hóa các lĩnh vực văn hóa - xã hội, xây dựng cơ sở chính trị vững mạnh. Thông qua cuộc vận động, các địa phương đã soát xét lại các ban chỉ đạo, ban vận động để hợp nhất tránh chồng chéo, bớt tính hình thức, thiết lập cơ chế, chọn, cử, chính sách và quan hệ phối hợp giữa Bí thư chi bộ, Trưởng thôn (bản, ấp, khu phố), Trưởng ban công tác Mặt trận ở khu dân cư. Mỗi quan hệ giữa quản lý hành chính với hình thức tự quản của dân, giữa pháp luật và hương ước, quy ước, quy chế dân chủ trực tiếp ở khu dân cư được chú trọng đúng mức, tạo điều kiện phát huy nền dân chủ xã hội chủ nghĩa.

Mặt trận và các đoàn thể ở cơ sở, trong hai thập niên gần đây, đã đóng vai trò quan trọng trong việc thực hiện Quy chế dân chủ ở xã, phường, thị trấn, với tinh thần “địa phương phải thông tin và công khai để dân biết, những việc dân bàn và quyết định trực tiếp, những việc dân tham gia ý kiến trước khi cơ quan nhà nước ra quyết định, những việc dân giám sát, kiểm tra và các hình thức thực hiện quy chế dân chủ”⁽⁴⁾. Mặt trận và các đoàn thể nhân dân đã phối hợp với Hội đồng nhân dân, ủy ban nhân dân cơ sở hướng dẫn nhân dân xây dựng hương ước, quy ước về nếp sống tự quản ở thôn, làng, ấp, bản, tổ dân phố, cộng đồng dân cư khác ở cơ sở phù hợp với pháp luật. Đồng thời, phối hợp với chính quyền các cấp lồng ghép nội dung cuộc vận động toàn dân đoàn kết xây dựng cuộc sống mới ở khu dân cư với việc thực hiện Quy chế dân chủ ở xã, phường, thị trấn. Trên cơ sở đó, hình thành các quy chế về mối quan hệ công tác giữa ủy ban Mặt trận và các đoàn thể nhân dân với Hội đồng nhân dân và ủy ban nhân dân

cùng cấp. Tuyên truyền vận động nhân dân “sống và làm việc theo Hiến pháp và pháp luật”, thực hiện tốt nghĩa vụ công dân, giữ vững kỷ cương xã hội; đấu tranh ngăn chặn mọi hành vi tiêu cực, tự do vô chính phủ, tệ tham nhũng, quan liêu, mất dân chủ, xa dân, ảnh hưởng xấu đến việc củng cố khối đại đoàn kết toàn dân.

Trên cơ sở quy chế dân chủ, Mặt trận và các đoàn thể nhân dân cơ sở đã thường xuyên tập hợp ý kiến của các tầng lớp nhân dân, thông qua hoạt động thanh tra nhân dân và các hình thức khác để thẳng thắn góp ý kiến với Đảng và Nhà nước về chủ trương, chính sách, pháp luật, cơ chế quản lý, lề lối làm việc, đạo đức, lối sống của cán bộ công chức, đại biểu dân cử; phê bình thẳng thắn những việc làm tiêu cực, sai trái, xa rời và thiếu trách nhiệm với dân.

Thực hiện Quy chế dân chủ ở cơ sở, các cấp chính quyền có điều kiện sát dân hơn, thực hiện các nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội có hiệu quả hơn, qua đó nâng cao hiệu quả công tác quản lý nhà nước, tăng cường hiệu lực của chính quyền, khắc phục những yếu kém của bộ máy chính quyền.

Quá trình triển khai thực hiện Quy chế dân chủ ở cơ sở đã tạo ra một động lực mới. Quyền làm chủ của nhân dân trong tham gia quản lý nhà nước, quản lý kinh tế, quản lý xã hội ở cơ sở được phát huy, góp phần tích cực động viên nhân dân phấn khởi đẩy mạnh sản xuất, thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - văn hóa - xã hội, củng cố an ninh, quốc phòng. Vai trò, vị trí của Mặt trận và các đoàn thể nhân dân ở cơ sở được nâng cao, nội dung hoạt động phong phú, thiết thực hơn, lôi cuốn được đông đảo các tầng lớp nhân dân tham gia các cuộc vận

động, các phong trào thi đua yêu nước. Khối đại đoàn kết dân tộc trên cơ sở liên minh giai cấp công nhân với giai cấp nông dân và đội ngũ trí thức được mở rộng hơn, là nhân tố quan trọng thúc đẩy sự phát triển và giữ vững sự ổn định chính trị - xã hội của đất nước.

Để củng cố và tăng cường khối đại đoàn kết toàn dân tộc nhằm phát huy sức mạnh tổng hợp của toàn dân tộc, giữ vững độc lập, thống nhất của Tổ quốc, thực hiện thắng lợi sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước vì mục tiêu dân giàu nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh, Mặt trận và các đoàn thể ở cơ sở, từ năm 2003 đến nay còn phát huy sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc vì dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh, lấy “mục tiêu giữ vững độc lập, thống nhất của Tổ quốc, vì dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh làm điểm tương đồng, tôn trọng những ý kiến khác nhau không trái với lợi ích chung, xóa bỏ mặc cảm, định kiến, phân biệt đối xử về quá khứ, giai cấp, thành phần, xây dựng tinh thần cởi mở, tin cậy lẫn nhau, hướng tới tương lai”⁽⁵⁾. Mục tiêu hướng đến là “bảo đảm công bằng và bình đẳng xã hội, chăm lo lợi ích thiết thực, chính đáng, hợp pháp của các giai cấp, các tầng lớp nhân dân; kết hợp hài hòa lợi ích cá nhân và lợi ích toàn xã hội, thực hiện dân chủ gắn liền với giữ gìn kỷ cương, chống quan liêu, tham nhũng”⁽⁶⁾. Nâng cao chất lượng hoạt động Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể nhân dân ở cơ sở nhằm phục vụ lợi ích quần chúng, phát huy dân chủ, đề cao vai trò làm chủ của nhân dân, dưới sự lãnh đạo của Đảng.

Tóm lại, đổi mới, nâng cao chất lượng hệ thống chính trị cơ sở chính là đổi mới tư duy, đổi mới công tác cán bộ, đổi mới phong cách

làm việc; nâng cao chất lượng sự lãnh đạo của Đảng; nâng cao vai trò quản lý của chính quyền, Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể nhân dân ở cơ sở.

Nội dung cơ bản trong đổi mới, nâng cao chất lượng hệ thống chính trị cơ sở, chính là đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng, đẩy mạnh cải cách và xây dựng hoàn thiện bộ máy tổ chức chính quyền cơ sở, đẩy mạnh đấu tranh chống tham nhũng; thực hiện đại đoàn kết dân tộc, nâng cao vai trò làm chủ của nhân dân, xây dựng cơ chế cụ thể, thực hiện “dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra”.

4. Một số kinh nghiệm rút ra từ quá trình đổi mới, nâng cao chất lượng hệ thống chính trị ở Việt Nam

Đổi mới, nâng cao chất lượng hệ thống chính trị cơ sở là một yêu cầu khách quan của công cuộc đổi mới, phát triển kinh tế - xã hội và phát huy quyền làm chủ của nhân dân, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, bảo đảm độc lập và chủ quyền quốc gia, góp phần quan trọng vào việc hội nhập kinh tế quốc tế.

Quá trình đổi mới hệ thống chính trị cơ sở, là quá trình nâng cao hiệu quả của chính trị đối với sự phát triển kinh tế - xã hội và phát huy quyền làm chủ của nhân dân. Đó là điểm mấu chốt để hình thành chế độ dân chủ xã hội chủ nghĩa, cái được xem vừa là động lực, vừa là mục tiêu của đổi mới hệ thống chính trị. Tại Đại hội VI, năm 1986, Đảng ta đã chủ trương đổi mới toàn diện, trong đó *đổi mới kinh tế là trọng tâm, từng bước đổi mới về chính trị và hệ thống chính trị*.

Từ thực tiễn nâng cao chất lượng hệ thống chính trị cơ sở ở Việt

Nam (1986 - 2022) có thể đúc kết một số kinh nghiệm.

*Thứ nhất, kiên trì mục tiêu độc lập dân tộc, dân giàu nước mạnh, xã hội công bằng dân chủ, văn minh. Đây cũng là mục tiêu xuyên suốt và chủ đạo trong quá trình lãnh đạo cách mạng Việt Nam của Đảng ta, trong đó độc lập dân tộc là mục tiêu, điều kiện tiên quyết để xây dựng một xã hội dân giàu nước mạnh, công bằng, dân chủ, văn minh, đúng như Chủ tịch Hồ Chí Minh khẳng định: “Nếu nước độc lập mà dân không được hưởng hạnh phúc, tự do thì độc lập cũng chẳng có nghĩa lý gì”⁽⁷⁾. Trong tác phẩm *Một số vấn đề lý luận và thực tiễn về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam*, Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng khẳng định: “mọi đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật và hoạt động của Nhà nước đều vì lợi ích của nhân dân, lấy hạnh phúc của nhân dân làm mục tiêu phấn đấu”⁽⁸⁾.*

Thực hiện mục tiêu độc lập dân tộc gắn liền với dân giàu nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh trong bối cảnh hiện nay chính là đặt lợi ích quốc gia, dân tộc lên hàng đầu với mục tiêu xuyên suốt là giữ vững độc lập, chủ quyền, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ, giữ vững chế độ chính trị xã hội chủ nghĩa, kết hợp chặt chẽ với nhiệm vụ tạo dựng môi trường quốc tế thuận lợi nhất cho công cuộc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Kinh nghiệm thực tiễn cho thấy, độc lập dân tộc gắn liền với xã hội công bằng, dân chủ, văn minh đã tạo cơ sở cả về lý luận và thực tiễn - cho việc vận dụng sáng tạo các bài học về kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại, giữ vững độc lập, tự chủ đi đôi với hội nhập quốc tế. Kiên định mục tiêu độc lập dân tộc gắn liền với dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh mới có

thể phát huy cao nhất sức mạnh dân tộc, sức mạnh nội sinh nhằm giữ vững độc lập, tự chủ trên mọi lĩnh vực đối với sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, nhân dân ta đã đạt được “những thành tựu to lớn, có ý nghĩa lịch sử, phát triển mạnh mẽ, toàn diện so với những năm trước đổi mới”⁽⁹⁾, tạo ra thế và lực mới để đất nước tiếp tục đi lên với triển vọng tốt đẹp.

Độc lập dân tộc gắn liền dân giàu, nước mạnh, công bằng, dân chủ, văn minh là một kinh nghiệm quý báu được Đảng ta vận dụng sáng tạo vào sự nghiệp đổi mới nhằm tạo ra sức phát triển kinh tế, văn hóa - xã hội, giữ vững độc lập chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ, góp phần tích cực vào cuộc đấu tranh chung của nhân dân thế giới vì hòa bình, độc lập dân tộc, dân chủ và tiến bộ xã hội. Đại hội XI của Đảng đã khẳng định: “quyết tâm của toàn Đảng, toàn dân ta tận dụng tốt thời cơ, vượt qua thách thức, nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của Đảng, phát huy sức mạnh toàn dân tộc, đẩy mạnh toàn diện công cuộc đổi mới, phát triển đất nước nhanh, bền vững, thực hiện thắng lợi mục tiêu dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh vững bước đi lên chủ nghĩa xã hội”⁽¹⁰⁾.

Thứ hai, dựa vào dân, vì lợi ích của nhân dân, phát huy quyền dân chủ của nhân dân ở cơ sở. Đây là một trong những bài học quan trọng được Đảng ta đúc kết trong quá trình lãnh đạo công cuộc đổi mới và hội nhập của đất nước.

Xuất phát từ lợi ích và nguyện vọng chính đáng của nhân dân, kế thừa và nâng cao tư tưởng truyền thống của dân tộc: “Nước lấy dân làm gốc”, “chở thuyền là dân, lật thuyền cũng là dân” Chủ tịch Hồ Chí

Minh yêu cầu mỗi cán bộ, đảng viên phải tin dân, dựa vào nhân dân, vì lợi ích của nhân dân, phát huy quyền dân chủ của nhân dân ở cơ sở. Người từng nhiều lần nhắc nhở cần phải biết lắng nghe ý kiến của nhân dân, phải bàn bạc, thảo luận với nhân dân những vấn đề “quốc kế dân sinh”; “Vì vậy, việc gì cũng phải hỏi ý kiến dân chúng, cùng dân chúng bàn bạc, và giải thích cho dân chúng”⁽¹¹⁾.

Kinh nghiệm thực tiễn cho thấy, dựa vào dân, vì lợi ích của nhân dân, phát huy quyền dân chủ của nhân dân ở cơ sở thể hiện đầy đủ qua mối quan hệ giữa công chức và công dân. Trong đó, vấn đề kỷ luật công vụ, đạo đức công chức nhằm phục vụ dân, thực hiện trách nhiệm với dân, thường xuyên chăm lo phát triển sức dân, bồi dưỡng sức dân, đem lại lợi ích cho dân, thực hiện được quyền lực của dân, làm cho dân thực hiện quyền làm chủ của mình bằng dân chủ trực tiếp và dân chủ đại diện, đó là mục tiêu của dân chủ, cũng tức là mục tiêu phát triển đất nước.

Dựa vào dân, vì lợi ích của nhân dân, phát huy quyền dân chủ của nhân dân ở cơ sở chính là phát huy, phát triển nhân tố con người trong điều kiện nước ta chuyển từ một nước nông nghiệp lạc hậu thành một nước công nghiệp hiện đại và văn minh. Đây cũng là tiền đề để giải phóng và phát triển mạnh mẽ lực lượng sản xuất để trên cơ sở ấy từng bước xây dựng quan hệ sản xuất mới, tiến bộ, phù hợp trình độ của lực lượng sản xuất. Muốn vậy phải giải phóng mọi tiềm năng sáng tạo của con người và xã hội, phải nâng cao đời sống, chất lượng sống và trình độ của người dân; thúc đẩy sự biến đổi và phát triển, khai thông các nguồn lực, nhân lên sức mạnh của nội lực và

ngoại lực để phát triển.

Kinh nghiệm thực tiễn cũng cho thấy phát huy quyền làm chủ của nhân dân ở cơ sở là động lực không chỉ biểu hiện ở kinh tế mà còn biểu hiện ngày càng rõ hơn ở chính trị, khi quyền lực và ý chí của nhân dân được thực hiện thông qua dân chủ trực tiếp và dân chủ đại diện với cơ chế bầu cử dân chủ, với thể chế rõ ràng, công khai, minh bạch ở cơ sở. Môi trường xã hội dân chủ cơ sở đã tạo sự chuyển biến tích cực về dư luận xã hội, thúc đẩy hành động sáng tạo của đông đảo quần chúng để bảo vệ chế độ, bảo vệ Đảng và Nhà nước, chống lại những hành vi phản dân chủ. Dựa vào nhân dân, phát huy quyền làm chủ của nhân dân có tác dụng to lớn trong các lĩnh vực của đời sống xã hội, trong các mối quan hệ giữa người với người, khắc phục dân chủ hình thức, chống lại những vi phạm dân chủ và quyền làm chủ của người dân, chống quan liêu, lãng phí, tham ô, tham nhũng; là nguồn động lực to lớn để toàn Đảng, toàn dân ta giành được những thành quả to lớn hơn trong công cuộc đổi mới và hội nhập của đất nước.

Nâng cao chất lượng hệ thống chính trị cơ sở ở Việt Nam suy cho cùng là “thực hiện tốt dân chủ xã hội chủ nghĩa phát huy quyền làm chủ của nhân dân”⁽¹²⁾ và giữ vững sự lãnh đạo của Đảng. Cho nên, phải dựa vào nhân dân, vì lợi ích của nhân dân, nâng cao chất lượng hệ thống chính trị cơ sở, hướng hệ thống chính trị cơ sở vào việc thực hiện tốt dân chủ, góp phần tích cực vào công cuộc công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, thực hiện thắng lợi mục tiêu dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ và văn minh.

Thứ ba, giải quyết một cách đúng đắn, khoa học mối quan hệ về “Đảng lãnh đạo, chính quyền quản lý, nhân dân làm chủ” ở cơ sở trong bối cảnh tình hình mới.

Quá trình nâng cao chất lượng hoạt động hệ thống chính trị ở cơ sở trong bối cảnh Đảng và Chính phủ Việt Nam đang đẩy mạnh công cuộc xây dựng nhà nước pháp quyền và nền dân chủ xã hội chủ nghĩa, giải quyết một cách đúng đắn, khoa học về quyền lực chính trị của Đảng, quyền lực của nhà nước và quyền lực xã hội của nhân dân trong mối quan hệ “Đảng lãnh đạo, chính quyền quản lý, nhân dân làm chủ”.

Vai trò lãnh đạo của Đảng trong hệ thống chính trị ở cơ sở, trước hết được thực hiện ở việc xác định chiến lược phát triển dài hạn và quyết định các mục tiêu, chỉ tiêu, nhiệm vụ chủ yếu về kinh tế - xã hội trung và ngắn hạn, phù hợp với chiến lược phát triển của quốc gia và đặc điểm của từng địa phương. Sự lãnh đạo của Đảng ở cơ sở đối với cơ quan dân cử tạo điều kiện cho Hội đồng nhân dân cấp xã phát huy ngày càng tốt hơn vai trò, chức năng, nhiệm vụ của mình. Chất lượng và hiệu quả hoạt động của cơ quan dân cử ở cơ sở phụ thuộc rất lớn vào phương thức lãnh đạo của các cấp ủy Đảng đối với Hội đồng nhân dân. Đối với các vấn đề quan trọng về kinh tế - xã hội của địa phương, cấp ủy Đảng lãnh đạo chính quyền bằng cách giao cho ủy ban nhân dân cùng cấp chuẩn bị báo cáo trước Ban thường vụ hoặc tập thể cấp ủy xem xét, quyết định phương hướng, mục tiêu, giải pháp lớn. Cơ chế *đảng lãnh đạo* còn thông qua sự *phân vai* rõ ràng đối với những chức danh kiêm nhiệm, tránh lẫn lộn hoặc buông lỏng công việc trong

mỗi chức danh kiêm nhiệm.

Chính quyền quản lý trong cơ chế “Đảng lãnh đạo, chính quyền quản lý, nhân dân làm chủ” là quản lý toàn diện trên mọi lĩnh vực đời sống xã hội ở cơ sở. Chính quyền có trách nhiệm xây dựng và triển khai thực hiện chiến lược phát triển dài hạn, các mục tiêu, chỉ tiêu, nhiệm vụ chủ yếu về kinh tế - xã hội trung và ngắn hạn, phù hợp với chiến lược phát triển của quốc gia và đặc điểm của từng địa phương. Dưới sự lãnh đạo của cấp ủy, ủy ban nhân dân điều hành, xử lý kịp thời những vướng mắc phát sinh trong quá trình thực hiện công tác quản lý nhà nước ở cơ sở, phục vụ nhân dân và chăm lo xây dựng bộ máy chính quyền trong sạch, vững mạnh.

Ủy ban nhân dân cấp xã là cơ quan điều hành mọi đề án quan trọng về quy hoạch, kế hoạch, chính sách kinh tế - xã hội ở cơ sở, thực hiện nhiệm vụ thu, chi ngân sách ở địa phương hàng năm theo những mục tiêu, chính sách ưu tiên về kinh tế - xã hội của quốc gia cũng như của cấp ủy Đảng và chính quyền địa phương. Hoạt động của chính quyền ở cơ sở là trung tâm, giữ vai trò quan trọng trong hệ thống chính trị ở cơ sở, góp phần củng cố mối quan hệ giữa Đảng, chính quyền với nhân dân và đề cao vai trò lãnh đạo của Đảng đối với toàn xã hội. Phát huy vai trò của *chính quyền quản lý* một cách đầy đủ sẽ làm tăng thêm sức mạnh tổng hợp của cả hệ thống chính trị trong cơ chế Đảng lãnh đạo, chính quyền quản lý, nhân dân làm chủ.

Cơ chế “nhân dân làm chủ” được thực hiện bằng hai phương thức: trực tiếp thực hiện các quyền của mình theo luật định và uỷ quyền cho các cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị - xã hội. Phát huy

quyền làm chủ nhân dân là hoạt động tham gia kiểm soát quyền lực thông qua hoạt động giám sát, phản biện xã hội và các quyền tự do dân chủ khác theo luật định, về bản chất, quyền lực là tập trung, càng tập trung dễ nảy sinh những tha hóa như quan liêu, chủ quan, duy ý chí...; những đảng viên có chức quyền dễ sa vào đặc quyền, đặc lợi, tham nhũng, cửa quyền, bao che cho nhau. Do đó, phát huy dân chủ ở cơ sở, nếu thực hiện tốt, sẽ giúp cho Đảng tránh được cái nhìn chủ quan, phiến diện, xa rời thực tế đời sống xã hội của nhân dân. Phát huy dân chủ góp phần củng cố vai trò lãnh đạo của Đảng, nâng cao năng lực, sức chiến đấu của Đảng, tăng cường mối quan hệ mật thiết giữa Đảng với nhân dân, xây dựng nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân.

Thứ tư, đẩy mạnh cải cách tổ chức và hoạt động của các tổ chức trong hệ thống chính trị ở cơ sở, nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ cấp xã.

Việt Nam đang xây dựng nền kinh tế thị trường, Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa. Cùng với đó là xu hướng dân chủ hóa, trình độ dân trí cũng không ngừng được nâng cao. Cuộc cách mạng công nghiệp 4.0 đang tác động mạnh mẽ đến tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị ở cơ sở. Bên cạnh đó, hiện đang tồn tại các vấn đề xã hội gây áp lực lớn đến phát triển kinh tế - xã hội, như sự phân hóa giàu - nghèo, thiên tai, dịch bệnh, biến đổi khí hậu, nước biển dâng, xâm nhập mặn ngày càng nhanh với cường độ mạnh, khó lường, đặc biệt là ảnh hưởng tiêu cực của đại dịch Covid-19... Những thách thức nêu trên cùng với những biến động quốc tế, khu vực và trong nước đã và

đang có những tác động đến tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị nước ta. Do đó, *đẩy mạnh cải cách tổ chức và hoạt động của các tổ chức trong hệ thống chính trị ở cơ sở, nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ cấp xã* không chỉ là kinh nghiệm được rút ra mà còn là giải pháp phát triển của Việt Nam trong những năm 2025 - 2030.

Về thực tiễn, *đẩy mạnh cải cách tổ chức và hoạt động của các tổ chức trong hệ thống chính trị ở cơ sở, nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ cấp xã* sẽ góp phần hoàn thiện mô hình tổ chức tổng thể của hệ thống chính trị; xác định rõ hơn chức năng, nhiệm vụ và cơ chế hoạt động của các tổ chức trong hệ thống chính trị; làm cho hệ thống chính trị cơ sở tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả, đồng bộ với đổi mới kinh tế, đáp ứng yêu cầu nâng cao năng lực lãnh đạo, cầm quyền của Đảng.

5. Kết luận

Từ việc khái quát những nội dung và kinh nghiệm đạt được, một lần nữa có thể khẳng định nâng cao chất lượng hệ thống chính trị cơ sở, trước hết là nâng cao nhận thức của các cấp, các ngành, các tổ chức trong hệ thống chính trị về vị trí, vai trò của các tổ chức trong hệ thống chính trị và vai trò, nhiệm vụ của cán bộ, công chức cấp xã theo nguyên tắc Đảng lãnh đạo, Nhà nước quản lý, Nhân dân làm chủ, hướng tới mục tiêu dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh.

Quá trình nâng cao chất lượng hệ thống chính trị cơ sở là sự tiếp nối truyền thống vẻ vang của Đảng Cộng sản Việt Nam qua hơn 90 năm (1930 - 2022) lãnh đạo cách mạng Việt Nam vượt qua những

gian nan thách thức, đưa đất nước từ lầm than, nô lệ trở thành một quốc gia độc lập, tự chủ, mọi người dân được hưởng các quyền tự do, dân chủ. Một lần nữa, lịch sử tiếp tục khẳng định vai trò Đảng Cộng sản Việt Nam là đảng duy nhất lãnh đạo, cầm quyền ở Việt Nam. Hoạt động nâng cao chất lượng hệ thống chính trị cơ sở đã góp phần, quyết định vào việc xây dựng, chỉnh đốn Đảng trong sạch, vững mạnh toàn diện, nâng cao năng lực lãnh đạo, cầm quyền và sức chiến đấu của Đảng; đề cao kỷ luật, kỷ cương của Đảng và pháp luật của Nhà nước. Quá trình ấy còn là sự kết hợp hài hòa giữa kế thừa, ổn định với đổi mới, phát triển; bảo đảm tính tổng thể, đồng bộ; đáp ứng yêu cầu trước mắt và lâu dài; xác định rõ trách nhiệm của tập thể và cá nhân, nhất là người đứng đầu đi đôi với tăng cường kiểm tra, giám sát, kiểm soát quyền lực; phát huy tính tích cực, chủ động, sáng tạo của từng cấp, từng ngành, địa phương, cơ quan, đơn vị; sắp xếp, tinh gọn tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị gắn với tinh giản biên chế và cơ cấu lại, nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ ở cơ sở.

Nâng cao chất lượng hệ thống chính trị cơ sở cũng chính là tăng cường sự lãnh đạo của Đảng, hiệu lực, hiệu quả quản lý của Nhà nước, phát huy vai trò của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị-xã hội ở cơ sở bảo đảm yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội và hội nhập quốc tế ngày càng sâu rộng□

(*) Bài viết được lấy từ cuốn kỷ yếu Hội thảo khoa học Quốc gia: “*Nâng cao chất lượng hệ thống chính trị cơ sở ở Việt Nam hiện nay: Bài học kinh nghiệm và một số kiến nghị chính sách*” do Viện Triết học, Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam phối hợp với Viện Triết học và Học viện Chính

trị khu vực IV, Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh tổ chức ngày 27 - 07 - 2022 tại cần Thơ.

(1) Đảng Cộng sản Việt Nam (1991), *Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội*, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, tr. 19.

(2) Ủy ban Thường vụ Quốc hội (2019), *Nghị quyết số 653/2019/UBTVQH14* ngày 12/3/2019 về việc sắp xếp các đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã trong giai đoạn 2019-2021.

(3) Đảng Cộng sản Việt Nam (1996), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VIII*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, tr.61.

(4) Song Thành (2000), *Đồng chí Nguyễn Văn Linh, Tổng Bí Thư của thời kỳ đổi mới, một nhân cách lớn, một phong cách lớn, một tấm gương cộng sản mẫu mực*, Tạp chí Lịch sử Đảng, (7/2000).

(5) Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam (2004), *Mặt trận Tổ quốc Việt Nam trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ đất nước*, Nxb Quân đội nhân dân, Hà Nội, tr.194.

(6) Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam (2004), *Sđd.*, tr.194.

(7) Hồ Chí Minh (2021), *Toàn tập*, t.4, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, tr.64.

(8) Nguyễn Phú Trọng (2022), *Một số vấn đề lý luận và thực tiễn về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, tr.28.

(9) Đảng Cộng sản Việt Nam (2021), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng*, t.I, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, tr.25.

(10) Đảng Cộng sản Việt Nam (2011), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, tr. 266.

(11) Hồ Chí Minh (2021), *Toàn tập*, t.5, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, tr.335.

(12) Đỗ Tất Cường (2002), *Thực trạng vốn đầu tư ở nước ta trong những năm qua*, Tạp chí Lý luận chính trị, (12/2002), tr.71.

Nguồn: Tạp chí Triết học.- 2022.- Số 12 (379).- Tr 33-45.

ĐẨY MẠNH XÂY DỰNG, CHỈNH ĐỐN ĐẢNG VÀ HỆ THỐNG CHÍNH TRỊ TRONG SẠCH, VỮNG MẠNH ĐÁP ỨNG YÊU CẦU, NHIỆM VỤ THỜI KỲ MỚI

NGUYỄN QUANG DƯƠNG
UVTV Đảng, Phó Trưởng Ban Tổ chức Trung ương

Tầm quan trọng và mối quan hệ biện chứng giữa công tác xây dựng, chỉnh đốn Đảng với xây dựng hệ thống chính trị

Chủ tịch Hồ Chí Minh đã dạy: *“Đảng không phải chỉ đại biểu lợi ích của đảng viên, mà đại biểu lợi ích của toàn giai cấp công nhân, toàn thể dân tộc và loài người”*⁽¹⁾. Xây dựng Đảng trong sạch, vững mạnh là tiền đề quan trọng chi phối tính chất, mục tiêu, nhiệm vụ, hiệu quả xây dựng hệ thống chính trị; đồng thời, hiệu lực, hiệu quả hoạt động các cơ quan, tổ chức của hệ thống chính trị là minh chứng khẳng định vai trò lãnh đạo của Đảng, là thước đo năng lực, uy tín, vai trò, vị thế của Đảng cầm quyền. Năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu của Đảng thể hiện qua hiệu lực, hiệu quả quản lý của Nhà nước, chất lượng, hiệu quả hoạt động của Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội. Từ nhận thức sâu sắc đó, Đại hội XIII của Đảng đã phát triển thành tố *“Tăng cường xây dựng Đảng trong sạch, vững mạnh”* của Đại hội XII thành *“Tăng cường xây dựng, chỉnh đốn Đảng và hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh”*.

Với vai trò đặc biệt quan trọng, có ý nghĩa sống còn đối với Đảng và chế độ, công tác xây dựng, chỉnh đốn Đảng luôn được Đảng

ta xác định là nhiệm vụ then chốt, thường xuyên, liên tục, xuyên suốt các thời kỳ cách mạng. Chỉ tính riêng 10 năm gần đây, Trung ương đã ban hành nhiều nghị quyết, quyết định quan trọng và tập trung chỉ đạo triển khai thực hiện quyết liệt, hiệu quả. Đại hội XIII của Đảng, từ chủ đề, bài học kinh nghiệm, đến quan điểm chỉ đạo, nhiệm vụ trọng tâm đều nhấn mạnh đến công tác xây dựng, chỉnh đốn Đảng và hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh, tạo nên một chỉnh thể sâu sắc và toàn diện hơn.

Xét về cả phương diện lý luận và thực tiễn, xây dựng, chỉnh đốn Đảng và xây dựng hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh có mối quan hệ biện chứng, tác động qua lại lẫn nhau. Trong đó, xây dựng, chỉnh đốn Đảng là then chốt, tạo động lực thúc đẩy xây dựng hệ thống chính trị; đồng thời, xây dựng hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh, hoạt động hiệu lực, hiệu quả tạo cơ sở vững chắc củng cố vai trò lãnh đạo của Đảng đối với hệ thống chính trị và toàn xã hội. Xây dựng Đảng và hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh giúp Đảng có mối quan hệ mật thiết với Nhân dân, nhân lên sức mạnh của toàn Đảng và khối đại đoàn kết toàn dân tộc, khơi dậy tiềm năng sáng tạo, khát vọng phát triển vì một Việt Nam hùng cường. Từ đó, có thể khẳng định, tăng cường xây dựng, chỉnh đốn Đảng và hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh là yêu cầu quan trọng hàng đầu, là đòi hỏi tất yếu trong tiến trình đổi mới đất nước và hội nhập quốc tế ngày càng sâu rộng, nhằm nâng cao năng lực lãnh đạo, năng lực cầm quyền của Đảng, góp phần tăng cường hiệu lực, hiệu quả hoạt động của hệ thống chính trị, phát huy dân chủ XHCN, bảo đảm tính đồng bộ, sự phù hợp giữa đổi mới kinh tế với đổi mới chính trị, đưa đất nước phát

triển nhanh, bền vững.

Những dấu mốc quan trọng trong xây dựng, chỉnh đốn Đảng và hệ thống chính trị

Năm 1939, trong phong trào Mặt trận Dân chủ Đông Dương, Đảng đã tiến hành sinh hoạt “tự phê bình” sâu rộng về tư tưởng và tổ chức. Khi đó, Tổng Bí thư Nguyễn Văn Cừ đã viết tác phẩm “*Tự chỉ trích*”, xác định mục tiêu, phương châm: “Công khai, mạnh dạn, thành thực vạch những nhầm lẫn của mình và tìm phương châm sửa đổi, chống những xu hướng hoạt đầu thỏa hiệp, như thế không phải làm yếu Đảng, mà là làm cho Đảng được thống nhất, mạnh mẽ”⁽²⁾. Sau Cách mạng Tháng Tám 1945, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã nhanh chóng chỉ đạo chấn chỉnh những khuyết điểm của cán bộ, đảng viên, nhất là cán bộ giữ cương vị cao trong bộ máy chính quyền non trẻ. Trong “*Thư gửi Ủy ban nhân dân các kỳ, tỉnh, huyện và làng*”, ngày 17-10-1945, Người đã phê phán, răn đe, cảnh tỉnh một số căn bệnh của cán bộ nắm chức vụ, quyền hạn trong bộ máy chính quyền các cấp, như: Trái phép, cậy thế, hủ hóa, tư túng, chia rẽ, kiêu ngạo... Đặc biệt, tháng 10-1947, trong tác phẩm “*Sửa đổi lối làm việc*”, lần đầu tiên Người dùng cụm từ “*việc chỉnh đốn Đảng*”, xác định 12 chuẩn mực về tư cách của Đảng chân chính cách mạng, định danh, nhắc nhở: “*Muốn cho Đảng được vững bền/ Mười hai điều ấy chớ quên điều nào*”⁽³⁾; xác định phận sự của người đảng viên và cán bộ là: “1. Trọng lợi ích của Đảng hơn hết... lợi ích của cá nhân nhất định phải phục tùng lợi ích của Đảng. Lợi ích của mỗi bộ phận nhất định phải phục tùng lợi ích của toàn thể. Lợi ích tạm thời nhất định phải phục tùng lợi ích lâu

dài”⁽⁴⁾; phải rèn luyện đạo đức cách mạng - nhân, nghĩa, trí, dũng, liêm. Về tự phê bình và phê bình, Người chỉ rõ: “Mục đích phê bình cốt để giúp nhau sửa chữa, giúp nhau tiến bộ. Cốt để sửa đổi cách làm việc cho tốt hơn, đúng hơn. Cốt đoàn kết và thống nhất nội bộ. Vì vậy, phê bình mình cũng như phê bình người phải ráo riết, triệt để, thật thà, không nể nang, không thêm bớt...”⁽⁵⁾. Chủ tịch Hồ Chí Minh đã chỉ ra nhiều thứ bệnh, như chủ nghĩa địa phương, chủ nghĩa bản vị, chủ nghĩa cá nhân, khuynh hướng tham danh vọng, tham địa vị, dìm người giỏi, bệnh hủ hóa,... Người khẳng định: “Chủ nghĩa cá nhân là một thứ vi trùng rất độc, do nó mà sinh ra các thứ bệnh rất nguy hiểm”⁽⁶⁾; vì vậy, Người yêu cầu trong chỉnh đốn Đảng phải kiên quyết chống lại “bệnh cá nhân”. Tháng 5-1952, tại Lớp chỉnh huấn đầu tiên của Trung ương, Chủ tịch Hồ Chí Minh xác định: “Mục đích chỉnh Đảng là nâng cao tư tưởng và trình độ chính trị của đảng viên và cán bộ, làm cho đảng viên và cán bộ theo đúng quan điểm và lập trường vô sản”⁽⁷⁾.

Năm 1961, Đảng ta mở cuộc vận động chỉnh huấn mùa xuân, mục đích là xây dựng cho cán bộ, đảng viên và nhân dân lao động tinh thần làm chủ, tinh thần tập thể xã hội chủ nghĩa, hiểu rõ nhiệm vụ sản xuất và tiết kiệm trong giai đoạn mới, phê phán chủ nghĩa cá nhân, tham ô lãng phí, tác phong quan liêu mệnh lệnh, bảo thủ rụt rè. Sau đó, Bộ Chính trị tiếp tục có chỉ thị về cuộc vận động chỉnh huấn mùa xuân năm 1965 nhằm làm cho cán bộ, đảng viên và đoàn viên thanh niên lao động, trên cơ sở nhận thức rõ tình hình, nhiệm vụ và yêu cầu của cách mạng mà nâng cao phẩm chất và đạo đức cách mạng, phê phán những biểu hiện của chủ nghĩa cá nhân.

Sau khi đất nước thống nhất, Đảng ta đặc biệt chú trọng xây dựng, chỉnh đốn Đảng, thể hiện trên ba nội dung lớn: 1- Tăng cường đoàn kết, thống nhất trong Đảng. 2- Phát huy dân chủ trong Đảng, tự phê bình và phê bình thường xuyên, nghiêm túc. 3- Chú trọng rèn luyện đạo đức cách mạng, kiên quyết quét sạch chủ nghĩa cá nhân và những tiêu cực, thoái hóa trong Đảng. Từ các Hội nghị Trung ương 6, Trung ương 7 (khóa VI) năm 1989, Đảng ta đã có chủ trương, nghị quyết nhằm bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, con đường đi lên chủ nghĩa xã hội. Đại hội VII của Đảng đã thông qua *Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội* (Cương lĩnh 1991). Hội nghị Trung ương 3 (tháng 6-1992) đã ban hành Nghị quyết “*Về một số nhiệm vụ đổi mới và chỉnh đốn Đảng*”; trong đó, thẳng thắn chỉ ra những khuyết điểm đã trở thành nguy cơ không thể xem thường, đó là: “Trong Đảng có một bộ phận giảm sút ý chí chiến đấu, phai nhạt lý tưởng, dao động, mất lòng tin, trong đó một số chịu ảnh hưởng của khuynh hướng cơ hội, xét lại, muốn đưa đất nước đi con đường khác; thậm chí đã có người phản bội, đầu hàng. Không ít cán bộ, đảng viên bị chủ nghĩa cá nhân thực dụng cuốn hút, trở nên thoái hóa, hư hỏng...”.

Năm 1999, trong Đảng bộc lộ sự suy thoái về tư tưởng chính trị, tình trạng tham nhũng, quan liêu, lãng phí của một bộ phận cán bộ, đảng viên có chiều hướng phát triển nghiêm trọng hơn, Hội nghị Trung ương 6 (lần 2) khóa VIII đã ban hành Nghị quyết số 10-NQ/TW, ngày 2-2-1999, “*Về một số vấn đề cơ bản và cấp bách trong công tác xây dựng Đảng hiện nay*”. Bước vào nhiệm kỳ Đại hội XI, Đảng ta thẳng thắn nhìn nhận công tác xây dựng Đảng có những yếu

kém, khuyết điểm kéo dài qua nhiều nhiệm kỳ chậm được khắc phục, làm giảm sút lòng tin của nhân dân đối với Đảng; nếu không được sửa chữa sẽ là thách thức đối với vai trò lãnh đạo của Đảng và sự tồn vong của chế độ. Một bộ phận không nhỏ cán bộ, đảng viên, trong đó có những đảng viên giữ vị trí lãnh đạo, quản lý, kể cả một số cán bộ cấp cao, suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống với những biểu hiện khác nhau về sự phai nhạt lý tưởng, sa vào chủ nghĩa cá nhân ích kỷ, cơ hội, thực dụng, chạy theo danh lợi, tiền tài, kèn cựa địa vị, cục bộ, tham nhũng, lãng phí, tùy tiện, vô nguyên tắc... Trước tình hình đó, liên tiếp 3 Hội nghị Trung ương 4 (khóa XI, XII, XIII) đều ban hành các nghị quyết, kết luận về xây dựng, chỉnh đốn Đảng. Trong đó, Hội nghị Trung ương 4 (khóa XIII) đã ban hành Kết luận số 21-KL/TW, ngày 25-10-2021, *“Về đẩy mạnh xây dựng, chỉnh đốn Đảng và hệ thống chính trị; kiên quyết ngăn chặn, đẩy lùi, xử lý nghiêm cán bộ, đảng viên suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, biểu hiện “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa”*”. Đây là những dấu mốc quan trọng khẳng định Đảng ta luôn kiên định, kiên quyết và tập trung trí tuệ, tâm sức cho công tác xây dựng, chỉnh đốn Đảng và hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh.

Một số giải pháp

“Xã hội xã hội chủ nghĩa mà nhân dân Việt Nam đang phấn đấu xây dựng là một xã hội dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh; do nhân dân làm chủ; có nền kinh tế phát triển cao, dựa trên lực lượng sản xuất hiện đại và quan hệ sản xuất tiến bộ phù hợp; có nền văn hóa tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc; con người có cuộc sống ấm

no, tự do, hạnh phúc, có điều kiện phát triển toàn diện; các dân tộc trong cộng đồng Việt Nam bình đẳng, đoàn kết, tôn trọng và giúp đỡ nhau cùng phát triển; có Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của Nhân dân, do Nhân dân, vì Nhân dân do Đảng Cộng sản lãnh đạo; có quan hệ hữu nghị và hợp tác với các nước trên thế giới”⁽⁸⁾. Để thực hiện mục tiêu đó, chúng ta cần tiếp tục đẩy mạnh xây dựng, chỉnh đốn Đảng và hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh toàn diện; tạo bước phát triển mới của Đảng về trí tuệ, bản lĩnh chính trị, thực sự là đạo đức, là văn minh, ngày càng gắn bó mật thiết với nhân dân, ngày càng được nhân dân tin tưởng. Trong đó, tập trung thực hiện đồng bộ một số nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu sau:

Một là, tiếp tục đổi mới công tác giáo dục chính trị, tư tưởng; tập trung xây dựng Đảng về đạo đức, tăng cường trách nhiệm nêu gương của cán bộ, đảng viên, đặc biệt là người đứng đầu.

Tiếp tục quán triệt, nhận thức thật sâu sắc các quan điểm, tư tưởng chỉ đạo Đại hội XIII của Đảng đã đề ra; các nghị quyết, chỉ thị, kết luận, quy định, quy chế... của Trung ương về xây dựng Đảng, xây dựng hệ thống chính trị. Đây là đợt sinh hoạt chính trị sâu rộng trong toàn Đảng và hệ thống chính trị, không chỉ quán triệt tư tưởng chỉ đạo, nội dung các văn bản của Đảng mà cần có sự phân tích, so sánh, liên hệ và vận dụng phù hợp với thực tế từng cơ quan, tổ chức, đoàn thể, cán bộ, đảng viên, đoàn viên, hội viên. Chú trọng xây dựng Đảng về đạo đức, đề cao trách nhiệm nêu gương, ý thức tự giác tu dưỡng, rèn luyện đạo đức của cán bộ, đảng viên, nhất là cán bộ lãnh đạo, quản lý và người đứng đầu các cấp, cán bộ giữ cương vị càng cao càng phải

tiên phong, gương mẫu.

Hai là, tập trung xây dựng đội ngũ cán bộ, nhất là cấp chiến lược và người đứng đầu các cấp, gắn với đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả.

Xây dựng đội ngũ cán bộ phải xuất phát từ yêu cầu, nhiệm vụ của thời kỳ mới; thông qua hoạt động thực tiễn và phong trào cách mạng; đặt trong tổng thể của công tác xây dựng, chỉnh đốn Đảng; gắn với đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng và kiện toàn tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả. Nâng cao dân trí, đào tạo nguồn nhân lực, nhất là nguồn nhân lực chất lượng cao, thu hút, trọng dụng nhân tài. Đổi mới, nâng cao hiệu quả công tác quy hoạch, luân chuyển cán bộ và đánh giá cán bộ. Chủ động phát hiện nguồn cán bộ lãnh đạo, quản lý các cấp, nhất là cán bộ cấp chiến lược nhiệm kỳ 2025-2030 và chuẩn bị cho nhiệm kỳ tiếp theo, bảo đảm tính kế thừa, ổn định, đổi mới, phát triển theo hướng nâng cao chất lượng, bảo đảm số lượng và cơ cấu hợp lý. Luân chuyển cán bộ phải phù hợp với chức danh quy hoạch; bảo đảm cân đối, hài hòa giữa luân chuyển cán bộ với phát triển nguồn cán bộ tại chỗ; luân chuyển ngang và dọc, luân chuyển cán bộ Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội sang các lĩnh vực khác, và ngược lại. Tăng cường cán bộ có bản lĩnh chính trị, trình độ, năng lực cho địa bàn trọng điểm, lĩnh vực khó khăn, phức tạp; khắc phục tình trạng khép kín trong công tác cán bộ. Đánh giá cán bộ công tâm, khách quan, có tiêu chí rõ ràng và thông qua sản phẩm cụ thể; gắn việc đánh giá cá nhân với đánh giá tập thể, với kết quả thực tế thực hiện nhiệm

vụ của địa phương, cơ quan, đơn vị. Kịp thời cho từ chức, miễn nhiệm, thay thế những cán bộ năng lực hạn chế, uy tín thấp, mắc sai phạm mà không chờ đến hết nhiệm kỳ, hết thời hạn bổ nhiệm. Thực hiện tốt chủ trương khuyến khích, bảo vệ cán bộ năng động, sáng tạo, dám nghĩ, dám làm, luôn nỗ lực hành động vì lợi ích chung.

Ba là, tập trung hoàn thiện cơ chế, chính sách đồng bộ, thống nhất, hiệu quả.

Kịp thời cụ thể hóa, thể chế hóa các chủ trương của Đảng; rà soát sửa đổi, bổ sung, hoàn thiện các quy định, quy chế, hệ thống pháp luật đầy đủ, đồng bộ, thống nhất, kịp thời, khả thi, ổn định, công khai, minh bạch. Bổ sung, hoàn thiện toàn diện hơn các thể chế, thiết chế về xây dựng, chính đốn Đảng và hệ thống chính trị, đấu tranh phòng, chống tham nhũng, tiêu cực theo tinh thần kết hợp nhuần nhuyễn giữa “xây” và “chống”; giữa xây dựng đạo đức cách mạng và chống chủ nghĩa cá nhân; phòng, chống, ngăn ngừa và đặc trị các loại “bệnh tật” phát sinh trong Đảng và hệ thống chính trị; giữ nghiêm kỷ luật, kỷ cương của Đảng. Rà soát, sửa đổi, bổ sung, hoàn thiện chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, trách nhiệm, mối quan hệ công tác của cấp ủy, chính quyền các cấp, bảo đảm tốt mối quan hệ “Đảng lãnh đạo, Nhà nước quản lý, nhân dân làm chủ”; phân định rõ thẩm quyền, trách nhiệm, khắc phục tình trạng Đảng bao biện, làm thay Nhà nước hoặc buông lỏng lãnh đạo.

Bốn là, tăng cường công tác kiểm tra, giám sát, kỷ luật đảng; kiên quyết, kiên trì đấu tranh phòng, chống tham nhũng, tiêu cực và xử lý nghiêm cán bộ, đảng viên vi phạm.

Tạo chuyển biến mạnh mẽ đối với công tác kiểm tra, giám sát, kỷ luật đảng, kết hợp phòng ngừa với xử lý vi phạm kỷ luật. Cải tiến, đổi mới phương pháp, quy trình, kỹ năng thực hiện công tác kiểm tra, giám sát, kỷ luật đảng theo hướng chặt chẽ, bài bản, khoa học hơn; trong đó, tập trung vào các cơ chế, biện pháp chủ động phát hiện sớm, phòng ngừa, ngăn chặn từ xa khuyết điểm, vi phạm của tổ chức đảng, đảng viên. Tăng cường kiểm tra, giám sát tổ chức đảng, người đứng đầu, cán bộ chủ chốt ở những lĩnh vực, địa bàn, vị trí công tác dễ xảy ra tham nhũng, tiêu cực, có nhiều khiếu kiện kéo dài. Tăng cường kiểm soát tài sản, thu nhập của cán bộ theo quy định của Đảng, pháp luật của Nhà nước. Xây dựng đội ngũ cán bộ các cơ quan kiểm tra, thanh tra, kiểm toán, bảo vệ pháp luật có bản lĩnh vững vàng, liêm chính, trung thực, có dũng khí đấu tranh, có kiến thức, kỹ năng chuyên sâu.

Năm là, phát huy vai trò, trách nhiệm của các cơ quan dân cử, mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội; thực sự dựa vào nhân dân để xây dựng, chỉnh đốn Đảng và hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh.

Nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động giám sát của Quốc hội, Hội đồng nhân dân các cấp; giám sát, phản biện xã hội, góp ý xây dựng Đảng, xây dựng chính quyền của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các tổ chức chính trị - xã hội và báo chí. Hoàn thiện cơ chế nhân dân tham gia xây dựng, chỉnh đốn Đảng và hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh. Sớm cụ thể hóa những quy định của Đảng, đồng thời thể chế hóa, hoàn thiện các quy định về phòng, chống tham nhũng, tiêu

cực và quy định về kiểm soát quyền lực công khai, minh bạch, rõ ràng để mỗi người dân đều có thể giám sát việc tu dưỡng, rèn luyện đạo đức, lối sống của cán bộ, đảng viên. Người đứng đầu cấp ủy, chính quyền các cấp phải tăng cường trách nhiệm giải trình, thực hiện nghiêm quy định của Đảng, Nhà nước về tiếp, đối thoại với công dân; tiếp nhận và kịp thời chỉ đạo giải quyết các vấn đề nhân dân phản ánh, khiếu kiện.

Bước vào thời kỳ mới, toàn Đảng, toàn dân, toàn quân ta cần tăng cường đoàn kết, chung sức, đồng lòng chăm lo thế nước, vun đắp lòng dân, “giữ gìn Đảng ta thật trong sạch, phải xứng đáng là người lãnh đạo, là người đầy tớ thật trung thành của nhân dân”⁽⁹⁾, dẫn dắt công cuộc đổi mới tiếp tục tiến lên, thực hiện thắng lợi mục tiêu mà Nghị quyết Đại hội XIII của Đảng đã đề ra là phấn đấu đến giữa thế kỷ XXI, nước ta “trở thành nước phát triển, theo định hướng xã hội chủ nghĩa”⁽¹⁰⁾□

(1), (3), (4), (5), (6), (7), (9) Hồ Chí Minh toàn tập, NXB CTQG-ST, H.2011, tập 6, tr.290; tập 5, tr.290; tập 5, tr.290; tập 5, tr.272; tập 5, tr.295; tập 7, tr.415; tập 15, tr.612.

(2) Văn kiện Đảng toàn tập, NXB CTQG, H.2000, tập 6, tr.624. (8) Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội (Bổ sung, phát triển năm 2011).

(10) Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII, NXB. CTQG-ST, H.2021, tập I, tr.111-112.

Nguồn: Xây dựng Đảng.- 2022.- Số 1+2.- Tr.20-24.

CÔNG TÁC CÁN BỘ - MỘT NHIỆM VỤ TIẾP TỤC ĐỔI MỚI PHƯƠNG THỨC LÃNH ĐẠO, CẦM QUYỀN CỦA ĐẢNG ĐỐI VỚI HỆ THỐNG CHÍNH TRỊ TRONG GIAI ĐOẠN MỚI

GS, TS. MẠCH QUANG THẮNG
Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh

Ngày nhận bài: 08/12/2022 Ngày biên tập: 09/12/2022 Ngày duyệt đăng: 16/01/2023

Tóm tắt: Ngày 17/11/2022, Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng đã thay mặt Ban Chấp hành Trung ương khóa XIII ký ban hành Nghị quyết số 28-NQ/TW về tiếp tục đổi mới phương thức lãnh đạo, cầm quyền của Đảng đối với hệ thống chính trị trong giai đoạn mới. Nghị quyết xác định công tác cán bộ là nhiệm vụ rất quan trọng, có ý nghĩa quyết định thành công của công tác xây dựng Đảng và hệ thống chính trị. Để hiện thực hóa quan điểm chỉ đạo của Đảng, cần tiếp tục có những giải pháp phù hợp để xây dựng đội ngũ cán bộ đủ phẩm chất và năng lực đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ trong giai đoạn cách mạng hiện nay.

Từ khóa: Công tác cán bộ; đổi mới; hệ thống chính trị; phương thức lãnh đạo.

Abstract: On November 17, 2022, the General Secretary, Mr. Nguyen Phu Trong, signed and promulgated Resolution No. 28-NQ/TW on behalf of the 13th Central Committee of the Communist Party of Vietnam on continuing the innovation of the Party's leadership and ruling methods for the political

system in the new period. According to the resolution, personnel operation is as a very important task that has decisive influence on the success of Party development and the political system. In order to realize the guidelines of the Party, it is necessary to continue taking appropriate solutions to build up a contingent of qualified and competent cadres to meet the requirements and tasks in the current revolutionary period.

Keywords: Personnel operation; innovation; political system; leadership method.

1. Những yêu cầu đặt ra trong tình hình hiện nay

Đảng ta là một Đảng lãnh đạo, cầm quyền, đóng vai trò là hạt nhân trong lãnh đạo hệ thống chính trị. Qua hơn 36 năm tiến hành đổi mới đất nước, Đảng đã tiến hành đổi mới mạnh mẽ phương thức lãnh đạo, cầm quyền của mình đối với hệ thống chính trị, trong đó đặc biệt chú trọng đổi mới công tác cán bộ. Tuy nhiên, công tác này vẫn còn một số hạn chế, như chính sách cán bộ chưa thực sự tạo động lực để cán bộ toàn tâm, toàn ý với công việc; một bộ phận cán bộ, đảng viên thiếu gương mẫu, năng lực, phẩm chất, uy tín hạn chế, vi phạm kỷ luật Đảng, pháp luật của Nhà nước; một số cấp ủy tổ chức đảng, người đứng đầu chưa thực hiện tốt các nguyên tắc của Đảng, nhất là nguyên tắc tập trung dân chủ; còn để xảy ra tình trạng mất đoàn kết, bao biện, làm thay, áp đặt, lạm dụng quyền lực, né tránh, sợ trách nhiệm, buông lỏng lãnh đạo.

Hiện nay, tình hình thế giới đang có nhiều phức tạp, khó dự đoán, dự báo; sự tranh chấp của các nước lớn, chủ nghĩa cực đoan có

xu hướng gia tăng; thiên tai, dịch bệnh và môi trường sống của con người đang bị đe dọa... Ở trong nước, sự lãnh đạo của Đảng và hoạt động của hệ thống chính trị đã đạt được những kết quả tích cực trong việc ổn định kinh tế vĩ mô và có sự phát triển so với tình hình ở khu vực và thế giới; chính trị - xã hội tiếp tục ổn định. Tuy nhiên, vẫn còn những khó khăn, thách thức trong yêu cầu phát triển đất nước nhanh, bền vững nhằm đạt được mục tiêu Nghị quyết Đại hội XIII của Đảng đề ra: “Phấn đấu đến năm 2030, kỷ niệm 100 năm thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam là nước đang phát triển có công nghiệp hiện đại, thu nhập trung bình cao và đến năm 2045, kỷ niệm 100 năm thành lập nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa, nay là nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, trở thành nước phát triển, thu nhập cao”⁽¹⁾. Đặc biệt, trong bối cảnh cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư đang đặt ra những yêu cầu và thách thức cho cả hệ thống chính trị nước ta, đặc biệt đối với đội ngũ cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức trên cả phương diện lãnh đạo, cầm quyền: TÂM - TẦM - TRÍ, tức là ở năng lực và phẩm chất của toàn Đảng, toàn hệ thống chính trị cũng như của toàn bộ đội ngũ, mỗi cá nhân trong hệ thống tổ chức đó.

2. Tiếp tục đổi mới công tác cán bộ

Thứ nhất, tiếp tục đổi mới công tác cán bộ phải được đặt trong nhiệm vụ hoàn thiện mô hình tổng thể tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị, vận hành thông suốt cơ chế “Đảng lãnh đạo, Nhà nước quản lý, Nhân dân làm chủ”.

Trong nhiệm vụ tiếp tục đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng, trước hết phải chú trọng lãnh đạo xây dựng và hoàn thiện Nhà

nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam trong giai đoạn mới; tiếp tục nghiên cứu, hoàn thiện mô hình tổ chức và hoạt động của đảng đoàn, ban cán sự đảng từ Trung ương đến địa phương đáp ứng yêu cầu lãnh đạo của Đảng, phù hợp với thực tiễn. Phải nâng cao trách nhiệm, tính tự giác, gương mẫu của các cấp ủy, tổ chức đảng, cơ quan, tổ chức, cán bộ, đảng viên trong thực hiện và vận động thực hiện chủ trương, đường lối của Đảng, kịp thời biểu dương, tôn vinh những tấm gương tiêu biểu, nhân tố mới, điển hình tiên tiến. Chú trọng định hướng chính trị, tư tưởng; tăng cường bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, kiên quyết đấu tranh phản bác quan điểm sai trái, thù địch; tích cực đấu tranh phòng, chống tham nhũng, tiêu cực. Phải thực hiện tốt quy định của Đảng, pháp luật của Nhà nước về thực hiện dân chủ ở cơ sở và quy chế công tác dân vận của hệ thống chính trị, nhất là công tác dân vận của các cơ quan nhà nước với phương châm: “Dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra, dân giám sát, dân thụ hưởng”. Phải phát huy quyền làm chủ của Nhân dân, lấy quyền, lợi ích hợp pháp, chính đáng của Nhân dân làm trung tâm trong thực hiện quy chế và pháp luật về thực hiện dân chủ ở cơ sở.

Tiếp tục đổi mới công tác tuyên truyền, vận động của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội, tăng cường sự đồng thuận, hưởng ứng tham gia của Nhân dân, góp phần thực hiện hiệu quả chủ trương, đường lối của Đảng. Từ đó, phải đặc biệt chú ý tới tính hiệu quả của công tác cán bộ, nhất là khu vực ngoài nhà nước và ở xã, phường, thị trấn; đổi mới chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, mối quan hệ công tác của các loại hình tổ chức đảng; nâng cao trách

nhệm của các cấp ủy, tổ chức đảng trong chấp hành, thực hiện có hiệu quả các chủ trương của Đảng liên quan đến tổ chức bộ máy; tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả. Phải phân cấp, phân quyền hợp lý, rõ ràng giữa Trung ương và địa phương, giữa cấp trên và cấp dưới, gắn quyền hạn với trách nhiệm.

Thứ hai, tiếp tục kiên trì bảo đảm nguyên tắc Đảng thống nhất lãnh đạo trực tiếp, toàn diện công tác cán bộ trong hệ thống chính trị.

Nguyên tắc này được Đảng ta khẳng định rõ trong Chiến lược công tác cán bộ sau Đại hội toàn quốc lần thứ VII và đã chứng tỏ sự đúng đắn trong công cuộc đổi mới, vì vậy cần được quán triệt một cách sâu sắc hơn trong giai đoạn mới khi tiến hành đổi mới phương thức lãnh đạo, cầm quyền của Đảng. Điều này thể hiện ở những vấn đề sau:

Một là, tiếp tục thực hiện quan điểm, chủ trương Đảng trực tiếp lãnh đạo, chỉ đạo, xem xét, phân công, giới thiệu cán bộ: trọng tâm là cán bộ nắm giữ các vị trí lãnh đạo, quản lý, người đứng đầu cấp ủy, tổ chức đảng, cơ quan, tổ chức trong hệ thống chính trị để thông qua đội ngũ này, Đảng lãnh đạo thực hiện chủ trương, đường lối. Đây là phương thức căn bản, chủ chốt bảo đảm sự lãnh đạo, cầm quyền của Đảng đối với hệ thống chính trị. Do đó, các cấp ủy, tổ chức đảng trong toàn hệ thống chính trị cần chú trọng lựa chọn, bố trí cán bộ đủ tiêu chuẩn để bầu vào cấp ủy, giữ chức danh lãnh đạo của các cơ quan nhà nước, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, tổ chức chính trị - xã hội các cấp; đồng thời lãnh đạo việc bầu cử, phê chuẩn, bổ nhiệm theo quy

định của pháp luật và điều lệ của các tổ chức. Vì vậy, phải hết sức coi trọng việc hoàn thiện quy định lựa chọn, phân công, bổ nhiệm, giới thiệu cán bộ của các cấp ủy, tổ chức đảng theo hướng dân chủ, công khai, minh bạch, bảo đảm tiêu chuẩn, điều kiện quy định; phải tổng kết việc thí điểm thi tuyển chức danh lãnh đạo, quản lý cấp vụ, cấp sở, cấp phòng.

Hai là, tiếp tục thực hiện nghiêm quy định của Đảng về kiểm soát quyền lực trong công tác cán bộ, chống chạy chức, chạy quyền. Một trong những nguyên tắc và cũng có thể coi là phái sinh từ nguyên tắc tập trung dân chủ được vận hành trong lãnh đạo, cầm quyền của Đảng là tập thể lãnh đạo, cá nhân phụ trách, trong đó có trách nhiệm người đứng đầu trong công tác cán bộ, nhất là trong đánh giá, giới thiệu, bổ nhiệm cán bộ. Kiểm tra, giám sát là công việc rất khó khăn, mặc dù ai cũng hiểu rằng không kiểm tra, giám sát thì coi như không có lãnh đạo; song vấn đề đặt ra là ai kiểm tra, giám sát; kiểm tra, giám sát cái gì; kiểm tra, giám sát ai và tổ chức nào; kiểm tra, giám sát như thế nào. Đảng và Nhà nước ta đã có nhiều văn bản, đã hình thành cơ chế bảo đảm thực hiện cơ chế đó; vấn đề là cần tiếp tục tăng cường, nâng cao hiệu lực, hiệu quả công tác kiểm tra, giám sát của Đảng và của hệ thống chính trị; phát huy vai trò, trách nhiệm của các cơ quan tham mưu, giúp việc của Đảng trong kiểm tra, giám sát các hoạt động thuộc lĩnh vực được giao; phối hợp chặt chẽ, đồng bộ giữa công tác kiểm tra, giám sát của Đảng với công tác thanh tra, kiểm toán, điều tra của Nhà nước.

Phải chú trọng kiểm tra, giám sát việc cụ thể hóa chủ trương,

đường lối của Đảng; tổ chức thực hiện nghị quyết đại hội đảng các cấp; thực hiện kết luận kiểm tra của cấp ủy, tổ chức đảng. Thường xuyên kiểm tra, giám sát cán bộ, đảng viên, người đứng đầu trong thực hiện chủ trương, đường lối của Đảng và chính sách, pháp luật của Nhà nước trong công tác cán bộ và vai trò nêu gương của cán bộ, đảng viên. Phải đổi mới phương pháp, quy trình, nâng cao kỹ năng kiểm tra, giám sát, bảo đảm khách quan, dân chủ, khoa học, đồng bộ, thống nhất, thận trọng, chặt chẽ. Thực hiện giám sát mở rộng, kiểm tra có trọng tâm, trọng điểm; chủ động phòng ngừa, ngăn chặn khuyết điểm, vi phạm của tổ chức đảng, cán bộ, đảng viên từ sớm, từ xa, không để vi phạm nhỏ tích tụ thành sai phạm lớn. Phải tập trung kiểm tra, giám sát tổ chức đảng, người đứng đầu, cán bộ chủ chốt ở những nơi dễ xảy ra vi phạm, nơi có nhiều bức xúc, dư luận quan tâm, các lĩnh vực dễ phát sinh vi phạm, xử lý kiên quyết, nghiêm minh, kịp thời tổ chức đảng, đảng viên sai phạm, cần nghiên cứu quy định phân cấp thẩm quyền kiểm tra, giám sát của các cấp ủy đảng, ủy ban kiểm tra các cấp; xây dựng cơ chế chỉ đạo, điều phối, khắc phục tình trạng chồng chéo, trùng lặp, hình thức, kém hiệu quả trong các hoạt động kiểm tra, giám sát, thanh tra, kiểm toán. Thực hiện tốt việc kiểm soát quyền lực, phòng, chống tham nhũng, tiêu cực trong công tác kiểm tra, thanh tra, kiểm toán. Phải tập trung xây dựng và nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ kiểm tra các cấp theo hướng liêm chính, chuyên nghiệp hơn.

Thứ ba, tiếp tục cụ thể hóa, thực hiện có hiệu quả chủ trương của Đảng về xây dựng đội ngũ cán bộ các cấp.

Trong nhiệm vụ này, cần chú trọng tới việc xây dựng đội ngũ cán bộ cấp chiến lược - đây là đội ngũ “tinh hoa” của hệ thống chính trị, bởi vì cán bộ nào chính sách ấy, đường lối ấy, cán bộ nào thì quan điểm ấy, cán bộ nào thì phong trào ấy. Đó phải là những người có đủ phẩm chất, năng lực, uy tín, ngang tầm nhiệm vụ, bảo đảm sự chuyển tiếp liên tục, vững vàng giữa các thế hệ. Trong công tác này, phải bảo đảm thực hiện thật tốt các chủ trương, quy định liên quan đến công tác cán bộ như tiêu chuẩn chức danh, đánh giá, đào tạo, bồi dưỡng, quy hoạch, luân chuyển, bổ nhiệm, chế độ, chính sách; tăng cường phân cấp, phân quyền trong quản lý cán bộ. Do đó, phải xây dựng cơ chế, chính sách thu hút, tuyển dụng nhân tài vào làm việc trong hệ thống chính trị; thể chế hóa chủ trương của Đảng về khuyến khích, bảo vệ cán bộ năng động, sáng tạo, dám nghĩ, dám làm, dám chịu trách nhiệm vì lợi ích chung; sửa đổi chính sách, pháp luật để liên thông cán bộ từ cấp cơ sở tới cấp cao hơn.

Thứ tư, đẩy mạnh công tác phòng, chống tiêu cực trong công tác cán bộ.

Trong giai đoạn cách mạng mới, khi đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng đối với hệ thống chính trị, cần khuyến khích cán bộ từ chức khi có khuyết điểm; kịp thời thay thế cán bộ bị kỷ luật, cán bộ năng lực hạn chế, uy tín giảm sút mà không chờ hết nhiệm kỳ, hết thời hạn bổ nhiệm; kiên trì thực hiện “có vào, có ra, có lên, có xuống” trong công tác cán bộ; góp phần bảo đảm kỷ cương, củng cố niềm tin của cán bộ, đảng viên, người dân đối với Đảng và chế độ xã hội chủ nghĩa. Những khâu khó khăn về công tác cán bộ cần được

khắc phục kịp thời, trước hết là những hạn chế, yếu kém, hình thức trong đánh giá cán bộ. Đánh giá cán bộ phải toàn diện, chặt chẽ, thực chất, khách quan, nhiều chiều cùng với phẩm chất, bản lĩnh chính trị, ý thức, trách nhiệm, uy tín trong tập thể, trong Nhân dân, phải đặc biệt chú trọng kỹ năng công tác, chất lượng, hiệu quả công việc được giao, bằng sản phẩm, kết quả cụ thể; gắn đánh giá cá nhân với tập thể và kết quả thực hiện nhiệm vụ chính trị của cơ quan, đơn vị, địa phương, Phải thường xuyên cảnh báo, nhắc nhở giúp cán bộ nhận diện nguy cơ, không mắc sai lầm, kịp thời khắc phục khuyết điểm; xác định rõ trách nhiệm người đứng đầu khi đề cấp phó, cán bộ dưới quyền trực tiếp tiêu cực, tham nhũng; phải thực hiện nghiêm quy định của Đảng về việc lấy phiếu tín nhiệm trong lãnh đạo cấp ủy, các cơ quan nhà nước, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các tổ chức chính trị - xã hội bảo đảm dân chủ, khách quan, công bằng, minh bạch. Kết quả lấy phiếu tín nhiệm là cơ sở quan trọng cho việc đánh giá, bố trí, sử dụng cán bộ.

Thứ năm, chú trọng thực hiện nêu gương, gương mẫu của cán bộ, đảng viên.

Trong những năm qua, những quy định về nêu gương, gương mẫu đã được thực hiện, nhưng thực tế vẫn còn nhiều vấn đề cần hoàn thiện trong quy định và đề cao trách nhiệm nêu gương của cán bộ, đảng viên, nhất là cán bộ lãnh đạo, quản lý, người đứng đầu gắn với việc đẩy mạnh học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh, góp phần lan tỏa trong xã hội những hành động tốt, tấm gương tiêu biểu của cán bộ, đảng viên, cần nêu cao tinh thần tự giác,

tự kiểm tra, tự phê bình và phê bình, tức là tự soi tự sửa trong việc chấp hành chủ trương, đường lối của Đảng, tuân thủ pháp luật, tu dưỡng, rèn luyện phẩm chất chính trị, đạo đức. Đồng thời, nêu cao trách nhiệm của cán bộ, đảng viên trong việc vận động gia đình, người thân xây dựng lối sống gương mẫu.

Đảng ta đã nhiều lần nhấn mạnh cán bộ, đảng viên phải gương mẫu, nói đi đôi với làm, nhất là phải phục tùng tuyệt đối sự phân công của Đảng; giữ mối liên hệ mật thiết với Nhân dân; học tập, rèn luyện, nâng cao năng lực, phẩm chất, lối sống; giữ gìn đoàn kết, thống nhất trong Đảng. Các tổ chức trong hệ thống chính trị phải kịp thời khen thưởng những tập thể, cá nhân tiêu biểu, gương mẫu; phát hiện, chấn chỉnh hành vi thiếu gương mẫu của cán bộ, đảng viên; xử lý nghiêm cán bộ, đảng viên sai phạm.

Công tác cán bộ thành công hay không phụ thuộc vào nhiều yếu tố, nhưng quan trọng nhất là phụ thuộc vào sự phấn đấu, tu dưỡng của mỗi cán bộ, đảng viên. Chúng ta tin rằng, kết thúc năm 2022 và mở đầu năm 2023 là thời gian triển khai được những nội dung đề ra trong nửa đầu nhiệm kỳ Đại hội XIII của Đảng, với sự cố gắng, tích cực của toàn Đảng, toàn dân, công tác cán bộ của toàn hệ thống chính trị nước ta sẽ tiếp tục đạt được nhiều kết quả tốt trong thời gian tới□

Ghi chú:

(1) Đảng Cộng sản Việt Nam, *Văn kiện Đại hội ĐBTQ lần thứ XIII*, tập I, Nxb CTQG-ST, H.2021, tr.206.

Nguồn: Tạp chí Tổ chức nhà nước.- 2023.- Số 01.- Tr.20-23.

ĐỔI MỚI PHƯƠNG THỨC LÃNH ĐẠO CỦA ĐẢNG ĐỐI VỚI HỆ THỐNG CHÍNH TRỊ

PGS. TRẦN ĐÌNH HUỖNH

Báo cáo Tổng kết công tác xây dựng Đảng tại Đại hội XIII nhận định: “Phương thức lãnh đạo của Đảng đối với hệ thống chính trị còn chậm đổi mới, có mặt còn lúng túng”. Đại hội quyết định phải “Tiếp tục đổi mới mạnh mẽ phương thức lãnh đạo của Đảng đối với hệ thống chính trị trong điều kiện mới. Đổi mới mạnh mẽ phương thức lãnh đạo của Đảng theo hướng nâng cao năng lực dự báo, tầm nhìn chiến lược trong hoạch định đường lối, chủ trương; khắc phục tình trạng ban hành nghị quyết chưa sát thực tiễn, thiếu tính khả thi. Đồng thời, nâng cao năng lực thể chế hóa, cụ thể hóa đường lối, chủ trương của Đảng và lãnh đạo, chỉ đạo, tổ chức thực hiện có hiệu quả”. Tạp chí Xây dựng Đảng trân trọng giới thiệu với bạn đọc chùm bài 2 kỳ của PGS. Trần Đình Huỳnh, nghiên cứu viên cao cấp, nguyên Viện trưởng Viện Xây dựng Đảng bàn về vấn đề đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng đối với hệ thống chính trị.

Bài 1: ĐỔI MỚI PHƯƠNG THỨC LÃNH ĐẠO CỦA ĐẢNG ĐỐI VỚI NHÀ NƯỚC

1. Đảng lãnh đạo

Đảng lãnh đạo là sự tác động đến con người, đến tư tưởng, tình

cảm, trái tim và khối óc của con người, làm cho con người cố gắng một cách tự giác và hăng hái trong việc thực hiện mục tiêu mà Đảng đề ra. Như vậy, lãnh đạo phải dựa trên sự hiểu biết về động cơ của con người là gì và điều gì làm cho họ thỏa mãn khi họ góp sức hoàn thành các mục tiêu của Đảng. Trong *Di chúc*, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã dặn: Đảng phải có kế hoạch thật tốt để tránh sai lầm, khuyết điểm. Vì vậy cần “*Đổi mới mạnh mẽ phương thức lãnh đạo của Đảng theo hướng nâng cao năng lực dự báo, tầm nhìn chiến lược trong hoạch định đường lối, chủ trương, khắc phục tình trạng ban hành nghị quyết chưa sát thực tiễn, thiếu tính khả thi*”.

Lãnh đạo đòi hỏi Đảng phải thuyết phục được quần chúng bằng một lý tưởng cao đẹp, bằng sự sáng suốt của trí tuệ, bằng sự chỉ đường dẫn lối cho mọi người; phải làm cho quần chúng cảm phục bởi sự trong sáng, đức hy sinh, xả thân vì hạnh phúc của nhân dân, bằng sự gương mẫu trong lối sống và năng lực làm việc, bằng đạo đức cách mạng: Cần, kiệm, liêm, chính, nhân, nghĩa, trí, dũng, chí công vô tư. Do vậy mà Đảng thu phục được mọi người, làm cho con người tự nguyện tin theo Đảng, nghe theo Đảng và làm theo Đảng. Khi ấy, sự lãnh đạo của Đảng ắt sẽ có quyền uy, nhưng quyền uy của Đảng phải dựa trên hai tiền đề:

Sức mạnh đặc biệt của quyền uy ấy là: Sự sáng suốt, trí tuệ, lý luận tiên phong và năng lực dẫn dắt, lôi cuốn quần chúng, mẫu mực trong đời sống và hoạt động công vụ, thực sự có đạo đức cách mạng: Cần, kiệm, liêm, chính, chí công vô tư. Biết thành thực tự phê bình, biết lắng nghe dư luận nhân dân và thành thực dũng cảm sửa chữa. Chủ tịch Hồ Chí Minh đã dạy: “Đảng viên, cán bộ cũng là người. Ai

cũng có tính tốt và tính xấu. Nhưng đã hiểu biết đã tình nguyện vào Đảng, vì dân, vì nước, đã là người cách mạng thì phải cố gắng phát triển những tính tốt và sửa bỏ những tính xấu. Vì tính xấu của một người thường chỉ hại cho người đó, còn tính xấu của một đảng viên, một cán bộ sẽ có hại đến Đảng, có hại đến nhân dân”⁽¹⁾.

Sự phục tùng là sự tín nhiệm, tuân theo một cách tự giác của mọi người. Tuyệt nhiên Đảng lãnh đạo không sử dụng quyền uy bằng sức mạnh cưỡng bức. Chủ tịch Hồ Chí Minh khẳng định: “Đảng *không thể đòi hỏi Mặt trận thừa nhận quyền lãnh đạo của mình mà phải tỏ ra là một bộ phận trung thành nhất, hoạt động nhất và chân thực nhất. Chỉ trong đấu tranh và công tác hàng ngày, khi quần chúng rộng rãi thừa nhận chính sách đúng đắn và năng lực lãnh đạo của Đảng, thì mới giành được địa vị lãnh đạo*”⁽²⁾.

Đảng lãnh đạo cần phải có “*chính sách đúng đắn*”. Ở đây cần hiểu là cương lĩnh chính trị, định hướng và chủ trương dẫn dắt xã hội làm theo và đi tới một mục tiêu được xác định là dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh.

Không có “năng lực lãnh đạo” chung chung mà là năng lực của từng tổ chức đảng, của con người, từng chức vụ cụ thể. Như vậy Đảng phải chăm lo xây dựng tổ chức, đội ngũ và phát triển lực lượng để có những đảng viên, cán bộ đủ khả năng, đáp ứng được yêu cầu thực thi ý chí chính trị của Đảng thành kết quả hiện thực của phong trào. Đảng phải là nơi phát hiện, chăm lo đào tạo, bồi dưỡng nhân tài cho đất nước, “biết cách đối đãi” và “nuôi dạy” để “nhân tài ngày càng nảy nở”.

Có chính sách đúng, có năng lực, cách thức hoạt động và cách dùng người đúng là mấu chốt của phương thức lãnh đạo nhà nước,

lãnh đạo xã hội của Đảng trong tất cả các thời kỳ, nhất là trong tình hình hiện nay.

2. Nhà nước quản lý

Quản lý là thuật ngữ chỉ hoạt động có ý thức của con người nhằm sắp xếp tổ chức, chỉ huy, điều hành, hướng dẫn, kiểm tra... các quá trình xã hội, hướng xã hội phát triển phù hợp quy luật để đạt được mục tiêu xác định.

Lãnh đạo của Đảng và quản lý của Nhà nước giống nhau về mục tiêu nhưng khác nhau về tổ chức, bộ máy và cách thức hoạt động. Nhà nước của ta hiện nay là nhà nước của dân, do dân và vì dân. Nhà nước là tổ chức quyền lực do nhân dân ủy thác. Nhà nước bao gồm một hệ thống tổ chức và bộ máy để thực thi quyền quản trị quốc gia về tất cả mọi lĩnh vực của đời sống xã hội. Chỉ có Nhà nước mới có trong tay ba nhánh quyền lực mà bất cứ tổ chức chính trị - xã hội nào cũng không có. Đó là quyền lập pháp, hành pháp và tư pháp.

Ý chí của nhân dân do Đảng lãnh đạo được thể hiện ở Hiến pháp - văn bản cao nhất của quốc gia. Không một tổ chức nào, một cơ quan nào, một chức vụ nào được phép sống và hoạt động trái với Hiến pháp và pháp luật. Điều lệ Đảng Cộng sản Việt Nam đã xác định Đảng hoạt động trong khuôn khổ của Hiến pháp và pháp luật.

Đảng lãnh đạo Nhà nước, Nhà nước soạn ra Hiến pháp và pháp luật nhưng Đảng và Nhà nước lại phải tự đặt mình dưới Hiến pháp và pháp luật. Nghị quyết Đại hội IX của Đảng đã ghi: “Mọi cơ quan, tổ chức, cán bộ, công chức, mọi công dân có nghĩa vụ chấp hành Hiến

pháp và pháp luật”. Đảng luôn nhất quán với nguyên tắc đó. Đó là một nguyên tắc cơ bản nhất của nhà nước dân chủ pháp quyền XHCN của dân, do dân và vì dân. Nhà nước là trung tâm của quyền lực chính trị, là trụ cột của hệ thống chính trị, là công cụ chủ yếu để thực hiện quyền làm chủ của nhân dân. Trong các nhánh quyền lực thì Quốc hội là cơ quan quyền lực cao nhất của Nhà nước, cơ quan đại biểu cao nhất của nhân dân, có quyền quyết định mọi vấn đề quan trọng nhất của đất nước...

Giữa lãnh đạo của Đảng với quản lý của Nhà nước luôn thống nhất về phương hướng và mục tiêu, có cùng một đối tượng là các mặt của đời sống xã hội, nhưng khác nhau ở phương thức hành động, ở việc sử dụng quyền lực. Đảng có sức mạnh to lớn là trí tuệ, lý luận, tổ chức, bao gồm những người tiên tiến hợp thành đội tiên phong không những của giai cấp mà còn là của cả dân tộc. Đảng tác động đến con người, đến tư tưởng, đạo đức, tình cảm và hành vi của con người bằng tuyên truyền, giáo dục, thuyết phục và nêu gương “đảng viên đi trước, làng nước theo sau”. Đảng thu phục trái tim và khối óc của con người, làm cho con người tin theo lý tưởng của Đảng, hăng hái phấn đấu học tập, lao động hướng theo mục tiêu mà Đảng đã đề ra, làm theo những việc mà đảng viên đã làm để mình tốt hơn, sống có ích cho đời hơn.

Với Nhà nước, Đảng là người định hướng chính trị, là nơi đào tạo và tiến cử nhân tài, là nguồn cung cấp cán bộ cho các cơ quan nhà nước. Đảng gắn bó máu thịt với Nhân dân, tác động vào Nhân dân để Nhân dân thực sự là chủ thể của quyền lực nhà nước, tổ chức xây dựng Nhà nước. Đảng không trực tiếp giải quyết các công việc cụ thể

của Nhà nước. Hoạt động của Nhà nước bằng phương thức đặc thù mang tính quyền lực nhà nước với những tính chất sau:

Ý chí của Nhà nước phụ thuộc vào đường lối chính trị của Đảng, về vấn đề này Hồ Chí Minh đã chỉ rõ: “Đảng ví như cái máy phát điện”, còn các công việc của Nhà nước và của các tổ chức xã hội “ví như những ngọn đèn, máy mạnh thì đèn sáng”. Hoạt động của Nhà nước có tính chất kỹ thuật, tác nghiệp mang tính công nghệ và nghiệp vụ chuyên môn cao.

Nhà nước có công cụ quản lý bằng pháp luật. Do đó tính chất hoạt động của Nhà nước mang tính pháp quyền. Nhà nước ban hành các quy phạm pháp luật, thực hiện pháp luật và áp dụng pháp luật. Hoạt động của Nhà nước mang tính liên tục, tương đối ổn định và thích ứng. Mọi công việc hằng ngày, thường xuyên và liên tục trong các mối quan hệ xã hội đều phải được bảo đảm bằng Nhà nước (quy phạm pháp luật, hoạt động hành chính và bảo vệ pháp luật). Không thể một giờ, một ngày không có Nhà nước. Nhà nước bảo đảm cho mọi công dân và toàn xã hội yên tâm sống và làm việc trong khuôn khổ của pháp luật, đồng thời hoạt động của Nhà nước phải nhạy bén với sự biến đổi thường xuyên, liên tục của thời cuộc.

Các cơ quan nhà nước, đặc biệt là các cơ quan hành chính nhà nước, mang tính hệ thống thứ bậc chặt chẽ, thông suốt từ Trung ương đến địa phương mà trong đó cấp dưới phục tùng cấp trên, nhận chỉ thị, mệnh lệnh và chịu sự kiểm tra thường xuyên của cấp trên. Mỗi cấp, mỗi cơ quan, mỗi chức vụ hoạt động trong phạm vi thẩm quyền được trao (địa vị pháp lý và tư cách pháp nhân).

Tính không vụ lợi, vì lợi ích của nhân dân, công tâm và công minh theo đúng quy định của luật pháp, trong đó có Luật Hành chính và Luật Cán bộ, công chức, viên chức. Thực hiện mọi công dân đều bình đẳng trước pháp luật. Tính chất dân chủ XHCN thấm nhuần trong tất cả các quy phạm pháp luật. Tôn trọng quyền lợi và lợi ích hợp pháp của công dân là xuất phát điểm của hệ thống pháp luật, thể chế, quy tắc và thủ tục hành chính. Mọi cán bộ, công chức nhà nước là người tiếp xúc trực tiếp hằng ngày với công dân, thông qua họ nhân dân hiểu được bản chất của Nhà nước. Quan liêu, cửa quyền, tham nhũng, sa đọa của cán bộ, công chức nhà nước là trái với dân chủ, trái với tính nhân đạo của Nhà nước pháp quyền XHCN, phải bị xử lý công khai và công minh theo pháp luật.

Phạm vi quản lý của Nhà nước là toàn diện, bao gồm tất cả các mặt, các lĩnh vực của đời sống xã hội: Hoạt động đối ngoại, xác định quyền chủ quyền quốc gia. Nguyên thủ quốc gia là người đại diện cho Nhà nước Cộng hòa XHCN Việt Nam. Quản lý nhà nước về tổ chức bộ máy hành chính trong tất cả các cơ quan nhà nước. Để quản lý có hiệu lực và hiệu quả, Nhà nước áp dụng đa phương pháp gồm hai nhóm:

Nhóm thứ nhất gồm phương pháp của các khoa học khác được các cơ quan của Nhà nước vận dụng, như: Phương pháp kế hoạch hóa, phương pháp thống kê, phương pháp toán học, phương pháp tâm lý, phương pháp sinh lý học, phương pháp xã hội học...

Nhóm thứ hai gồm các phương pháp của khoa học quản lý đặc thù của Nhà nước, như: Phương pháp giáo dục tư tưởng, phương pháp tổ chức, phương pháp kinh tế, phương pháp hành chính và có quyền

áp dụng các chế tài, kể cả biện pháp cưỡng bức đối với những hành vi cố tình làm trái pháp luật.

Từ những tính chất, nội dung và phương pháp nói trên cho thấy Nhà nước quản lý có những khác biệt so với hoạt động của Đảng. Sự khác biệt ấy dẫn tới việc bố trí nhân sự của tổ chức đảng với tổ chức bộ máy Nhà nước có những nội dung, tiêu chuẩn và yêu cầu khác nhau. Do đó, việc đào tạo, sử dụng, điều chuyển phải theo đúng tiêu chuẩn của từng chức danh cụ thể, tuyệt đối không được tùy tiện. Chủ tịch Hồ Chí Minh từng nói cách mạng cũng là nghề, nghề nào cũng phải học, cán bộ, công chức ở môn nào phải được đào tạo thành thực về môn ấy.

Quan hệ giữa Đảng và Nhà nước trong điều kiện chỉ có một đảng duy nhất lãnh đạo, cầm quyền thì thực chất là quan hệ của Đảng đối với các cơ quan nhà nước. Chính V.I.Lê-nin đã tự phê bình về việc Người đã ôm đồm bao biện, lẫn lộn giữa hai công việc của Đảng và Nhà nước. Qua đó, Người chỉ ra phương hướng giải quyết một cách cụ thể. Đó chính là cơ sở lý luận và phương pháp luận để chúng ta suy nghĩ vận dụng vào việc giải quyết mối quan hệ giữa Đảng và Nhà nước trong tình hình hiện nay. Tháng 3-1922, V.I.Lê-nin viết: “... Tôi phải đề cập đến mặt thực tiễn của vấn đề về các cơ quan Xô-viết, các cơ quan cao cấp và thái độ của Đảng với các cơ quan đó. Giữa Đảng và các cơ quan Xô-viết, hiện đã có những quan hệ không đúng; về điều đó tất cả chúng ta đều hoàn toàn nhất trí... Trên hình thức, sửa chữa được hiện tượng đó là một việc rất khó vì ở nước ta chỉ có một đảng cầm quyền duy nhất đang lãnh đạo... cho nên đối với bất cứ một

việc gì ở Hội đồng Bộ trưởng dân ủy, người ta cũng đều đưa sang Bộ Chính trị. Đó cũng là lỗi lớn của tôi vì rằng mối liên hệ giữa Hội đồng Bộ trưởng dân ủy và Bộ Chính trị phần lớn là do tôi cáng đáng...”.

Và Người đề nghị BCH Trung ương Đảng: “Cần phân định một cách rõ ràng hơn nữa những nhiệm vụ của Đảng (và của BCH Trung ương) với nhiệm vụ của chính quyền Xô-viết; tăng thêm trách nhiệm và tính chủ động cho các cán bộ Xô-viết và các cơ quan Xô-viết. Đảng có quyền lãnh đạo chung công tác của tất cả các cơ quan nhà nước gộp lại, mà không can thiệp một cách quá thường xuyên, không chính quy và thường là nhỏ nhặt như hiện nay”.

Mấu chốt của vấn đề là ở chỗ sau khi có định hướng chính trị đúng và đến việc chọn đúng người, giao đúng việc, đồng thời tập trung vào kiểm tra, kết hợp chặt chẽ giữa kiểm tra của Đảng và các cơ quan bảo vệ pháp luật của Nhà nước, trao cho họ quyền độc lập xét xử theo quy định của Hiến pháp và pháp luật: “Khi xét xử, thẩm phán và hội thẩm độc lập và chỉ tuân theo pháp luật” (Điều 130 Hiến pháp năm 1992 đã sửa đổi).

Hiểu và làm tốt các công việc nêu trên, Đảng, Nhà nước và Nhân dân ta sẽ thực hiện thắng lợi việc đổi mới phương thức Đảng lãnh đạo Nhà nước trong tình hình hiện nay do Đại hội XIII của Đảng đã đề ra□

(1), (2) Hồ Chí Minh toàn tập, NXB CTQG, H.1965, tập 5, tr.254; tập 3, tr.139.

Nguồn: Tạp chí Xây dựng Đảng.- 2023.- Số 3.- Tr.31-34, 45.

TĂNG CƯỜNG SỰ LÃNH ĐẠO CỦA ĐẢNG ĐỐI VỚI HỆ THỐNG CHÍNH TRỊ TRONG TÌNH HÌNH MỚI

PGS, TS. LÊ VĂN CƯỜNG
Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh

Đảng Cộng sản Việt Nam lãnh đạo hệ thống chính trị mà chủ yếu và trực tiếp là Nhà nước cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam là một đòi hỏi khách quan của cách mạng Việt Nam.

NHU CẦU TỰ THÂN TRONG HOẠT ĐỘNG CỦA ĐẢNG

Từ khi ra đời đến nay, Đảng ta xác định phương thức lãnh đạo là một nội dung cơ bản và quan trọng của công tác xây dựng, chỉnh đốn Đảng nhằm giữ vững và tăng cường vai trò lãnh đạo của Đảng, hiệu lực, hiệu quả quản lý của Nhà nước, phát huy quyền làm chủ của nhân dân. Phương thức lãnh đạo là một bộ phận có vai trò ngày càng quan trọng trong hoạt động lãnh đạo của Đảng, có ảnh hưởng trực tiếp đến hiệu lực, hiệu quả hoạt động của Đảng. Phương thức lãnh đạo có vị trí rất quan trọng trong việc hiện thực hóa nội dung lãnh đạo, trong việc hoàn chỉnh nội dung lãnh đạo; nó quy định việc tổ chức hệ thống Đảng, các cơ quan tham mưu của Đảng, cách thức hoạt động của các cơ quan đó và mối quan hệ phối hợp giữa các cơ quan tham mưu của Đảng. Phương thức lãnh đạo của Đảng còn phản ánh trình độ khoa học lãnh đạo của Đảng ta trong từng giai đoạn lịch sử; phản ánh bản lĩnh lãnh đạo, trình độ nắm bắt tình hình và đưa ra những quyết sách kịp thời; phản ánh trình độ của cán bộ, đảng viên, cấp uỷ trong việc vận dụng đường lối, chủ trương của Đảng vào trong

thực tiễn; nó cũng phản ánh trình độ dân chủ, dân trí của xã hội.

Là một đảng duy nhất cầm quyền, đã và đang lãnh đạo toàn dân tộc thực hiện sự nghiệp đổi mới, Đảng Cộng sản Việt Nam luôn coi phương thức lãnh đạo là một vấn đề có vị trí quan trọng hàng đầu, cùng với nội dung lãnh đạo, bộ máy tổ chức hợp thành hoạt động lãnh đạo của Đảng. Vấn đề tăng cường phương thức lãnh đạo của Đảng đối với hệ thống chính trị cũng là đòi hỏi tất yếu khách quan phù hợp với xu thế chung của lịch sử và cũng là đáp ứng yêu cầu thực tiễn của cách mạng Việt Nam. Vì vậy, tìm tòi một phương thức lãnh đạo, cầm quyền đúng đắn, khoa học là cả một quá trình tổng kết lý luận và thực tiễn mà ngay từ những ngày đầu lãnh đạo cách mạng Đảng ta đã đặt ra.

Ngay từ khi ra đời, Đảng đã lãnh đạo toàn dân tộc Việt Nam tiến hành đấu tranh cách mạng để giải phóng dân tộc, đánh đổ chế độ thực dân phong kiến, giành chính quyền về tay nhân dân. Khi giành được chính quyền, Đảng lãnh đạo Nhà nước và hệ thống chính trị (tập trung vào lãnh đạo Nhà nước) để xây dựng chế độ xã hội mới như Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng đã nêu: “Một hệ thống chính trị mà quyền lực thực sự thuộc về nhân dân, do nhân dân và phục vụ lợi ích của nhân dân, chứ không phải chỉ cho một thiểu số giàu có”⁽¹⁾. Xã hội mà Đảng và nhân dân Việt Nam hướng tới là: “Chúng ta cần một xã hội mà trong đó sự phát triển là thực sự vì con người, chứ không phải vì lợi nhuận mà bóc lột và chà đạp lên phẩm giá con người. Chúng ta cần sự phát triển về kinh tế đi đôi với tiến bộ và công bằng xã hội, chứ không phải gia tăng khoảng cách giàu nghèo và bất bình đẳng xã hội”⁽²⁾. Xét về bản chất, mục đích cầm quyền của Đảng chính là để hiện thực hóa, thể chế hóa quyền lực chính trị, ý chí, quyết tâm chính trị của giai cấp,

của nhân dân thành quyền lực nhà nước - quyền lực công để toàn xã hội thực hiện. Chỉ có thông qua bộ máy nhà nước và các tổ chức trong hệ thống chính trị, thông qua nắm vững và sử dụng bộ máy chính quyền nhà nước, quyền lực chính trị của Đảng mới được thực hiện, mục tiêu, lý tưởng của Đảng mới có thể đạt được. Qua đó, Đảng mới hoàn thành được vai trò, sứ mệnh lịch sử của mình.

Nghị quyết Đại hội XIII của Đảng yêu cầu: “Tiếp tục tổng kết thực tiễn, nghiên cứu lý luận về đổi mới nội dung, phương thức lãnh đạo, cầm quyền của Đảng trong điều kiện mới”⁽³⁾. Quan điểm chung là Đảng phải tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với hệ thống chính trị phải được tiến hành với những bước đi thích hợp, phù hợp với đặc điểm của các cơ quan trong bộ máy Nhà nước và các tổ chức chính trị. Một trong những nội dung cốt yếu đối với đảng cầm quyền là không có đảng cầm quyền nào tự giác, tự nguyện chuyển giao quyền lãnh đạo cho các đảng phái khác, nói cách khác không đảng nào muốn mất đi quyền lãnh đạo của mình hay rơi vào nguy cơ mất quyền lãnh đạo. Tuy nhiên, để duy trì được vị trí là Đảng duy nhất cầm quyền thì Đảng cũng đối diện với rất nhiều áp lực của cả bên trong và bên ngoài. Áp lực bên ngoài là sự chống phá của các thế lực thù địch. Kẻ địch không khi nào từ bỏ tham vọng lật đổ chế độ mà Đảng và nhân dân ta dày công vun đắp và xây dựng. Áp lực bên trong là trong quá trình lãnh đạo Đảng vẫn có những hạn chế, khuyết điểm như: Việc phân định thẩm quyền, trách nhiệm, mối quan hệ công tác của người đứng đầu với tập thể cấp ủy, lãnh đạo cơ quan, đơn vị chưa rõ ràng; hiện tượng lạm quyền vẫn tiếp tục diễn ra; công tác kiểm tra, giám sát trong Đảng còn nhiều bất cập; việc đánh giá cán bộ, đảng viên còn mang tính hình thức, chưa có

bộ tiêu chí khoa học để góp phần kiểm soát nhân sự của Đảng; chất lượng tự phê bình và phê bình yếu, kỷ cương, kỷ luật chưa nghiêm... Tất cả những điều đó cho thấy, tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với hệ thống chính trị là nhu cầu tự thân trong hoạt động của Đảng.

SỰ CẦN THIẾT PHẢI TĂNG CƯỜNG SỰ LÃNH ĐẠO CỦA ĐẢNG ĐỐI VỚI HỆ THỐNG CHÍNH TRỊ

Thứ nhất, tất cả các đảng cầm quyền đều tăng cường sự lãnh đạo chính trị của Đảng đối với hệ thống chính trị mà chủ yếu là thông qua Nhà nước.

Tất cả các đảng cầm quyền đều phải tăng cường sự lãnh đạo chính trị đối với hệ thống chính trị mà tập trung nhất vào bộ máy nhà nước nhằm nắm vững bộ máy nhà nước, xây dựng và bảo vệ bộ máy nhà nước, sử dụng bộ máy nhà nước phục vụ mục tiêu, nhiệm vụ chính trị của đảng. Tuy nhiên, tùy theo tính chất, đặc điểm của mỗi nhà nước và mỗi đảng cầm quyền mà nghệ thuật lãnh đạo của các đảng đối với hệ thống chính trị rất khác nhau.

Cách mạng Tháng Mười thành công ở nước Nga Xô-viết đánh dấu sự ra đời của Nhà nước xã hội chủ nghĩa (XHCN) đầu tiên trên thế giới. Trải qua hơn 70 năm ra đời và phát triển, các Đảng Cộng sản cầm quyền ở các nước xã hội chủ nghĩa Liên Xô và Đông Âu đã mắc sai lầm nghiêm trọng trong lãnh đạo chính quyền dẫn đến mất chính quyền và làm tan rã chế độ XHCN ở những nước này. Những đảng cộng sản còn lại đã kịp thời rút kinh nghiệm từ những thất bại đau đớn nói trên để củng cố sự lãnh đạo của Đảng đối với nhà nước, giữ vững chính quyền cách mạng của nhân dân. Trước những tổn thất

ng nghiêm trọng của phong trào Cộng sản và công nhân quốc tế những năm 90 của thế kỷ XX, các đảng cộng sản cầm quyền ở Trung Quốc, Việt Nam và một số nước xã hội chủ nghĩa khác đã rút ra những kinh nghiệm quý báu trong lãnh đạo chính quyền nhà nước. Trong xu thế cải cách, mở cửa, đổi mới sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội ở mỗi nước, các đảng cầm quyền khẳng định rõ về nguyên tắc: Là lực lượng chính trị duy nhất lãnh đạo nhà nước; quyết không đổi hướng xây dựng chủ nghĩa xã hội (CNXH) trong quá trình phát triển đất nước...

Thứ hai, tăng cường sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam đối với hệ thống chính trị là một tất yếu khách quan.

Đảng Cộng sản Việt Nam lãnh đạo hệ thống chính trị mà chủ yếu và trực tiếp là Nhà nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam là một đòi hỏi khách quan của cách mạng Việt Nam. Lịch sử cách mạng Việt Nam đã khẳng định một quy luật khách quan: Độc lập dân tộc gắn liền với CNXH. Điều đó có nghĩa là cách mạng Việt Nam trong thời đại ngày nay, nếu không giành và giữ vững được độc lập dân tộc, thì không thể xây dựng thành công CNXH và ngược lại, không xây dựng thành công CNXH thì cũng không thể giữ vững được độc lập dân tộc. Hệ thống chính trị mà Nhà nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam là trụ cột, đặt dưới sự lãnh đạo của Đảng (đội tiên phong của giai cấp công nhân và dân tộc Việt Nam) là bảo đảm tất yếu phát huy sức mạnh của khối đại đoàn kết toàn dân tộc trong sự nghiệp xây dựng CNXH ở nước ta hiện nay.

Mặt khác, cả lý luận và thực tiễn cách mạng Việt Nam đều khẳng định: Chỉ có đặt dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam, thì hệ

thống chính trị mà nòng cốt là Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam mới thật sự là nhà nước của dân, do dân và vì dân.

ĐỔI MỚI VIỆC XÂY DỰNG, BAN HÀNH, SỬ DỤNG CÁC NGHỊ QUYẾT, KẾT LUẬN, CHỈ THỊ VÀ CHỦ TRƯỞNG CỦA ĐẢNG

Để tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với hệ thống chính trị trong tình hình mới, cần chú trọng một số giải pháp như sau:

Một là, hoàn thiện lý luận về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với hệ thống chính trị.

Nghiên cứu, từng bước hoàn thiện lý luận về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng trong điều kiện một đảng duy nhất cầm quyền. Đảng lãnh đạo hệ thống chính trị bằng cương lĩnh, đường lối, quan điểm, nguyên tắc; định hướng giải quyết các vấn đề lớn, có ý nghĩa chính trị quan trọng về bộ máy Nhà nước; lãnh đạo bằng công tác tổ chức cán bộ; bằng công tác kiểm tra, giám sát thực hiện; bằng công tác tư tưởng của Đảng... Phát huy mạnh mẽ vai trò chủ động sáng tạo của Nhà nước và các tổ chức của hệ thống chính trị; Đảng lãnh đạo nhưng không bao biện, làm thay, đồng thời, thực hiện nghiêm túc nguyên tắc: Đảng hoạt động trong khuôn khổ Hiến pháp và pháp luật.

Hai là, đổi mới việc xây dựng, ban hành, sử dụng các nghị quyết, kết luận, chỉ thị và chủ trương của Đảng.

Năng lực và uy tín lãnh đạo của Đảng trước nhân dân trong điều kiện Đảng cầm quyền chính là hiệu lực và hiệu quả của bộ máy Nhà nước do Đảng tổ chức và lãnh đạo. Vai trò cầm quyền của Đảng được phát huy đến mức nào được thể hiện thông qua phát huy vai trò của Nhà nước là chủ yếu. Vì vậy, Đảng phải tăng cường sự lãnh đạo các

cơ quan Nhà nước thể chế hoá, cụ thể hoá quan điểm, đường lối của Đảng thành luật pháp, chính sách và tổ chức thực hiện tốt các luật và chính sách đó trong thực tiễn xã hội.

Hoàn thiện pháp luật là điều kiện thiết yếu để quản lý xã hội theo pháp luật, tuy nhiên vấn đề quyết định lại ở chỗ thực thi pháp luật của các cơ quan Nhà nước. Rà soát, bổ sung, sửa đổi kịp thời các luật, văn bản dưới luật và các quy định cụ thể không còn phù hợp; các nội dung chồng chéo. Ban hành mới những văn bản quy phạm pháp luật điều chỉnh những quan hệ xã hội, nhất là những lĩnh vực hiện đang có nhiều mầm mống tham nhũng, tiêu cực.

Vai trò quản lý điều hành xã hội, quản lý chính các cơ quan Nhà nước theo luật pháp lại thuộc về đội ngũ cán bộ, đảng viên của Đảng hoạt động trong các cơ quan Nhà nước nên cần tăng cường đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng đối với hệ thống chính trị và chú trọng phương pháp nêu gương của đội ngũ cán bộ đảng viên.

Ba là, xây dựng mô hình tổ chức tổng thể của hệ thống chính trị Việt Nam phù hợp; tiếp tục sắp xếp hệ thống tổ chức bộ máy của cả hệ thống chính trị tinh gọn, hiệu lực, hiệu quả.

Hoàn thiện thể chế nhằm xây dựng hệ thống chính trị Việt Nam qua đó thực hiện tốt nhất việc kiểm soát quyền lực đối với từng thành viên và giữa các thành viên trong hệ thống chính trị của thể chế chính trị một đảng duy nhất cầm quyền. Đổi mới cách tổ chức để xây dựng cơ quan kiểm tra của Đảng thành cơ quan kiểm soát quyền lực mạnh trong hệ thống chính trị. Đảng thực hiện kiểm soát quyền lực nhà nước bằng việc thiết kế bộ máy nhà nước có khả năng kiểm soát từ bên trong - kiểm soát giữa các cơ quan lập pháp, hành pháp, tư

pháp; bằng kiểm soát từ bên ngoài - quản trị đảng viên hoạt động trong cơ quan nhà nước, kiểm tra, giám sát, kỷ luật đảng viên hoạt động trong bộ máy nhà nước và các tổ chức của hệ thống chính trị khi vi phạm pháp luật và các quy định của Đảng cũng như các tổ chức đó.

Bốn là, tăng cường sự lãnh đạo của Đảng thông qua tổ chức đảng, đảng viên trong các cơ quan nhà nước, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội, các lực lượng vũ trang, phát huy vai trò tiên phong, nêu gương của cán bộ, đảng viên, nhất là cấp ủy viên, người đứng đầu.

Chú trọng phương pháp nêu gương đề từ những người tiêu biểu cho những tiêu chuẩn, chuẩn mực mà theo đó đối tượng bị thuyết phục và làm theo một cách tự giác mà không cần đến những biện pháp cưỡng chế. Để tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với hệ thống chính trị thông qua tổ chức đảng, đảng viên trong các cơ quan nhà nước, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội bằng nêu gương hiệu quả thì chủ thể nêu gương phải là người có khả năng khơi nguồn cảm hứng, truyền dẫn cảm hứng, bằng nhãn quan chính trị và phong cách làm việc của mình hướng dẫn đối tượng thực hiện theo.

Năm là, tăng cường sự lãnh đạo của Đảng thông qua đổi mới mạnh mẽ công tác cán bộ.

Xây dựng thể chế công tác cán bộ chặt chẽ, bảo đảm sử dụng được nhân tài ngoài Đảng hoạt động trong bộ máy nhà nước, nhưng không thách thức địa vị cầm quyền của Đảng; đổi mới công tác bầu cử để nhân dân thực sự có quyền lựa chọn, kiểm soát những đảng viên của Đảng có tài, có đức vào trong bộ máy nhà nước; Đảng nắm vững bộ máy nhà nước thông qua nắm đảng viên của Đảng. Tiếp tục đổi mới công tác cán bộ, nhất là công tác quản lý cán bộ có vai trò rất

quan trọng xây dựng đội ngũ cán bộ công chức trong sạch vững mạnh. Một mặt, phải thu hút nhân tài vào làm việc trong bộ máy Nhà nước các tổ chức trong hệ thống chính trị, mặt khác phải có chính sách ngăn chặn người không có thực tài, thiếu năng lực, nhưng thừa thủ đoạn luôn lách trong hoạt động Nhà nước.

Sáu là, đổi mới mạnh mẽ tổ chức và phương thức hoạt động của Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội nhằm thực thi có hiệu quả và thực chất cơ chế Đảng lãnh đạo, Nhà nước quản lý, nhân dân làm chủ.

Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với hệ thống chính trị là một đòi hỏi khách quan của cách mạng Việt Nam. Muốn vậy, cần đẩy mạnh xây dựng, chỉnh đốn Đảng và hệ thống chính trị để làm cho Đảng ta ngày càng mạnh hơn; cán bộ, đảng viên gương mẫu hơn; tổ chức đảng có sức chiến đấu cao hơn; đoàn kết nội bộ tốt hơn; gần bó với nhân dân mật thiết hơn; thúc đẩy thực hiện nhiệm vụ chính trị đạt kết quả cao hơn; chứ không phải ngược lại. Đảng mạnh thì chính quyền và các đoàn thể quần chúng cũng mạnh để tạo nên sức mạnh tổng hợp của cả hệ thống chính trị. Nội bộ chúng ta mạnh thì chúng ta có thể vững vàng đương đầu với các khó khăn thử thách cả bên trong lẫn bên ngoài□

(1) (2) <https://baochinhphu.vn/chung-ta-can-mot-he-thong-chinh-tri-ma-quyen-luc-thuc-su-thuoc-ve-nhan-dan-do-nhan-dan-va-phuc-vu-loi-ich-cua-nhan-dan-102292369.htm>

(3) Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII*, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, H, 2021, t. I, tr. 199.

Nguồn: Tạp chí Tuyên giáo.- 2022.- Số 10.- Tr.11-15.

**TIẾP TỤC XÂY DỰNG NHÀ NƯỚC PHÁP QUYỀN
XÃ HỘI CHỦ NGHĨA - NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM CỦA
ĐỔI MỚI HỆ THỐNG CHÍNH TRỊ THEO TINH THẦN
NGHỊ QUYẾT ĐẠI HỘI LẦN THỨ XIII CỦA ĐẢNG**

GS, TS. TRẦN NGỌC ĐUỜNG
Nguyên Phó Chủ nhiệm Văn phòng Quốc hội

Ngày nhận bài: 27/4/2021 Ngày biên tập: 16/7/2021 Ngày duyệt đăng: 12/8/2021

Tóm tắt: Trong từng thời kỳ cách mạng, Đảng Cộng sản Việt Nam luôn đặc biệt coi trọng việc đề ra đường lối xây dựng và hoàn thiện Nhà nước - thành tố trung tâm của hệ thống chính trị xã hội chủ nghĩa. Nghị quyết Đại hội ĐBTQ lần thứ XIII của Đảng nhấn mạnh: “Tiếp tục xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam của Nhân dân, do Nhân dân và vì Nhân dân, do Đảng lãnh đạo là nhiệm vụ trọng tâm của đổi mới hệ thống chính trị”.

Từ khóa: Đại hội lần thứ XIII của Đảng; Đảng Cộng sản Việt Nam; nhiệm vụ trọng tâm; xây dựng.

Abstract: In each revolutionary period, the Communist Party of Vietnam always regards special importance to the guidelines to develop and improve the State to become a central element in the socialist political system. The Resolution of the 13th National Assembly of the Party affirms that: “Continue the development and improvement of the socialist

rule-by-law state of Vietnam of the people, by the people, and for the people, led by the Party, is the key task in the reform of the political system”.

Keywords: 13th National Assembly of the Party; Communist Party of Vietnam; key task; development.

1. Những thành tựu trong xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa sau 35 năm đổi mới và 10 năm thực hiện Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ (bổ sung, phát triển năm 2011)

Sau 35 năm tiến hành công cuộc đổi mới, nhận thức về mô hình tổ chức quyền lực nhà nước đã có sự phát triển về chất trong chỉ đạo quá trình xây dựng và hoàn thiện bộ máy nhà nước. Đó là, từ Nhà nước tổ chức và hoạt động theo mô hình tập quyền xã hội chủ nghĩa sang tổ chức quyền lực nhà nước theo mô hình Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa, với những nguyên tắc tổ chức và hoạt động mới là một bước đột phá về nhận thức lý luận để từng bước chỉ đạo quá trình cải cách tổ chức bộ máy, xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của Nhân dân, do Nhân dân và vì Nhân dân.

Thứ nhất, Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội năm 1991 đã đề ra nguyên tắc tổ chức quyền lực nhà nước là: “Nhà nước Việt Nam thống nhất ba quyền lập pháp, hành pháp và tư pháp với sự phân công rành mạch ba quyền”. Tuy trong nguyên tắc này chưa có yếu tố kiểm soát quyền lực nhà nước, nhưng là bước đổi mới rất cơ bản trong tư duy để đề ra chủ trương: “Xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam của dân, do

dân và vì dân” mà Hội nghị đại biểu toàn quốc giữa nhiệm kỳ khóa VII (từ ngày 20 đến ngày 25/01/1994) đã khẳng định. Từ đó, xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của Nhân dân, do Nhân dân và vì Nhân dân trở thành chủ trương chiến lược của Đảng và Nhà nước ta, bao gồm toàn bộ tổ chức và hoạt động của bộ máy nhà nước và là định hướng cho quá trình cải cách bộ máy nhà nước trong điều kiện xây dựng nền kinh tế thị trường nhiều thành phần định hướng xã hội chủ nghĩa.

Năm 2001, Nhà nước ta đã tiến hành sửa đổi một số điều của Hiến pháp năm 1992 về tổ chức bộ máy nhà nước để kịp thời thể chế hóa quan điểm, đường lối của Đảng về xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa và lần đầu tiên trong Hiến pháp đã ghi nhận: “Nhà nước ta là Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của dân, do dân và vì dân”, “quyền lực Nhà nước là thống nhất, có sự phân công, phối hợp giữa các cơ quan nhà nước trong việc thực hiện các quyền lập pháp, hành pháp, tư pháp”.

Văn kiện Đại hội ĐBTQ lần thứ XI của Đảng nêu quan điểm chỉ đạo: “Tiếp tục xây dựng, từng bước hoàn thiện cơ chế kiểm tra, giám sát tính hợp hiến, hợp pháp trong các hoạt động và quyết định của các cơ quan công quyền”⁽¹⁾. Trong đó, đề cập sâu về vấn đề: “Xây dựng cơ chế phán quyết về những vi phạm Hiến pháp trong hoạt động lập pháp, hành pháp và tư pháp”⁽²⁾. Đây là một nhận thức mới, một sự thay đổi về chất trong tư duy lý luận để đi đến kiểm soát quyền lực đã được nêu rõ trong *Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ* (bổ sung, phát triển năm 2011). Hiến pháp năm 2013 đã thể chế hóa quan điểm chỉ đạo này thành nguyên tắc hiến định và hình thành các

cơ chế kiểm soát quyền lực nhà nước (cơ chế Nhân dân kiểm soát quyền lực nhà nước, cơ chế kiểm soát quyền lực lẫn nhau giữa các quyền lập pháp, hành pháp, tư pháp và cơ chế kiểm soát quyền lực nhà nước theo luật định).

Thứ hai, sau 35 năm đổi mới, đặc biệt là 10 năm thực hiện *Cương lĩnh xây dựng đất nước* (bổ sung, phát triển năm 2011), việc xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa có bước phát triển mới, hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước từng bước được đổi mới phù hợp hơn với yêu cầu phát triển đất nước và thông lệ quốc tế. Bộ máy tổ chức nhà nước được sắp xếp lại ngày càng tinh gọn, gắn với tinh giản biên chế; hoạt động hiệu lực và hiệu quả hơn trước.

Thứ ba, công tác cải cách hành chính, cải cách tư pháp trên một số lĩnh vực có bước tiến rõ rệt. Nền hành chính quốc gia đã được cải cách theo hướng phục vụ người dân, doanh nghiệp. Tổ chức bộ máy của Tòa án nhân dân và Viện kiểm sát nhân dân, cơ quan điều tra, cơ quan bảo trợ tư pháp tiếp tục được kiện toàn, chất lượng hoạt động có tiến bộ, bảo vệ tốt hơn lợi ích của Nhà nước, quyền và lợi ích hợp pháp, chính đáng của Nhân dân.

Thứ tư, nhận thức về cơ chế kiểm soát quyền lực nhà nước ngày càng đầy đủ, đã góp phần đấu tranh có hiệu lực, hiệu quả với những biểu hiện tha hóa quyền lực trong bộ máy của Đảng và Nhà nước, đặc biệt là tình trạng tham nhũng, tiêu cực, được Nhân dân và dư luận xã hội đồng tình ủng hộ. Cơ chế Nhân dân kiểm soát quyền lực đã được hình thành với chức năng giám sát và phản biện xã hội của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức thành viên của Mặt trận bằng việc thể chế hóa các quy định của Hiến pháp năm 2013 thành hai chương,

11 điều về giám sát và phản biện xã hội trong Luật Mặt trận Tổ quốc Việt Nam năm 2015.

Thứ năm, vai trò của pháp luật và thực thi pháp luật ngày càng được chú trọng trong tổ chức và hoạt động của bộ máy nhà nước. Trong nhiệm kỳ Quốc hội khóa XIV, Quốc hội đã xem xét và thông qua 72 dự án luật và 18 nghị quyết có quy phạm pháp luật, bao quát hầu khắp các lĩnh vực của đời sống chính trị, kinh tế, xã hội. Cùng với việc hoàn thiện pháp luật, việc tổ chức thi hành pháp luật cũng được coi trọng. Công tác tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật được tăng cường; ý thức thượng tôn pháp luật của đội ngũ cán bộ, công chức và người dân được nâng lên một bước.

2. Một số hạn chế cần khắc phục

Một là, vấn đề đổi mới đồng bộ, phù hợp giữa kinh tế với chính trị, văn hóa xã hội, giữa đổi mới kinh tế với đổi mới tổ chức và hoạt động của bộ máy nhà nước có một số mặt còn hạn chế, vướng mắc. Ví dụ, trong những định hướng đổi mới giáo dục, đào tạo và y tế theo hướng xã hội hóa với việc hoàn thiện chính sách, pháp luật và tổ chức cung ứng dịch vụ công còn lúng túng và thiếu đồng bộ.

Hai là, cơ chế kiểm soát quyền lực chưa hoàn thiện. Vai trò giám sát của Nhân dân chưa được phát huy đầy đủ. Theo Hiến pháp năm 2013, giữa các quyền lập pháp, hành pháp, tư pháp kiểm soát lẫn nhau trong việc thực hiện quyền lực nhà nước, nhưng trên thực tế mới chỉ coi trọng việc kiểm soát của quyền lập pháp đối với hành pháp và tư pháp thông qua giám sát tối cao của Quốc hội và giám sát của các

cơ quan của Quốc hội. Cơ chế kiểm soát quyền lực bên trong cơ quan thực hiện mỗi quyền chưa độc lập và đủ mạnh. Cơ chế giám sát và phản biện xã hội của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam các cấp hoạt động chưa thực chất, còn có biểu hiện hình thức.

Ba là, hệ thống pháp luật còn có những quy định mâu thuẫn, chồng chéo, thiếu thống nhất, chưa đáp ứng yêu cầu điều chỉnh các quan hệ xã hội của thực tiễn. Chấp hành pháp luật nhìn chung chưa nghiêm; kỷ cương phép nước có nơi, có lúc còn bị xem nhẹ; xử lý vi phạm pháp luật chưa kịp thời, chế tài xử lý chưa đáp ứng đầy đủ yêu cầu phát triển đất nước.

Bốn là, chính quyền địa phương một số nơi tổ chức và hoạt động chưa được đổi mới một cách mạnh mẽ; chức năng, nhiệm vụ, phân cấp, phân quyền chưa thật rõ ràng, hiệu lực, hiệu quả hoạt động còn hạn chế. Số lượng cán bộ, công chức cấp xã và đội ngũ viên chức trong các đơn vị sự nghiệp công lập vẫn còn quá lớn; phẩm chất, năng lực, uy tín còn hạn chế, thiếu tính chuyên nghiệp, chưa đáp ứng được yêu cầu, nhiệm vụ trong tình hình mới.

3. Định hướng tiếp tục xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa, kiến tạo phát triển, liêm chính, hành động

Một là, Nghị quyết Đại hội ĐBTV lần thứ XIII của Đảng xác định: “Tiếp tục xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của Nhân dân, do Nhân dân và vì Nhân dân do Đảng lãnh đạo là nhiệm vụ trọng tâm của đổi mới hệ thống chính trị. Nâng cao năng lực, hiệu lực, hiệu quả hoạt động của Nhà nước. Xác định rõ hơn

vai trò, vị trí, chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn của các cơ quan nhà nước trong việc thực hiện các quyền lập pháp, hành pháp, tư pháp trên cơ sở các nguyên tắc pháp quyền, bảo đảm quyền lực nhà nước là thống nhất, có sự phân công rành mạch, phối hợp chặt chẽ và tăng cường kiểm soát quyền lực nhà nước. Xây dựng hệ thống pháp luật đầy đủ, kịp thời, đồng bộ, thống nhất, khả thi, công khai, minh bạch, ổn định, lấy quyền và lợi ích hợp pháp, chính đáng của người dân, doanh nghiệp làm trọng tâm, thúc đẩy đổi mới, sáng tạo, bảo đảm yêu cầu phát triển nhanh, bền vững”⁽³⁾. Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 10 năm 2021- 2030 đã nêu rõ phương hướng, nhiệm vụ và giải pháp cụ thể là: “Tiếp tục xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa kiến tạo, phát triển, liêm chính, hành động; đẩy mạnh phòng, chống tham nhũng, thực hành tiết kiệm, lãng phí, tạo đột phá trong cải cách hành chính”⁽⁴⁾ là nhiệm vụ trọng tâm của đổi mới hệ thống chính trị trong những năm tới.

Có thể nói, lần đầu tiên thuật ngữ: “Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa, kiến tạo phát triển, liêm chính, hành động” chính thức được sử dụng trong Văn kiện của Đảng Cộng sản Việt Nam là sự tiếp tục phát triển và làm sâu sắc hơn bản chất và định hướng xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa ở nước ta trong điều kiện mới. Theo đó, Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa phải nâng cao năng lực kiến tạo phát triển, tức là năng lực không chỉ nắm bắt và xử lý kịp thời một xã hội tràn ngập thông tin với sự liên kết trên bình diện xã hội rất nhanh chóng và mau lẹ mà còn phải có khả năng phân tích thông tin, từ đó biết cách sáng tạo ra các kiến thức mới để quản trị quốc gia (tức là năng lực kiến tạo phát triển).

Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa trong điều kiện hiện nay có bộ máy quản lý điều hành hướng tới nhu cầu cải tạo môi trường quản lý, bảo đảm sự nhanh nhạy, linh hoạt về tổ chức, chức năng, nhiệm vụ, phương thức hoạt động, vừa kiến tạo bên trong chính mình, vừa kiến tạo môi trường mà nó vận hành. Đó còn là một Nhà nước pháp quyền tập trung xây dựng một nền hành chính nhà nước phục vụ Nhân dân, phục vụ doanh nghiệp; một nền hành chính dân chủ, tuân thủ các nguyên tắc pháp quyền, lấy thượng tôn pháp luật, công khai, minh bạch, liêm chính, phục vụ Nhân dân, phục vụ doanh nghiệp làm nguyên tắc hàng đầu trong xử lý công việc; một nền hành chính gồm các công chức có năng lực kiến tạo, xác lập được sự kết nối xã hội, tạo dựng sự thống nhất và bình đẳng trong các mối quan hệ giữa các chủ thể khác nhau.

Hai là, Nghị quyết Đại hội ĐBTQ lần thứ XIII của Đảng chỉ rõ việc xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của Nhân dân, do Nhân dân, vì Nhân dân theo các nội dung cụ thể sau:

- Đối với việc xây dựng và hoàn thiện thiết chế Quốc hội, cần phải: “Tiếp tục đổi mới tổ chức và hoạt động của Quốc hội, bảo đảm Quốc hội thực sự là cơ quan đại biểu cao nhất của Nhân dân, cơ quan quyền lực nhà nước cao nhất”⁽⁵⁾ theo các định hướng cụ thể và có điểm mới như: hoạt động cơ bản của Quốc hội là hoạt động nghị trường vì thế đổi mới phương thức hoạt động của Quốc hội, nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động nghị trường là nhiệm vụ hàng đầu của đổi mới Quốc hội. Trong đó, chủ yếu là phát huy dân chủ và pháp quyền trong việc thực hiện các chức năng lập pháp, giám sát tối cao và quyết định các vấn đề trọng đại của đất nước. Tiếp tục đổi mới, nâng

cao chất lượng hoạt động lập pháp theo hướng đẩy mạnh tiến độ ban hành các luật trực tiếp triển khai thi hành Hiến pháp năm 2013.

Tập trung xây dựng, hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa; tôn trọng, bảo đảm, bảo vệ quyền con người, quyền công dân; hoàn thiện cơ chế bảo vệ Hiến pháp, cơ chế giám sát, lấy phiếu, bỏ phiếu tín nhiệm đối với những người giữ chức vụ do Quốc hội, Hội đồng nhân dân bầu hoặc phê chuẩn. Tăng cường công tác giám sát tối cao của Quốc hội và giám sát của các cơ quan của Quốc hội, đại biểu Quốc hội. Thiết lập đồng bộ, gắn kết cơ chế giám sát, phản biện xã hội của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội.

- Đối với việc xây dựng và hoàn thiện thiết chế Chính phủ: định hướng tổng quát xây dựng thiết chế Chính phủ trong những năm tới được Nghị quyết Đại hội ĐBTV lần thứ XIII của Đảng xác định: “Xây dựng nền hành chính nhà nước phục vụ nhân dân, dân chủ, pháp quyền, chuyên nghiệp, hiện đại, trong sạch vững mạnh, công khai, minh bạch”⁽⁶⁾. Để thực hiện mục tiêu tổng quát đó, nhiệm vụ xây dựng và hoàn thiện Chính phủ trong những năm tới là:

+ Tiếp tục đổi mới tổ chức và hoạt động của Chính phủ theo hướng tinh gọn, hiệu lực, hiệu quả, trên cơ sở tổ chức hợp lý các bộ ngành, đa lĩnh vực; phát huy đầy đủ vị trí, vai trò, chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Chính phủ. Trong đó, tập trung vào quản lý vĩ mô; xây dựng thể chế, chiến lược, quy hoạch, kế hoạch; tăng cường năng lực dự báo, phân tích và đề xuất chính sách dựa trên luận cứ khoa học và thực tiễn trong điều kiện mới: “Nhà nước quản lý, điều hành nền kinh tế bằng pháp luật, chiến lược, quy hoạch, kế hoạch và các công

cụ điều tiết trên cơ sở các quy luật thị trường. Tăng cường công tác giám sát, chủ động điều tiết, giảm các tác động tiêu cực của thị trường, không can thiệp, làm sai lệch các quan hệ thị trường”⁽⁷⁾.

+ Đẩy mạnh phân cấp, phân quyền, xác định rõ trách nhiệm giữa Chính phủ với các bộ, ngành; giữa Chính phủ, các bộ, ngành với chính quyền địa phương... bảo đảm quản lý nhà nước thống nhất. Đồng thời, phát huy vai trò chủ động, sáng tạo, tinh thần trách nhiệm của từng cấp, từng ngành.

+ Nâng cao chất lượng dịch vụ công, tiếp tục sắp xếp tổ chức lại các đơn vị sự nghiệp công lập theo hướng tinh gọn, đảm bảo chất lượng, hoạt động hiệu lực, hiệu quả.

+ Thúc đẩy xây dựng chính quyền điện tử, tăng cường sự kết nối, trao đổi thông tin thường xuyên giữa cơ quan các cấp; giữa cơ quan, người dân và doanh nghiệp.

+ Tập trung chỉ đạo quyết liệt, đầu tư hợp lý nguồn lực và các điều kiện để thực hiện tốt các nhiệm vụ nâng cao năng lực tổ chức thực hiện có hiệu lực, hiệu quả hệ thống pháp luật; thanh tra, kiểm tra, xử lý vi phạm pháp luật.

+ Tiếp tục đẩy mạnh cải cách hành chính, thủ tục hành chính, kiện toàn tổ chức, tinh giảm hợp lý đầu mối, bỏ cấp trung gian. Gắn kết chặt chẽ giữa xây dựng pháp luật với tổ chức thi hành pháp luật.

- Đối với việc xây dựng và hoàn thiện các cơ quan tư pháp: định hướng tổng quát xây dựng nền tư pháp Việt Nam là: “Tiếp tục xây dựng nền tư pháp Việt Nam chuyên nghiệp, hiện đại, công bằng,

ng nghiêm minh, liêm chính, phụng sự Tổ quốc, phục vụ Nhân dân”⁽⁸⁾. Theo đó, Nghị quyết Đại hội ĐBTQ lần thứ XIII của Đảng chỉ rõ trong những năm tới cần nghiên cứu ban hành Chiến lược xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam đến năm 2030 định hướng đến năm 2045, trong đó có “chiến lược pháp luật và cải cách tư pháp”; tiếp tục đổi mới tổ chức, nâng cao chất lượng, hiệu lực, hiệu quả hoạt động và uy tín của Tòa án nhân dân, Viện kiểm sát nhân dân, cơ quan điều tra, cơ quan thi hành án và các cơ quan, tổ chức tham gia vào quá trình tố tụng tư pháp; giải quyết kịp thời, đúng pháp luật các loại tranh chấp, khiếu kiện theo luật định; tăng cường khả năng tiếp cận pháp luật của người dân và doanh nghiệp.

- Đối với việc xây dựng và hoàn thiện chính quyền địa phương, định hướng chung là: “Tiếp tục hoàn thiện tổ chức chính quyền địa phương phù hợp với địa bàn nông thôn, đô thị, hải đảo, đơn vị hành chính kinh tế đặc biệt theo luật định”. Các việc cần phải làm trong thời gian tới là: tổng kết việc thí điểm chính quyền đô thị nhằm xây dựng và vận hành các mô hình quản lý chính quyền đô thị theo hướng tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả; cải cách phân cấp ngân sách nhà nước theo hướng phân định rõ ngân sách Trung ương, ngân sách địa phương; gắn kết và đổi mới tổ chức bộ máy và cơ chế hoạt động của Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội ở các cấp.

- Về xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức, Nghị quyết Đại hội ĐBTQ lần thứ XIII của Đảng nhấn mạnh: “Tập trung xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức có đủ phẩm chất, năng lực, uy tín, phục vụ nhân dân và sự phát triển của đất nước. Tăng cường kỷ luật, kỷ cương đi đôi

với cải cách tiền lương, chế độ, chính sách đãi ngộ, tạo môi trường, điều kiện làm việc để thúc đẩy đổi mới sáng tạo, phục vụ phát triển”⁽⁹⁾. Theo đó, phải làm tốt các công việc sau: tăng cường kỷ luật, kỷ cương đi đôi với cải cách tiền lương, chế độ chính sách đãi ngộ, tạo môi trường điều kiện để thúc đẩy đổi mới sáng tạo, phục vụ phát triển; xây dựng cơ chế lựa chọn, đào tạo, thu hút, trọng dụng nhân tài, khuyến khích bảo vệ cán bộ dám nghĩ, dám nói, dám làm, dám chịu trách nhiệm, dám đổi mới sáng tạo, dám đương đầu với khó khăn, thử thách và quyết liệt trong hành động vì lợi ích chung. Có cơ chế sàng lọc, thay thế kịp thời những người không hoàn thành nhiệm vụ, vi phạm pháp luật, đạo đức công vụ, đạo đức nghề nghiệp và bị xử lý kỷ luật.

Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa là thành tố trung tâm của hệ thống chính trị ở Việt Nam. Xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của Nhân dân, do Nhân dân và vì Nhân dân là nhiệm vụ trọng tâm của đổi mới hệ thống chính trị; đồng thời, tiếp tục xây dựng và đổi mới đồng bộ các thành tố khác của hệ thống chính trị cũng là điều kiện để tiếp tục xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa theo tinh thần Nghị quyết Đại hội ĐBTQ lần thứ XIII của Đảng□

(1),(2) Đảng Cộng sản Việt Nam, *Văn kiện Đại hội ĐBTQ lần thứ XI*, Nxb CTQG-ST, H.2011, tr.247.

(3),(4),(5),(6),(7),(8),(9) Đảng Cộng sản Việt Nam, *Văn kiện Đại hội ĐBTQ lần thứ XIII*, tập I, Nxb CTQG-ST, H.2021, tr.174-175, tr.284, tr.175, tr.176, tr.285, tr.177, tr.178-179.

Nguồn: Tạp chí Tổ chức Nhà nước.- 2021.- Số 8.- Tr.47-51.

ĐỔI MỚI PHƯƠNG THỨC LÃNH ĐẠO CỦA ĐẢNG ĐỐI VỚI HỆ THỐNG CHÍNH TRỊ - THÀNH TỰU, HẠN CHẾ VÀ GIẢI PHÁP

GS, TS. LÊ HỮU NGHĨA

**Nguyên Giám đốc Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh,
Chủ tịch Hội Triết học**

Ngày nhận bài: 30-6-2022; Ngày bình duyệt: 1-7-2022; Ngày duyệt đăng: 15-7-2022.

Tóm tắt: Đổi mới phương thức lãnh đạo là một chủ trương lớn của Đảng ta trong công tác xây dựng Đảng. Xây dựng, chỉnh đốn Đảng phải bao hàm xây dựng một phương thức lãnh đạo khoa học, hiệu lực, hiệu quả, phù hợp với đối tượng lãnh đạo và với hoàn cảnh, điều kiện khách quan để đưa nội dung lãnh đạo vào thực tiễn cuộc sống. Bài viết làm rõ thành tựu và hạn chế trong đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng với hoạt động của hệ thống chính trị qua 15 năm thực hiện Nghị quyết Trung ương 5 khóa X; đề xuất phương hướng, giải pháp tiếp tục đổi mới mạnh mẽ phương thức lãnh đạo của Đảng trong tình hình mới.

Từ khóa: Nghị quyết Trung ương 5 khóa X; phương thức lãnh đạo của Đảng; hệ thống chính trị.

Phương thức lãnh đạo của Đảng là hệ thống những hình thức, biện pháp, cách thức mà chủ thể lãnh đạo là Đảng tác động đến đối tượng lãnh đạo (Nhà nước, các tổ chức chính trị - xã hội...) nhằm thực hiện nội dung, mục đích lãnh đạo của mình. Chủ tịch

Hồ Chí Minh là người đầu tiên dùng thuật ngữ “phương thức lãnh đạo” trong *Báo cáo về những Nghị quyết của Trung ương Đảng Cộng sản Đông Dương* (khoảng tháng 10-1930). Người viết: “cho nên phương thức lãnh đạo quần chúng vô cùng quan trọng, Đảng phải hết sức quan tâm”⁽¹⁾. Sau này, trong cuốn *Sửa đổi lối làm việc* (tháng 10-1947), Người dùng thuật ngữ “cách lãnh đạo” và nêu lên những nguyên tắc căn bản trong cách lãnh đạo.

1. Đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng - Thành tựu và hạn chế

Qua 15 năm thực hiện Nghị quyết Trung ương 5 khóa X về Đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng đối với hoạt động của hệ thống chính trị, có thể đánh giá khái quát như sau:

Về thành tựu

Ngày càng xác định rõ hơn chức năng, nhiệm vụ, thẩm quyền, trách nhiệm của Đảng lãnh đạo với chức năng, nhiệm vụ của Nhà nước và các tổ chức chính trị - xã hội. Từ đó, từng bước khắc phục tình trạng chồng chéo, trùng lặp trong hoạt động của mỗi tổ chức, nâng cao hơn hiệu lực, hiệu quả lãnh đạo của Đảng với Nhà nước và các tổ chức chính trị - xã hội.

Nhận thức về phương thức lãnh đạo và đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng ngày càng rõ và cụ thể, phù hợp hơn. Đảng rất coi trọng việc đổi mới phương thức lãnh đạo đối với hệ thống chính trị mà trọng tâm là Nhà nước. Cương lĩnh năm 1991, được bổ sung, phát triển năm 2011 đã xác định rõ các kênh của phương thức lãnh đạo của Đảng: “Đảng lãnh đạo bằng Cương lĩnh, chiến lược, các định hướng

về chính sách và chủ trương lớn; bằng công tác tuyên truyền, thuyết phục, vận động, tổ chức, kiểm tra, giám sát và bằng hành động gương mẫu của đảng viên ... Đảng lãnh đạo thông qua tổ chức đảng và đảng viên hoạt động trong các tổ chức của hệ thống chính trị”(2).

Trong những năm qua, Đảng đã ban hành nhiều nghị quyết nhằm cụ thể hóa phương thức lãnh đạo của Đảng. Thí dụ, Quy định số 08-QĐ/TW ngày 25.10.2018 về trách nhiệm nêu gương của cán bộ, đảng viên, trước hết là của Ủy viên Bộ Chính trị, Ủy viên Ban Bí thư, Ủy viên Ban Chấp hành Trung ương, của người đứng đầu cấp ủy, tổ chức, cơ quan, đơn vị. Quy định này, không đơn thuần nhằm xây dựng Đảng về đạo đức mà còn phát huy vai trò nêu gương của cán bộ, đảng viên trong tăng cường lãnh đạo của tổ chức đảng, đảng viên...

Chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, mối quan hệ công tác của các tổ chức trong hệ thống chính trị được rà soát, bổ sung, từng bước được hoàn thiện, khắc phục sự trùng lặp, chồng chéo. Ban Chấp hành Trung ương đã ban hành, chỉ đạo thực hiện Nghị quyết số 18-NQ/TW ngày 25-10-2017 một số vấn đề về tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả và Nghị quyết số 19-NQ/TW ngày 25-10-2017 về tiếp tục đổi mới hệ thống tổ chức và quản lý, nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động của các đơn vị sự nghiệp công lập. Nhờ có tư duy đổi mới, triển khai thực hiện quyết liệt các nghị quyết với quyết tâm chính trị cao, nỗ lực lớn, có trọng tâm, trọng điểm nên bước đầu đã khắc phục được một số hạn chế, khuyết điểm kéo dài trong nhiều năm về tổ chức bộ máy.

Tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị được sắp xếp tinh gọn hơn, giảm đầu mối, giảm cấp trung gian, giảm số lượng cán bộ lãnh

đạo, quản lý, giảm biên chế, đẩy mạnh phân cấp, phân quyền, xây dựng chính quyền điện tử... nhờ đó, nâng cao hơn hiệu lực, hiệu quả của phương thức lãnh đạo.

Đảng đã xây dựng và ban hành quy chế làm việc của Ban Chấp hành Trung ương, của Bộ Chính trị, Ban Bí thư, của các cấp ủy; ban hành nhiều quy chế, quy định về quan hệ giữa cấp ủy, các tổ chức đảng, cơ quan đảng với các tổ chức, cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị - xã hội; xây dựng, tổ chức ký kết quy chế phối hợp giữa các tổ chức trong hệ thống chính trị.

Công tác kiểm tra, giám sát, kỷ luật đảng được tiến hành quyết liệt, đồng bộ, nhờ đó có tác dụng giáo dục, răn đe, cảnh tỉnh đối với cán bộ, đảng viên; tiếp tục đẩy mạnh đấu tranh phòng, chống tham nhũng, tiêu cực với phương châm “không có vùng cấm, không có ngoại lệ”, được cán bộ, đảng viên, nhân dân rất đồng tình, có sức lan tỏa mạnh mẽ trong xã hội. Qua đó, có tác dụng củng cố, tăng cường lòng tin của nhân dân đối với Đảng, Nhà nước và chế độ XHCN.

Phương thức lãnh đạo của Đảng được từng bước đổi mới phù hợp hơn với chức năng, nhiệm vụ của từng nhánh quyền lực (lập pháp - hành pháp - tư pháp), phù hợp, cụ thể hơn với các cấp chính quyền (Trung ương - địa phương); phù hợp với nguyên tắc hiệp thương, dân chủ của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam. Nhờ đó, một mặt, Đảng vừa giữ vững được vai trò lãnh đạo của mình đối với Nhà nước và các tổ chức chính trị - xã hội, bảo đảm ổn định chính trị - xã hội và phát triển đất nước, mặt khác vừa phát huy được vai trò, trách nhiệm, tính chủ động, sáng tạo của Nhà nước và các tổ chức chính trị - xã hội, giảm bớt sự chồng chéo, “lấn sân” giữa các tổ chức đảng với các tổ chức chính

quyền và các tổ chức chính trị - xã hội.

Vì vậy, Văn kiện Đại hội XIII của Đảng khẳng định: “*Phương thức lãnh đạo của Đảng* tiếp tục được đổi mới. Ban hành và thực hiện nhiều quy định bảo đảm giữ vững vai trò lãnh đạo của Đảng, đề cao nguyên tắc pháp quyền, phát huy dân chủ, tính chủ động, sáng tạo và trách nhiệm của các cơ quan nhà nước, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội. Đổi mới cách học tập, quán triệt nghị quyết, coi trọng việc lãnh đạo, chỉ đạo việc tổ chức thực hiện, tăng cường công tác kiểm tra, giám sát, sơ kết, tổng kết việc thực hiện nghị quyết của Đảng. Việc đổi mới phong cách, lề lối làm việc của các cơ quan lãnh đạo của Đảng từ Trung ương tới cơ sở có bước tiến bộ. Coi trọng việc phát huy vai trò, trách nhiệm của các tổ chức đảng, đảng viên, nhất là người đứng đầu cấp ủy, tổ chức đảng, cơ quan nhà nước và các tổ chức chính trị - xã hội”⁽³⁾.

Nhờ đẩy mạnh xây dựng, chỉnh đốn Đảng toàn diện cả về chính trị, tư tưởng, đạo đức, tổ chức và cán bộ, trong đó có đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng, xây dựng hệ thống chính trị trong sạch vững mạnh nên trong nhiệm kỳ Đại hội XII chúng ta đã đạt được nhiều thành tựu rất quan trọng, khá toàn diện, tạo nhiều dấu ấn nổi bật. Những thành tựu đó đã tạo điều kiện, tiền đề cho đất nước phát triển nhanh và bền vững trong những năm tới, nhằm thực hiện mục tiêu mà Đại hội XIII đã đề ra.

Về một số hạn chế

Tuy đạt được nhiều thành tựu và tiến bộ trong đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng, song như Văn kiện Đại hội XIII đã nhận định: “*Phương thức lãnh đạo của Đảng đối với hệ thống chính trị còn*

chậm đổi mới, có mặt còn lúng túng. Cơ chế kiểm soát quyền lực trong Đảng và Nhà nước chưa đầy đủ, đồng bộ; hiệu lực, hiệu quả chưa cao”⁽⁴⁾. Tình trạng bao biện làm thay hoặc buông lỏng vai trò lãnh đạo của cấp ủy, tổ chức đảng còn xảy ra ở một số nơi. Cải cách hành chính trong Đảng còn chậm, chưa đáp ứng yêu cầu. Công tác tổng kết thực tiễn, nghiên cứu lý luận chưa được quan tâm đúng mức, chưa đáp ứng yêu cầu; một số vấn đề mới, khó, phức tạp thực tiễn đặt ra chưa được làm sáng tỏ. Thực hiện quy định về trách nhiệm nêu gương của cán bộ, đảng viên chưa trở thành nền nếp, hiệu quả chưa cao. Giám sát của Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội và nhân dân đối với việc tu dưỡng, rèn luyện đạo đức, lối sống của cán bộ, đảng viên ở một số nơi chưa thường xuyên, hiệu quả thấp. Tính tiên phong gương mẫu và phẩm chất đạo đức của một bộ phận đảng viên giảm sút, thậm chí có một số đảng viên là lãnh đạo cao cấp còn vi phạm pháp luật, vướng vào vòng lao lý. Việc đổi mới, sắp xếp tổ chức, bộ máy ở một số nơi thiếu kiên quyết, đồng bộ và chưa đạt mục tiêu đề ra; có tình trạng bộ máy được sắp xếp mang tính chất cơ học, gọn hơn nhưng hiệu lực, hiệu quả chưa cao. Việc kiểm tra, giám sát thực hiện một số nghị quyết của Đảng chưa thường xuyên; việc tự kiểm tra, phát hiện và xử lý vi phạm của nhiều cấp ủy, tổ chức đảng vẫn là khâu yếu, chưa phát hiện kịp thời và xử lý nghiêm những đảng viên vi phạm kỷ luật đảng, pháp luật nhà nước; còn thiếu những cơ chế để nhân dân giám sát cán bộ, đảng viên nhằm phát hiện cho tổ chức đảng những sai phạm. Việc đổi mới nội dung, phương thức hoạt động của Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội ở một số nơi chưa theo kịp yêu cầu, nhiệm vụ của tình hình mới.

2. Một số phương hướng, giải pháp tiếp tục đổi mới mạnh mẽ phương thức lãnh đạo của Đảng trong điều kiện mới

Sau gần hai năm thực hiện Nghị quyết Đại hội XIII, tình hình thế giới diễn biến về cơ bản như Đại hội đã dự báo. Thế giới đang trải qua những biến động to lớn, khó đoán định, gây nhiều bất ổn, bất an, lo âu cho nhiều nước.

Ở trong nước, sau hơn 35 năm đổi mới, đất nước ta chưa bao giờ có được cơ đồ, tiềm lực, sức mạnh quốc gia dân tộc, vị thế và uy tín quốc tế như ngày nay. Điều đó tạo điều kiện, tiền đề thuận lợi to lớn để củng cố niềm tin, tạo động lực mới, khí thế mới cho toàn Đảng, toàn dân phấn đấu đẩy mạnh sự nghiệp đổi mới, đưa đất nước phát triển nhanh và bền vững theo con đường XHCN.

Tuy nhiên, đất nước ta vẫn còn đứng trước nhiều khó khăn, thách thức và hạn chế. Kinh tế phát triển chưa thật bền vững, năng suất, chất lượng, hiệu quả và sức cạnh tranh của nền kinh tế chưa cao. Công tác lãnh đạo, quản lý kinh tế - văn hóa - xã hội, sử dụng tài nguyên, bảo vệ môi trường còn nhiều bất cập; các thế lực thù địch ngày càng chống phá quyết liệt. Công tác tổ chức, cán bộ, công tác tổng kết thực tiễn, nghiên cứu lý luận về Đảng cầm quyền, về đổi mới hệ thống chính trị... còn nhiều hạn chế. Năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu của nhiều tổ chức đảng, đảng viên chưa ngang tầm nhiệm vụ. Tổ chức thực hiện nghị quyết của Đảng vẫn là khâu yếu. Những khó khăn, hạn chế, khuyết điểm đó đòi hỏi Đảng ta phải có quyết tâm cao, nỗ lực lớn và hành động quyết liệt hơn trong xây dựng Đảng và hệ thống chính trị, tiếp tục đổi mới mạnh mẽ phương thức lãnh đạo của Đảng trong điều kiện mới.

Để tiếp tục đổi mới mạnh mẽ phương thức lãnh đạo của Đảng, cần thực hiện một số phương hướng và giải pháp sau:

Phải nâng cao nhận thức về ý nghĩa, tầm quan trọng của đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng đối với Nhà nước, hệ thống chính trị và toàn xã hội trong điều kiện mới. Chỉ khi có phương thức lãnh đạo đúng đắn, khoa học, phù hợp thì nội dung và mục đích lãnh đạo của Đảng mới được hiện thực hóa trong cuộc sống, mới phát huy được vai trò lãnh đạo của Đảng. Tình hình thế giới và trong nước thay đổi nhanh chóng đòi hỏi phương thức lãnh đạo cũng phải thay đổi. Chủ quan phải phù hợp với khách quan. Phải theo dõi sát sự biến đổi của tình hình trong nước, quốc tế. Phải coi đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng là một nội dung của đổi mới chính trị đồng bộ, phù hợp với đổi mới kinh tế; phải đặt đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng là một nội dung quan trọng của công tác xây dựng, chỉnh đốn Đảng - xây dựng Đảng về phương thức lãnh đạo.

Phải đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng theo hướng xây dựng ba trụ cột cơ bản của mô hình phát triển xã hội XHCN Việt Nam. Đó là, kinh tế thị trường định hướng XHCN, Nhà nước pháp quyền XHCN và nền dân chủ XHCN. Phương thức lãnh đạo của Đảng phải phù hợp với các quy luật của kinh tế thị trường định hướng XHCN, với các chuẩn mực, thể chế của Nhà nước pháp quyền XHCN Việt Nam, phát huy tối đa các nguồn lực và động lực của nền dân chủ XHCN.

Đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng phải đồng bộ với đổi mới tổ chức và hoạt động của hệ thống chính trị. Tiếp tục đổi mới, kiện toàn các tổ chức trong hệ thống chính trị theo hướng tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả, gần dân, sát dân, tôn trọng quyền làm

chủ của nhân dân. Xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức đủ phẩm chất, năng lực, uy tín, ngang tầm nhiệm vụ, lãnh đạo tổ chức thực hiện có hiệu quả các chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước; chú trọng lãnh đạo đổi mới, nâng cao chất lượng lập pháp, cải cách hành chính và cải cách tư pháp. Các tổ chức đảng, đảng viên hoạt động trong các cơ quan nhà nước vừa phải gương mẫu tuân thủ Hiến pháp, pháp luật, vừa phải nâng cao vai trò tiên phong trong thực hiện chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách và pháp luật của Nhà nước. Khắc phục tình trạng bao biện, làm thay hoặc buông lỏng vai trò lãnh đạo của Đảng.

Cần có những quy định cụ thể về Đảng gắn bó mật thiết với nhân dân, phục vụ nhân dân, chịu sự giám sát của nhân dân, tôn trọng lợi ích hợp pháp, chính đáng của nhân dân, thực hiện phương châm “dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra, dân giám sát, dân thụ hưởng”; chịu trách nhiệm trước nhân dân về những quyết định của mình.

Đẩy mạnh việc phân cấp, phân quyền gắn với kiểm tra, giám sát, kiểm soát chặt chẽ quyền lực, chống tha hóa quyền lực, nhất là trong công tác cán bộ; có cơ chế giải quyết tốt mối quan hệ giữa việc phát huy quyền chủ động, sáng tạo, đề cao trách nhiệm của các địa phương với việc bảo đảm sự lãnh đạo, chỉ đạo, quản lý thống nhất của Trung ương.

Tăng cường quyền lực, trách nhiệm của người đứng đầu và mối quan hệ giữa tập thể cấp ủy, tổ chức đảng với người đứng đầu, có cơ chế để thực hiện nghiêm nguyên tắc tập trung dân chủ (vừa qua, sai phạm khá phổ biến là vi phạm nguyên tắc tập trung dân chủ), tập thể lãnh đạo, cá nhân phụ trách; có cơ chế xử lý đối với người đứng đầu khi vi phạm. Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát và coi trọng sơ

kết, tổng kết, rút kinh nghiệm một cách thực chất việc thực hiện các nghị quyết của Đảng. Đẩy mạnh nghiên cứu lý luận, tổng kết thực tiễn về đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng, đổi mới tổ chức và hoạt động của hệ thống chính trị, về Đảng cầm quyền trong điều kiện mới; thể chế hóa, cụ thể hóa mối quan hệ giữa “Đảng lãnh đạo, Nhà nước quản lý, nhân dân làm chủ”.

Tăng cường và đổi mới công tác tuyên truyền, vận động, giáo dục, thuyết phục các tầng lớp nhân dân, tạo sự thống nhất trong Đảng và sự đồng thuận trong xã hội để thực hiện có hiệu quả chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước.

Đổi mới mạnh mẽ phong cách lãnh đạo của Đảng, phong cách công tác của cán bộ, đảng viên theo phong cách Hồ Chí Minh với những đặc trưng nổi bật là dân chủ, gần dân, hiểu dân, vì dân, cầu thị, sát thực tiễn, nói đi đôi với làm. Đẩy mạnh cải cách hành chính trong Đảng, tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin; phát huy mạnh mẽ dân chủ trong nội bộ Đảng. Tiếp tục đổi mới, nâng cao chất lượng xây dựng, ban hành nghị quyết của Đảng theo hướng “thà ít mà tốt”, bảo đảm các điều kiện thực hiện nghị quyết□

(1) Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2011, T.3, tr. 618.

(2) ĐCSVN (2011), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI*, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2011, tr.88-89.

(3), (4) ĐCSVN: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII*, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2021, tr.76-77, 93.

Nguồn: Tạp chí Lý luận chính trị - 2022.- Số 533.- Tr.22-26.

**HỌC TẬP, LÀM THEO TƯ TƯỞNG, ĐẠO ĐỨC,
PHONG CÁCH HỒ CHÍ MINH
NHẪM XÂY DỰNG ĐẢNG VÀ HỆ THỐNG CHÍNH TRỊ
TRONG SẠCH, VỮNG MẠNH**

TS. TRẦN THỊ HUYỀN
Viện Hồ Chí Minh và các lãnh tụ của Đảng,
Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh

Ngày nhận bài: 13-8-2023; Ngày bình duyệt: 25-9-2023; Ngày duyệt đăng: 18-10-2023.

Tóm tắt: Tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh là ba yếu tố gắn bó hòa quyện chặt chẽ với nhau. Bài viết phân tích vai trò quan trọng của việc học tập, làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh, góp phần xây dựng đội ngũ cán bộ, đảng viên đủ đức, đủ tài, tổ chức đảng và hệ thống chính trị ngày càng đoàn kết, thống nhất, trong sạch, vững mạnh, hoạt động hiệu lực, hiệu quả.

***Từ khóa:** học tập, làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh; xây dựng Đảng và hệ thống chính trị; trong sạch, vững mạnh.*

Học tập, làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh là một nội dung quan trọng của công tác xây dựng Đảng và hệ thống chính trị, thể hiện trên những phương diện sau:

1. Học tập, làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí

Minh góp phần xây dựng tổ chức đảng và hệ thống chính trị ngày càng chặt chẽ, đoàn kết, thống nhất, nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động

Chủ tịch Hồ Chí Minh là người sáng lập Đảng Cộng sản Việt Nam, khai sinh ra nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa; chỉ đạo hình thành Mặt trận dân tộc thống nhất và các tổ chức chính trị - xã hội nhằm đoàn kết toàn dân tộc dưới ngọn cờ chung để đánh đổ kẻ thù, giành, giữ và xây dựng đất nước. Người sáng lập Đảng Cộng sản Việt Nam trong bối cảnh cả dân tộc đang chìm đắm trong đêm trường nô lệ, Người đã vận dụng, phát triển sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lênin về các yếu tố cấu thành Đảng Cộng sản trong điều kiện nước ta là một nước thuộc địa, đưa ra các luận điểm về cơ cấu tổ chức đảng từ cấp trung ương tới cấp cơ sở, đề ra các nguyên tắc xây dựng Đảng để Đảng luôn phát triển, trong sạch, vững mạnh, phát huy vai trò lãnh đạo. Năm 1945, Cách mạng Tháng Tám thành công, Nhà nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa ra đời, Đảng Cộng sản Việt Nam trở thành Đảng cầm quyền lãnh đạo Nhà nước và toàn xã hội. Hồ Chí Minh đã đưa ra các quan điểm nêu rõ yêu cầu, tầm quan trọng của công tác xây dựng Đảng cầm quyền trong sạch, vững mạnh; nhiệm vụ của tổ chức đảng các cấp, phương thức lãnh đạo của Đảng và những nội dung, nguyên tắc xây dựng Đảng.

Học tập, làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh trong công tác xây dựng Đảng sẽ giúp các tổ chức đảng thấm nhuần những quan điểm, phương pháp luận về tầm quan trọng, nghĩa vụ, trọng trách trong xây dựng tổ chức đảng để Đảng thực sự “là đạo

đức”, “là văn minh”, thực sự trong sạch, vững mạnh, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ.

Chủ tịch Hồ Chí Minh là người kiến tạo Nhà nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa - Nhà nước dân chủ nhân dân đầu tiên ở khu vực Đông Nam - châu Á. Theo quan điểm của Người, Nhà nước ta là Nhà nước của dân “Tất cả quyền bính trong nước là của toàn thể nhân dân Việt Nam, không phân biệt nòi giống, gái trai, giàu nghèo, giai cấp, tôn giáo”⁽¹⁾; Nhà nước do dân cử ra, đồng thời, “có quyền bãi miễn đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân nếu những đại biểu ấy tỏ ra không xứng đáng với sự tín nhiệm của nhân dân”⁽²⁾; Nhà nước đó tận tâm, tận lực phục vụ lợi ích của đất nước và nguyện vọng chính đáng của nhân dân, “đem tài dân, sức dân, của dân” để làm lợi cho dân. Nhà nước do dân là chủ, Chính phủ là đầy tớ, công bộc của dân. Nhà nước đó phải là Nhà nước hợp hiến, hợp pháp, có hệ thống pháp luật và quản lý xã hội bằng luật pháp, mọi công dân sống và làm việc theo Hiến pháp và pháp luật. Học tập, làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh về xây dựng Nhà nước là cơ sở quan trọng để giữ vững, kiên định mục tiêu xây dựng Nhà nước, bản chất giai cấp công nhân thống nhất với tính nhân dân và dân tộc của Nhà nước, xây dựng hệ thống pháp luật chặt chẽ hướng tới mục tiêu cao nhất vì dân, không ngừng nâng cao quyền tự do, dân chủ, đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân. Xây dựng, tổ chức Nhà nước thực sự trong sạch, vững mạnh, đoàn kết và phát triển.

Chủ tịch Hồ Chí Minh sáng lập ra Mặt trận dân tộc thống nhất - hình thức tổ chức đại đoàn kết toàn dân, liên minh chính trị - xã hội

nhằm đoàn kết rộng rãi mọi tổ chức, cá nhân yêu nước vào một khối thống nhất, đấu tranh vì độc lập dân tộc và CNXH. Mặt trận là phương tiện để thực hiện đoàn kết. Đồng thời, dưới tổ chức Mặt trận, Người đã chỉ đạo xây dựng các đoàn thể quần chúng nhằm tập hợp tối đa các tầng lớp nhân dân, phát huy sức mạnh toàn dân tộc. Theo quan điểm của Hồ Chí Minh, Mặt trận dân tộc thống nhất phải lấy liên minh công - nông - trí thức làm nòng cốt để mở rộng tổ chức, mở rộng khối đại đoàn kết. Khối đại đoàn kết đó được củng cố bền chặt dưới sự lãnh đạo của Đảng. Người cũng chỉ rõ các nguyên tắc, phương pháp hoạt động của Mặt trận.

Học tập, làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh nói chung, tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh trong công tác xây dựng Mặt trận dân tộc thống nhất nói riêng sẽ giúp Mặt trận và các tổ chức chính trị - xã hội nhận thức rõ tầm quan trọng, nắm vững được nội dung, nguyên tắc, phương pháp hoạt động. Từ đó, vận dụng linh hoạt nhằm đạt hiệu quả cao nhất, hướng tới xây dựng đất nước phát triển phù hợp với mục tiêu, khát vọng của toàn dân.

2. Học tập, làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh góp phần xây dựng đội ngũ cán bộ, đảng viên đủ đức, đủ tài góp phần xây dựng tổ chức đảng và hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh

Chủ tịch Hồ Chí Minh khẳng định: “cán bộ là dây chuyền của bộ máy, là cầu nối giữa Đảng, Chính phủ với nhân dân”. Cán bộ đem chủ trương, đường lối của Đảng và chính sách, pháp luật của Nhà nước giải thích cho nhân dân hiểu để thực hiện hiệu quả, mặt khác “đem

tình hình, nguyện vọng của dân chúng” báo cáo với Đảng và Chính phủ để Đảng và Chính phủ đề ra chủ trương, chính sách phù hợp nguyện vọng, lợi ích chính đáng của nhân dân. Theo Người: “Có cán bộ tốt việc gì cũng xong” và “Muôn việc thành công hoặc thất bại, đều do cán bộ tốt hoặc kém”⁽³⁾. Để tổ chức đảng và hệ thống chính trị thực sự trong sạch, vững mạnh, yếu tố quan trọng là cán bộ, đảng viên trong tổ chức đó phải trong sạch, đủ đức, đủ tài, đáp ứng yêu cầu xây dựng và phát triển của tổ chức.

Học tập, làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh giúp cán bộ, đảng viên nâng cao nhận thức và tư duy lý luận, kiên định mục tiêu, con đường độc lập dân tộc và CNXH

Trình độ nhận thức và tư duy lý luận có vai trò rất quan trọng đối với hoạt động, công tác và hiệu quả làm việc của mỗi cán bộ, đảng viên. Trình độ nhận thức, tư duy lý luận đúng sẽ định hướng cho hành động đúng, mở đường cho bước phát triển tương lai và ngược lại sẽ dẫn tới những sai lầm, lạc lối, thậm chí khủng hoảng, làm kìm hãm sự phát triển của cá nhân, tổ chức và rộng hơn là kìm hãm sự phát triển của quốc gia, dân tộc.

Tư tưởng Hồ Chí Minh là hệ thống quan điểm toàn diện và sâu sắc về những vấn đề cơ bản của cách mạng Việt Nam. Trong đó, bao chứa nhiều vấn đề cốt lõi của cách mạng, của công tác xây dựng Đảng, xây dựng hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh. Nắm rõ được bản chất và những nội dung cơ bản của tư tưởng Hồ Chí Minh nói chung, tư tưởng Hồ Chí Minh về Đảng Cộng sản, về xây dựng Đảng Cộng sản Việt Nam cầm quyền; về Nhà nước của dân, do dân, vì dân; về Mặt trận dân tộc thống nhất và các tổ chức quần chúng nói

riêng giúp cho mỗi cán bộ, đảng viên nâng cao được khả năng tư duy lý luận sắc bén, hiểu biết thấu đáo, ý thức được trách nhiệm, nghĩa vụ cũng như quyền lợi cá nhân trong công tác xây dựng Đảng, xây dựng hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh. Từ đó, cải tiến cách thức lao động, phương pháp làm việc khoa học, đúng đắn, hiệu quả, góp phần xây dựng, phát triển tổ chức đảng và hệ thống chính trị, xây dựng và phát triển đất nước ngày càng phồn vinh, hạnh phúc.

Đổi mới tư duy, nhận thức đúng đắn phù hợp với quy luật phát triển là cơ sở quan trọng để loại bỏ, bài trừ những suy nghĩ lệch lạc, tiêu cực, phiến diện, phản động. Vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh vào giải quyết các vấn đề thực tiễn đúng đắn và phù hợp, hiệu quả. Chính vì vậy, học tập, làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh giúp mỗi cán bộ, đảng viên kiên định mục tiêu, lý tưởng độc lập dân tộc và CNXH, kiên định con đường cách mạng Việt Nam, có lập trường tư tưởng vững vàng, không dao động, ngả nghiêng trước những khó khăn, thử thách, bài trừ những suy nghĩ lệch lạc, tiêu cực, phiến diện, có lý luận sắc bén để đấu tranh phản bác các quan điểm sai trái của các thế lực thù địch.

Kết luận số 01-KL/TW ngày 18-5-2021 của Bộ Chính trị về tiếp tục thực hiện Chỉ thị số 05-CT/TW của Bộ Chính trị “Về đẩy mạnh học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh”, đã khẳng định: “Tư tưởng Hồ Chí Minh cùng với chủ nghĩa Mác - Lênin là nền tảng tư tưởng, là kim chỉ nam cho hành động của Đảng. Tư tưởng, đạo đức, phong cách của Người là động lực, nguồn sức mạnh to lớn để toàn Đảng, toàn dân và toàn quân ta phát huy nội lực, vượt qua khó khăn, thử thách, thực hiện thắng lợi Nghị quyết Đại hội XIII

của Đảng và mọi nhiệm vụ cách mạng trong giai đoạn mới. Học tập và làm theo Bác để Đảng ta và mỗi đảng viên xứng đáng với vai trò, sứ mệnh lãnh đạo cách mạng Việt Nam và sự tin cậy của nhân dân”.

Học tập, làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh giúp cán bộ, đảng viên nâng cao và thực hành tốt đạo đức cách mạng

Chủ tịch Hồ Chí Minh là một trong số ít những lãnh tụ luôn đặc biệt quan tâm, chú trọng tới đạo đức cách mạng. Đạo đức cách mạng là nội dung nhất quán, xuyên suốt trong tư tưởng và hoạt động thực tiễn của Người, được Người quan tâm từ khi ra đi tìm đường cứu nước cho đến tận cuối đời.

Tư tưởng Hồ Chí Minh về đạo đức là sự kết hợp những giá trị đạo đức tốt đẹp của dân tộc với tinh hoa đạo đức nhân loại; truyền thống với hiện đại; phương Đông và phương Tây, đặc biệt là chủ nghĩa Mác - Lênin, được hình thành và phát triển từ yêu cầu của sự nghiệp giải phóng dân tộc, giải phóng con người. Người đã đưa ra hệ thống quan điểm về vị trí, vai trò của đạo đức cách mạng, các phẩm chất đạo đức cách mạng cơ bản, cần có của người cán bộ, đảng viên và cả những chỉ dẫn về nguyên tắc xây dựng đạo đức mới.

Theo Người, để lãnh đạo được quần chúng, mỗi cán bộ, đảng viên “phải làm mực thước cho người ta bắt chước”; phải thực hiện “tiên thiên hạ ưu, hậu thiên hạ lạc”, nghĩa là lúc khổ sở, khó khăn thì đảng viên ta đi trước, khi sướng thì đảng viên ta hưởng sau; phải thực hiện “đảng viên đi trước, làng nước theo sau”. Đồng thời, Hồ Chí Minh yêu cầu phải kiên quyết chống tệ quan liêu, tham ô, lãng phí, chống chủ nghĩa cá nhân... trong cán bộ, đảng viên. Người yêu cầu

cán bộ, đảng viên phải nâng cao năng lực công tác, đồng thời phải tu dưỡng đạo đức cần, kiệm, liêm, chính, chí công vô tư; phải có tinh thần “phụng công thủ pháp”; phải nhận thức rõ làm cách mạng là để chống lại tình trạng bất công, bất bình đẳng, vì vậy phải thẳng tay trừng trị những kẻ bất liêm, suy thoái đạo đức, vi phạm pháp luật.

Chủ tịch Hồ Chí Minh là tấm gương tiêu biểu, mẫu mực, điển hình nhất về thực hành đạo đức cách mạng, Người luôn tiên phong, gương mẫu trong mọi hoạt động, công tác trong mọi hoàn cảnh. Người đã thể hiện tinh thần tận tụy, hết lòng hết sức phụng sự Tổ quốc, phục vụ nhân dân. Người nói, “cả đời tôi chỉ có một mục đích, là phấn đấu cho quyền lợi Tổ quốc, và hạnh phúc của quốc dân. Những khi tôi phải ẩn nấp nơi núi non, hoặc ra vào chốn tù tội, xông pha sự hiểm nghèo - là vì mục đích đó”⁽⁴⁾. Người chỉ có một tâm nguyện và ham muốn tới tột bậc là “làm sao cho nước ta được hoàn toàn độc lập, dân ta được hoàn toàn tự do, đồng bào ai cũng có cơm ăn, áo mặc, ai cũng được học hành”⁽⁵⁾; cho đến khi phải từ biệt thế giới này, Người chỉ tiếc: “...tiếc rằng không được phục vụ lâu hơn nữa, nhiều hơn nữa”⁽⁶⁾. Chính ham muốn và mục đích vô cùng cao đẹp ấy đã tạo cho Người ý chí và nghị lực vô song: “Giàu sang không thể quyến rũ, nghèo khó không thể chuyển lay, uy lực không thể khuất phục”⁽⁷⁾; là cơ sở giúp Người vượt qua mọi khó khăn, thử thách, tìm đường, vạch đường và dẫn đường để dân tộc ta đến độc lập, tự do, hạnh phúc.

Do đó, việc học tập, làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh góp phần quan trọng giúp cán bộ, đảng viên nâng cao nhận thức về vị trí, vai trò, tầm quan trọng của đạo đức cách mạng, những

giá trị, truyền thống đạo đức tốt đẹp của dân tộc; những chuẩn mực đạo đức cần có của người cán bộ, đảng viên và phương pháp rèn luyện đạo đức cách mạng. Học tập, làm theo tư tưởng Hồ Chí Minh giúp cán bộ, đảng viên nâng cao lòng tự hào dân tộc, rèn luyện những phẩm chất đạo đức cơ bản: trung với nước, hiếu với dân; Cần, kiệm, liêm, chính, chí công vô tư, tinh thần quốc tế trong sáng... sống hợp đạo lý, biết phân biệt phải - trái, tốt - xấu, đúng - sai trong mọi mối quan hệ và trong công việc.

Hiện nay, trong xã hội xuất hiện sự phân tầng, phân hóa giàu nghèo, sự suy thoái về đạo đức, lối sống ở một bộ phận cán bộ, đảng viên. Điều này ảnh hưởng không nhỏ đến niềm tin, tư tưởng và tình cảm của quần chúng nhân dân với Đảng. Số liệu về tình trạng tham nhũng, lãng phí, về xử lý kỷ luật cán bộ, đảng viên tham nhũng lãng phí⁽⁸⁾ đã cho thấy nguy cơ của “chủ nghĩa cá nhân” - giặc nội xâm, kẻ thù của sự nghiệp xây dựng và bảo vệ chế độ XHCN. Vì vậy, việc học tập, noi gương, làm theo tư tưởng đạo đức Hồ Chí Minh càng trở nên cấp thiết và quan trọng hơn, nhằm đẩy lùi suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống và các tệ nạn xã hội, chống chủ nghĩa cá nhân, với tinh thần “lấy cái đẹp, dẹp cái xấu”, lan tỏa những giá trị đạo đức cách mạng nhằm loại bỏ những thói hư, tật xấu làm kìm hãm sự phát triển xã hội.

Không ngừng rèn luyện đạo đức cách mạng, mỗi cán bộ, đảng viên sẽ hoàn thành tốt chức trách, nhiệm vụ được giao, góp phần thiết thực, hiệu quả vào công tác xây dựng Đảng và hệ thống chính trị ngày càng trong sạch, vững mạnh. Việc cán bộ, đảng viên rèn luyện đạo đức cách mạng và phấn đấu vì lợi ích chung của dân tộc là động lực

thúc đẩy sự nghiệp xây dựng đất nước ngày càng phát triển, phồn vinh, hạnh phúc.

Học tập, làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh giúp cán bộ, đảng viên xây dựng, rèn luyện phương pháp và phong cách công tác

Phương pháp có vai trò lớn trong đời sống và hoạt động thực tiễn, Đêcactơ - triết gia người Pháp cho rằng: “thiếu phương pháp thì người tài cũng lỗi. Có phương pháp thì người tầm thường cũng làm việc phi thường”. Nếu đổi mới tư duy có vai trò dẫn dắt khởi nguồn cho sự tiến bộ thì cải tiến phương pháp góp phần hiện thực hóa những dự định, quan điểm đổi mới đó. Phương pháp cách mạng Hồ Chí Minh có vai trò rất quan trọng góp phần đem lại thắng lợi cho cách mạng.

Trong quá trình hoạt động và lãnh đạo sự nghiệp cách mạng của dân tộc, Hồ Chí Minh đã sử dụng nhiều phương pháp cách mạng. Người đã tổng kết thành lý luận và thường xuyên vận dụng trong thực tiễn. Các phương pháp đó hợp thành một hệ thống hoàn chỉnh trong quá trình thực hiện mục tiêu cách mạng. Từ phương pháp xác định mục tiêu, nhiệm vụ cách mạng, đến các phương pháp: xác định lực lượng và tổ chức lực lượng cách mạng; “dĩ bất biến ứng vạn biến”; “tạo lực, lập thế, tranh thời, dùng mưu”, phát huy các nhân tố “thiên thời, địa lợi, nhân hòa” và phương pháp biết thắng từng bước. Trong thực tiễn, Hồ Chí Minh không tuyệt đối hóa vai trò của một phương pháp nào mà kết hợp các phương pháp để tác động tới đối tượng, khách thể ở nhiều mặt, nhiều cấp độ nhằm đạt mục tiêu tốt nhất.

Hiểu được nội dung, ý nghĩa các phương pháp cách mạng của

Hồ Chí Minh, mỗi cán bộ, đảng viên sẽ có cách thức vận dụng linh hoạt, sáng tạo trong thực tiễn và hoạt động để đạt hiệu quả. Vận dụng, phát triển sáng tạo tư tưởng, phương pháp cách mạng Hồ Chí Minh sẽ giúp cán bộ, đảng viên hình thành những phương pháp làm việc hiệu quả trong bối cảnh mới, từ đó, thúc đẩy sự nghiệp cách mạng phát triển, xây dựng đất nước ngày càng giàu mạnh.

Tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh là ba yếu tố gắn bó hòa quyện, chặt chẽ với nhau. Trong tư tưởng thể hiện đạo đức và phong cách, trong đạo đức thể hiện tư tưởng và phong cách, trong phong cách thể hiện rõ tư tưởng và đạo đức Hồ Chí Minh. Do đó, học tập, làm theo tư tưởng Hồ Chí Minh phải gắn với việc học tập và làm theo tấm gương đạo đức và phong cách Hồ Chí Minh.

Phong cách Hồ Chí Minh phản ánh những giá trị cốt lõi trong tư tưởng, đạo đức của Người và được thể hiện vô cùng sinh động, tự nhiên, độc đáo, có sức thu hút, cảm hóa kỳ diệu trong hoạt động, ứng xử hằng ngày. Phong cách Hồ Chí Minh là một chỉnh thể, phát triển theo lôgic đi từ suy nghĩ (phong cách tư duy) đến nói, viết (phong cách diễn đạt) và biểu hiện ra qua hoạt động sống hằng ngày (phong cách làm việc, phong cách ứng xử, phong cách sinh hoạt). Phong cách Hồ Chí Minh được thể hiện trong mọi lĩnh vực đời sống và hoạt động của Người, tạo thành một chỉnh thể nhất quán, có giá trị khoa học, đạo đức và thẩm mỹ.

Thực tiễn cuộc đời hoạt động cách mạng của Hồ Chí Minh cho thấy, đạo đức, phong cách của Người đã góp phần đưa tư tưởng Hồ Chí Minh trở thành kim chỉ nam cho hoạt động thực tiễn của Đảng và cách mạng Việt Nam, đem lại thắng lợi cho cách mạng Việt Nam.

Mỗi cán bộ, đảng viên khi học tập, làm theo phong cách Hồ Chí Minh, từ tư duy tới hành động và trong cuộc sống sẽ góp phần hình thành phong cách người cán bộ, người lãnh đạo hết lòng vì nước, vì dân, gần dân, gần bó mật thiết với dân, tạo niềm tin cho nhân dân theo tư tưởng, tấm gương đạo đức và phong cách Hồ Chí Minh. Công tác xây dựng Đảng và hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh đạt kết quả khi cán bộ, đảng viên học tập và làm theo phong cách Hồ Chí Minh: tư duy độc lập tự chủ, sáng tạo; phong cách diễn đạt chân thực, ngắn gọn, giản dị, trong sáng, dễ hiểu; phong cách làm việc quần chúng, tập thể, dân chủ, khoa học; phong cách ứng xử khiêm tốn, lịch thiệp, chân tình, nồng hậu, tự nhiên, chủ động, linh hoạt, biến hóa, vui vẻ, hòa nhã, xóa nhòa khoảng cách; phong cách giản dị, trong sạch, thanh cao, cách sống chừng mực, điều độ, ngăn nắp, yêu lao động, quý trọng thời gian. Học tập, làm theo phong cách Hồ Chí Minh và vận dụng linh hoạt trong điều kiện mới sẽ khắc phục được những hạn chế, bất cập như quan liêu, xa dân... Từ đó, không ngừng nâng cao chất lượng của tổ chức đảng và hệ thống chính trị, tạo niềm tin cho nhân dân vào con đường cách mạng Việt Nam, vững bước đi lên CNXH.

Học tập, làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh có vai trò rất quan trọng trong công tác xây dựng Đảng và hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh, được Đảng Cộng sản Việt Nam chỉ rõ qua các Chỉ thị số 06-CT/TW ngày 7-11-2006 của Bộ Chính trị về tổ chức cuộc vận động “Học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh”, Chỉ thị số 03-CT/TW ngày 14-5-2011 của Bộ Chính trị về tiếp tục đẩy mạnh việc học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh, Chỉ thị số 05-CT/TW ngày 15-5-2016 của Bộ Chính trị “về đẩy

mạnh học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh” và đặc biệt là Kết luận số 01-KL/TW ngày 18-5-2021 của Bộ Chính trị về tiếp tục thực hiện Chỉ thị số 05-CT/TW của Bộ Chính trị “Về đẩy mạnh học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh”. Do đó, mỗi cán bộ, đảng viên cần không ngừng học tập, làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh. Đây là phương thức góp phần nâng cao đạo đức cách mạng, nâng cao chất lượng, hiệu quả làm việc, giúp mỗi cán bộ, đảng viên đủ đức, đủ tài hoàn thành tốt chức trách, nhiệm vụ được giao góp phần xây dựng Đảng và hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh, thúc đẩy sự phát triển của đất nước□

- (1) Hiến pháp Việt Nam: Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1995, tr.8, 33.
- (2) Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, t.12, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2011, tr.375.
- (3) Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, t.5, Sđd, tr.280.
- (4), (5) Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, t.4, Sđd, tr.272, 187.
- (6) Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, t.15, Sđd, tr.615.
- (7) Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, t.7, Sđd, tr.150.
- (8) Phát hiện, xử lý: Đã kỷ luật 2.740 tổ chức đảng, hơn 167.700 đảng viên, trong đó có hơn 190 cán bộ diện Trung ương quản lý (04 Ủy viên Bộ Chính trị, nguyên Ủy viên Bộ Chính trị, 36 ủy viên, nguyên Ủy viên Trung ương); đã khởi tố, điều tra 19.546 vụ/33.868 bị can; truy tố 16.699 vụ/33.037 bị can; xét xử sơ thẩm 15.857 vụ/30.355 bị cáo; xử lý hình sự 37 cán bộ diện Trung ương quản lý. Số liệu trong cuốn sách của Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng: Kiên quyết, kiên trì đấu tranh phòng, chống tham nhũng, tiêu cực, góp phần xây dựng Đảng và Nhà nước ta ngày càng trong sạch, vững mạnh, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2022.

Nguồn: Tạp chí Lý luận chính trị.- 2023.- Số 548.- Tr.97-103.

NÂNG CAO VAI TRÒ LÃNH ĐẠO CỦA ĐẢNG TRONG KIẾN TOÀN HỆ THỐNG CHÍNH TRỊ Ở VIỆT NAM

TS. BÙI QUANG HUY

Trường Sĩ quan Chính trị, Bộ quốc phòng

Ngày nhận bài: 03/11/2021 Ngày biên tập: 04/01/2022 Ngày duyệt đăng: 25/01/2022

Tóm tắt: Vấn đề đổi mới, kiện toàn hệ thống chính trị luôn được Đảng và Nhà nước ta quan tâm chú trọng. Trong giai đoạn cách mạng hiện nay, việc tiếp tục đổi mới, kiện toàn hệ thống chính trị là nhiệm vụ rất quan trọng, góp phần giữ vững và tăng cường vai trò cầm quyền, lãnh đạo toàn diện đất nước của Đảng Cộng sản Việt Nam trên con đường hội nhập và phát triển.

Từ khóa: Hệ thống chính trị; kiện toàn; nâng cao; vai trò của Đảng.

Abstract: The issue of innovating and consolidating the political system has always received a lot of attention from our Party and State. Under the current revolutionary period, continually innovating and improving the political system is a very important task, contributing to maintaining and strengthening the comprehensive ruling and leadership role of the Communist Party of Vietnam on the path of integration and development.

Keywords: Political system; consolidating; improving; the role

of the Party.

Sau hơn 35 năm thực hiện công cuộc đổi mới dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam, đất nước ta đã đạt được những thành tựu toàn diện, to lớn và quan trọng; trở thành nước đang phát triển có thu nhập trung bình; công cuộc công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập quốc tế được đẩy mạnh, đời sống của Nhân dân có nhiều thay đổi; dân chủ xã hội chủ nghĩa được phát huy và mở rộng, đại đoàn kết toàn dân tộc được củng cố, tăng cường. Công tác xây dựng Đảng, xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa và hệ thống chính trị được đẩy mạnh. Sức mạnh về mọi mặt của đất nước được nâng lên; độc lập, chủ quyền, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ và chế độ xã hội chủ nghĩa được giữ vững; quan hệ đối ngoại ngày càng mở rộng đi vào chiều sâu; vị thế, uy tín của Việt Nam trên trường quốc tế được nâng cao.

Tuy nhiên, vai trò và sự lãnh đạo của Đảng trong hệ thống chính trị vẫn còn một số hạn chế cần được hoàn thiện. Nghị quyết Đại hội ĐBTQ lần thứ XIII của Đảng chỉ rõ: “Phương thức lãnh đạo của Đảng đối với hệ thống chính trị còn chậm đổi mới, có mặt còn lúng túng. Cơ chế kiểm soát quyền lực trong Đảng và Nhà nước chưa đầy đủ, đồng bộ; hiệu lực, hiệu quả chưa cao”⁽¹⁾. Việc thể chế hóa, cụ thể hóa một số nghị quyết của Đảng còn chậm; tổ chức thực hiện vẫn là khâu yếu. Công tác tư tưởng còn có mặt hạn chế, thiếu kịp thời, tính thuyết phục chưa cao. Đấu tranh bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, phản bác các quan điểm sai trái, thù địch có lúc, có nơi còn bị động, thiếu sắc bén, tính chiến đấu chưa cao. Việc ban hành nghị quyết của một số cấp ủy,

tổ chức đảng chưa sát thực tiễn, thiếu tính khả thi; việc lãnh đạo, chỉ đạo, tổ chức thực hiện một số nghị quyết chưa nghiêm, hiệu quả thấp, chưa đạt yêu cầu đề ra. Tình trạng bao biện, làm thay hoặc buông lỏng vai trò lãnh đạo của cấp ủy, tổ chức đảng còn xảy ra ở một số nơi. Văn kiện Đại hội ĐBTQ lần thứ XIII của Đảng nhấn mạnh: “Một bộ phận cán bộ, đảng viên chưa tiên phong, gương mẫu; tình trạng suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức lối sống, biểu hiện “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” trong nội bộ vẫn còn diễn biến phức tạp”⁽²⁾.

Do vậy, việc tiếp tục đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng đối với hệ thống chính trị luôn được đặc biệt quan tâm. Nhằm bảo đảm sự lãnh đạo thống nhất của Đảng, đồng thời tôn trọng các nguyên tắc tổ chức và hoạt động, vai trò, tính tự chủ, năng động, sáng tạo của các tổ chức trong hệ thống chính trị, cần thực hiện tốt một số nội dung sau:

Một là, nâng cao bản lĩnh chính trị và năng lực lãnh đạo, năng lực cầm quyền của Đảng Cộng sản Việt Nam.

Đảng ta phải tiếp tục nâng cao năng lực lãnh đạo, năng lực cầm quyền; giữ vững bản chất giai cấp công nhân của Đảng; nâng cao lập trường, bản lĩnh chính trị, trí tuệ, tính chiến đấu của toàn Đảng và mỗi cán bộ, đảng viên, nhất là cán bộ lãnh đạo, quản lý, cán bộ cấp chiến lược. Tích cực đấu tranh, phản bác có hiệu quả quan điểm sai trái của các thế lực thù địch; thực hiện nghiêm các nguyên tắc, quy định; thực hành dân chủ gắn với tăng cường kỷ luật, kỷ cương. Đổi mới và nâng cao chất lượng công tác hoạch định đường lối, chủ trương của Đảng, đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước trong tình hình mới. Coi trọng

năng lực dự báo và ứng phó với các thách thức, diễn biến khó lường của tình hình khu vực và thế giới. Cần có các chủ trương, giải pháp cụ thể, bám sát và xuất phát từ thực tiễn, đánh giá tác động, bố trí nguồn lực và tổ chức thực hiện có hiệu quả. Nâng cao năng lực thể chế hóa, cụ thể hóa và tổ chức thực hiện các chủ trương, nghị quyết của Đảng; kiên quyết khắc phục những yếu kém, trì trệ, tình trạng né tránh trách nhiệm trong công tác lãnh đạo, điều hành và tổ chức thực hiện chủ trương, nghị quyết; kiểm tra, giám sát chặt chẽ, xác định rõ trách nhiệm tập thể và cá nhân.

Tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của Đảng và hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả, đồng bộ với đổi mới kinh tế, đáp ứng yêu cầu nâng cao năng lực lãnh đạo, cầm quyền của Đảng. Đó là sự lựa chọn duy nhất đúng và được thực tiễn kiểm nghiệm; kiên quyết giữ vững nguyên tắc lãnh đạo trong mọi điều kiện, hoàn cảnh và giữ gìn sự đoàn kết, thống nhất trong Đảng. Điều đó đòi hỏi mỗi cán bộ, đảng viên phải nhận thức đầy đủ và sâu sắc để thường xuyên có kế hoạch nghiên cứu học tập, nâng cao trình độ, tư duy lý luận, nhận thức để phân tích, tổng kết thực tiễn, năng lực đề ra quyết sách đúng và tổ chức thực hiện thắng lợi chủ trương, đường lối, của Đảng và chính sách, pháp luật của Nhà nước.

Hai là, thường xuyên đổi mới, phát huy vai trò lãnh đạo của Đảng, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức thành viên trong hệ thống chính trị.

Nghị quyết Đại hội ĐBTQ lần thứ XIII của Đảng yêu cầu: “Đổi mới mạnh mẽ phương thức lãnh đạo của Đảng theo hướng nâng cao

năng lực dự báo, tầm nhìn chiến lược trong hoạch định đường lối, chủ trương; đổi mới việc xây dựng, ban hành và nâng cao chất lượng các nghị quyết của Đảng; khắc phục tình trạng ban hành nghị quyết chưa sát thực tiễn, thiếu tính khả thi”⁽³⁾. Đảng cần đổi mới tư duy lý luận, nâng cao tầm nhận thức về vị thế cầm quyền, lãnh đạo; đổi mới, nâng cao chất lượng xây dựng, ban hành nghị quyết. Đồng thời, phải làm tốt công tác bảo vệ chính trị nội bộ, đảm bảo cho Đảng thực sự trong sạch, vững mạnh tiêu biểu về chính trị, tư tưởng, đạo đức, tổ chức và cán bộ. Đồng thời, không ngừng chỉnh đốn về tổ chức, lề lối làm việc... nghiêm túc nhìn nhận những ưu điểm để phát huy, khuyết điểm để khắc phục sửa chữa, góp phần củng cố niềm tin của Nhân dân đối với Đảng, xây dựng Đảng thật sự trong sạch, vững mạnh.

Phát huy vai trò của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội, đội ngũ cán bộ, đảng viên và của toàn thể Nhân dân; xây dựng Nhà nước thực sự là của Nhân dân, do Nhân dân và vì Nhân dân. Có sự phối hợp hiệu quả giữa cơ quan thực hiện các quyền lập pháp, hành pháp và tư pháp để hiện thực hóa mục tiêu, lý tưởng và thực hiện nội dung cầm quyền, lãnh đạo của Đảng. Tiếp tục nâng cao nhận thức, tạo sự thống nhất ý chí và hành động trong các cấp ủy, tổ chức đảng, nhất là người đứng đầu về đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy và tinh giản biên chế gắn với cơ cấu lại, nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức, nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động của hệ thống chính trị. Hoàn thiện mô hình tổ chức của hệ thống chính trị; xác định rõ hơn chức năng, nhiệm vụ và cơ chế hoạt động của các tổ chức trong hệ thống chính trị; quan tâm đổi mới hoạt động của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính

trị - xã hội để đáp ứng mục tiêu, yêu cầu, nhiệm vụ của thời kỳ phát triển mới.

Ba là, tăng cường xây dựng Đảng về tổ chức, thực hiện nghiêm nguyên tắc tập trung dân chủ, tự phê bình và phê bình.

Nghị quyết Đại hội ĐBTQ lần thứ XIII của Đảng nêu rõ: “Năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu của một số tổ chức cơ sở đảng còn thấp, nhất là việc tổ chức thực hiện nghị quyết và khả năng phát hiện, đề ra chủ trương, biện pháp lãnh đạo giải quyết các vấn đề phát sinh ở cơ sở”⁽⁴⁾. Do vậy, xây dựng tổ chức cơ sở đảng phải hướng vào nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động của tổ chức cơ sở đảng, nhất là ở cấp xã. Việc tập trung củng cố, nâng cao năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu của các tổ chức cơ sở đảng phải gắn với thực hiện đổi mới nội dung, hình thức, phương pháp hoạt động theo hướng vừa mở rộng dân chủ, vừa tăng cường kỷ cương, kỷ luật. Văn kiện Đại hội ĐBTQ lần thứ XIII của Đảng nhấn mạnh: “Thực hành và phát huy rộng rãi dân chủ xã hội chủ nghĩa, quyền làm chủ và vai trò chủ thể của nhân dân; củng cố, nâng cao niềm tin của nhân dân, tăng cường đồng thuận xã hội”⁽⁵⁾.

Khắc phục tính hình thức trong sinh hoạt đảng, bảo đảm sự lãnh đạo, tính giáo dục, tính chiến đấu và thực hành dân chủ của tổ chức cơ sở đảng. Từ đó, tạo chuyển biến về chất lượng hoạt động của các loại hình tổ chức cơ sở đảng, bảo đảm sự lãnh đạo toàn diện của Đảng trên mọi lĩnh vực để xây dựng và phát triển đất nước nhanh và bền vững. Cấp ủy các cấp trước hết cần đổi mới cách ra nghị quyết theo hướng ngắn gọn, rõ ràng, dễ hiểu, dễ triển khai thành chương trình hành động

cụ thể. Tăng cường công tác kiểm tra của cấp ủy cấp trên đối với cấp ủy cấp dưới, nhất là kiểm tra việc thực hiện quy chế, chương trình làm việc để kịp thời phát hiện, uốn nắn những thiếu sót trong thực hiện. Đồng thời, các cấp ủy cần chỉ đạo xây dựng các đề án, chương trình, kế hoạch, giải pháp cụ thể để tập trung xây dựng tổ chức cơ sở đảng trong sạch, vững mạnh.

Thực hiện nghiêm nguyên tắc tập trung dân chủ nhằm nâng cao tính tích cực và năng lực sáng tạo của đảng viên; bảo đảm tính kỷ luật tự giác của mỗi tổ chức đảng và đảng viên. Do đó, cần nhận thức thống nhất và có cơ chế cụ thể để thực hiện, kiên quyết đấu tranh với những tư tưởng và hành động sai trái. Các cấp ủy và tổ chức đảng cần bảo đảm thực hiện và phát huy đầy đủ quyền của đảng viên trong xây dựng quy chế, quy định để đảng viên tham gia trực tiếp vào quá trình hoạch định và tổ chức thực hiện đường lối, chủ trương của Đảng. Cán bộ lãnh đạo, trước hết là người đứng đầu cấp ủy đảng phải tôn trọng, lắng nghe những ý kiến của đảng viên, của cấp dưới, lắng nghe những ý kiến khác nhau trước khi quyết định.

Thực hiện dân chủ trong công tác cán bộ, đấu tranh với những khuynh hướng dân chủ hình thức hoặc dân chủ cực đoan muốn lợi dụng dân chủ để chia rẽ, bè phái, đả kích. Mọi cán bộ, đảng viên dù ở cương vị công tác nào đều phải thực hiện nghiêm kỷ luật, kỷ cương và chấp hành theo nghị quyết. Tập trung dân chủ phải gắn với phân công cá nhân phụ trách, phát huy tinh thần trách nhiệm và tính tiên phong gương mẫu của đội ngũ cán bộ, đảng viên. Bên cạnh đó, thực hiện nghiêm chế độ tự phê bình và phê bình, chăm lo củng cố sự đoàn kết

thống nhất trong Đảng, trên cơ sở nguyên tắc tổ chức và tình thương yêu đồng chí. Giải quyết dứt điểm tình trạng mất đoàn kết ở một số nơi; kiên quyết đấu tranh chống chủ nghĩa cá nhân, thực dụng, kèn cựa, lợi ích nhóm địa vị, cục bộ bản vị... xây dựng tình thương yêu đồng chí, đồng đội; tôn trọng, giúp đỡ lẫn nhau cùng tiến bộ vì sự nghiệp cách mạng.

Bốn là, xây dựng đội ngũ cán bộ có phẩm chất đạo đức, năng lực thực hiện nhiệm vụ.

Thường xuyên quan tâm chăm lo xây dựng, kiện toàn đội ngũ cán bộ, nhất là cán bộ cấp chiến lược có đủ phẩm chất đạo đức, năng lực và uy tín, ngang tầm yêu cầu nhiệm vụ. Phát huy vai trò tiên phong, gương mẫu của cán bộ, đảng viên, nhất là người đứng đầu cấp ủy, các cơ quan, đơn vị. Kiên quyết đấu tranh phòng, chống các biểu hiện chủ nghĩa cơ hội, xét lại, giáo điều, bảo thủ, bè phái, những biểu hiện suy thoái, “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa”. Coi trọng đánh giá chất lượng, hiệu quả, sản phẩm thực tế theo chức trách, nhiệm vụ được giao và đề cao trách nhiệm của người đứng đầu. Chú trọng cơ cấu hợp lý, quan tâm phát hiện, đào tạo, bồi dưỡng cán bộ trẻ, cán bộ nữ, cán bộ là người dân tộc thiểu số ở các cấp, nhất là ở cơ sở.

Đội ngũ cán bộ, đảng viên phải thực sự tiên phong, gương mẫu trước Nhân dân, nói đi đôi với làm, nói ít làm nhiều, “dám nghĩ, dám nói, dám làm, dám chịu trách nhiệm, dám đổi mới sáng tạo, dám đương đầu với khó khăn, thử thách, dám hành động vì lợi ích chung”⁽⁶⁾. Thực hiện tốt phương châm: “Dân biết, dân bàn, dân làm,

dân kiểm tra, dân giám sát, dân thụ hưởng” và nguyên tắc: “Việc gì có lợi cho dân phải hết sức làm, việc gì có hại cho dân phải hết sức tránh”⁽⁷⁾. Cần quản lý chặt chẽ cán bộ ngay từ cơ sở, phát hiện và xử lý kịp thời những hiện tượng vi phạm pháp luật và Điều lệ Đảng nhằm làm trong sạch nội bộ Đảng. Đồng thời, tiếp tục hoàn thiện cơ chế, chính sách tạo động lực cho cán bộ rèn luyện, phấn đấu hoàn thành tốt công việc; kiên quyết phòng, chống các biểu hiện bè phái, “lợi ích nhóm” trong công tác cán bộ. Công tác cán bộ là nhiệm vụ đặc biệt quan trọng trong giai đoạn cách mạng mới. Do đó, cần đổi mới phương pháp tiến hành công tác cán bộ theo hướng thật sự dân chủ trên cơ sở nắm vững quan điểm giai cấp, có chính sách đoàn kết tập hợp cán bộ để đào tạo, bồi dưỡng và thu hút, trọng dụng nhân tài của đất nước, tránh tình trạng chảy máu chất xám. Thực hiện trẻ hóa đội ngũ cán bộ, đồng thời bảo đảm tính liên tục, kế thừa và phát triển trong xây dựng đội ngũ cán bộ. Sử dụng, bố trí cán bộ đúng người, đúng việc, phù hợp với khả năng trình độ và sở trường. Có chính sách đãi ngộ hợp lý để đội ngũ cán bộ yên tâm công tác. Xử lý kiên quyết với những cán bộ vi phạm về phẩm chất đạo đức, lối sống, thoái hóa biến chất.

Từng bước đào tạo đội ngũ cán bộ đáp ứng nhiệm vụ cách mạng và tạo nguồn cán bộ kế cận lâu dài. Chú trọng thực hiện tốt công tác giáo dục chính trị, tư tưởng, rèn luyện phẩm chất đạo đức cách mạng, lối sống cho cán bộ, đảng viên. Xây dựng đội ngũ cán bộ, đảng viên có bản lĩnh chính trị vững vàng, thật sự tiên phong, gương mẫu, có trách nhiệm cao trong công việc, có trí tuệ, phẩm chất đạo đức cách

mạng, tinh thần đoàn kết, ý thức tổ chức kỷ luật cao và có năng lực để hoàn thành tốt nhiệm vụ, kiên định với mục tiêu, lý tưởng của Đảng. Các cấp ủy cần quan tâm hơn nữa đến công tác chính trị, tư tưởng, trang bị kịp thời những thông tin, định hướng cho cán bộ, đảng viên, nhất là trước tác động của những thông tin phức tạp, nhạy cảm, khiến dư luận quan tâm; quán triệt và cụ thể hóa thực hiện các chủ trương, chính sách bảo đảm nghiêm túc, phù hợp với tình hình thực tiễn mỗi cơ quan, đơn vị; đồng thời, thường xuyên rà soát, kiên quyết xử lý nghiêm những cán bộ, đảng viên vi phạm pháp luật và quy định của Đảng.

Thực tiễn qua 92 năm xây dựng, phát triển của Đảng Cộng sản Việt Nam, đã khẳng định, nhân tố có ý nghĩa quyết định thành công của sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa là không ngừng nâng cao năng lực cầm quyền, lãnh đạo và sự đổi mới, sáng tạo của Đảng trong hệ thống chính trị, nhằm thực hiện thắng lợi mục tiêu “dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh”[□]

Ghi chú:

(1) Đảng Cộng sản Việt Nam, *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII*, tập I, Nxb CTQG-ST H.2021, tr.93.

(2), (3), (4), (5), (6) Đảng Cộng sản Việt Nam, *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII*, tập II, Nxb CTQG-ST, H.2021, tr.223, tr.231, tr.235, tr.189, tr.243.

(7) Hồ Chí Minh, *Toàn tập*, tập 4, Nxb CCTQ-ST, H.2011, tr.51.

Nguồn: Tạp chí Tổ chức Nhà nước.- 2022.- Số 01.- Tr.57-60.

TIẾP TỤC ĐỔI MỚI CÔNG TÁC CÁN BỘ TRONG HỆ THỐNG CHÍNH TRỊ Ở VIỆT NAM

PGS, TS. TRẦN ĐÌNH THẮNG
Học viện Kỹ thuật quân sự, Bộ Quốc phòng

Ngày nhận bài: 01/7/2022 Ngày biên tập: 21/7/2022 Ngày duyệt đăng: 16/8/2022

Tóm tắt: Đổi mới, nâng cao chất lượng công tác cán bộ trong hệ thống chính trị bảo đảm tính khoa học và thiết thực, tăng cường kiểm tra, giám sát, kiểm soát quyền lực thực chất và hiệu quả; gắn với đổi mới, sắp xếp, cơ cấu, biên chế, tổ chức bộ máy tinh gọn, hiệu lực và hiệu quả là những vấn đề có tính cấp thiết và quan trọng góp phần xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa phù hợp với thực tiễn Việt Nam và xu hướng phát triển của thế giới.

Từ khóa: Công tác cán bộ; đổi mới; hệ thống chính trị.

Abstract: Renewing and enhancing the quality of personnel work in the political system in a scientific and realistic manner, strengthening examination, supervision and power control essentially and effectively together with renewing, restructuring the organizational apparatus in a lean, effective and efficient way that are necessary and significant issues to contribute to developing a socialist political system suitable with the reality in Vietnam and development trend in the world.

Keywords: Personnel Work; Renewal; Political System.

1. Đổi mới công tác cán bộ từ yêu cầu thực tiễn xây dựng và hoạt động của hệ thống chính trị, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc

Xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, phát triển đất nước độc lập, giàu mạnh, công bằng, dân chủ, văn minh, bền vững, Nhân dân được tự do, hạnh phúc luôn gắn liền với tổ chức bộ máy hệ thống chính trị tinh gọn, trong sạch, vững mạnh, với đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức ưu tú. Xây dựng hệ thống chính trị ngang tầm sứ mệnh phát triển đất nước theo con đường xã hội chủ nghĩa cần phải làm có tính hệ thống, đồng bộ, khoa học và hiệu quả nhiều nội dung công việc, với hình thức, phương thức, cách làm sáng tạo, phù hợp; trong đó công tác tổ chức, cán bộ là vấn đề “then chốt của then chốt”, nhằm thiết thực xây dựng đội ngũ cán bộ các cấp, nhất là cấp chiến lược và người đứng đầu, đủ phẩm chất, năng lực, uy tín, ngang tầm nhiệm vụ. Đảng ta đánh giá: “Đội ngũ cán bộ các cấp có lý tưởng cách mạng, có bản lĩnh chính trị vững vàng, đạo đức trong sáng, hết lòng phụng sự Tổ quốc, phục vụ nhân dân, có năng lực, trình độ đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ... thật sự chuyên nghiệp... gắn bó mật thiết với nhân dân, được nhân dân tín nhiệm”⁽¹⁾.

Nghị quyết Đại hội XIII của Đảng nêu rõ: “Công tác cán bộ có nhiều đổi mới, được tập trung lãnh đạo, chỉ đạo toàn diện, đồng bộ và đạt một số kết quả quan trọng; về tổng thể, đội ngũ cán bộ các cấp đáp ứng ngày càng tốt hơn yêu cầu, nhiệm vụ trong tình hình mới”⁽²⁾. Đặc biệt, quyết liệt triển khai thực hiện nhiều biện pháp phòng, chống

tham nhũng, tiêu cực, lãng phí, tệ “chạy chức, chạy quyền”; ngăn chặn, đẩy lùi tình trạng suy thoái “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa”; quan tâm nhiều hơn đến công tác bảo vệ chính trị nội bộ; cải cách tổ chức bộ máy hệ thống chính trị gắn với đổi mới công tác cán bộ, góp phần quan trọng thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh của đất nước.

Tuy nhiên, trước yêu cầu xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, phát triển đất nước thời kỳ mới, công tác cán bộ còn tồn tại những bất cập, hạn chế: “Việc thể chế hóa, cụ thể hóa chủ trương của Đảng về một số nội dung trong công tác cán bộ còn chậm, còn một số nội dung chưa thống nhất giữa pháp luật của Nhà nước với quy định của Đảng. Đánh giá cán bộ vẫn là khâu yếu... Việc bổ nhiệm, giới thiệu cán bộ ứng cử có nơi chưa bảo đảm tiêu chuẩn, điều kiện, quy trình... Chính sách cán bộ chưa thực sự tạo động lực để cán bộ toàn tâm, toàn ý với công việc. Năng lực của đội ngũ cán bộ chưa đồng đều; nhiều cán bộ thiếu tính chuyên nghiệp”⁽³⁾.

Chỉ tính riêng kết quả rà soát về công tác quy hoạch, luân chuyển cán bộ lãnh đạo, quản lý cho thấy: “Cả nước có 55.697/2.169.908 trường hợp thiếu tiêu chuẩn, điều kiện, chiếm 2,56% so với tổng số được rà soát và 2.827/2.169.908 trường hợp sai về quy trình, thủ tục, chiếm 0,13% so với tổng số được rà soát”⁽⁴⁾... “Một bộ phận cán bộ, đảng viên, trong đó có cả cán bộ lãnh đạo, quản lý nhận thức chưa đầy đủ tính chất, tầm quan trọng của công tác xây dựng, chỉnh đốn Đảng; chưa nêu cao tinh thần trách nhiệm, thiếu gương mẫu, phai nhạt lý tưởng, giảm sút ý chí, sa vào chủ nghĩa cá nhân, nói chưa đi

đôi với làm, vi phạm kỷ luật đảng, vi phạm pháp luật... Cơ chế kiểm soát quyền lực và chế tài xử lý vi phạm ở nhiều lĩnh vực chưa có hoặc có nhưng chưa cụ thể, hiệu quả thực thi thấp”⁽⁵⁾. Thực tế đã đặt ra yêu cầu cao, cấp thiết và lâu dài về tiếp tục đổi mới công tác cán bộ toàn diện, đồng bộ, quyết liệt và hiệu quả hơn để xây dựng hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh, hoạt động hiệu lực, hiệu quả, thúc đẩy phát triển đất nước bền vững.

2. Đổi mới công tác cán bộ bảo đảm tính khoa học, phù hợp, thiết thực và hiệu quả

Tiếp tục đổi mới và nâng cao chất lượng công tác đánh giá cán bộ “theo hướng xuyên suốt, liên tục, đa chiều, có tiêu chí và thông qua sản phẩm cụ thể; gắn đánh giá cá nhân với tập thể, với kết quả thực hiện nhiệm vụ của địa phương, cơ quan, đơn vị”⁽⁶⁾. Đánh giá cán bộ được kết hợp trong trạng thái “động” và “tĩnh”, nhưng coi trọng đánh giá trong trạng thái “động”, biến đổi, trong môi trường, hoàn cảnh, điều kiện có nhiều khó khăn, phức tạp, gắn với động cơ chính trị, nghề nghiệp, tinh thần cầu thị, khả năng khắc phục hạn chế, yếu kém, khả năng thích ứng với cái mới, xu thế phát triển của tình hình nhiệm vụ. Đánh giá đúng, quản lý, sử dụng hiệu quả cán bộ, kịp thời tôn vinh, nhân rộng, phát triển cán bộ tốt, lựa chọn cán bộ có đức, có tài trong quy hoạch đội ngũ lãnh đạo, quản lý; đồng thời phân loại được cán bộ hạn chế, yếu kém, “kịp thời miễn nhiệm, cho từ chức, thay thế cán bộ năng lực hạn chế, uy tín thấp, mắc sai phạm mà không chờ hết nhiệm kỳ, hết thời hạn bổ nhiệm”⁽⁷⁾.

Kết hợp nhiều hình thức để quy tụ được những người “hiền tài”

làm việc trong hệ thống chính trị theo hướng “đổi mới mạnh mẽ cơ chế phát hiện, lựa chọn, thu hút, trọng dụng nhân tài và cơ chế đánh giá cán bộ. Mở rộng việc thi tuyển cán bộ lãnh đạo, quản lý cấp vụ, sở, phòng trong hệ thống chính trị”⁽⁸⁾; “thu hút và khuyến khích cán bộ làm việc trong các cơ quan, lĩnh vực, địa bàn đặc thù, phức tạp, trọng yếu”⁽⁹⁾. Có cơ chế phát hiện, tuyển chọn, quy hoạch, xây dựng nguồn nhân tài, được kết hợp hài hòa giữa chăm lo, nuôi dưỡng từ phía tổ chức, tập thể với khuyến khích, phát huy trách nhiệm tự giác tu dưỡng, học tập, rèn luyện của cá nhân; kết hợp thi tuyển “cạnh tranh”, sát hạch trực tiếp, kiểm tra định kỳ, đột xuất; đánh giá thành tựu, công trạng công hiến thực tế; áp dụng chính sách thu hút và trọng dụng, đào tạo, bồi dưỡng, tạo điều kiện, môi trường công tác, xây dựng tinh thần trách nhiệm, say mê nghề nghiệp, công việc, ý thức tổ chức kỷ luật, đạo đức công vụ...

Đổi mới, nâng cao hiệu quả công tác quy hoạch, luân chuyển cán bộ theo hướng chủ động, kế thừa, ổn định, phát triển, cân đối, hợp lý số lượng, chất lượng và cơ cấu. Đảng ta chỉ rõ: “Luân chuyển phải phù hợp với chức danh quy hoạch; bảo đảm cân đối, hài hòa giữa luân chuyển cán bộ với phát triển nguồn cán bộ tại chỗ, luân chuyển ngang và dọc, luân chuyển cán bộ Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội sang các lĩnh vực khác và ngược lại; tăng cường cán bộ có bản lĩnh, trình độ, năng lực cho địa bàn trọng điểm, lĩnh vực khó khăn, phức tạp; khắc phục tình trạng khép kín trong công tác cán bộ”⁽¹⁰⁾. Công tác đào tạo, bồi dưỡng gắn với vị trí việc làm, chức danh, chức vụ, phục vụ cho công tác quy hoạch chuyển tiếp liên tục các lớp kế

cận giữa các thế hệ cán bộ, đáp ứng yêu cầu hiện tại và lâu dài, cho mọi yêu cầu nhiệm vụ cách mạng. Nghị quyết Hội nghị Trung ương lần thứ tư khóa XIII nhấn mạnh: “Quan tâm xây dựng đội ngũ cán bộ khoa học, cán bộ nữ, cán bộ trẻ, cán bộ dân tộc thiểu số, cán bộ quản lý doanh nghiệp nhà nước”⁽¹¹⁾.

3. Đổi mới công tác cán bộ gắn với đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy hệ thống chính trị tinh gọn, hiệu lực, hiệu quả

Nghị quyết Đại hội XIII của Đảng nêu rõ: “Tập trung xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức có đủ phẩm chất, năng lực, uy tín, phục vụ nhân dân và sự phát triển của đất nước”⁽¹²⁾ là một trong những nội dung căn bản, quyết định đến hiệu quả công tác sắp xếp cơ cấu tổ chức, biên chế và nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động của cả hệ thống chính trị. Đảng ta yêu cầu: “Công tác cán bộ gắn với thực hiện chủ trương của Đảng về tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị, giữ vững vị thế cầm quyền và bảo đảm vai trò lãnh đạo trực tiếp, toàn diện của Đảng, hiệu lực, hiệu quả hoạt động của Nhà nước, đổi mới nội dung, phương thức và nâng cao chất lượng hoạt động của Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội”⁽¹³⁾. Từng khâu, từng nội dung, quy trình của công tác cán bộ gắn với từng nội dung cải cách hành chính, tổ chức bộ máy, phù hợp từng hoàn cảnh, lĩnh vực, đặc điểm chức năng, nhiệm vụ, bảo đảm cho hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả.

Tập trung đột phá đổi mới công tác cán bộ những khâu, những việc làm mới, khó khăn, phức tạp, trọng yếu, hoặc còn nhiều hạn chế,

yếu kém như tiêu chí, tiêu chuẩn, chức danh, cơ chế, thể chế, đánh giá cán bộ, luân chuyển, kiểm soát quyền lực, chống tiêu cực, “chạy chức, chạy quyền”, suy thoái, tham nhũng, lãng phí, thu hút và quản lý, sử dụng hiệu quả nhân tài... Tiếp tục rà soát, bổ sung, sửa đổi, hoàn thiện hệ thống thể chế, pháp luật; đổi mới công tác cán bộ gắn với đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy đồng bộ, liên thông giữa bộ máy của Đảng với bộ máy nhà nước, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội. Đổi mới công tác cán bộ gắn với đổi mới công tác tổ chức, chính sách, khắc phục sự chồng chéo chức năng, nhiệm vụ, sự bất hợp lý trong tổ chức bộ máy; đẩy mạnh tinh giản biên chế, tổ chức bộ máy gắn với quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng, cơ cấu lại đội ngũ cán bộ, nhân sự; xây dựng đội ngũ cán bộ gắn với xây dựng đội ngũ đảng viên.

Nghị quyết Đại hội XIII của Đảng nhấn mạnh: “Phát hiện, quy hoạch, bồi dưỡng, phát huy vai trò của những đảng viên ưu tú, có triển vọng, chuẩn bị nguồn cán bộ chủ chốt các cấp”⁽¹⁴⁾. Xây dựng đội ngũ cán bộ thực sự đủ phẩm chất, năng lực; nhất thể hóa một số vị trí, nhất là kiện toàn các vị trí chủ chốt, trọng yếu theo chủ trương: “Bí thư cấp ủy đồng thời là thủ trưởng của cơ quan, đơn vị; cơ bản thực hiện mô hình bí thư cấp ủy đồng thời là chủ tịch hội đồng nhân dân; bí thư cấp ủy đồng thời là chủ tịch ủy ban nhân dân ở những nơi đủ điều kiện; bí thư chi bộ đồng thời là trưởng thôn, tổ trưởng tổ dân phố hoặc trưởng ban công tác mặt trận”⁽¹⁵⁾.

Đổi mới công tác cán bộ vừa giữ vững, tăng cường vai trò lãnh đạo, chỉ đạo của các cấp ủy đảng, chính quyền, vừa phát huy vai trò của người đứng đầu, vừa bảo đảm sự thống nhất thể chế của Trung

ương và tính tự chủ, tự chịu trách nhiệm, năng động, sáng tạo, tính đặc thù của từng cấp, từng ngành, địa phương, cơ sở. Nghị quyết Hội nghị Trung ương lần thứ tư khóa XIII nêu rõ: “Thực hiện thí điểm một số chủ trương như: người đứng đầu lựa chọn, giới thiệu cán bộ trong quy hoạch để thực hiện quy trình bầu cử, bổ nhiệm cấp phó của mình, bí thư cấp ủy giới thiệu để bầu ủy viên ban thường vụ và chịu trách nhiệm về việc giới thiệu của mình; giao quyền cho người đứng đầu bổ nhiệm cán bộ trong quy hoạch, miễn nhiệm đối với cấp trưởng cấp dưới trực tiếp và chịu trách nhiệm về quyết định của mình”⁽¹⁶⁾.

4. Thực hiện hiệu quả công tác kiểm tra, giám sát, kiểm soát quyền lực trong công tác cán bộ

Việc kiểm tra, giám sát, kiểm soát quyền lực trong công tác cán bộ cần gắn với kiểm tra, giám sát, kiểm soát quyền lực trong các lĩnh vực, hoạt động để phát sinh tham nhũng, lãng phí, tiêu cực. Kiểm gia, giám sát, kiểm soát quyền lực, phòng, chống tiêu cực trong công tác cán bộ cần thực hiện đồng bộ, toàn diện nội dung, biện pháp, vừa xây dựng vừa phòng chống, xây dựng là cốt yếu, chiến lược; kết hợp giáo dục, thuyết phục với các biện pháp hành chính, chính trị, kinh tế, pháp chế, kỷ luật, kỷ cương, dư luận xã hội. Đổi mới công tác giáo dục chính trị tư tưởng, đạo đức, lối sống gắn với tăng cường việc nêu gương của cán bộ lãnh đạo, quản lý, nhất là người đứng đầu tổ chức, làm cho mỗi cán bộ, đảng viên luôn tu dưỡng bản lĩnh, phẩm chất, năng lực, đạo đức, lối sống, thích ứng trong mọi hoàn cảnh khó khăn, thách thức; phòng chống được tác động tiêu cực, sự cám dỗ của vật

chất, danh vọng... Đảng ta yêu cầu: “Bảo đảm nguyên tắc Đảng thống nhất lãnh đạo công tác cán bộ và quản lý đội ngũ cán bộ, quán triệt sâu sắc vai trò của công tác cán bộ là “then chốt của then chốt”, có ý nghĩa quyết định mọi thành công của cách mạng nước ta cả trước mắt và lâu dài”⁽¹⁷⁾. Đồng thời, cần “tăng cường kiểm soát quyền lực trong công tác cán bộ một cách thực chất và hiệu quả; bảo đảm đúng quy định, quy trình, công tâm, khách quan, chặt chẽ, thận trọng trong từng khâu của công tác cán bộ; không để lọt người không đủ tiêu chuẩn, điều kiện, có biểu hiện cơ hội chính trị, tham vọng quyền lực vào đội ngũ cán bộ lãnh đạo, quản lý các cấp”⁽¹⁸⁾.

Đẩy mạnh rà soát, sửa đổi, bổ sung các quy định về công tác cán bộ theo hướng quy định rõ trách nhiệm lãnh đạo, chỉ đạo, tự kiểm tra, giám sát, kiểm soát của các cấp ủy đảng, chính quyền Trung ương, địa phương, người đứng đầu đối với công tác cán bộ. Quy định rõ thẩm quyền, trách nhiệm của tập thể, cá nhân gắn với thực hiện đầy đủ điều kiện, quy trình trong công tác cán bộ một cách dân chủ, khách quan, công khai, minh bạch. Đảng ta nhấn mạnh quan điểm: “Kiểm soát chặt chẽ quyền lực trong từng khâu của công tác cán bộ, nhất là đối với người đứng đầu cấp ủy đồng thời là thủ trưởng cơ quan, đơn vị, chủ tịch ủy ban nhân dân. Giữ vững kỷ luật, kỷ cương, tăng cường kiểm tra, giám sát, chống chạy chức, chạy quyền”⁽¹⁹⁾. Kiểm tra, giám sát, kiểm soát quyền lực, chống “chạy chức, chạy quyền” trong công tác cán bộ cần thực hiện một cách kiên trì, kiên quyết, đồng bộ đối với cấp ủy, tổ chức đảng, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc, đoàn thể, người đứng đầu tổ chức, cơ quan, cán bộ trực tiếp tham mưu đề xuất làm

công tác cán bộ.

Phát huy dân chủ, sức mạnh tổng hợp của cá nhân, tổ chức, lực lượng đề phòng, chống tiêu cực, suy thoái, tha hóa trong công tác cán bộ. Các cấp ủy đảng, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc, cơ quan, đoàn thể, cán bộ, đảng viên có trách nhiệm phát hiện và lắng nghe ý kiến phản ánh, tố cáo, cung cấp thông tin về tiêu cực, sai phạm, khuyết điểm trong công tác cán bộ. Đảng ta nhấn mạnh: “Xử lý nghiêm minh, đồng bộ giữa kỷ luật của Đảng với kỷ luật của Nhà nước và xử lý bằng pháp luật đối với cán bộ vi phạm, kể cả khi đã chuyển công tác hoặc nghỉ hưu”⁽²⁰⁾, đồng thời có chính sách biểu dương, khen thưởng xứng đáng đối với cá nhân, tổ chức có sáng kiến, việc làm tốt, tích cực phòng, chống tiêu cực trong công tác cán bộ. Chú trọng đổi mới chế độ, chính sách đãi ngộ, tiền lương... bảo đảm các điều kiện thiết yếu cho hoạt động công vụ, cho cuộc sống của cá nhân và gia đình cán bộ, đảng viên□

(1), (5), (6), (7), (9), (10), (11), (13), (16), (17), (18) Đảng Cộng sản Việt Nam, *Văn kiện Hội nghị lần thứ tư Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII*, Nxb CTQG-ST, H.2021, tr.96-97, tr.89, tr.98, tr.98, tr.100, tr.99, tr.97, tr.96, tr.98, tr.96, tr.97.

(2), (3), (4), (8), (15), (19), (20) Đảng Cộng sản Việt Nam, *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII*, tập II, Nxb CTQG-ST, H.2021, tr.190-191, tr.196, tr.194, tr.244, tr.241, tr.243, tr.243-244.

(12), (14) Đảng Cộng sản Việt Nam, *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII*, tập I, Nxb CTQG-ST, H.2021, tr.178, tr.186.

Nguồn: Tạp chí Tổ chức Nhà nước.- 2022.- Số 8.- Tr.62-65.